

"Nhịp điệu dồn dập, các nhân vật được khắc họa rõ nét, ngôn ngữ giàu chất điện ảnh."
- LIRE

VANGO

TIMOTHÉE DE FOMBELLE

Tác giả TOBIE LOLNESS



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

vctvegroup

Timothée de Fombelle

Giữa trời và đất

• **Entre ciel et terre (Vango, #1)** •

Người dịch: Hà Thảo

Phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản Hà Nội 2011

“Tôi đã chằng những sợi dây từ tháp chuông này sang tháp chuông khác; những tràng hoa từ ô cửa sổ này sang ô cửa sổ kia; những sợi vàng từ ngôi sao này tới ngôi sao khác, và tôi nhảy múa.”

Arthur Rimbaud

PHẦN MỘT

1 CON ĐƯỜNG CỦA NHỮNG THIÊN THẦN

Paris, tháng Tư năm 1934

Bốn mươi con người trong trang phục trắng nằm rạp trên mặt đường.

Người ta ngỡ như thấy một cánh đồng tuyết. Lũ chim nhạn sà lên những thân hình ấy, kêu rin rít. Hàng ngàn người chứng kiến cảnh tượng này. Nhà thờ Đức Bà Paris in bóng lên đám đông tụ tập.

Bỗng nhiên, xung quanh, thành phố dường như trở nên trầm lặng.

Vango tì trán lên đá. Cậu lắng nghe hơi thở của chính mình. Cậu nghĩ đến cuộc đời đã đưa cậu đến đây. Lần đầu tiên, cậu không sợ hãi.

Cậu nghĩ đến biển, đến làn gió mặn chát, đến vài giọng nói, khuôn mặt, đến những dòng nước mắt nóng hổi của người đã nuôi nấng cậu.

Lúc này, mưa đang rơi trên sân trước nhà thờ nhưng Vango vẫn không hay biết gì. Nằm rạp trên đất giữa đám bạn đồng hành, cậu không nhìn những chiếc ô đang lần lượt xòe ra.

Vango không thấy đám đông dân chúng Paris đang tụ tập, không thấy những gia đình xúng xính quần áo đẹp, không thấy thái độ sùng kính của mấy bà lão, không thấy lũ trẻ luồn chân người lớn chơi đùa, không thấy bọn chim bồ câu chờ đợi, không thấy lũ nhạn nhảy nhót, không thấy những kẻ hiếu kỳ đứng trên xe ngựa, và không hề thấy đôi mắt xanh, ở đó, phía bên cạnh, đang chỉ nhìn mỗi cậu.

Đôi mắt xanh ngấn lệ, giấu dưới lớp mạng găng mũ.

Vango, mắt vẫn nhắm. Cậu đã tròn hai mươi tuổi đầu. Đây là ngày trọng đại của cuộc đời cậu. Một niềm hạnh phúc lớn lao đang dâng trào từ đáy lòng cậu.

Lát nữa thôi, cậu sẽ trở thành linh mục.

- Một sự điên rồ ngọt ngào!

Người gác chuông nhà thờ Đức Bà, ở trên cao, lẩm bẩm khi liếc mắt về phía quảng trường. Ông đợi. Ông đã mời Clara bé nhỏ đến ăn trứng chần nước sôi trong tháp chuông của mình.

Ông biết cô ấy sẽ không đến, như tất cả những người phụ nữ khác. Và, dưới quả chuông khổng lồ, khi nước đang réo rắt trong xoong, người gác chuông nhìn những con người trẻ tuổi sắp được phong làm linh mục kia. Còn vài phút nữa, họ vẫn nằm rạp dưới đất trước khi đi tu mãi mãi. Lúc này, ở trên cao, cách đám đông năm mươi mét, không phải khoảng không làm Simon, người gác chuông, chóng mặt, mà chính là những mảnh đời nằm rạp dưới đất kia, dâng hiến, sắp dẫn thân vào thế giới xa lạ.

- Điên rồ, ông nhắc lại. Điên rồ!

Ông ra dấu chữ thập, như thường lệ và quay lại với những quả trứng của mình.

Đôi mắt xanh vẫn không rời Vango.

Đó là một cô gái trẻ chừng mười sáu, mười bảy tuổi, mặc chiếc áo măng tô hung màu tro. Bàn tay cô lục tìm trong túi rồi lại rút ra mà không thấy chiếc khăn mùi soa. Mu bàn tay trắng trẻo ấy rón rén dưới lớp voan, lau nước mắt trên má. Mưa bắt đầu thấm qua lớp áo măng tô.

Cô gái rùng mình đảo mắt sang phía bên kia sân trước nhà thờ.

Một gã đàn ông bất ngờ quay đầu lại. Hắn nhìn cô chăm chăm. Cô chắc chắn điều đó. Đây là lần thứ hai cô nhận ra hắn trong buổi sáng hôm nay, nhưng cô biết, từ rất xa xôi trong ký ức, cô đã gặp hắn ở đâu đó. Mặt trắng như sáp, tóc bạc, ria mép thưa thớt và gọng kính nhỏ bằng dây sắt. Cô đã gặp hắn ở đâu vậy nhỉ?

Âm thanh lớn của bộ đàn ống đưa cô trở lại với Vango.

Giờ phút trọng đại đã đến. Vị hồng y già đứng dậy và đi xuống phía những người vận đồ trắng. Ông gạt cái ô mà người ta giờ ra để che cho ông, ông gạt cả những bàn tay muốn đỡ ông bước xuống bậc thềm.

- Cứ để mặc ta!

Ông nắm cây trượng tổng giám mục nặng trĩu của mình và mỗi bước đi của ông như thể một điều kỳ diệu.

Vị hồng y đã già và yếu. Buổi sáng hôm đó, Esquirol, bác sĩ của hồng y, không cho phép ông tổ chức buổi lễ. Hồng y mỉm cười đuổi hết mọi người ra, rồi ông dậy, ra khỏi giường để mặc quần áo. Lúc chỉ còn một mình, ông mới cho phép mình rên rỉ mỗi khi cử động. Còn ở chỗ đông người, ông là một khối đá.

Lúc này, ông đang bước xuống bậc, dưới trời mưa.

Hai tiếng trước, khi thấy những đám mây đen lớn dần, mọi người nài nỉ ông nên tổ chức buổi lễ bên trong nhà thờ. Lại một lần nữa,

ông không nghe. Ông muốn buổi lễ diễn ra bên ngoài, trước thế giới mà những người trẻ tuổi kia sẽ sống trọn cả cuộc đời mình.

- Nếu họ sợ bị cảm, họ nên chọn cái nghiệp khác. Họ sẽ lại gặp những cơn bão khác mà thôi.

Đến bậc cuối cùng, vị hồng y dừng lại.

Ông là người đầu tiên nhận thấy sự nhốn nháo trên quảng trường.

Phía trên, Simon, người gác chuông, chẳng mảy may nghi ngờ gì. Ông quăng trứng vào nước và bắt đầu đếm.

Ai có thể nói được điều gì sẽ xảy ra trong thời gian vừa đủ để chần một quả trứng cơ chứ?

Ba phút để làm thay đổi một số phận.

Trong khi nước đang sôi lại, tiếng rì rầm như tiếng nước suối từ những hàng sau cùng bắt đầu lan ra cả đám đông. Cô gái trẻ lại rùng mình. Xảy ra chuyện gì trong sân trước nhà thờ rồi. Vị hồng y ngẩng đầu lên.

Khoảng hai chục người đang rẽ lối đi giữa đám đông. Tiếng xì xào to hơn. Người ta nghe thấy cả những tiếng kêu la.

- Để họ đi qua!

Bốn mươi tu sĩ không hề động đậy. Chỉ riêng Vango quay đầu sang một bên, áp má và tai lên đất giống như chàng chiến binh Apache đang nghe ngóng. Cậu nhìn thấy những bóng người đang di chuyển sau hàng đầu tiên.

Tiếng xì xào rõ hơn.

- Chuyện gì xảy ra vậy nhỉ?

- Tránh ra nào!

Dân chúng hoài nghi. Hai tháng trước, những vụ bạo động tại quảng trường Concorde đã gây ra chết chóc và làm hàng trăm người bị thương.

- Cảnh sát đấy..., một phụ nữ kêu lên để trấn an đám đông.

Họ đang tìm ai đó. Những con chien cố gắng dập tắt tiếng ồn ào.

- Suyt... Có im đi không nào.

Năm mươi chín giây.

Dưới tháp chuông, Simon vẫn đếm. Ông nghĩ đến Clara bé nhỏ, cô ấy hứa là sẽ đến mà. Ông nhìn bộ đồ ăn cho hai người được bày trên cái hòm. Ông nghe thấy tiếng réo rắt từ chiếc xoong trên bếp.

Một tu sĩ vận áo dài trắng tiến lại gần hồng y và thì thầm vào tai ông. Ngay phía sau họ, một người đàn ông thấp, béo cầm mũ trên tay. Đó là cảnh sát trưởng Boulard. Người ta nhận ra mí mắt cháy xệ như mắt của một con chó già nua, cái mũi đánh hơi, hai gò má hồng và nhất là hai đồng tử sáng rực lạnh lẽo của ông. Auguste Boulard. Điềm tĩnh, dưới cơn mưa rào tháng Tư, ông đang rình từng cử động nhỏ nhất của đám người trẻ tuổi nằm rạp trên đất kia.

Một phút hai mươi giây.

Chính lúc đó, một người trong số họ đứng dậy. Cậu không quá cao lớn. Chiếc áo dài nặng trĩu nước mưa. Khuôn mặt đầm đìa nước. Cậu quay một vòng tại chỗ giữa những cơ thể không hề nhúc nhích. Từ mọi phía, cảnh sát mặc thường phục xô ra khỏi hàng và tiến một bước về phía cậu. Cậu thanh niên nắm hai tay, rồi lại thả ra. Trong mắt cậu, dường như gói trọn tất cả mây đen trên trời.

Cảnh sát trưởng hô to:

- Vango Romano?

Chàng trai nghiêng đầu.

Trong đám đông, ở một chỗ nào đó, đôi mắt xanh đang đảo tứ phía, giống như mấy con bướm bị mắc lưới. Người ta muốn gì ở Vango chứ?

Rồi Vango bắt đầu chuyển động. Cậu bước qua những người bạn và tiến về phía cảnh sát trưởng. Đám cảnh sát tiến dần lại.

Vừa bước, Vango vừa cởi lớp khoác màu trắng khỏi chiếc áo dài và xuất hiện trong bộ đồ đen. Cậu dừng lại trước mặt hồng y, quỳ gối.

- Hãy tha thứ cho con, thưa cha.

- Con đã làm gì vậy, Vango?

- Con không biết, thưa cha, xin cha hãy tin con. Con không biết mà.

Một phút năm mươi giây.

Vị hồng y già bám chặt tay vào cây trượng. Ông tì cả người lên đó, cánh tay và vai quần lấy thân gỗ nạm vàng, tựa như dây thừng xuyên quần lấy thân cây vậy. Ông buồn bã nhìn xung quanh. Ông thuộc tên từng người trong số bốn mươi con người trẻ tuổi này.

- Cha tin con, đứa con bé bỏng của ta, nhưng ta sợ ở đây chỉ có mỗi mình ta thôi.

- Thế đã là nhiều rồi, nếu cha thật sự tin con.

- Không đủ đâu con, vị hồng y thì thâm.

Hồng y nói đúng. Boulard và quân của ông ta chỉ còn cách có vài bước.

- Hãy tha thứ cho con, Vango van nài một lần nữa.

- Con muốn ta tha thứ gì đây, trong khi con chẳng gây ra chuyện gì?

Khi cảnh sát trưởng Boulard, ở ngay đằng sau, đặt tay lên vai cậu, Vango trả lời hồng y:

- Đây là những gì mà con muốn cha tha thứ...

Và, bằng bàn tay rắn chắc, cậu tóm tay cảnh sát trưởng, đứng dậy bẻ quặt cánh tay ông ra sau lưng. Cậu ném ông về phía một nhân viên cảnh sát.

Bằng vài bước nhảy, Vango thoát khỏi hai cảnh sát đang lao về phía cậu. Viên cảnh sát thứ ba giờ súng lên.

- Đừng bắn, Boulard hét, vẫn nằm trên đất.

Tiếng hét lớn làm đám đông trở nên hỗn loạn, nhưng chỉ cần giờ lòng bàn tay lên, hồng y khiến đám đông im bật.

Vango vượt lên mấy bậc thềm. Đám lễ sinh vừa hét vừa chạy toán loạn khi cậu đi qua. Toán cảnh sát ngỡ như đang băng qua một sân trường. Mỗi bước chân, họ lại vấp phải một đứa trẻ hoặc bị một cái đầu tóc vàng húc vào bụng. Boulard gào lên với hồng y:

- Cha nói chúng xếp thành hàng đi chứ! Bọn này nghe lời ai đây?

Hồng y chỉ ngón tay lên trời, thích thú.

- Chỉ Chúa thôi, thưa ngài cảnh sát trưởng.

Hai phút ba mươi giây.

Vango đã đến trước cửa chính nhà thờ. Cậu trông thấy một người phụ nữ thấp, hơi đậm người, da xanh xao, biến mất sau cánh cửa và đóng lại. Cậu lao vào cánh cửa gỗ.

Phía trong, then đã cài.

- Mở cửa ra đi! Vango kêu to. Mở cho tôi!

Một giọng nói run run trả lời cậu:

- Tôi biết mình không được làm thế. Tôi xin lỗi. Tôi chẳng muốn làm điều gì không tốt. Chính người đánh chuông đã hẹn tôi mà.

Phía sau cánh cửa, người phụ nữ khóc.

- Mở cửa ra đi, Vango nhắc lại. Tôi thậm chí chẳng biết chị đang nói gì nữa. Tôi chỉ nhờ chị mở cửa thôi mà.

- Ông ấy có vẻ tốt bụng... Tôi xin cậu. Tôi tên là Clara. Tôi không phải là người hư hỏng đâu.

Vango nghe thấy tiếng cảnh sát ở đằng sau. Cậu cảm thấy đôi chân mình mềm nhũn.

- Chị ơi, tôi không trách gì chị đâu. Tôi chỉ cần chị giúp thôi mà. Mở cửa cho tôi đi.

- Không... Tôi không thể... Tôi sợ.

Vango quay người lại.

Mười người đàn ông đã đứng đó, thành hình vòng cung quanh cánh cửa chạm trổ.

- Không được nhúc nhích, một người trong số họ nói.

Vango tựa lưng sát cánh cửa ánh đồng. Cậu thì thầm:

- Bây giờ thì, chị ơi, muộn quá rồi. Đừng có mở cửa nữa đấy. Đừng mở, dù với bất kỳ lý do gì. Tôi sẽ đi đường khác.

Cậu tiến một bước về phía đám người đó, rồi quay lại và ngược mắt lên. Đó là cánh cửa Phán Quyết. Cậu biết nó quá rõ. Một viền đá chạm trổ quanh cánh cửa. Bên phải, là những kẻ bị đày xuống địa ngục. Bên trái, là thiên đường và những thiên thần.

Vango thích con đường của những thiên thần hơn.

Lúc này, cảnh sát trưởng Boulard đã đến nơi. Ông suýt ngất xỉu khi chứng kiến những gì đang diễn ra.

Trong vòng chưa đầy một giây, Vango Romano đã leo qua những hàng tượng đầu tiên. Cậu cách mặt đất năm mét.

Ba phút.

Simon, người gác chuông, chẳng nhìn thấy gì, đang lấy muôi vớt trứng ra.

Dường như Vango không trèo, mà đang từ từ trườn trên bức tường mặt tiền nhà thờ. Ngón tay bám chặt vào những hình chạm nổi nhỏ nhất. Tay và chân cậu di chuyển dễ dàng. Như thể cậu đang bơi theo chiều thẳng đứng.

Đám đông nhìn cậu, miệng há hốc. Một phụ nữ ngất xỉu và ngã lảo đảo như một mảnh vải.

Dưới chân bức tường, đám cảnh sát đang nháo nhác tứ phía. Cảnh sát trưởng sững sờ.

Phát súng đầu tiên vang lên. Boulard lấy được chút hơi để quát:

- Dừng lại! Tôi đã nói các anh không được bắn cơ mà.

Nhưng có viên cảnh sát nào rút súng ra đâu. Một người còn chìa vai cho đồng nghiệp trèo lên nhưng không được. Mấy gã đàn ông tội nghiệp leo được không quá tám mươi xăng ti mét so với bậc thềm, số khác đang cố gắng lấy móng tay cậy cánh cửa nặng hai tấn.

Lại một tiếng nổ nữa.

- Ai bắn? Boulard gào lên, tóm lấy cổ một tay cấp dưới. Tìm cho tôi kẻ nào đã bắn đi, thay vì các anh cứ bám riết lấy cánh cửa này. Các anh muốn vào làm gì cơ chứ? Để thấp nển à?

- Chúng tôi nghĩ sẽ tóm được hắn trên tháp, thưa cảnh sát trưởng.

- Có cầu thang ở hướng Bắc đây, Boulard nổi xung chỉ ngón tay sang bên trái. Rémi và Avignon ở lại với tôi. Tôi muốn biết ai đang bắn con gà gô của mình.

Vango đã lên đến hành lang Vua. Cậu đứng dậy và bám vào một cái cột. Cậu thở nhẹ nhàng. Trên gương mặt cậu, sự quyết tâm xen lẫn nỗi tuyệt vọng. Cậu nhìn xuống sân trước nhà thờ. Hàng nghìn con mắt mở to đang dõi theo cậu. Một viên đạn làm nổ tung chiếc vương miện bằng đá, ngay sát tai cậu, làm văng bụi trắng lên má cậu. Cậu nhìn thấy, ở phía dưới, viên cảnh sát trưởng đang quay tròn như một gã điên.

- Ai đã làm thế? Boulard gào lên.

Không phải cảnh sát bắn cậu. Vango nhanh chóng hiểu ra điều đó.

Cậu còn có những kẻ thù khác trên quảng trường này.

Cậu tiếp tục trèo, bằng vài động tác, cậu đã lên đến chân ô cửa kính hoa hồng.

Lúc này, cậu đang leo trên một mảng kính ghép màu đẹp nhất thế giới, giống như một chú nhện trượt trên mạng vây.

Phía dưới, đám đông câm lặng. Cô ở đó, lặng thinh, bị thôi miên khi nhìn chàng trai bám vào mảng kính ghép màu phía Tây nhà thờ Đức Bà.

Lũ chim nhận bay thành đội tàu nhỏ siết chặt quanh cậu, như thể để bảo vệ Vango bằng những tấm thân bé nhỏ phủ lông vũ của chúng.

Nước mắt lưng tròng, Simon, dưới tháp chuông, đang dùng dao bóc quả trứng đầu tiên. Lại một lần nữa, cô ấy không đến.

- Đời thật buồn, ông nhẹ nhàng nói.

Khi nghe thấy cầu thang gỗ dẫn lên gác chuông kêu cọt kẹt, ông dừng lại và ấp úng:

- Cô đó hả?

Ông nhìn quả trứng thứ hai. Luống cuống, trong giây lát, ông ngỡ như hạnh phúc đang ở ngoài cửa.

- Clara? Cô đấy ư?

- Cô ấy đợi ông phía dưới.

Đó là Vango, viên đạn sau cùng sượt qua sườn khi cậu đặt chân lên hành lang Quái vật đầu sư tử.

- Cô ấy cần ông, cậu nói với người gác chuông.

Simon cảm thấy có cái gì đó vui vui trong lồng ngực. Từ trước đến nay có ai cần ông đâu.

- Thế còn cậu? Cậu là ai? Cậu đang làm gì ở đây?

- Cháu không biết, Vango nói. Cháu chẳng biết gì. Cháu cũng thế, cháu cần ông.

Trên quảng trường, cô gái trẻ kia, người có đôi mắt xanh và khoác chiếc áo măng tô màu tro, đang vùn vẫy trong đám đông. Lúc Vango bỏ chạy, cô phát hiện gã đàn ông có khuôn mặt sáp ong đang rút súng ra khỏi áo choàng. Cô lao đến nhưng đám đông nhện nhạo không cho cô tiến bước. Khi cô sang đến phía bên kia, hẳn không còn ở đó nữa.

Cô không còn chút gì của hình ảnh mèo con sượt lướt mà người ta thấy trước đó. Cô đã biến thành con sư tử xổng chuông, hất tung mọi thứ trên lối đi.

Sau đó, cô nghe thấy phát súng đầu tiên. Lạ thay, cô hiểu ngay là nó nhằm vào Vango. Phát súng thứ hai, mắt cô hướng về phía bệnh viện Hôtel-Dieu, bao lấy mạn Bắc quảng trường. Rồi cô nhìn thấy gã đàn ông. Hắn chót ở tầng hai. Khẩu súng ngắn vươn ra từ sau một tấm kính vỡ và trong bóng tối, phản chiếu khuôn mặt lạnh lùng của kẻ sát nhân. Chính hắn.

Cô phóng ánh mắt lên cao. Vango đang giữ thăng bằng. Ông trời vừa kéo cậu ra khỏi định mệnh vào phút cuối. Đối với cô, ngược lại, một lần nữa, tất cả đều trở nên có thể. Với điều kiện cậu ấy còn sống.

Cô gái mắt xanh lao về phía bệnh viện.

Đột nhiên, trên bầu trời nhà thờ Đức Bà, xuất hiện một con quái vật khổng lồ. Nó gần như làm cho đám đông quên đi những gì đang xảy ra trên mặt đất. Dài và uy nghi như nhà thờ, láng bóng nước mưa, một quả khí cầu xuất hiện.

Nó choán cả bầu trời.

Ở mặt trước cabin chắn kính, Hugo Eckener, viên chỉ huy lớn tuổi của Khí cầu Graf, đang dõi mắt tìm kiếm bóng dáng bạn ông trên sân trước nhà thờ. Từ Braxin trở về, trên đường tới hồ Constance, ông đã chuyển hướng quỹ đạo bay của khí cầu qua Paris, để cái bóng của khí cầu vượt ve thời khắc trọng đại ấy của cuộc đời Vango.

Đến phát súng thứ ba, ông hiểu rằng có điều gì đó chẳng lành.

- Phải đi thôi, thưa chỉ huy, đội trưởng Lehmann nói.

Một viên đạn lạc suýt nữa làm thủng quả bóng mà trong cái vỏ rực rỡ của nó chứa đến sáu mươi hành khách và phi hành đoàn.

Tiếng nổ sau cùng vang lên dưới mặt đất.

- Nhanh lên, chỉ huy...

Eckener hạ kính xuống buồn bã nói:

- Ừ thôi, chúng ta đi vậy.

Phía dưới, một con chim nhạn chết rơi xuống chân Boulard.

Và chuông nhà thờ Đức Bà bắt đầu điểm.

2

LỢN-RỪNG-HÚT-THUỐC

Paris, tối hôm đó

Cảnh sát trưởng Boulard ngồi sau một miếng thịt bò, khăn ăn kẻ ca rô trên ngực, còn đám lính đứng quanh ông trong căn phòng ám khói. Ông nói mát mẻ đám cấp dưới đang nhìn mình ăn:

- Nếu thịt của tôi chán, tôi chỉ việc yêu cầu người ta đổi cho miếng khác. Nhưng còn các anh, một lũ động vật không xương sống, tôi phải gánh lấy các anh trên lưng đây này, mà người ta có đổi các anh cho đâu. Thế mới làm tôi mất cả hứng ăn...

Thực tế, cảnh sát trưởng ăn ngon miệng là đẳng khác. Bốn mươi ba năm trong nghề đã dạy ông bình tĩnh trong mọi tình huống xấu.

Đó là trong phòng ở tầng Lợn-rừng-hút-thuốc, nhà hàng nổi tiếng của khu phố Halles.

- Hấn chơi các anh còn gì! Một thằng nhãi vượt mặt các anh trước hai nghìn con người!

Boulard chấm bơ một củ khoai tây, ngồi im, đảo mắt và kết luận một điều hiển nhiên:

- Các anh toàn là một lũ bất tài.

Điều khó tin nhất là không ai trong số những kẻ tráng kiện, cao lớn đứng thành hàng ấy lại nghĩ đến việc nghi ngờ lời khẳng định đó. Khi Boulard nói điều gì, thì điều đó luôn luôn đúng. Nếu ông nói “các anh là những vũ công nhạc kịch”, có lẽ họ sẽ nhón mũi chân, tay giơ lên trời mất.

Cảnh sát trưởng Boulard được đám lính hâm mộ. Ông để mặc họ khóc trên vai mình khi họ mất tinh thần, ông thuộc tên con cái họ, tặng hoa cho vợ họ những dịp sinh nhật, nhưng khi ông thất vọng, thật sự thất vọng, ông thậm chí còn không nhận ra họ trên đường và hắt hủi họ như lũ chó hoang.

Tầng Lợn-rừng-hút-thuốc đóng cửa để lấy chỗ tổ chức cuộc họp đột xuất đó. Chỉ có hai bóng đèn còn sáng, đóng khung cái đầu to tướng của con lợn rừng, ngay phía trên Boulard. Bếp ở đằng sau. Đám người phục vụ khệ nệ đĩa bát đi lại liên tục.

Hơi tách biệt khỏi đám lính của cảnh sát trưởng, một nhân viên, ngồi bên cái bàn riêng lẻ, đang gọt khoai tây.

Boulard thích không khí ở đây hơn ở Quai des Orfèvres. Vì thế ông tổ chức họp tại đây mỗi khi có thể. Ông mê mùi nước xốt và tiếng va đập cánh cửa bếp. Ông đã từng được nuôi lớn trong một quán ăn ở Aveyron.

- Thế còn khí cầu? Boulard thốt lên. Liệu có ai biết nó làm gì ở đó không? Đừng nói với tôi đó là ngẫu nhiên đây nhé.

Không ai trả lời.

Một người đàn ông bước vào. Anh ta ghé tai cảnh sát trưởng, ông này nhướn mày hỏi lại:

- Ai cơ?

Người kia không biết.

- Thôi được rồi. Cho cô ta lên.

Kẻ đưa tin biến mất.

Boulard véo một mẩu bánh mì để vét nước xốt trong đĩa.

Ông lơ đãng chỉ tay về phía người thanh niên đang quay lưng và gọt khoai trong góc.

- Tôi muốn những người như thế này, ông cáu kỉnh. Người ta yêu cầu gì, cậu ta làm nấy. Còn các anh, các anh hai mươi lăm người mà để thoát thẳng nhãi ranh đó. Nếu nó ở trong phòng này, khéo có người còn mở sẵn cửa sổ cho nó thoát ấy chứ.

- Thừa cảnh sát trưởng...

Boulard ngó tìm kẻ cả gan trả lời. Đó là Augustin Avignon, viên trung úy trung thành của ông từ hai mươi năm nay. Boulard nheo mắt nhìn anh ta, như thể khuôn mặt đó phần nào nói lên điều gì rồi.

- Thừa cảnh sát trưởng, không có lời giải thích nào cho mọi việc đã diễn ra đâu. Ngay cả người đánh chuông, ở tận trên cao, cũng nói không nhìn thấy hấn mà. Thằng bé đó đúng là đồ quý. Tôi thề với ông là chúng tôi đã làm hết sức có thể rồi.

Boulard chậm chạp mân mê dải tai. Khi ông làm động tác này có nghĩa là phải coi chừng. Ông nhẹ nhàng trả lời Avignon:

- Anh thứ lỗi nhé... Tôi không biết anh làm gì ở đây, cũng như chính xác anh là ai. Tôi chỉ biết rằng cuối phố, bên trái, có một người bán ốc có lẽ còn có năng lực hơn anh đấy.

Boulard lại chấm nước xốt. *Mũi* Avignon hơi chun lại. Mắt anh ta cay cay. Anh ta quay đi kín đáo lấy ống tay chấm mắt.

May thay, không ai nhìn anh ta.

Như thể có một con linh dương run rẩy xuất hiện ở tầng Lợn-rừng-hút-thuốc, cả đám người đồng loạt quay về phía cô gái trẻ vừa có mặt trên cầu thang.

Đó là cô gái có đôi mắt màu xanh.

Boulard lấy góc khăn chùi miệng, đẩy nhẹ cái bàn ra và đứng dậy.

- Chào cô.

Cô gái cụp mắt khi đứng trước cả một trung đội cảnh sát.

- Cô muốn nói chuyện với tôi à? Boulard hỏi.

Ông tiến vài bước về phía cô, giật mũ trên đầu một tay trung úy quên không bỏ ra, kín đáo dìm nó vào một liễn xúp còn thừa một nửa mà người phục vụ đang nhanh nhẹn mang đi. Chiếc mũ đi về phía bếp.

Cô gái ngẩng đầu lên. Dường như cô cảm thấy do dự khi nói trước cả hội đồng như thế này.

- Cứ làm như những người này không có ở đây, Boulard nói. Đối với tôi, họ không còn tồn tại.

- Tôi có mặt ở đó, sáng nay, cô nói.

Cả đám đàn ông có phần tỉnh ngộ. Chất giọng Anh của cô ấy thật dịu dàng, với một chút sương mù trong đó, khiến bất kỳ ai cũng muốn xưng hùng. Ngay cả gã trai với đồng rau cũng phải dừng tay, nhưng không quay lại. Cô nói thêm:

- Tôi đã nhìn thấy cái gì đó.

- Cô không phải là người duy nhất đâu, Boulard nói. Những quý ông này còn tặng chúng ta cả một pha hấp dẫn nữa là.

- Nhưng tôi nhìn thấy thứ khác cơ, thưa ngài cảnh sát.

Vài người lên mỉm cười. Cô ấy nói với cảnh sát trưởng nổi tiếng mà như nói với một tay cảnh sát giao thông vậy.

- Tôi nhìn thấy kẻ đã bắn.

Những nụ cười biến mất. Boulard siết chặt chiếc khăn ăn trong nắm tay.

- Hắn ở trên cửa sổ bệnh viện Hôtel-Dieu, cô tiếp tục. Tôi đến quá muộn. Hắn đã đi mất. Đó là tất cả những gì tôi biết.

Cô chìa một tờ giấy gấp đôi. Viên cảnh sát trưởng mở ra. Đó là một bức chân dung vẽ chì. Râu mép và kính mỏng.

- Khuôn mặt của hắn đấy, cô nói. Ông thử tìm hắn xem.

Boulard cố gắng không để lộ sự ngạc nhiên. Lúc này, ông đang nắm được một đầu mối. Đối với ông, tên xạ thủ cũng quan trọng như kẻ đào tẩu. Ông nói:

- Cô sẽ theo chúng tôi nhé, cô gái. Tôi muốn có những thông tin cụ thể.

- Chẳng có thông tin cụ thể đâu. Tất cả đều ở đây.

Cô đi về phía tấm bảng to viết các món ăn, lấy khuỷu tay xóa đi món dồi đen và móng lợn. Cô vừa dùng phấn viết địa chỉ vừa nói:

- Tôi có một con tàu sẽ khởi hành từ Calais vào năm giờ sáng mai. Tôi sẽ phóng xe đi cả đêm. Xe hơi của tôi đang ở trên phố. Nhưng ông có thể đến gặp tôi ở đó, nếu ông muốn.

Cả đám đàn ông cười ngơ ngẩn. Bỗng nhiên họ lại muốn đi biển.

Cảnh sát trưởng Boulard nhìn vào địa chỉ cô viết. Phía trên, cô viết họ, tên viết tắt của mình.

Ethel B.H.

Everland Manor

Inverness

Lần đầu tiên, Boulard không biết phải nói gì. Và trước mặt cấp dưới, ông bối rối vì ngại ngùng.

- Được rồi, ông nói. Đó là ở Anh.

Lần này, thận trọng, cảnh sát trưởng tìm những từ mà ông không thể nhầm được.

- Không. Hoàn toàn không phải. Không phải ở Anh.

Cô vừa trả lời vừa nhét mái tóc nâu của mình vào chiếc mũ da mềm với cặp kính lái rộng trên trán.

- Ở...

- Ở Scotland, thưa ngài cảnh sát.

- Tất nhiên rồi, Boulard hăng hái nói và bằng phản xạ, ông lắc khuỷu tay bắt chước hình kèn túi.

Ông lưỡng lự định thêm vài chú thích về du lịch để cô gái này hiểu rằng ông hoàn toàn biết đến sự tồn tại của Scotland, về rượu whisky và những chiếc váy kilt của vùng đất này. Nhưng, chính cô đã hỏi ông:

- Anh chàng Vango đó, anh ta đã làm gì để bị truy bắt như vậy?

- Tôi không được phép nói với cô điều đó, Boulard trả lời, ông vui mừng vì lấy lại được uy thế của mình trước cô gái và trước bản thân mình. Hẳn làm cô bận tâm à?

- Tôi rất thích cảnh một linh mục leo lên nhà thờ để trốn chạy cảnh sát.

- Hẳn đã là linh mục đâu, Boulard nói rõ.

- Cảm ơn Chúa.

Cô thốt lên câu đó với giọng nói còn phủ nhiều sương mù và bí ẩn hơn. Cảnh sát trưởng hiểu được cả hai nghĩa của những từ đó. Bề ngoài, dường như cô có vẻ yên tâm khi đó không phải là một linh mục thực thụ đã hành động như vậy. Nhưng còn một điều khác nữa... Boulard cảm giác cô gái có một niềm vui thầm kín khi biết anh chàng trẻ tuổi đó, chỉ anh ta thôi, rốt cuộc đã không trở thành linh mục.

- Cô quen hẳn à? Boulard vừa hỏi tiến thêm một bước về phía cô.

- Không.

Lần này, ông nhận ra một thoáng buồn trong giọng nói của cô. Và Boulard, người lúc nào cũng muốn phân tích mọi thứ, đã thấy cô không nói dối. Cô không quen chàng tu sĩ leo nhà thờ này, cô không còn nhận ra anh chàng Vango xuất hiện ngày hôm đó, nhưng Boulard đoán chắc chắn trước kia cô đã biết cậu ta.

Cảnh sát trưởng cũng nhận thấy cô gọi Vango bằng tên cậu ta. Ông hầu như chắc chắn điều đó. Sao cô ấy lại biết cái tên đó nhỉ? Ông chỉ xướng cái tên đó duy nhất một lần trong đám đông nhận nhạo trên sân trước nhà thờ thôi mà. Những tờ tin tức buổi chiều có nêu cái tên nào đâu. Ông đang cố gắng níu chân cô gái lại một chút.

- Tại sao cô lại ở đó, lúc sáng ấy?

- Tôi rất thích những buổi lễ lãng mạn.

Cô đeo găng tay. Đôi găng không làm mất đi vẻ mềm mại của bàn tay cô.

Boulard lấy lại được phản xạ nhanh nhạy của mình.

- Tôi có thể bảo lính đưa cô về được không?

- Tôi lái một mình rất *tốt*, thưa ngài. Chúc ngủ ngon.

Cô đi nhanh xuống cầu thang.

Boulard thấy cả đám lính nhào về phía cửa sổ. Họ nhìn theo Ethel đang tiến lại gần chiếc Napier-Railton nhỏ xíu vấy bùn đất, loại xe hơi thời trang siêu khỏe mà hãng Thomson & Taylor vừa thiết kế tại Brooklands. Một động cơ máy bay thực sự trong khối thép đã tôi.

Cô khởi động xe, hạ kính mắt và biến mất trong màn đêm.

Phòng Lợn-rừng-hút-thuốc bỗng nhiên hết căng thẳng. Tất cả bật cười vỗ đôm đốp vào lưng nhau như thể họ vừa cùng nhau sống sót qua một cơn dư chấn.

Boulard ở lại bên cửa sổ. Ông nhìn theo chàng trai đeo tạp dề màu đỏ tím, một mình dưới cây đèn đường. Ông thấy cậu xuống đường ngay khi chiếc xe hơi bỏ đi, cậu chạy cùng hướng với nó một lúc, rồi dừng lại dựa vào cây đèn ga.

Khói nhả ra lúc xe khởi động khiến người ta không thể nhận diện khuôn mặt cậu. Nhưng khi khói tan biến đi, cảnh sát trưởng Boulard mới bật kêu lao xuống cầu thang.

Năm giây sau, cảnh sát trưởng ở trên vỉa hè đối diện.

Không có ai.

Boulard đá cây đèn và khập khiễng đi về phía nhà hàng. Ông lại leo lên tầng, vào bếp, tóm cổ bếp trưởng, lôi anh ta về phòng và chỉ cho anh ta đóng khoai tây được gọt vỏ đâu vào đấy ở trên bàn.

Người bếp trưởng chỉnh lại mũ, lấy ngón cái và ngón trỏ gấp một củ khoai, kiểm tra nó thật lâu, tìm kiếm cái gì đó để chê trách chàng trai, nhưng chẳng thấy gì cả.

- Tuyệt vời. Tám mặt, củ khoai được gọt thành tám mặt. Chúng ta chẳng làm tốt hơn được đâu. Một tài năng thực sự đấy.

- Nó đâu, cái thằng làm công ấy đâu? Boulard hỏi.

- Tôi... Tôi không biết. Nhưng tôi sẽ rất hài lòng nếu được gặp lại cậu ta. Cậu ấy sẽ không bỏ đi đâu nếu chưa được trả tiền, ông đừng lo. Ông có thể nói với cậu ấy những gì ông nghĩ về mấy củ khoai...

Boulard nở nụ cười miễn cưỡng.

- À, thế hả? Thế anh biết hắn, gã nghệ sĩ đó, từ lâu rồi à?

- Không. Vào thứ Bảy, khi trời ấm, chúng tôi thuê những người làm công nhật ở chợ Halles, trước Saint-Eustache. Tôi tìm thấy cậu ta lúc chín giờ tối nay. Tôi chẳng biết tên là gì nữa.

Boulard hất đổ bàn và khối kim tự tháp khoai tây tám mặt quý giá của ông đầu bếp.

- Tôi sẽ nói tên họ của hắn cho anh nghe. Hắn tên là Vango Romano. Hắn đã giết người đêm hôm qua đấy.

3

CHỨNG CUỒNG ÁM

*Sotchi, bên bờ biển Đen
cũng đêm đó, tháng Tư năm 1934*

Đó là một ngôi nhà kính nhỏ bé, tràn đầy ánh sáng, tựa như đèn lồng pha lê, nằm sát vách ngôi nhà chính. Phần còn lại tối om. Người ta không nhìn thấy đám lính canh có vũ trang chốt trên mái nhà và trong các lùm cây. Từ phía cuối thung lũng, gió biển thổi về.

Trong ngôi nhà kính, ba cái đèn còn treo giữa những giò phong lan chiếu sáng một người đàn ông. Trông như một thợ làm vườn. Ông đang tỉa cây cam trong chậu.

- Đi ngủ đi con, Setanka, Setanotchka của ta.

Giọng nói thật dịu dàng. Setanka làm như không nghe thấy. Cô bé tám tuổi. Ngồi bệt dưới đất, trong chiếc áo ngủ, cô bé đang lái những hạt giống dài như lái những con thuyền độc mộc trong thùng nước tưới cây.

Phía ngoài, đèn lắt lư. Một khuôn mặt lo âu xuất hiện sau lớp kính cửa ra vào. Người đó gõ cửa.

Ria mép người thợ làm vườn hơi nhướn lên. Ông vẫn tiếp tục công việc của mình mà không trả lời.

Người khách bước vào và tiến gần tới những cây cam.

- Có tin từ Paris, anh ta nói.

Người làm vườn thậm chí chẳng quay đầu lại phía anh ta. Những nếp nhăn trên mắt cho thấy ông đang cười.

- Những tin không vui, vị khách nói rõ.

Lần này, mắt người làm vườn nhìn thẳng vào mắt anh ta, một ánh mắt xanh biếc như băng trên hồ Baïkal.

- Chim..., người đưa tin vừa nói vừa lùi lại, Chim đã bay mất rồi. Thật không thể hiểu nổi.

Người làm vườn mút ngón tay rướm máu. Ông vừa bị chiếc kéo đồng làm đứt tay.

Dưới chân ông, cô bé thôi không chơi nữa. Cô bé lắng nghe.

Nhiều năm nay cô bé vẫn hay nghe nói về Chim.

Giữa những người đến nói chuyện với cha cô bé, giữa những cuộc đối thoại bí hiểm kiểu này, chỉ mỗi Chim thu hút sự chú ý của cô bé.

Cô bé tự vẽ ra những câu chuyện về Chim. Buổi tối, cô bé mơ thấy Chim bay vào phòng mình, rồi cô bé giấu nó trong lòng bàn tay hay trong ga trải giường.

- Boris bắn trượt, người đàn ông giải thích. Nhưng Boris nói sẽ tìm thấy hân. Nếu không, cảnh sát Pháp sẽ làm việc ấy...

Người đàn ông đứng đó, im lặng. Ông cảm thấy một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng. Và cuối cùng, khi người làm vườn nhìn đi chỗ khác, anh chàng đưa tin mới trở ra, tái mét, cẩn thận đóng cánh cửa kính dày cộp rồi bước đi.

Chiếc đèn biến mất trong đêm.

Một giọng nhỏ nhẹ hỏi:

- Chú ấy nói về con chim nào đấy ạ?

Người thợ làm vườn bất động.

- Ngủ đi con, Setanka.

Lần này, cô bé đứng dậy, hôn lên chòm râu dày của cha như mỗi tối. Rồi thì thầm điều gì đó vào tai ông.

Trong chiếc váy ngủ màu trắng, cô bé vừa đi vừa xòe cánh tay như xòe đôi cánh.

Người làm vườn cấm phập cái kéo lên bàn. Ông đang nghĩ đến những thứ khác.

Ông đã quên những gì cô con gái vừa nói.

“Đừng bắn chim.”

Cô bé đã nói vậy.

Nếu cô bé mà biết được...

Lúc đó, ở Paris

Vango đang bước đi trên những mái nhà ở Paris. Cậu thuộc lòng con đường trên không dẫn từ tu viện dòng Cácmen đến vườn Luxembourg. Cậu có thể đi hết con đường ấy mà hầu như không chạm đất. Cậu biết cảnh sát đang chốt trước trường và chỉ đợi mỗi cậu.

Vango băng qua dãy nhà toàn quán rượu, trườn trên bảng đá và nhảy qua các ông khói. Cậu thuộc từng sợi cáp treo để vượt phố xá. Cậu thậm chí chẳng làm phiền đến lũ chim bồ câu tình nhân tháng Tư đang gù gù tán tỉnh nhau trong máng. Cậu bay trên đầu người

dân sống ở gác mái, qua đám sinh viên, những chị giúp việc, những người nghệ sĩ. Cậu không đánh thức bọn mèo và thậm chí chẳng chạm vào vài vóc phoir trên sân thượng. Chốc chốc, bên một ô cửa sổ mở toang, có người phụ nữ khoác mền ra hít thở không khí của đêm mùa xuân.

Nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác, cậu chỉ di chuyển trên cao, không hề gây tiếng động.

Vài ngày trước, Vango vẫn còn đi con đường đó nhưng theo hướng ngược lại để trốn khỏi trường giữa đêm khuya đến khu vườn phủ đầy tuyết.

Từ cái máng gần nhất, cậu nhảy xuống một cây dẻ già vươn qua lưới sắt dựng đứng của công viên, rồi cứ thế trườn dọc thân cây.

Tuyết rơi suốt những ngày đầu tháng Tư. Vango cứ bước đi đến tận khi bình minh lên, mãi miết trong tuyết, giữa những thảm cỏ và lối đi vắng vẻ. Cậu ngẩng nhìn lớp băng đóng trên các mặt hồ, rồi, vẫn bằng đường mái, cậu quay về phía tu viện dòng Cácmen để dự buổi lễ sáng.

Vì cậu về muộn nên cha Jean mắng mỏ đôi chút.

- Con ngủ nhiều quá đấy, cậu bé.

Ông vừa nói vừa nhìn đôi giày của Vango, đầy tuyết và bùn. Không thể giấu cha Jean điều gì.

Nhưng lần này, khi đang đi trên những mái nhà Paris, Vango đoán những gì đang đợi cậu ở tu viện, sẽ không phải là những lời trách móc nhẹ nhàng của cha Jean, cũng không phải cơn thịnh nộ

của lão Bastide, ông chủ, người cai quản ngôi trường giống như một trại lính...

Những gì đang đợi cậu, đó là cảnh sát, còng số tám, có thể cả nhà tù nữa.

Tại sao cậu lại trốn chạy, sáng nay, ở Nhà thờ Đức Bà? Tại sao cậu trốn chạy nếu cậu chẳng làm gì để bị khiển trách? Trốn chạy có nghĩa là cậu đang tự thú. Nhưng Vango không thể thoát khỏi cái sức mạnh siêu nhiên ấy, sức mạnh đã đẩy cậu đến chỗ ngờ vực tất cả, đến chỗ tự cho mình là cái bia của đủ loại kẻ thù.

Vango tin mình đang bị đe dọa. Từ lúc cậu mười bốn tuổi, người ta đã nói cậu mắc căn bệnh này, căn bệnh mà một bác sĩ tâm lý đã ghi bằng chữ in hoa trên hồ sơ bệnh án: CHỨNG CUỒNG ÁM. Tại ba cái từ này mà suýt nữa cậu bị tống ra khỏi trường. Cha Jean đã bảo vệ cậu hết sức. Ông nhận làm người bảo lãnh cho sức khỏe tinh thần của Vango.

- Cha đang mạo hiểm đấy, phụ tá giám mục Bastide nói với cha Jean. Cha sẽ tiếc về việc đó.

Cha Jean mạo hiểm từng ngày, nhưng ông không bao giờ hối tiếc.

Tuy nhiên, lần này, ông lại thấy lo lắng.

Trong sâu thẳm lòng mình, ông cảm thấy phải có trách nhiệm với những gì xảy đến với Vango. Ông đã phản bội bí mật xưng tội và tiết lộ cho Bastide biết nỗi sợ hãi của Vango.

Bởi lẽ cậu tu sĩ trẻ tuổi đó đã kể tất cả với ông. Cậu tin mình đang bị vây bắt: những chiếc xe hơi bám theo cậu trên phố, những vụ lục lọi trong phòng khi cậu không có ở đó, một bộ giàn giáo đổ ập xuống ngay sau lưng cậu như thể ngẫu nhiên, và cuộc chiến ban

đêm tại phòng kín tu viện chống lại một bóng đen tấn công cậu bằng dao.

Ai đó muốn giết cậu.

Chứng rối loạn cuồng ám, cơn hoang tưởng bị truy hại. Cha Jean biết rõ điều đó. Ông từng là bác sĩ quân y trong Đại chiến. Ông đánh giá được hậu quả của căn bệnh này, căn bệnh có thể dẫn đến tâm thần. Ban đầu, người ta chỉ nghĩ mình bị rình rập hoặc bị quấy rối, sau đó, người ta nghi ngờ những người thân thiết nhất và biến thành mối nguy hiểm đối với họ.

Vango dừng lại, mắt nhắm lại. Cậu đang giữ thăng bằng trên một xà thép nhỏ nối hai tòa nhà gần như áp sát vào nhau. Cậu vừa nghe thấy chuông đồng hồ điểm ba giờ sáng ở nhà thờ tu viện. Cả cuộc đời cậu gắn với tiếng chuông. Những tiếng chuông khác, xa xôi hơn, đang nổi tiếp khắp Paris và trong ký ức cậu.

Khi bản hòa âm chuông đồng hồ chấm dứt, Vango đã quyết. Cậu sẽ đến phòng cha Jean, rồi sau đó đầu hàng.

Cha sẽ đưa cậu đến cảnh sát và sẽ là luật sư của cậu. Ông sẽ giải thích cuộc trốn chạy của cậu. Rốt cuộc, cả hai sẽ cùng biết được người ta đang kết cậu tội gì. Đó là những gì cậu quyết định. Cậu có thể bào chữa cho mình vì cậu chẳng làm gì xấu cả.

Vài phút sau, cậu đã thoáng nhìn thấy những mái nhà của tu viện dòng Cácmen. Hầy còn một con phố cuối cùng phải đi qua. Một chiếc Citroën Rosalie đen đỗ dọc vỉa hè. Tia sáng đỏ của xi gà đang nháy nhót bên trong. Trong đó chắc khó thở lắm. Chắc chắn có cả sở cảnh sát, ngồi thành hai hoặc ba lớp, trong chiếc ô tô ám đầy khói đó.

Và thậm chí cả cái thùng xe cũng có vẻ muốn ho.

Cảnh tượng này khiến Vango mỉm cười. Cậu nảy ra một ý định.

Vango đang ở trên mái của tòa nhà đối diện tu viện, phía bên kia phố. Cậu cảm thấy sau lưng mình luồng hơi nóng từ một ống khói và những cuộn khói đang bốc lên phía trên cậu.

Cậu rở vài viên gạch lỏng lẻo ra khỏi tường và đặt chúng bịt lên ống sành của tất cả ống khói trên mái. Như thế, khói không thoát ra ngoài được. Cậu ngồi đợi gần máng nước.

Không cần phải đợi lâu.

Thoạt tiên, đồng loạt cửa sổ sáng đèn, mở toang, mọi người ra ban công thở. Những tiếng kêu hét đầu tiên vang lên, rồi một đám người hỗn loạn trong cầu thang. Vì khói không thể thoát lên trên nên đã lan tỏa trong các căn hộ.

Vango trườn vào tòa nhà qua cửa sổ mái, đến lồng cầu thang chật cứng người, rồi cẩn thận sục sạo các căn hộ ám khói. Cậu không muốn gây nguy hiểm cho ai cả. Cậu muốn chắc chắn không còn ai trong đó. Lúc đi qua, cậu lấy tay quệt bờ hóng trong ống khói và bôi lên mặt. Không thể nhận ra Vango giữa những bóng đen chen chúc trong cầu thang, má đen sì khói.

Ở tầng ba, cậu lại gần một người phụ nữ bế hai đứa con. Cậu chộp lấy đứa bé hơn đang khóc.

- Tôi sẽ giúp chị.

Cậu xuất hiện trên phố giữa đám đông người vận pyjama. Cảnh sát đã ra khỏi xe. Hóa ra họ không phải là những người bình tĩnh nhất.

Vango băng qua phố hòa vào đám người đang chờ đợi trên vỉa hè trước mặt. Cậu chỉ còn cách cửa tu viện có vài bước. Cậu quay

về phía một viên cảnh sát và đặt vào tay anh ta đứa trẻ đang gào thét.

- Anh là cảnh sát à? Vango hỏi.

- Ừ...

- Vậy thì hãy nói với các bạn của anh bà tôi đang ở tầng trên cùng. Bà đang tìm con mèo của mình. Bà không muốn thoát ra mà không có nó.

Viên cảnh sát đỡ đứa bé trên tay như thể đó là một quả bom sắp phát nổ. Anh ta trao nó cho người mới đến, ra hiệu cho đồng nghiệp và chạy về phía tòa nhà. Người ta nghe thấy tiếng còi cứu hỏa đang đến gần.

- Có một bà lão ở tầng năm!

Vango chìm ngẫm trong đám đông.

Trong cái rủi thường có cái may. Vango vẫn nghĩ như vậy. Chỉ cần có niềm tin mà thôi.

Vango đến trước cửa tu viện, huých vai vào đó. Rủi thay, nó lại đang đóng. Cậu lùi lại một bước, thậm chí còn chưa kịp chạm vào nó một lần nữa. May thay, nó lại mở ra ngay. Rủi thay, nó mở là để cho Weber, người gác tu viện đi qua. May thay... Không. Weber đứng im.

Một thoáng, họ nhìn nhau.

Lẽ nào anh ta không nhận ra Vango? Vango đếm từng giây, chờ đợi điều kỳ diệu tiếp theo. Gương mặt Weber sáng bừng. Ông ta há hốc miệng và cố kiềm chế để không kêu lên.

Vango nín thở.

- Nina Bienvenue, Weber nói.

- Sao cơ? Vango lắp bắp.

- Đích thị là Nina Bienvenue rồi.
- Ai cơ?
- Em là thiếu nữ ngoại ô...
- Thế nào cơ?
- Hãy nhìn khuôn mặt đáng yêu của em đi...

Được thốt ra từ một tu sĩ dòng thánh François trong bộ đồ ngủ, những lời *lẽ này có cái gì đó* gây ngạc nhiên. Má ông ta ửng lên một màu đỏ sáng bừng.

- Hãy ôm em trong vòng tay, chàng trai dịu dàng, chàng trai đẹp đẽ của em, hãy ôm em trong vòng tay, chàng thủy thủ của em...

Weber dang rộng cánh tay ra thật. Vango bước sang một bên.

- Xem này, người gác tu viện trịnh trọng nói. Nina Bienvenue, nữ ca sĩ của Tuần Trăng Úa này!

Vango quay lại. Trên vỉa hè đối diện, vừa xuất hiện Nina Bienvenue, nữ ca sĩ ngôi sao của rạp Tuần Trăng Úa ở Montmartre, tuyệt đẹp, chân trần, trong chiếc váy ngủ ngắn trên đầu gối, ve nhỏ khâu da lông thú màu hồng, với những chiếc nơ flanen hồng bên hông và một khuôn mặt hài hòa. Cô hai mươi lăm tuổi và làm say đắm trái tim mọi người dân Paris.

Điều kỳ diệu nho nhỏ cuối cùng, chính là cô ấy. Một cách điệu hồ ly sơn lý tưởng. Cô cũng bị xông khói như chú cá trích trong căn hộ lớn của mình ở tầng hai.

Mắt Weber đầy sao. Ông ta thuộc tất cả các bài hát của cô.

Nên biết rằng Raimundo Weber là tu sĩ dòng François ở Perpignan^[1] được cho về dưỡng già tại thủ đô và đêm đêm thường

chơi điệu fox-trot trên dàn đàn ống nhà thờ. Ông ta cao xấp xỉ một mét năm mươi lăm nhưng lại có cánh tay dài hai quăng tám mỗi bên.

Ông ta vươn thẳng người, cởi phăng chiếc áo choàng ngủ và quay nó xung quanh mình như võ sĩ đấu bò tót. Ông ta mặc bộ pyjama kẻ ca rô. Ông ta tiến một bước về phía cô ca sĩ, rồi bước nữa, rồi lại một bước nữa, như thể đang mời cô gái nhảy điệu tango đường phố. Cuối cùng, ông ta cúi xuống. Bởi vóc người thấp nên động tác này khiến ông ta chạm mặt hè. Rồi, lại bước ngang như đang trong cuộc đấu bò với chiếc áo choàng ngủ, ông ta phủ lên bờ vai trần của người đẹp.

- Hãy cho phép tôi nhé, Quý cô. Với tất cả sự ngưỡng mộ của tôi.

Nina Bienvenue cười.

Vango đã ở trong sân. Cậu theo hành lang dài, vào một cái sân khác. Nghe thấy có tiếng nói đến gần, cậu liền phóng vào một góc tối, trèo như thần lẩn dọc đường ống gắn trên tường. Cậu lên đến mái nhà. Thở phào.

Lúc nào cũng vậy, cậu cảm thấy thoải mái hơn khi được gần bầu trời. Cậu ham độ cao. Tai họa ngày hôm trước, tai họa suýt nữa phá hỏng cuộc đời cậu, vẫn chưa đến lúc cậu phải nằm ra đất lần đầu tiên trong đời ư?

Cậu sống cả tuổi thơ trên những vách đá, thẳng đứng so với mặt biển, giữa lũ chim trời. Cậu đã thuần hóa độ cao.

Vango tiến vài bước trên cái mái đua hẹp. Phòng của cha Jean ở ngay đó, trong một khuôn viên nhỏ, ở cuối sân lát gạch.

Cha Jean, niềm hy vọng duy nhất của cậu.

Có hai người đàn ông gác cửa, họ đứng trên bậc thềm.

Những người này không cản trở kế hoạch của Vango, không phải cái kế hoạch cứ thế ngu ngốc đi vào bằng đường cửa. Tuy nhiên, sự có mặt của họ lại làm cậu lo lắng. Cậu hy vọng họ không gây khó dễ cho cha Jean chỉ vì cậu. Đặc biệt, cậu hy vọng họ không coi cha Jean là tòng phạm trong vụ tẩu thoát của cậu hoặc trong tội lỗi mà cậu bị tố cáo. Tội... Tội nào mới được chứ?

Khi lọt được vào nhà hàng Lợn-rừng-hút-thuốc, được tuyến vào phút chót để gọt khoai, Vango chỉ muốn biết chính xác tội danh của mình là gì. Cậu đã tìm thấy đại bản doanh của cảnh sát trưởng, đã nghe ông ấy nói nhưng chẳng hiểu gì cả. Chỉ mỗi một phát hiện duy nhất lại đến từ giọng nói khác, dịu dàng như mưa mùa hạ, nhưng làm dấy lên trong cậu những đợt sóng, nó đã làm cậu xúc động rơi nước mắt.

Ethel.

Năm năm rồi, đây là lần đầu tiên cậu nghe thấy giọng nói của Ethel.

Vậy là cô ấy đã đến.

Trong nhà hàng, cậu thậm chí chẳng thể quay lại để nhìn cô. Nhưng cậu biết cô không hề thay đổi. Vango quen Ethel năm 1929, khi cô mười hai, còn cậu mười bốn tuổi. Cuộc gặp gỡ ấy đã làm thay đổi rất nhiều thứ trong cuộc đời cậu. Kể từ ngày ấy, đối với cậu, thế giới dường như đẹp hơn rất nhiều và cũng phức tạp hơn đôi chút.

Một ngọn nến chập chờn bên cửa sổ phòng cha Jean. Có lẽ ông đang trong phòng. Vango bò trên máng hứng nước, lơ lửng trên không, nhảy lên mép cửa sổ tầng trên cùng rồi lại lộn xuống tầng thấp hơn. Ngay phía dưới cậu, trên bậc thềm, lính canh châm thuốc.

Vango áp mặt lên kính. Một ngọn nến duy nhất đã gần cháy hết đang chiếu sáng căn phòng. Cậu nhìn thấy cha Jean ngủ trên giường.

Có lẽ ông đã thiêu thiêu ngủ trong buổi nhập định ban tối. Vango cười. Như thế thật giống cậu. Cha Jean vẫn để nguyên quần áo và hãy còn giữ tràng hạt trong tay.

Cửa sổ không đóng. Vango chỉ cần đẩy nhẹ. Cậu lén vào.

Cậu gần như được cứu thoát rồi. Cha đang ở bên cạnh cậu mà, không gì có thể xảy đến với cậu nữa.

Vango sợ làm cha giật mình. Rất nhẹ nhàng, cậu gọi:

- Con đây, cha ơi. Vango đây ạ.

Vì cửa sổ hé mở nên không khí trong phòng lạnh buốt. Cậu không dám tiến lại gần giường. Cậu quyết định đợi cho đến khi vị linh mục tỉnh giấc.

Đang tìm ghế thì cậu nhận ra một phần căn phòng bị chắn lại bằng một sợi dây chằng ngang cách mặt đất một mét.

Vango trườn xuống dưới và đi đến bên bàn làm việc nhỏ, cậu đã từng trải qua hàng giờ bên người bạn già của mình ở đây.

- Bàn làm việc, đó chính là một con tàu, một hôm cha Jean ngồi đó nói với cậu. Và đó là cách thức làm việc. Con hãy tập trung vào cuốn sách của mình và kéo căng buồm lên.

Ngoài hành lang, một cánh cửa đóng sập vào. Vango đợi lúc lâu trước khi tiến thêm bước nữa.

Mặt bàn bừa bải. Những chiếc bút lông chòe trong vũng mực đã bị gỗ thấm khô một nửa. Một quyển vở lớn để mở. Điều kỳ lạ nhất là người ta khoanh bằng phấn trắng mỗi đồ vật như thể để đánh dấu vị trí của chúng.

Vango rùng mình cúi người xuống quyển vở. Cậu phát hiện trên trang giấy một vệt sẫm màu và hai từ duy nhất, bằng tiếng Latinh, vội vàng được viết bằng tay cha Jean:

FUGERE VANGO

Không cần thêm một giây phút nào nữa.

Cậu đã hiểu tất cả. Vệt sẫm màu đó là máu. Người ta đã giữ nguyên hiện trường căn phòng. Người ngủ trên giường là người chết.

Lúc này Vango đã hiểu ra tội của mình.

Cha Jean đã chết.

Và hai từ trên quyển vở đã tố cáo cậu: CHẠY TRỐN VANGO.

Trong mắt mọi người, cậu là kẻ sát hại cha Jean.

Cậu bị truy bắt vì tội ác này, tội ác diễn ra đêm hôm trước, ngay trước lễ thụ phong.

Vango quỳ sụp trước giường người bạn già. Cậu cầm lấy bàn tay lạnh giá của ông áp lên trán mình.

Điều tồi tệ nhất. Điều tồi tệ nhất đã đến với cậu. Một viên đạn tua đầu đinh đang đục xoáy tâm can cậu. Cậu cảm thấy tim và da mình bị lộn cả ra ngoài, giống như lũ thỏ bị bọn người săn lùng lột da phơi dưới ánh nắng mặt trời vùng Sicile như hồi cậu còn bé vậy.

Một lúc sau, khi đứng dậy, cậu chắc chắn hai từ mà cha Jean viết không phải lời tố cáo.

Đó là một lời báo động, một mệnh lệnh dành cho Vango.

Chạy trốn.

4

BUỔI SÁNG ĐẦU TIÊN CỦA THẾ GIỚI

*Salina, quần đảo Eolie, Sicile,
Mười sáu năm về trước, tháng Mười 1918*

Họ đẩy cửa và cơn bão cũng tràn vào cùng với họ.

Họ có bốn người. Bốn người đàn ông khiêng một phụ nữ bất tỉnh, được cuộn trong cánh buồm đỏ. Tất cả đều đứng dậy. Tonino, chủ quán ăn, dọn cái bàn trước lò bánh và gọi hai cô con gái. Người ta đặt thân thể người phụ nữ lên tấm gỗ.

- Cô ấy còn sống không? Tonino hỏi.

Cô con gái lớn của ông mở tấm vải đỏ ra, xé chiếc váy ướt sũng và ghé tai lên ngực người phụ nữ. Thực khách, ông chủ, những ngư dân đã mang người phụ nữ đến, cả gian phòng đều chờ đợi.

Carla nghe một lúc thật lâu.

- Sao rồi? Carlotta! Tonino kêu lên, sốt ruột.

- Suyt... cô đáp lại.

Cô không chắc. Gió đang thổi bên ngoài. Một cành hoa giấy quất vào cánh cửa chớp. Không gì nhẹ nhàng hơn nhịp đập con tim. Đối mặt với cơn bão, đó là cuộc chiến giữa cái lục lặc và chiếc kèn đồng.

Cuối cùng Carla cũng ngẩng lên và cười.

- Chị ấy còn sống.

Em gái Carla mang chân tới để ủ ấm cơ thể người phụ nữ. Cô cầm những hòn đá cuội to, đã được nung ấm gần lửa, bọc chúng trong một miếng vải và như túi chườm nóng, cô luồn vào sát làn da ẩm nước. Hai cô gái khoát tay đuổi đám đàn ông đang bị mê hoặc bởi bờ vai trần.

- *Ciao, signori! Ciao!*

Họ chẳng một tấm ga lên để cách ly và cởi quần áo cho cô gái.

Tonino phục vụ đồ uống cho mọi người.

- Cô ấy từ đâu đến thế? ông hỏi.

Có khoảng hai chục người trong quán ăn Malfa.

“Đục nước béo cò”. Đó là những gì ông chủ nói, ban sáng, khi trời đen kịt. Và sáng hôm đó, quả thực, phòng kín người.

Tuy vậy, không còn nhiều dân sống trên đảo. Vài chục năm trở lại đây, dân số đảo đã giảm xuống sáu lần. Người ta đi cả chuyến tàu chật ních đến châu Mỹ hoặc châu Úc để làm giàu. Để lại phía sau những ngôi làng ma.

- Chúng tôi tìm thấy cô ấy bên đường đá phía trên bãi Scario.

Đó là Pippo Troisi. Anh ta không phải dân chài. Anh ta trồng bạch hoa và một luống nho. Tuy nhiên, người ta thuê anh những ngày gió lớn để làm thuyền nặng hơn.

Người phụ nữ, anh ta là người đầu tiên nhìn thấy cô ấy và đó đã trở thành chuyện của riêng anh ta. Niềm tự hào trong đời anh ta. Thịnh thoảng anh ta lại liếc ánh mắt sở hữu về phía sân khấu nhỏ, nơi có bóng người đang nhập vai đằng sau tấm ga.

- Nhưng cô ấy từ đâu đến nhỉ? Tonino nhắc lại.

- Chẳng ai biết cô ấy, Pippo trả lời.

Lời khẳng định này khiến tất cả chìm trong im lặng một lúc lâu. Trên đảo, mọi người biết hết nhau. Và nếu có gặp một vài thủy thủ nước ngoài trên cảng, thì cũng chưa bao giờ gặp một phụ nữ lạ, rất đẹp, trên con đường vách đá.

- Cô ấy phải được lau khô vào đây, Pippo nói thêm. Có lẽ cô ấy đã ở rất lâu dưới mưa.

- Thế rồi cuộc, cô ấy từ đâu đến vậy? người chủ quán vừa nhìn cái ly của mình, vừa lẩm bẩm.

Lúc này, gió đang thổi sáo cùng lò sưởi.

- Cô ấy đến từ biển cả, một giọng nói cất ra từ đằng sau tấm ga trải bàn.

Đó là Carla. Cô ngó đầu ra để nói:

- Người phụ nữ này, chị ấy bị ướp muối như thùng nộ bạch hoa của anh ấy, Pippo Troisi ạ.

Họ im lặng nhìn nhau. Biển cả đã mang đến cho họ tất cả, biển nuôi sống họ, đôi khi giết chết họ, biển mang đến cho họ những điều bất ngờ, một con cá ông mắc cạn, xác thuyền đắm, hay như bảy thùng chuối rơi xuống từ một con tàu hè năm ngoái, nhưng chưa bao giờ biển ném một người phụ nữ như ném một con cá chuồn ngang chừng vách đá trên bãi Scario như vậy.

- Cô ấy mở mắt rồi này!

Mọi người nhào đến. Carla và em gái không cho họ đến gần, họ chắc chắn không dám tiến thêm nữa.

Lúc này, người phụ nữ được đắp một lớp khăn san và chần nặng trĩu. Hai cô gái đã làm tốt công việc. Người phụ nữ còn kín hơn cả

nữ tu. Không có lấy một chút da thịt nào bị lộ ra ngoài. Cả tóc cũng được cuộn trong một mảnh vải. Mọi người chỉ nhìn thấy khuôn mặt cô gái, gáy tựa trên một cái gối bằng len.

Cô ấy không quá trẻ như mọi người tưởng. Tuy nhiên, cái lạnh dường như để lại trên khuôn mặt cô một lớp trang điểm dạ hội: nước da xanh xao, môi sẫm, mắt phấn. Khi được sưởi ấm, má cô ửng phấn hồng. Cô mở mắt thật lâu rồi nói duy nhất một từ:

- Vango.

Người ta tìm thấy cậu bé con, một giờ sau, giữa hai mỏm đá trên bãi biển. Cậu bé chừng hai, ba tuổi gì đó. Cậu tên là Vango. Cậu mặc một bộ pyjama bằng lụa xanh lam. Những lọn tóc xoắn xòa trên mắt. Cậu không có vẻ hoảng sợ. Cậu nắm trong tay một chiếc khăn mùi soa thêu đã bị vo tròn. Cậu nhìn tất cả những người đang vây quanh mình.

Vango.

Người phụ nữ đã tả chính xác cái nơi cậu được cất giấu.

Để dịch được lời giải thích của cô gái, người ta đã mời bác sĩ đến.

Vị này nghiêng người, lắng nghe cô thì thảo vài từ.

- Cô ấy nói tiếng Pháp, ông nói một cách nghiêm trọng như thể vừa chẩn đoán được bệnh bạch cầu.

Người ta nghe thấy tiếng thì thảo đầy tự hào. Ai cũng biết ông bác sĩ, rất hay ba hoa về những chuyến đi trước đây của mình, đang thao thao bất tuyệt về nước Pháp.

- Cô ấy kể gì mới được chứ?

Dường như bác sĩ Basilio có đôi chút ngượng ngùng. Trên thực tế, chưa bao giờ ông ấy đi quá Naples. Hiểu biết về tiếng Pháp của ông khá mù mờ, ngay cả khi ông thường dạo chơi với tờ *Rạng đông* số cũ rách và thốt lên “A! Paris, Paris...” khi xem những bức ảnh một thời trang.

Huy động tất cả vốn hiểu biết của mình, ông đang cố gắng hiểu.

- Cô ấy cũng nói cả những thứ tiếng khác nữa. Lẫn lộn như sau vụ tháp Babel vậy.

Lần này, ông không nói dối. Trong cơn mệt mỏi kiệt quệ, người phụ nữ lẫn lộn nhiều ngôn ngữ mỗi khi dùng sang từ khác.

- Đấy, đấy là tiếng Hy Lạp, bác sĩ nói.

- Thế nghĩa là gì cơ chứ?

- Có nghĩa là cô ấy đang nói tiếng Hy Lạp chứ còn gì nữa.

Tất cả mọi người đều ngượng ngùng một lập luận đó.

Cuối cùng, mọi người phát hiện ra cô nói cả tiếng Ý. Nhẹ người, bác sĩ bắt đầu hỏi han. Rốt cuộc, ông chỉ nhắc lại bằng tiếng Sicile những gì cô gái thì thào bằng tiếng Ý khá chuẩn mà ai cũng hiểu.

Người phụ nữ và đứa trẻ đã bị thủy triều ném lên bãi đá cuội cùng với một mẫu ván xà. Cô giấu cậu bé đi, rồi ngược lại đường mòn bên trái vịnh đi tìm sự giúp đỡ. Cô quy ngã trên đường.

Lúc này, cô đang ngồi trên một chiếc ghế bành, còn Vango nép vào người cô.

- Con chị đấy à? bác sĩ lắp bắp mãi mới hỏi được.

Cô gượng cười. Cô đâu còn tuổi để có một đứa con lên ba.

Ông bác sĩ lắc đầu, hơi xấu hổ vì câu hỏi của mình. Mọi người vẫn biết ông đang độc thân, nhưng cái nghề chắc hẳn đã dạy ông về

quá trình phát triển cơ thể con người.

Để bớt phân tán, và vì ai cũng hiểu những gì người phụ nữ nhớ ra và kể lại, bác sĩ Basilio bắt đầu nhắc đi nhắc lại hai từ tiếng Pháp duy nhất mà ông thuộc:

- Cô nhớ chứ, cô nhớ chứ...

Ông nói điều đó như một lời năn nỉ, người nghiêng về phía cô.

Ngôn ngữ của người khác là bài hát kỳ lạ mà ta bắt chước giai điệu trước khi hiểu lời. Khi nghe những từ đó được thốt ra bằng tiếng Pháp, đám công chúng ít ỏi rất thích thú. Họ không biết điều đó có nghĩa gì, nhưng họ đều quay sang nhau và nói “cô nhớ” với giọng điệu cực kỳ ngộ nghĩnh.

Trong quán ăn, ai cũng tập trung mớ màng về hai từ này.

- Cô nhớ chứ, một người phụ nữ chớp chớp mắt nói với người đàn ông của mình.

- Cô nhớ chứ!

Sự ồn ào tăng lên.

- Cô nhớ chứ, Pippo Troisi vừa nâng ly vừa hét to. Bác sĩ tàn nhẫn cắt đứt trò chơi:

- Im hết đi!

Lớp học im lặng.

Bác sĩ còn dịch thêm lần nữa sang ngôn ngữ Sicile những gì mà ai cũng hiểu rất rõ:

- Cô ấy chẳng biết gì cả. Cô ấy không biết mình từ đâu đến và sẽ đi đâu. Cô ấy nói cô ấy tên là Cô, cô ấy chỉ biết đứa trẻ tên là Vango. Thế thôi. Cô ấy là bảo mẫu của thằng bé.

Ông nói từ “Cô” bằng tiếng Pháp.

- Cô ấy sẽ làm gì đây? một trong hai cô con gái của chủ quán hỏi.

Người phụ nữ thoát chết trả lời vài từ, đôi mắt rồi bời.

Bác sĩ nhắc lại:

- Cô ấy không biết. Cô ấy muốn ở lại đây. Cô ấy sợ.

- Nhưng cô ấy có thể làm được gì ở đây cơ chứ? Đứa trẻ này, nó còn bố mẹ ở đâu đó chứ. Cô ấy phải lên tàu trở về nước mình chứ!

- Nước nào? vị bác sĩ nổi xung.

- Thì ông chẳng bảo cô ấy nói tiếng Pháp còn gì.

- Cô ấy nói cả tiếng Anh nữa. Và nói một câu bằng tiếng Hy Lạp.

Vậy, đất nước của cô ấy ở đâu?

Như để làm rối tung mọi manh mối, người phụ nữ lại thốt ra vài âm thanh.

- Đấy, tiếng Đức đấy, bác sĩ nói.

Cô còn lắp bắp gì đó nữa.

- À đấy, tiếng Nga.

Cậu bé nắm chặt chiếc khăn mùi soa. Người ta nhận ra trên nền xanh lam tối có một chữ V lớn thêu bằng chỉ vàng.

V như là Vango.

Nhẹ nhàng cầm bàn tay nhỏ bé ấy trong tay mình, bác sĩ mượn được chiếc khăn mùi soa quý giá ấy một lúc. Người ta có thể đọc được, phía trên chữ V màu vàng, có lẽ là họ của cậu bé: ROMANO.

- Đó là một cái họ của nước ta đấy chứ, Carla nói.

- Vango Romano, cô em gái nói.

Và, cao hơn, trên diềm chiếc khăn mùi soa, bác sĩ đọc mà chẳng hiểu những từ tiếng Pháp bí ẩn, được thêu chữ nhỏ màu đỏ: “Có biết

bao vương quốc không biết đến chúng ta”.

Ông đọc lại, chậm chạp như một đứa trẻ đang học bảng chữ cái:

- Có biết bao... vương quốc... không biết đến chúng ta...

Quán ăn im phăng phắc.

Như chim săn mồi tí hon, bàn tay Vango tóm lấy mảnh vải và cắt biến nó đi.

- Lạy Chúa tôi, một người phụ nữ thờ dài.

- Chúng ta đã không ra khỏi quán, Tonino kết luận.

Một người đàn ông vừa bước vào. Hắn ngồi xuống một góc, cởi chiếc áo khoác da ướt sũng ra, gọi rượu vang Malvoisie và bánh ngọt. Mái tóc dài bết lại do nước mưa, dính sát sau đầu.

- Trả tiền trước đã, chủ quán nghi hoặc đáp.

Người đàn ông tên là Mazzetta. Ai cũng biết hắn. Hắn sống cùng con lừa của mình và chắc chắn chẳng có tiền mua nổi rượu vang và bánh ngọt ngoài những dịp Noel và lễ Phục sinh. Tonino dè chừng.

- Trả tiền trước đã nào!

Người đàn ông nhìn chủ quán.

Hắn đẩy một đồng bạc mới tinh lên mặt bàn.

Người chủ cầm nó lên ngắm nghía.

- Cậu bán lừa rồi à, Mazzetta?

Lẽ ra Mazzetta đã đập vỡ cái bàn. Móc Tonino lên xà bếp cùng với tỏi và jambon.

Nhưng hắn nhìn thấy cậu bé trong bộ pyjama xanh lam.

Cậu bé nhìn hấn. Cậu bé tì má lên vai cô bảo mẫu, nhìn hấn như thể đã quen vậy.

Mazzetta để mặc người chủ quán bỏ đi. Hấn không thể chống đỡ lâu ánh mắt của Vango. Hấn cúi đầu, rồi lại từ từ ngẩng lên. Rồi, anh phát hiện ra Cô.

Khi Mazzetta nhìn thấy Cô, khi đôi mắt ngầu đỏ của hấn chìm trong đôi mắt xanh biếc của Cô, hấn bất động.

Hấn biến thành một khối đá.

Dung nham của Stromboli đổ ra biển.

Lần đầu tiên kể từ khi được mang về đây, Cô bật khóc.

Mazzetta đẩy ghế và quay mặt vào tường.

Trừ Vango, không ai nhận ra cuộc trao đổi ánh mắt kỳ lạ này. Họ chỉ nhìn thấy nước mắt lăn trên má Cô. Nên làm gì với người phụ nữ và đứa trẻ đây? Đó là câu hỏi duy nhất được đặt ra.

- Anh có thể đưa họ về nhà mình được không, Pippo Troisi?

Pippo đang ăn một chiếc nem rán to, dày như bàn tay mà anh ta lôi ra từ chiếc khăn mặt. Suýt nữa anh ta bị nghẹn.

- Nhà tôi á?

- Thì trong lúc đợi tìm giải pháp...

Pippo muốn nói ừ lắm chứ. Đó là nhiệm vụ của anh ta, người đã nhìn thấy họ trước tiên. Một tia kiêu hãnh vụt sáng trong mắt anh ta. Thế nhưng trí nhớ trở lại ngay lập tức. Pippo Troisi không phải là người chủ trong nhà mình.

- Vấn đề, đó là...

Giuseppina. Anh ta không cần nói hết câu. Tất cả đều biết rằng vấn đề đó chính là vợ anh ta.

Giuseppina bao bọc chồng mình đến nghệt thở. Với người khác, cô ta cởi mở như một con ngỗng cái bảo vệ ổ trứng của mình. Không bao giờ có chuyện cô để một người phụ nữ và một đứa trẻ lang vãng đến gần cái tổ của mình.

Có thể chính vì vợ mà gã nông dân Pippo mơ ước trở thành thủy thủ. Có những người trên mặt đất khiến ta muốn ra khơi thật xa và đặc biệt là thật lâu.

Không ai nhớ chính xác thế nào mà cuối cùng Vango và Cô lại đến ở nhà Mazzetta làm lì.

Tuy nhiên, khi Mazzetta đứng dậy nói: “Tôi có thể lo cho họ”, tất cả đều lộ vẻ kinh ngạc. Cô ôm chặt cậu bé trong tay. Cô lắc đầu mà không thể thốt được lời nào.

Ngôi nhà của Mazzetta được ghép từ hai hình lập phương màu trắng đặt trên miệng núi lửa Pollara đổ ra biển. Một cây ô liu mọc lên giữa hai khối trắng ấy. Những ngôi nhà khác của thôn Pollara đã bị bỏ hoang từ lâu nay.

Vango và Cô đến đó ở.

Mazzetta lánh sang chuồng lừa, cách đó trăm mét. Đúng hơn là một hang đá, phủ rơm, khép kín bằng một bức tường đá. Như để cảm ơn chú lừa đã nhường một chỗ nhỏ cho mình, Mazzetta làm cho nó cái lục lạc thật đẹp bằng gỗ và da, khiến nó cứ phải nghiêng đầu.

Kể từ hôm đó và cho đến lúc chết, Mazzetta không đặt chân vào căn nhà cũ của mình lần nào nữa. Kể từ hôm đó, Mazzetta khốn khổ nuôi sống được hai con người mà hần cưu mang bằng cách, mỗi tuần trắng mới đến, hần lại đặt một đồng bạc trên ngưỡng cửa nhà họ. Kể từ hôm đó, Mazzetta hung dữ trở nên hiền lành hơn cả con

lừa của mình, con lừa mà hấn gọi là Tesoro và nhiều người bắt gặp hấn đang khóc trước biển.

Trong suốt những năm tiếp theo, hấn không được nói chuyện cũng chẳng được nhìn Cô lấy một lần.

Một giao ước khó hiểu gắn kết hai con người đó. Một giao ước không lời. Một giao ước trong im lặng.

Vango tiếp tục đi trên sườn dốc núi lừa đã tắt.

Cậu tìm thấy ở đó những gì cậu cần.

Cậu lớn lên cùng ba bảo mẫu: sự tự do, nỗi cô đơn và Cô. Cả ba người bảo mẫu này cùng dạy dỗ cậu. Cậu nhận từ họ tất cả những gì cậu cho là có thể học được.

Lên năm, cậu biết năm ngôn ngữ nhưng chẳng nói chuyện với ai. Lên bảy, cậu leo vách đá mà không cần đến bàn chân. Lên chín, cậu nuôi chim ưng, chúng sà xuống cậu để ăn những thứ trên tay cậu. Cậu ngực trần ngủ trên mỏm đá với một chú tắc kè trên ngực. Cậu huýt sáo gọi lũ chim nhận. Cậu đọc những cuốn tiểu thuyết Pháp được cô bảo mẫu mua cho cậu ở Lipari. Cậu trèo lên phía trên núi lừa để gội tóc trong mây. Cậu ngân nga những bài hát ru của Nga cho lũ bộ hung nghe. Cậu nhìn Cô tỉa rau củ thành những cạnh tuyệt đẹp, giống như tạc kim cương vậy. Rồi cậu nghiêng ngấu những món ăn tuyệt vời của Cô.

Suốt bảy năm trời, Vango cứ ngỡ không cần gì khác ngoài sự dịu hiền của Cô, ngoài thế giới hoang dã trên đảo, mặt trời và cái bóng của ngọn núi lừa.

Nhưng những gì xảy đến khi cậu mười tuổi đã làm thay đổi mãi mãi cuộc đời cậu. Chính vì khám phá này, hòn đảo bỗng nhiên dường như quá nhỏ bé. Với cậu, nó như một đám cháy dưới biển.

Trong mắt cậu, thế giới đã đổi màu.

Khi đặt chân trở lại thiên đường bé nhỏ của mình, cậu không thể không nhìn, phía bên kia những vách đá, núi đá xa nhất, chân trời và bầu trời.

5

PHÍA BÊN KIA SƯƠNG MÙ

Quần đảo Eolie, tháng Chín năm 1925

Cuộc phiêu lưu bắt đầu vào đêm hôm đó.

Cậu nghe thấy tiếng kêu trước khi nghe thấy biển.

Ấy vậy mà biển mạnh hơn tất cả. Biển xô chân vách đá với sức mạnh sấm sét. Biển cuộn, biển uốn mình, biển tấn công sang phía khác, rồi lại nổ tung. Vango mở mắt và nhận ra mình đã ngủ quên trong một cái hang. Cậu mới mười tuổi. Cậu thậm chí còn chẳng biết mình đến đây làm gì, vào buổi tối, trên đỉnh vách đá.

Lúc này đang là giữa đêm.

Cậu đóng tai và nghe thấy tiếng kêu lần nữa. Phải gần gũi với biển lắm mới có thể nhận ra tiếng gọi yếu ớt đến vậy giữa muôn trùng bão táp.

Vango nhòe dậy và nhoài ra mép hang. Mặc dù đang đêm, một quầng sáng mờ mờ vẫn còn trên nền trời. Có thể vừa mới tối hoặc sắp bình minh. Cậu nhìn thấy ngọn của những con sóng giống như đội quân lính lê dương đang ồ ạt tấn công đảo. Và cả tiếng ì ầm của bão biển, đôi khi cậu cứ ngỡ như nghe thấy cả tiếng chuông trong đó. Và gió nữa, cao hơn tất cả mọi thứ, đang thổi tung bọt biển.

Lúc này, Vango đã nhớ ra mình đến đây xem lũ chim ưng bay lượn lúc hoàng hôn. Như thường lệ, cậu ngủ quên ở đó. Chẳng có điều gì bắt buộc cậu phải về cả. Cô không bận tâm. Họ đã thỏa thuận với nhau rằng cô chỉ phải lo lắng khi cậu vắng mặt đến đêm thứ hai.

Tròn mười tuổi, đó là sự tự do không tưởng, phi lý, nhưng đối với Vango, hòn đảo như một căn phòng dành cho trẻ con. Ở đó, cậu yên tâm như một thằng bé con ở giữa giường ngủ, tủ và thùng đồ chơi.

Tiếng kêu im bật. Vango do dự một lúc rồi quyết định lại xem gần hơn. Cậu trườn ra ngoài hang, bụng áp vào vách đá.

Cậu bắt đầu xuống.

Đoạn đường dài gần một trăm mét vách đá trơn tuột, dốc đứng trên mặt biển hung dữ, ấy vậy mà cậu bé di chuyển trên đó, tay và chân dang ra như hình ngôi sao với những động tác chắc chắn. Cứ sống như vậy, Vango dần dần phá bỏ mối tương quan giữa cân nặng và sức mạnh của mình. Cậu đã có lần bám ba hoặc bốn ngón tay vào một cái lỗ trong nhiều phút, phần cơ thể còn lại lơ lửng trong không trung, để tay kia chạm lớp lông tơ của một tổ chim trên đá.

Ấy vậy mà ngược lại, sự mênh mông của biển khiến cậu chóng mặt. Chưa bao giờ cậu bước lên thuyền và cậu không thể đặt chân xuống biển.

Mùa thu, vách đá bắt đầu mốc xanh khi mưa nhiều. Nhưng lúc này, vách đá nhẵn thín và dường như đang chiếu sáng mặt biển bằng sắc trắng của nó. Vango dừng lại bên trên, cách những con sóng mười lăm mét. Cậu lắng nghe.

Lần này, tiếng kêu hoàn toàn im bật. Cậu yên tâm nghĩ đó là một con chim vắng lai. Cậu thuộc tất cả tiếng kêu của các loài chim trên

đảo, nhưng đôi khi vài chú chim di trú chuyển hướng bay và đến cất những tiếng hót lạ lẫm vào ban đêm.

Không còn gì khiến Vango ngạc nhiên: Sicile nằm trên con đường dẫn tới Châu Phi và nếu biết bay, có khi người ta còn thấy cả các tiểu đội voi đi qua.

Chùng nào còn bám vào núi đá, cơ thể cậu còn đu đưa trong không trung, những cơn gió lốc không làm Vango sợ hãi. Nhưng khi đến gần mặt nước, cậu dừng lại.

Chuyển động của biển làm cậu sợ.

Cậu bắt đầu trèo ngược lên và nổi nhớ món bánh mì trắng của Cô đang kéo cậu, hút cậu lên cao. Nếu không lừng chừng thì trong chưa đầy một giờ nữa, cậu sẽ được ăn.

Dưới đó một chút, trong góc thuyền của mình, Pippo Troisi to béo đang khóc.

Pippo Troisi, người hái nụ bạch hoa, người đàn ông mà nhiều năm trước đây đã phát hiện ra Vango cùng cô bảo mẫu trên bãi đá cuội Scario.

Lúc này anh ta đang giữ khư khư trong tay chiếc vali của mình như giữ phao cứu hộ. Anh ta ôm chặt nó hơn một chút mỗi khi khung thuyền kêu cọt kẹt.

Con thuyền nhỏ bị mắc kẹt giữa hai núi đá đen giữa sóng biển. Người đàn ông tuyệt vọng gọi ba hay bốn lần gì đó. Đó là phía bờ hoang của đảo. Không ai có thể nghe thấy anh ta. Anh ta vừa từ bỏ tất cả vì chuyến phiêu lưu cuộc đời, nhưng tất cả đã kết thúc.

Pippo Troisi chỉ kịp ném trọn cuộc đời mình lên cái thuyền này và đẩy nó ra khơi.

Thoáng chốc, cánh buồm bị xé tan. Mái chèo gãy. Túi lương thực rơi xuống nước. Anh ta trôi dạt vài giờ dọc bờ biển và bị đẩy vào giữa hai núi đá. Cuối cùng, tay anh bị kẹp giữa vỏ thuyền và đá khi đang cố gắng kéo thuyền đi. Anh chẳng còn cảm giác gì từ khuỷu tay trở xuống và các ngón tay cứ lủng lẳng như chiếc khăn mùi soa rách nham nhở đầy máu.

Tất cả đã kết thúc trước khi chưa gì kịp bắt đầu.

Chạy trốn cuộc sống, ra đi... Trong có vài canh giờ, giấc mộng bỏ trốn của mười năm qua đã tan tành.

Pippo Troisi chỉ còn đợi đợt sóng cuối cùng.

Anh vừa cầu trời vừa đợi.

Và nếu bàn tay không bị thương, anh sẽ gập ngón cái xuống và xin chết. Nhưng chẳng có gì xảy đến. Những cơn sóng cuộn cứ thế lạnh lùng lảng tránh con thuyền bằng cách lơ đi chỗ khác như những kẻ qua đường làm ngơ trước một người hấp hối.

Chính ý nghĩ nổi dậy đã cứu Pippo. Anh chỉ muốn một kết cục nhanh chóng. Không gì khác. Người ta không thể cho anh điều đó ư? Một cơn sóng! Một cơn sóng duy nhất sẽ lật đi trang đau khổ của cuộc đời anh!

Rồi, anh cất lên tiếng kêu cuối cùng.

Một lúc sau, một cậu bé xuất hiện trong bóng tối, ngay bên trên. Cậu nhìn thật lâu chiếc thuyền, còn người đàn ông không nhìn thấy cậu.

- *Signor...*

Nghe thấy giọng nói, Pippo Troisi bám chặt chiếc vali hơn.

- Signor Troisi...

Người đàn ông xoay tròn và nhìn thấy đứa trẻ trên vách đá lớn chắn ngang.

Anh ta nhận ra Vango ngay lập tức, đứa trẻ hoang dại của Pollara.

- Tay ta không còn cảm giác nữa, Troisi nói.

Và Vango hiểu rằng cậu sẽ phải làm cái việc mà mình không muốn. Nhảy lên thuyền. Giúp Pippo Troisi thoát chết.

- Đi tìm ai đó đi, cậu bé.

Vango biết mình không có thời gian tìm người giúp. Cần giải phóng con thuyền đang có nguy cơ bị sóng phá tan tành. Pippo nhìn cậu bé người dơi treo lơ lửng trên vách đá hoang dại trong cơn bão biển. Ai đã đưa cậu bé đến đây vào đúng lúc này nhỉ?

Vango buông những ngón tay đang bám trên đá. Động tác này quyết định số phận của cậu. Để mặc mình rơi xuống chiếc thuyền nhỏ của Pippo Troisi, Vango đang bước sang một cuộc đời giông tố.

Khi Pippo Troisi tỉnh lại, anh cảm thấy như biển đã dịu đi. Anh phát hiện ra Vango đang đứng ở đuôi thuyền với một mái chèo duy nhất. Sương mù nổi tiếp gió. Mặt biển phẳng lặng như mặt hồ. Ngày mới còn chưa muốn tỉnh giấc dưới lớp chăn sương mù.

- Cảm ơn, anh ta nói với Vango.

Đôi mắt đen của Vango nhìn anh ta. Con thuyền cứ trôi vô định. Người ta không nhìn thấy gì phía bên kia hình ô van mà con thuyền vẽ ra khi rẽ nước. Mái chèo biến mất trong làn hơi trước khi chạm mặt nước.

Trời đang lạnh. Vango không hề run. Cậu đã chiến đấu cả đêm.

Phải mất hai tiếng đồng hồ để dùng mái chèo cuối cùng bẩy và đưa con thuyền ra khỏi cái bẫy. Mất thêm một giờ nữa để đưa nó ra xa bờ biển, giữa những con sóng xoáy tít. Đường bờ biển mỏng manh bị cơn bão gặm nhấm. Không có chỗ nào vào được đất liền.

Rồi, sương mù tan.

- Ta muốn ra đi. Ta đã chuẩn bị hết rồi, Pippo Troisi nói. Ta biết rõ biển mà.

Biển, Pippo thân thiết với biển từ xa, anh ta yêu nó bằng cả trái tim. Tính đến lúc này, anh chỉ là quả cân nặng được dân chài Salina thuê lên tàu mỗi khi thời tiết xấu, còn thế giới thiên nhiên của anh là nhỏ, là cánh đồng sỏi và nụ bạch hoa. Anh sống ở đó, không con cái, dưới ách cai trị của cô vợ.

Một lúc lâu sau, anh ta mới thú nhận với ân nhân của mình những gì anh định làm. Vango không hỏi gì. Cậu nghe mà không nhìn Pippo.

Pippo Troisi đã chuẩn bị từ rất lâu cuộc chạy trốn này. Anh muốn đến Lipari, đi thuyền qua Milazzo, để cập bến Palerme. Anh biết rằng ở Palerme, tàu sẽ sang Ai Cập và anh có thể đến cảng Port-Saïd, kênh đào Suez, và sau đó là Hồng Hải. Giấc mơ của anh gói gọn trong ba âm tiết: Zanzibar. Anh đã nghe thấy cái tên này cất lên trong bài hát của một thủy thủ trong quán rượu Rinella.

Zanzibar.

Anh không nhớ chính xác tất cả lời bài hát, nhưng trong đó có kể rằng ở Zanzibar, gió biển để lại vị ngọt của đường trên lưỡi.

Thế là đủ để sắp xếp hành lý.

- Ta không muốn về nhà, Pippo Troisi nói.

Vango đang tìm chân trời. Cậu thậm chí chẳng nghe thấy những tiếng thồn thức yếu ớt của vị hành khách đó nữa. Cậu mệt nhưng lại tìm thấy niềm vui trước những điều mới lạ. Niềm vui mà cậu từng cảm nhận được trong những chuyến thăm dò đầu tiên trên đảo, khi phát hiện ra một rừng dẻ cuối ngọn núi lửa phía Nam, khi tìm ra một suối nước nóng dưới núi đá...

Trên hết, lúc này, cậu đang chèo lái trên nỗi sợ hãi của bản thân. Biển cả trở thành một con đường. Và cậu tự hào về chiến thắng đó.

Khi Vango nhìn thấy đất liền, cậu hơi tiếc nuối vì đã ở cuối con đường. Họ đã về. Sương mù chỉ để lộ những khúc đảo. Pippo chống khuỷu tay trái nhòm dậu và nhắc lại:

- Ta không muốn về nhà.

Anh biết rằng Pina, vợ anh, sẽ đón anh với tiếng rú rít như con gà mái tây và sẽ cấm cung anh. Tuy nhiên, nỗi tuyệt vọng lớn nhất đó là trong lòng anh sẽ không còn giấc mơ đã giúp anh đứng vững bấy lâu. Zanzibar...

Trong một đêm, Zanzibar bị sóng nuốt chửng cùng những cây cọ và vị ngọt của đường.

Vango không nhận ra cái bãi nơi cậu đẩy thuyền vào bờ. Khi chạm vào những viên đá cuội lớn đầu tiên, vỏ tàu cọt kẹt lần cuối, rồi nứt toác dọc thân. Đến lúc phải thế. Người ta có thể nhét cả cánh tay qua vết nứt đó.

Vango muốn giúp Pippo Troisi đứng dậy, nhưng anh nhẹ nhàng đẩy cậu ra.

- Cứ để mặc ta thêm một chút nữa, ta còn gì để mất nữa đâu.

- Signor Troisi...

- Đi mà, cậu bé. Hãy mặc ta một lát trên thuyền. Sau đó, ta sẽ về nhà.

Vango do dự. Nhưng khi nhớ ra thân hình kinh khủng của Giuseppina, cậu thấy thương Pippo. Anh ta có thể ở trên xác thuyền thêm vài giờ nữa được chứ. Không còn nguy hiểm nữa rồi. Một chuyến du ngoạn nho nhỏ tại chỗ hướng tới Zanzibar. Vango ngồi xồm và nhìn anh ta.

- Ta thề với cháu ta sẽ không làm điều gì ngu ngốc, Pippo nói.

Pippo nhìn Vango bước đi. Từ suốt đêm đến giờ, anh hầu như không nghe thấy giọng nói của cậu.

Một cậu bé kỳ lạ, thật sự kỳ lạ.

Từ khi cậu bé đến Salina, bảy năm trước, chưa ai lại gần cậu. Đôi khi người ta nhìn thấy bóng cậu, vào buổi tối, trên những nơi cao nhất của hòn đảo. Một số người nói cậu đang cho lũ chim nhận ăn trên cánh tay vươn thẳng của mình. Tuy nhiên, có lẽ đó chỉ là một truyền thuyết.

Một bức tường thẳng đứng chắn vịnh nước. Sương mù vẫn còn ở đó. Vango không thể nhận ra nơi cậu đã cho thuyền đỗ lại. Đằng sau tấm màn sương mù, cậu thậm chí còn chẳng xác định nổi vị trí của mặt trời. Vì thế cậu cứ leo mà chẳng tự hỏi gì nữa, cậu cứ chọn con đường nào dốc đứng nhất đang mở ra trước mình để đi. Trên cao, như thường lệ, cậu sẽ nhìn thấy rõ hơn.

Cậu càng leo, không khí càng đặc hơn và thấm dẫm khuôn mặt cậu. Cậu lại nghĩ đến bữa sáng của Cô đang đợi cậu đâu đó đằng sau những đám mây kia.

Cô đúng là một ảo thuật gia bếp núc.

Trên cái lò nhỏ bằng đá của mình, bên hòn đảo chợ vờ giữa Địa Trung Hải, hằng ngày Cô vẫn làm những món ăn tuyệt vời có thể khiến các nhà ẩm thực tại các thủ đô lớn nhất thế giới cũng phải phát khóc. Trong lòng chảo sâu, rau củ nhảy điệu nhảy mê hồn quện với nước sốt, hương vị lan tỏa lên tận trí óc và tâm hồn. Một lát bánh mì phết húng tây đơn giản thôi cũng trở thành một chiếc thảm bay. Món vỏ bánh mì vụn bỏ lò sẽ khiến bạn chảy nước miếng khi vẫn còn chưa bước chân qua cửa. Và còn cả món bánh phòng nữa chứ... Lạy Chúa tôi. Những chiếc bánh phòng sẽ ôm lấy đáy chảo vì chúng nhẹ, dễ xếp, và không nhiều chất. Nhưng Vango thường vồ lấy trước khi chúng kịp bay hơi.

Cô làm món xúp và bánh cuộn cầu kỳ. Cô dùng tay tạo bọt kem với hương liệu có một không hai. Cô phục vụ món cá với thứ nước ép quả đen có vị của những loại cỏ lạ cô tìm thấy giữa những khe đá.

Trong một thời gian dài, Vango cứ tưởng nhà nào cũng ăn như vậy. Và lại, cậu cũng chẳng bao giờ thưởng thức món gì ở ngoài nhà mình. Nhưng, từ cái ngày bác sĩ được mời đến để trị bệnh viêm phổi cho cậu, hồi cậu chừng năm hay sáu tuổi, cậu đã hiểu Cô không phải là đầu bếp bình thường.

Bác sĩ Basilio được mời đến ăn trưa. Ông, một người ba hoa đến thế mà còn không thể thốt lên nổi một lời về bữa ăn. Ông vừa ăn vừa nhắm mắt lại. Ông đã hôn Cô vào hai bên má bốn lần khi ra về.

Rồi tình cờ, ông quay trở lại vào buổi tối, đúng bữa lót dạ trước khi đi ngủ, để bắt mạch cho Vango. Và ngày hôm sau, vào buổi trưa. Và lại đến buổi tối. Tình cờ. Lần nào cũng thế, ông cũng ngồi vào bàn, lúc đầu hơi ngại ngùng, rồi càng lúc càng giảm.

Khi Vango đã hoàn toàn khỏi bệnh, vị bác sĩ rất đau khổ về sự bình phục này, đến nỗi Cô phải mời ông đến ăn trưa vào các ngày thứ Hai.

Và điều đó đã trở thành thói quen. Bác sĩ là người lạ duy nhất vào ngôi nhà của Pollara.

Mazzetta, ở đằng kia, trong chuồng lừa, nhìn ông đi qua.

- Đó mới là nghề của cô, một hôm bác sĩ nói với Cô.

- Sao cơ?

Ông kẹp giữa hai ngón tay một lát khoai tây trong mớ bọc lá hoa xôn.

- Cô đã từng là đầu bếp, trước kia...

- Trước kia ư? Tôi không nhớ gì về chuyện trước kia nữa.

- Cô đã từng là đầu bếp?

- Ông nghĩ thế à?

Cô có vẻ buồn.

- Cô làm như thế nào vậy? Ông vừa hỏi vừa cắn lớp vỏ khoai tây giòn tan.

- Thì việc đó cứ đến như nó đến thôi, cô trả lời bằng tiếng Pháp.

Một buổi sáng, khi bác sĩ lại từ chối nhận tiền khám bệnh, Cô đã tâm sự với Vango:

- Ta nghĩ bác sĩ đang tán tỉnh ta.

Dường như Cô đang bối rối.

Tán tỉnh... Vango chưa bao giờ hiểu chính xác hành động này có nghĩa là gì, nhưng từ các tình huống khác nhau, cậu suy ra rằng

hành động đó có nghĩa là giúp đỡ, trợ giúp. Đúng rồi, bác sĩ đang thực sự tán tỉnh hai cô cháu họ còn gì.

Nhưng điều đó không giải thích nổi tại sao ông cứ nhìn Cô với vẻ kỳ cục và tại sao, khi cô cười với ông, mặt ông lại tái dần rồi đỏ ửng lên như chiếc khăn quàng của ông vậy. Nói ngắn gọn thì ông đang nhấp nháy.

Trèo trong sương mù bằng những động tác đều đặn, Vango nghĩ đến mấy món ăn vặt của Cô.

Đã đến lúc cậu không thể leo cao hơn nữa. Cậu dừng lại, cúi xuống nhặt một bông hoa nhỏ màu xanh trước mũi chân. Cậu chăm chú nhìn nó, rồi cậu quay vòng tròn, vẫn bức tường sương mù đó. Nhưng bông hoa vừa nhắc cậu những gì cậu cảm nhận được từ lúc đặt chân xuống đất.

Bông hoa ấy, cậu đâu đã biết nó.

Hòn đảo này đâu phải hòn đảo của cậu.

- Tôi nghĩ cậu đến muộn hơn đấy. Cậu đi đường nào thế?

Vango không nhìn thấy người đang nói, ngay đằng sau cậu.

- Thì tôi cứ đi thẳng, cậu trả lời một cách máy móc. Tôi không biết nữa.

- Cậu trèo nhanh thật.

Vango suýt xin lỗi vì đã đến sớm so với kiểu xác định thời gian khó hiểu đó.

- Xin chào.

Một bàn tay chìa ra phía cậu và một khuôn mặt lộ ra từ sương mù.

Vango bắt tay.

- Đi với tôi nào. Người ta bảo tôi đến đón cậu ở đây.

Đó là một cụ già mặc chiếc áo khoác dài bằng da dê và đeo súng.

Vango dừng suy nghĩ. Cậu vô thức theo cụ vào một mê cung núi đá lộ thiên. Cậu ngạc nhiên vì hương hoa bám quanh hai người. Cậu còn nghe thấy cả tiếng róc rách nhẹ nhàng. Họ đang ở đâu đây?

Vài phút sau, họ đến trước một cái cửa. Trước khi đẩy cửa vào, người đàn ông cởi áo khoác ra. Ông mặc bên trong tấm áo choàng đen và đeo một chiếc thắt lưng bằng thừng quanh eo. Ông để súng dựa tường.

Họ bước vào một căn phòng dài và thấp được chiếu sáng lờ mờ bằng ánh lửa. Phía cuối phòng, trên những ngọn lửa, in bóng một người đàn ông to béo ngồi trên ghế đầu. Người đàn ông đó ngược ánh mắt vui vẻ về phía Vango, và bằng tay trái, anh ta giơ lên một mẩu bánh mì phết đầy dầu ô liu.

- Cậu thấy đấy, anh ta nói, họ biết tiếp đón đấy chứ!

Làm thế nào Pippo Troisi lại ở đây? Người ta đã chăm sóc bàn tay cho anh. Anh đã trở thành người đàn ông khác.

Vango quay về phía cụ già có khẩu súng. Người này nói bằng một giọng rất dịu dàng:

- Vấn đề không phải là tiếp đón các cậu. Mà vấn đề thực sự là để các cậu rời Arkudah như thế nào. Phải hỏi Zefiro mới được.

Arkudah. Vango đã nghe cái tên này trong những câu chuyện xưa cũ về bọn cướp biển mà mọi người trên đảo vẫn kể.

- Đến giờ rồi, ai đó nói.

Rồi, Vango thấy bóng tối căn phòng nhộn nhịp lên. Những bóng đen đứng vây quanh cậu. Cậu không nhìn ra họ là ai. Nhưng từ lúc cậu bước vào, hàng chục con người vận đồ đen, ngồi trên những chiếc ghế đá dài, không rời mắt khỏi cậu.

6 HÒN ĐẢO HUYỀN BÍ

Vẫn nơi ấy, ngày hôm sau

Vango ngỡ mình ngủ quên trong lòng đất, nhưng khi tỉnh giấc, cậu lại ở ngay gần mặt trời. Một tia nắng đậm như dầu nóng chảy dài trên khuôn mặt cậu.

- Tôi không biết làm gì với cậu cả, cậu bé.

Người đàn ông đang nói đứng trước mép cửa sổ. Một ô cửa sổ dài nằm ngang mà người đàn ông không thể che hết. Ánh sáng ngược khiến cậu không thể nhìn thấy khuôn mặt người đó và tia nắng mặt trời trên vai ông ta làm lóa mắt Vango.

- Anh bạn của cậu, đó, anh ta tên là gì nhỉ?

- Pippo Troisi, Vango nói... Đó không phải là bạn cháu.

- Đúng rồi, Troisi. Đúng vậy. Anh ta, anh ta sẽ ở lại đây. Nhưng còn cậu... cậu bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?

- Cô đang đợi cháu.

- Cô?

Vango không trả lời. Cậu không biết chính xác mình đang nói chuyện với ai. Cậu không thích như vậy.

- Tôi không biết đoán tuổi của trẻ con nữa, người đàn ông nói. Tôi có thể nói chính xác tuổi của một con ong hoặc một gốc nho. Nhưng từ lâu rồi tôi không gặp đứa trẻ nào.

- Cháu mười lăm tuổi, Vango nói, cậu tận dụng cơ hội này để được lớn thêm năm tuổi chỉ bằng một cú hít thở.

Đó là lời nói dối đầu tiên trong đời cậu. Cậu chưa bao giờ có ý định hoặc có dịp nói dối. Cũng dễ chịu đấy chứ.

- Uống một chút đi.

Một cái ly không chân đặt xuống gần Vango. Cậu nhòm dậy uống.

Người đàn ông nhìn cậu đặt ly xuống. Ông rời cửa sổ và đi về phía cửa lớn.

Vango cảm nhận trên lưỡi có vị lạ. Cậu vừa uống gì vậy nhỉ? Đầu cậu hơi quay cuồng.

- Nếu cậu mười tuổi, người đàn ông nói, tôi sẽ dễ dàng để cậu đi. Một đứa trẻ mười tuổi không phải là mối nguy hiểm. Nhưng mười lăm tuổi thì...

Ông sập cửa và khóa ổ khóa lại. Vango bất tỉnh.

Lần này, Vango thức dậy trong một đám mây đầy mùi vị quá quen thuộc với cậu.

Cậu nằm trên chiếc ghế sành dài màu xanh, gần cái bàn mà Basilio và Cô đang ngồi. Bác sĩ đang ăn bánh quy hạnh nhân chấm sô cô la. Cô mỉm cười với Vango.

- Chúng đâu rồi ạ? cậu lắp bắp, môi khô cong.

- Chúng ở đây chứ đâu, bác sĩ vừa nói vừa chìa giỏ bánh ga tô nhỏ ra. Còn lại cho cậu này.

Vango lắc đầu. Cậu có nói về những chiếc bánh ga tô đâu.

- Những con người cơ mà, họ ở đâu ạ?

- Người nào? Cô nhẹ nhàng hỏi.

- Bọn cướp biển.

Bác sĩ Basilio cười, ra hiệu trấn an Cô rồi nói với Vango:

- Anh chàng Mazzetta hàng xóm đã tìm ra cậu đấy. Có lẽ cậu bị ngã và ngất trên bờ hoang.

- Cháu có ngã đâu, cậu nói.

- Anh ta tình cờ tìm thấy cậu. Một gã can đảm.

Cả ba người không thể biết rằng không phải Mazzetta tình cờ tìm thấy Vango mà ngay khi nhận thấy vẻ lo lắng của Cô, hắn đã ngày đêm đi tìm Vango khắp xó xỉnh trên hòn đảo.

Cuối cùng, hắn phát hiện cậu đang bất tỉnh ở một nơi mà hắn cho là đã đi qua ba lần rồi. Từ mấy năm nay, Mazzetta cảm thấy phải có trách nhiệm với Vango.

- Cháu đã đi thuyền mà, Vango nói, cháu ở trên đảo của những người mặc đồ đen.

- Đúng, cậu từ xa trở về, bác sĩ nở một nụ cười rộng ngoác đáp lại. Nhưng cậu có đi thuyền đâu, Vango. Cậu bị ngã. Thôi ổn rồi.

- Cháu không ngã thật mà, cậu bé nhắc lại.

- Sờ vào cái u trên gáy cậu thì biết... Tôi sẽ để cậu nghỉ ngơi và sẽ trở lại vào tối nay, bác sĩ nói, ông điên lên vì niềm hạnh phúc được gần Cô ngoài những buổi thứ Hai theo quy định.

Ông nắm lấy tay cô bảo mẫu, cô nói:

- Cảm ơn bác sĩ.

Cô biết ông khẩn khoản muốn cô gọi tên mình, Basilio, nhưng cô không muốn cho ông bất kỳ mảy may hy vọng nào khi tiến một bước về phía ông. Ông nắm tay cô hơi lâu trong tay mình.

Cô tránh người để mở cửa.

- Còn em? Em không nói tên em cho tôi hay sao, Quý cô? bác sĩ nói.

- Tôi còn chẳng biết nữa là, thật lấy làm tiếc.

Cô choàng một chiếc khăn san rất ngắn phủ lên cổ và vai. Trước khi đóng cửa lại, cô thoáng thấy Mazzetta đang quan sát họ từ xa.

Bác sĩ cũng nhìn thấy hắn và nói với Cô:

- Tôi sẽ nói với hắn là Vango khá hơn rồi. Mazzetta đã cứu sống cậu bé khi phát hiện kịp thời.

- Cứ nói với anh ấy những gì ngài muốn.

- Em có gì không ưa hắn à, Quý cô? Người đàn ông đó cho em tất cả những gì hắn có còn gì.

Cô không trả lời.

- Em có biết hắn gọi con lừa của mình là “kho báu của ta” không? bác sĩ cười nói.

- Tôi không biết.

Cô đóng cửa.

Tôi không biết. Tôi không nhớ. Vẫn những câu nói đó, vẫn thế.

Cô ý thức một ngày nào đó, cô sẽ thôi không chạy trốn những gì cô biết rõ, những gì cô vẫn nhớ như in mỗi phút, mỗi giây.

Cô đến quỳ gối bên Vango. Mắt cậu đang nhắm nghiền.

Chính vì cậu bé này mà cô đã chọn cách quên đi tất cả. Để cậu được sống.

Vango, trong giấc ngủ chập chờn, đang cố nhớ lại những gì xảy đến với cậu những giờ vừa qua.

Trí nhớ mờ mịt. Trật tự thời gian các sự kiện cứ lẫn lộn trong đầu cậu. Cậu nhớ đến chiếc thuyền, chuyến đi trong sương mù, những người đàn ông mặc đồ đen, nhưng cậu lại chẳng biết chỉ có vài người đó hay nhiều hơn, và chuyện đó xảy ra vào ban đêm hay giữa ban ngày. Nổi bật giữa những hình ảnh mờ mịt, một giọng nói duy nhất vang lên rõ mồn một. Một giọng trầm vang lên trong ánh sáng.

Một giọng nói thốt lên câu nói kỳ lạ ấy: “Từ lâu rồi tôi không gặp đứa trẻ con nào”.

Tuy nhiên, vài tiếng sau, khi đã có thể đứng dậy và ngồi ăn với Cô, cậu quyết định quên đi tất cả. Cuộc phiêu lưu của cậu quá giống một giấc mơ bị cắt mất những chi tiết phụ.

Cậu sẽ chỉ giữ lại một cái bấu to và cảm giác luyến tiếc lạ lùng.

Cậu ăn ngon lành. Bác sĩ xuất hiện lúc tráng miệng. Trước tiên, ông sờ phía sau đầu Vango.

- Đã gần hết rồi còn gì.

Đúng, đối với Vango, gần hết rồi còn gì.

- Ngài dùng một chút xúp chứ? - Cô hỏi thừa. Hãy còn một bát lớn.

- Tôi không muốn lợi dụng đâu, bác sĩ vừa nói vừa quàng khăn ăn quanh cổ, tôi thực sự không thể nhận lời.

Bác sĩ ngồi xuống. Không biết mắt ông long lanh vì mùi hương của món xúp hay vì nụ cười của Cô.

Rồi, cuối cùng, sau món rượu cam mà ông chỉ cho Vango nếm thử, khi họ đã cười thoải mái với những câu truyện Basilio thường mang theo trong chiếc túi cứu thương, khi Vango đã sắp quên đi mãi mãi thắc mắc của mình thì bác sĩ buột ra một câu nói nhỏ làm thay đổi tất cả:

- Dù sao cũng có một chuyện buồn, đó là Pippo Troisi, em biết rồi đấy, anh chàng của những cây bạch hoa, anh ta mất tích rồi.

Vango ngỡ mình nghe nhầm.

- Ông nói gì cơ ạ?

- Pippo Troisi. Cô ả Pina, vợ anh ta, đã khóc lóc suốt ba ngày nay. Anh ta mất tích rồi.

Vango nhắm mắt lại.

- Tôi chưa bao giờ nghĩ cô ả lại đau khổ đến thế, Giuseppina ấy, bác sĩ nói tiếp. Để tôi nói cho mà biết, cô ả đáng sợ đến nỗi lúc đầu, một số người còn kể chính cô ả đã ăn thịt anh ta...

Bác sĩ cười. Vango vội vàng đứng dậy và chuồn ra ngoài.

Cậu bước đi dưới ánh mặt trời tàn, mắt nhìn ra xa. Phía sau hòn đảo đầu tiên vừa dài vừa méo mó, khom khom ngang mặt nước giống một người phụ nữ đang mang thai, cậu thoáng nhìn thấy một hòn đảo nữa. Hòn đảo đó tên là Alicudi. Những cư dân cuối cùng đã bỏ nó mà đi. Người ta nói nó bị bỏ hoang ít nhất cũng hai mươi năm nay rồi.

- Vango?

Lo lắng, bác sĩ bám theo cậu ra ngoài.

- Cậu còn phải nghỉ ngơi một hay hai ngày nữa.

- Dạ. Cháu sẽ nghỉ ngơi. Cháu đến...

Bác sĩ quay vào nhà.

- Bác sĩ...

- Có chuyện gì?

- Hòn đảo kia tên là gì ạ, ở đằng kia kia, đảo xa nhất ấy?

Bác sĩ nheo mắt nhìn ra biển.

- Alicudi.

- Thế thôi ạ?

- Đúng, thế thôi.

- Trước kia, đã lâu rồi, nó còn có một cái tên khác... Thời của những tên cướp biển...

- Phải, đúng đấy. Nó có một cái tên Ả Rập.

- Tên gì nhỉ?

- Arkudah.

Arkudah, bảy ngày sau

Vango leo nốt mười mét cuối cùng.

Đi theo sườn núi này, người ta sẽ không tóm được cậu. Cậu có thể kín đáo làm một chuyến khám phá.

Xung quanh cậu, lũ chim nhận đang mài những mũi tên cuối cùng trước chuyến di cư lớn.

Vango lôi cuốn lũ nhận và các loài chim khác như thỏ nam châm.

Mùa đông năm lên sáu hay bảy tuổi gì đó, cậu đã giữ lại bên mình một chú chim nhận va phải cửa kính ngôi nhà bị bỏ hoang. Cậu bảo vệ nó trong sáu tháng trời, giữ cánh của nó trong chiếc nẹp bằng thân nho leo. Chú chim đó đã trải qua một mùa đông không di trú, được nuôi dưỡng bằng mòng nghiền và bơ. Rồi nó cất cánh bay đi vào tháng Tư khi những người bạn đường của nó di cư trở về.

Từ đó trở đi, cả loài chim nhận tỏ lòng biết ơn thầm kín đối với Vango. Lòng biết ơn thể hiện qua vũ điệu bay mơn trớn với vận tốc một trăm vòng trên giờ, kết hợp thổi gió đến với cậu.

Vango thấy chúng đôi khi hơi suồng sã. Cậu nói với chúng “được rồi, được rồi” khi chúng bay lượn qua chân cậu. Lũ nhận sống rất lâu, lâu hơn nhiều so với cả loài ngựa thỏ nhất, và sự triu mến của chúng đối với cậu còn lâu mới hết.

Vango quay ra biển. Cậu nhìn thấy giữa khoảng mênh mông bát ngát đó một cánh buồm đang xa dần. Đó là con tàu buôn lớn đang trên đường đến Palerme, con tàu đã thả cậu xuống khi ngang qua đảo Arkudah.

Khi con tàu rời cảng nhỏ Malfa, Vango đã nhảy lên tàu. Thuyền trưởng là người Pháp. Ông rất ngạc nhiên khi cậu bé nói với ông bằng ngôn ngữ quê hương mình, phát âm chuẩn và thậm chí còn phảng phất nét tinh tế của thời xưa. Vango giải thích rằng chú của cậu sống trên hòn đảo ở đằng xa kia và cậu bị lỗ tàu đánh cá vẫn thường đưa cậu lên đó vào Chủ nhật.

- Nhưng hôm nay có phải Chủ nhật đâu, vị thuyền trưởng chữa lại, hôm nay là thứ Tư mà.

Vango nhìn ông đầy tự tin.

- Ở đây, thứ Tư được gọi là Chủ nhật ạ, cậu giải thích rất nghiêm túc. Bác nhớ lại đi, bác có ở Pháp đâu.

Trong vài ngày, Vango đã khắc phục được sự lạc hậu của mình trong việc nói dối. Cậu thích thú như trẻ mới đi học vậy.

Cậu mất mấy tiếng đồng hồ trên tàu để giải thích cho đoàn thủy thủ biết rằng chú của cậu sống trên đảo với một con gấu và một con khỉ nhỏ. Chưa bao giờ trong đời, Vango lại ba hoa đến vậy. Để trả lời viên thủy thủ người Nga hỏi cậu là con khỉ từ đâu ra, cậu kể bằng tiếng Nga rằng chú cậu đã tìm thấy nó trong một thùng tô nô dạt vào bãi đá cuội.

- Cháu nói được tiếng Nga à?

Vango không trả lời, cậu còn đang bận bịu giải thích rằng con gấu, nó tự bơi đến với ông chú.

Cậu khó lòng cưỡng nổi niềm thích thú khi được ba hoa chích chòe.

Cậu để lại cho Cô mấy chữ giải thích sự vắng mặt của mình trong vài ngày, cậu viết rằng cậu sẽ “tán tỉnh ai đó”. Cậu vẫn cứ nghĩ hành động đó nghĩa là giúp đỡ, và lần này, nó không hẳn là sai. Pippo Troisi đang gặp nguy hiểm.

Trước mắt, mục đích của cậu là tìm hiểu xem liệu những gì cậu tin mình đã nhìn thấy trên hòn đảo đó có thực sự tồn tại không.

Nhưng khi cậu leo lên đến nơi thì chẳng có gì cả.

Cậu nhìn xung quanh và không thấy dấu vết nào chứng tỏ có người sống ở đó. Cậu nghĩ sẽ tìm thấy một bãi đóng quân bắn thiu và vài cái hang: nơi ẩn náu của lũ cướp biển mà cậu tưởng tượng trong lúc lảm bảm cái tên Arkudah.

Theo cậu nghĩ, người đàn ông nói chuyện với cậu trong ánh sáng chói lóa sáng hôm đó là tên tướng cướp, còn Pippo Troisi là tù binh của bọn chúng.

Nhưng trên hòn đảo này, không có lấy một chiếc mũ ba góc nào của bọn cướp biển hay tàu cướp biển, không cờ đen đầu lâu, không lũ vẹt ba hoa và xác láo, không sợ người làm gặt tàn.

Chỉ có đá và bụi rậm.

Vango cảm thấy chút gì đó thất vọng, dù không chịu thừa nhận.

- Dù sao, mình cũng quá biết điều đó.

Khi nhắc lại câu đó, cậu lúc này giống như bất kỳ thằng bé mười tuổi nào khác.

Từ sườn dốc thoải thoải, cậu dần bước đi tiếp. Một cái cây duy nhất mọc lên giữa những núi đá. Cậu quyết định tạo dựng căn cứ ở đó để nghĩ cách rời khỏi hòn đảo này và về nhà với Cô. Cậu ngồi dựa gốc cây nhìn ra biển.

Bãi cỏ xanh mướt nơi cậu đang ngồi nổi bật trên nền gương trắng của biển. Nhưng ở đó, dọc đường phân định giữa cỏ và nước, Vango nhìn thấy một đốm màu. Cậu lại nghĩ đó là cánh buồm nhấp nhô trên sóng. Nheo mắt lại, cậu nhận ra bông hoa. Bông hoa màu xanh lam giống y như bông hoa mà cậu đã nhặt lên, bông hoa đã chứng tỏ cậu không ở trên hòn đảo của mình. Cậu đứng dậy, bước đến cách bông hoa năm bước, nghiêng người.

Rồi, quỳ gối xuống, cậu phát hiện được nhiều điều hơn những gì cậu tìm kiếm.

7

ZEFIRO

Đó không phải sào huyệt của bọn cướp biển, đó là một khu vườn. Một khu vườn tuyệt đẹp giữa chốn hoang vu trên đảo.

Ngay phía dưới Vango, bãi thung vũng xuống giống như lòng bàn tay. Một khối kiến trúc huyền bí bằng đá bao quanh quần thể thực vật trù phú. Hơi nước màu xanh bao trùm thiên đường khép kín này. Sức nóng mặt trời khiến đất vườn bốc khói.

Vango chưa bao giờ nhìn thấy hay mơ đến một nơi như thế. Cậu thường có cảm giác mình được sinh ra giữa hai hòn đá cuội và chẳng biết gì ngoài đám đậu kim, cỏ khô và lũ gai xương rồng vọt. Nhưng ở nơi đây, những bờ rào um tùm xen kẽ những ô vuông được tía tốt kỹ càng, những luống rau tô điểm trên nền đất đen và những ngôi nhà gần như vô hình, khuất sâu dưới tán cọ. Hai ngọn tháp thấp bé giống như hai núi đá được đặt cân bằng giữa một miền xanh ngắt.

Ấy vậy mà không hề có bóng dáng con người trên các lối đi trong vườn, không một con người, không một giọng nói. Không một dấu vết nào của bọn cướp biển với những ngón tay xanh biết làm đá nở hoa.

Vango quyết định lợi dụng khi chúng vắng mặt để xuống quan sát cận cảnh nơi ở của bọn chúng.

Chúng nhất Pippo Troisi ở đâu không biết?

Vango lập tức nhận ra hương hoa nhài và tiếng nước chảy. Đây chính là nơi người ta dẫn cậu đến trong khoảng thời gian khó hiểu ấy. Lúc đó, cậu không thể nhìn thấy quang cảnh nhưng mùi hương và tiếng động vẫn đọng mãi trong ký ức cậu.

Vango luồn dưới đám cây chanh, khom lưng, bước dọc hàng rào cà chua chín muộn. Một bầu không khí tươi mát đến kỳ lạ lan tỏa khắp các lối đi trong khu vườn. Nước ở khắp nơi. Nước chảy qua ống gỗ rỗng, dừng ở bể đá, rồi leo dọc các bánh xe bằng sậy nhờ sự kỳ diệu của cơ chế vận hành, và tỏa đi bằng vô số ống nhỏ mỏng và rộn rã hơn.

Vango không thể tin vào những gì cậu đang trông thấy. Hòn đảo Alicudi này bị bỏ hoang vì không có nước, không có cảng an toàn, vì không có thứ gì mọc được ở đây và thậm chí vì đến cả la cũng chết do nắng và buồn chán. Vậy mà Vango lại đang phát hiện ra một nơi hiền hòa, ướt át và um tùm cây cối hơn tất cả những gì cậu có thể hình dung ra.

Pippo Troisi đang ở một mình, ngồi trên ghế, đang chăm chú rút sợi mắt của một tấm lưới lớn phủ hết người anh. Vango bắt gặp anh ta ngồi phơi nắng, trên một khoảnh đất lát đá cuội. Troisi rất tập trung vào công việc của mình, thỉnh thoảng anh lại dùng răng để kéo sợi.

Nằm trên đất, Vango nhìn anh ta, ngán ngẩm với số phận của người đàn ông vẫn mơ đến tự do ở Zanzibar giờ phải sống như chim trong lồng dưới tấm lưới đánh cá kia. Cậu bắt đầu bò giữa đám hương thảo, rồi chui ra khỏi chúng, bụng vẫn áp sát lên con đường đá.

- Signor Troisi...

Người đàn ông không nghe thấy. Vango tiếp tục tiến lên. Pippo Troisi hầu như quay hẳn lưng lại với cậu.

Đây là lần thứ hai Vango cố cứu sống anh ta. Trong vườn vẫn yên tĩnh nhưng Vango lại hoài nghi. Cậu biết người ta không bao giờ để tù binh ở một mình quá lâu. Bọn cướp biển sẽ quay lại. Cần phải ra tay gấp.

Thoạt tiên, Troisi nhận thấy tấm lưới đang tuột khỏi tay mình. Hai lần, anh muốn nắm lấy nó nhưng tấm lưới tuột quá nhanh.

- Ê!

Cuối cùng, anh ta găm bàn chân vào giữa mắt lưới để giữ nó lại. Một cái giật nhanh và mạnh khiến tấm lưới bằng gai dầu đứt và văng đi.

- Đây mà! Lại đây mà..., một giọng nói thì thầm.

Pippo Troisi quay lại và phát hiện ra Vango đang ở dưới chân mình.

- Chú đừng sợ, chúng ta sẽ cùng nhau trốn thoát...

- Cậu làm gì ở đây vậy?

- Cháu sẽ giúp chú.

- Không đâu, Vango.

- Chú lại đây, Signor Troisi, chú lại đây nào...

Troisi co quắp trên ghế như thể đang tìm kiếm sự giúp đỡ.

- Đi đi, Vango!

- Chú can đảm lên, cháu đến tìm chú mà.

Vango tóm lấy cổ tay anh ta và không thả ra nữa.

- Kệ tôi! Cậu về nhà đi! Pippo nói.

Nỗi sợ hãi làm khuôn mặt anh ta méo xệch.

- Thôi ngay, Vango!

Nhưng cậu bé đã quyết cứu Pippo Troisi cho dù anh ta có muốn hay không. Cậu dùng hết sức để kéo anh ta.

- Không bao giờ, Pippo kêu lên, không bao giờ!

Rồi, bằng bàn tay kia, Pippo vớ lấy lưng ghế, dẫn đo một tích tắc, cảm thấy có lỗi, rồi, nhắm mắt lại để không phải trông thấy cảnh tượng đó, anh ta phang chiếc ghế lên người Vango.

- Xin lỗi nhé, cậu bé. Tôi đã bảo cậu rồi mà. Tôi đã ngăn cậu rồi mà.

Pippo nhặt ghế lên. Anh ta run rẩy ngồi xuống và nhìn Vango lăn đùng ra đất bất tỉnh.

- Không bao giờ..., anh ta nhắc lại. Sẽ không bao giờ có ai kéo được tôi ra khỏi đây đâu.

Nỗi sợ hãi duy nhất luôn ám ảnh anh ta là một ngày nào đó phải từ giã nơi này.

Pippo gập tấm lưới đang sửa lại. Anh ta làm thành cái đệm rồi đặt Vango lên đó. Anh lôi từ thắt lưng ra một cái khăn lau, đi đắp nước ở vòi, chỗ những cây cói giấy vươn cao và trở lại đặt lên trán cậu bé.

- Tôi có muốn đánh đâu cơ chứ.

Anh ta đang nghiêng người về phía Vango thì cảm nhận như ai đó ở sau mình.

Pippo Troisi quay người lại và nói gần như khóc:

- Thừa linh mục... Ôi, thừa linh mục! Hãy tha lỗi cho con, con cho là mình đã làm cậu ấy đau mắt rồi. Con đã phang vào đầu cậu ấy.

Nhưng chính cậu ấy khơi mào... Con muốn ở lại đây, con xin cha. Cha sẽ nói với cậu ấy con muốn ở lại đây chứ?

Linh mục Zefiro không phải cướp biển.

Đó là một vị thầy tu bốn mươi hai tuổi.

Ông cao một mét chín mươi và mặc chiếc áo chùng bằng len bua trông còn đẹp hơn cả tài tử điện ảnh. Đi cùng ông còn có bốn vị thầy tu khác, đội mũ choàng, gương mặt rám nâu vì nắng. Họ đều đeo bên mình những chiếc giỏ đan bằng liễu đựng đầy cá tươi.

- Cậu ấy đã trở lại, linh mục vừa nói vừa nhìn Vango.

- Trực tiếp và không dừng lại, Pippo trả lời, anh ta đã nghe câu này từ miệng Zefiro và bắt đầu sử dụng nó mười lần mỗi ngày vì sùng kính con người vĩ đại này.

- Cậu ấy đã trở lại..., linh mục nhắc lại.

Người ta nhận ra không ít vẻ hiếu kỳ trên khuôn mặt ông.

- Đưa cậu ấy đến chỗ thầy dòng Marco, ở trong bếp, ông nói với Pippo. Bảo anh ấy đổ dầu lên đầu cậu ta.

Pippo giật nảy mình.

- Cha... Cha sẽ...

- Chuyện gì vậy, người anh em? Zefiro hỏi, rồi bước đi.

- Cha sẽ ăn thịt cậu ta ư?

Zefiro dừng lại. Cha thật hiếm khi cười.

Khi cha cười, nụ cười của cha thật sự tỏa sáng.

- Đúng, ông trả lời. Trực tiếp và không ngừng.

Thực ra, Marco, thầy dòng nấu bếp, có chút hiểu biết về nghề y. Anh ta chăm sóc cái đầu của Vango với tinh dầu long não và đặt cậu

gần lò nấu cho ấm.

Lúc này, Zefiro đang đứng trong phòng mình. Các vị tu sĩ sống dọc khu vườn, trong những căn phòng nhỏ bé. Trống trơn, chỉ có cái nệm rơm cuộn để một góc, các phòng chỉ để hở một khe ngang suốt chiều dài bức tường làm cửa sổ. Zefiro nhìn qua cái khe mở trong đá, ngang tầm mắt ông.

Ông tự hỏi sẽ làm gì với vị khách bé nhỏ đang làm đảo lộn cuộc sống của tu viện.

Arkudah là công trình của Zefiro.

Ông gọi đó là tu viện vô hình.

Ba mươi tu sĩ sống ở đó, bàng quan với thế giới, quanh vị linh mục từ năm năm nay. Thời gian đầu, họ tự tay xây dựng nhà ở và vườn tược, họ tự cung tự cấp về nước và lương thực... Và rồi, cuộc sống của cộng đồng này bắt nhịp cùng tất cả các tu viện khác. Công việc, đánh cá, cầu nguyện, đọc sách, vườn tược, bữa ăn, giấc ngủ cứ thế tuần tự theo giờ suốt ngày đêm, theo một trật tự nghiêm ngặt. Đó là chiếc đồng hồ sinh học điều độ, dường như không thể ngừng nghỉ.

Vango là một hạt cát trong cơ chế đó.

Sự tồn tại của tu viện vô hình không được ai biết đến ngoài Đức Giáo hoàng, người đã động viên Zefiro xây dựng nó và khoảng chục mối liên hệ với đất liền và toàn thế giới.

Bí mật này là vấn đề sống còn đối với Zefiro và các vị thầy dòng.

Sự xuất hiện của Pippo Troisi lẽ ra cũng là điều đáng lo ngại nhưng, sau khi nghe lời trần tình dài dằng dặc của anh ta, tu viện quyết định giữ anh ta lại. Chân dung người vợ mà anh ta vẽ ra, cô ả

Giuseppina ghé gối, đã khiến tất cả thầy tu vô hình run lên vì sợ và buồn cười.

Họ gán cho Pippo danh hiệu “ông chồng tị nạn” và coi anh ta như một kẻ chết đuối vớ được cọc.

Khi biết mình được ở lại, Pippo nhảy cẫng lên vì vui sướng. Anh ta có cảm giác như đã lên đến thiên đường. Trục tiếp và không ngừng.

Thế nhưng, ngày đầu tiên của Pippo Troisi suýt nữa trở thành ngày tồi tệ. Anh ta liệu không đi lễ xem sao.

Lúc anh ta hãy còn ngủ, sáu rưỡi sáng, Zefiro từ nhà thờ bước ra, múc đầy xô nước ở bể rồi đổ ụp lên đầu con người tội nghiệp mới đến.

- Dậy muộn quá nhỉ, người anh em Pippo?

Ngay ngày hôm sau, Pippo, vốn chưa bao giờ đặt chân vào nhà thờ, trước năm giờ sáng đã đứng trên ghế cầu kinh, vẻ mặt tĩnh tại, hai bàn tay đan vào nhau. Zefiro rất thích như vậy. Ông thích thú nhìn anh ta mấp máy môi theo những bài thánh ca tiếng Latinh làm như mình cũng thuộc. Pippo lẩm nhẩm, dưới lớp râu, những bài ca ra khơi không thật sự mang tính nghi lễ: *Elle en a, la Graziella, la, la, lère...*

Vango, kẻ mới đến, khiến linh mục lo ngại hơn nhiều.

Từ ba ngày nay, Zefiro quan sát cậu.

Vango bắt đầu bình phục và dần dần mon men ra khỏi bếp. Cậu tò mò quan sát cuộc sống của các thầy tu, theo sát nhất cử nhất động của họ. Người ta bắt gặp cậu trên mái nhà thờ lắng nghe thánh ca của buổi lễ tối.

Qua Pippo Troisi, Zefiro đã biết chuyện về Vango, về nguồn gốc bí ẩn của cậu và sự tồn tại của cô bảo mẫu. Tất cả những điều đó khiến ông quan tâm.

Ông không thể để một đứa trẻ ở lại trong tu viện.

Nhưng làm thế nào để cậu ta giữ bí mật về Arkudah khi ra khỏi những bức tường kia?

Zefiro không nghe thấy tiếng gõ cửa. Marco, thầy dòng nấu bếp bước lại gần ông.

- Thừa linh mục.

Ông sực thoát khỏi dòng suy nghĩ của mình.

- Có chuyện gì?

Cuộc hội thoại sau đó giữa hai người đàn ông tu hành có lẽ sẽ khiến các vị thần bản mệnh của họ phải thẹn đến đỏ mặt.

- Tôi đã tìm thấy nữ chúa cho cha rồi, thầy dòng nấu bếp nói.

- Nữ chúa cho ta...

Zefiro cẩn thận khép cửa lại.

- Thật ư? Anh tìm thấy nữ chúa cho ta rồi ư?

- Tôi tin là mình đã tìm thấy nàng, thừa cha.

Zefiro chống tay lên tường. Ông dường như bị mất thăng bằng.

- Anh tin ư? Anh chỉ tin thôi ư?

Thầy dòng vừa áp úng vừa vặn vẹo cặp kính rệu rã của mình:

- Tôi tin là...

- Tin thôi thì không đủ! Zefiro nói.

Từ miệng một người đã chọn con đường tin Chúa thì câu nói đó đúng là một sự sơ sẩy. Zefiro ý thức được điều đó. Ông cố gắng bình tĩnh lại trước khi thần bản mệnh nổ tung ngay trên lưng mình.

- Anh biết đấy, Marco..., ông tiếp tục.

Họ nói hầu như rất nhỏ.

- Ta tìm kiếm nữ chúa từ lâu lắm rồi...

- Tôi hiểu, thưa cha. Thế nên tôi mới nói với cha điều đó. Tôi tin... Tôi nghĩ nàng có thể đến đây với chúng ta trong vài ngày nữa nếu cha muốn.

Lần này, Zefiro trở nên tái nhợt. Ông cười.

- Trong vài ngày nữa... Nữ chúa của ta, lạy Chúa tôi! Nữ chúa của ta!

- Có một điều kiện.

- Hà?

- Cha phải để đứa bé đi.

Zefiro trừng trừng nhìn thầy dòng Marco và cái mặt khỉ tinh quái của anh ta.

- Đứa bé ư?

- Đúng, thằng nhỏ Vango. Ngay hôm nay.

Zefiro giả vờ như đang phải cố gắng lắm. Nhưng thực ra, ông đã sẵn sàng cho mọi chuyện.

- Đây là một lời đe dọa?

- Gần như vậy.

- Đồng ý thôi. Thằng bé sẽ đi.

- Và rồi... Cha hãy để cậu ấy quay lại.

Linh mục Zefiro giật nảy mình.

- Gì cơ? Anh điên à?

- Không có Vango thì không có nữ chúa.

- Anh điên à, người anh em?

- Tôi không điên. Chính Vango biết nàng đang ở đâu. Chính cậu ấy sẽ mang nàng đến.

Cuộc đối thoại giữa hai thầy tu đã đến mức này rồi thì chỉ còn một cách duy nhất vực thần bản mệnh của họ dậy, những vị thần sững sờ, lăn quay ra đất ngất xỉu, vàng hào quang xộc xệch.

Chỉ cần cho họ vài lời giải thích sau đây mà thôi.

Zefiro, người đã trở nên cực kỳ đúng mực, vẫn giữ một cái tật ngằm, một nỗi đam mê điên cuồng và không giới hạn. Từ nhiều năm nay, ông có một đội cướp biển nữ, trẻ và khỏe phục vụ mình, ông sai họ đi cướp bóc những đảo khác trong quần đảo.

Buổi tối, họ trở về, run rẩy, chất đầy vàng và mút kẹo, rã rời vì những chặng đường đã đi qua, và đổ đầy chiến lợi phẩm trước mặt ông chủ họ.

Những nữ cướp biển ấy là những nàng ong.

Zefiro là người nuôi ong.

Ngày đầu tiên lên đảo, ông làm năm cái tổ ong. Những nàng ong lang thang kín đảo vỗ về ông bằng những chuyến đi mà ông không còn thực hiện được nữa từ khi một bí mật buộc ông phải xây dựng nên tu viện vô hình này và ở lại đó mãi mãi cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Suốt nhiều năm, song song với cuộc sống thầy tu, Zefiro còn là thủ lĩnh của băng nhóm đó, gặp gỡ những nàng ong vào mỗi buổi

sáng và buổi tối khi chúng xong nhiệm vụ trở về. Nhưng vài tháng trước, chúng bị chết hết, một trận bão cuối hè đã cuốn chúng đi. Zefiro che giấu vẻ suy sụp của mình và thậm chí còn vực dậy tinh thần cho thầy dòng nấu bếp khi anh này đau khổ vì từ nay không còn mật ong trắng và món bánh mì phết mật nữa.

Từ sau thảm họa đó, Zefiro muốn tìm một nữ chúa. Ông cần một con ong chúa để lôi kéo đàn ong mới và tái tạo những tổ ong.

Ở trong bếp, Vango đã nghe thấy lời than vãn của thầy dòng Marco. Cậu nói với người nấu bếp rằng cậu biết ít nhất ba hay bốn tổ ong trên những vách đá đảo Salina. Cậu có thể dễ dàng tìm ra một con ong chúa để tái sinh trại ong Arkudah.

Thú thật, nếu người ta yêu cầu cậu một con kangourou hay một quả dưa thì Vango cũng sẵn sàng hứa hẹn đáp ứng. Cậu có thể bịa ra bất cứ cái gì để được trở về. Tuy vậy, lần này, cậu không nói dối. Cậu rất thân với lũ ong như với bất kỳ sinh vật nào khác trên đảo.

Đối với cậu, thách thức này dường như quá trẻ con.

Ngay ngày hôm sau, người ta cho cậu mượn một trong những chiếc thuyền được các tu sĩ giấu trong hang sâu lấp mé mặt nước bên vách đá phía Tây hòn đảo. Vango đi bốn ngày và trở lại cùng hai con ong chúa, diêm, bánh ga tô và thịt bò. Các thầy tu hồ hởi đón tiếp cậu hơn cả đón tiếp một nhà tiên tri.

Tối hôm đó, quanh món ra gu làm theo kiểu của Cô để thết đãi tu viện, cậu nhận ra rằng mình đã được tự do. Tự do đi và tự do trở lại, vô hình giữa những người vô hình.

Giờ đây, cậu san sẻ thời gian giữa một bên là cuộc sống hoang dã trên đảo, lòng nhiệt tình và kinh nghiệm sống của Cô, một bên là

bí ẩn lớn của tu viện vô hình nơi cậu ngày càng năng lui tới. Cậu sống cuộc sống của kẻ buôn chuyến giữa hai hòn đảo, tức là cung cấp cho Zefiro những gì ông thiếu, gửi hộ ông rất nhiều thư tại bưu điện Salina, và ngược lại cậu nhận được sự đón tiếp nồng hậu của cả tu viện.

Vango nhìn cuộc sống của các tu sĩ và cố gắng hiểu. Cậu tìm kiếm lý do giúp họ tồn tại. Cậu còn quan sát Zefiro nhiều hơn.

Vị thầy tu và cậu bé ít nói chuyện với nhau. Tính cách sần sùi của họ rất hợp nhau. Sự va chạm của hai hòn đá rắn nhất sẽ bắn ra những tia lửa. Một tình bạn sâu sắc đã hình thành giữa họ.

Thật khó nói được làm thế nào mà vào một buổi sáng mùa hè, không ai ở Arkudah chứng kiến việc Vango đến trình trọng thông báo với cha Zefiro, khi cậu mười ba tuổi.

- Cha, con đã suy nghĩ...
- Một tin hay đây.
- Con sẽ đưa ra một quyết định lớn.

Zefiro đang cố bắt lấy con thỏ trong khu vườn rào giậu, phía sau nhà thờ.

- Một quyết định lớn ư?

Vị linh mục cười thầm. Vango thường ra cái vẻ của một cụ già trưởng tộc người Anh diêng.

Zefiro tóm lấy phần lưng con thỏ đen. Ông nhìn Vango. Ông thích nhìn cậu bé lớn lên. Cậu là món quà tuyệt vời rơi xuống đảo của ông ba mùa thu trước. Zefiro có cảm giác khi bước vào cuộc đời họ,

Vango đã làm trái đất quay thêm một phần tư vòng, để hướng về phía mặt trời.

- Kể ta nghe đi, vị linh mục nói.

- Không phải tại đây ạ.

- Lũ thỏ có tai đấy, Zefiro thì thụt như một kẻ mưu phản. Con đừng lo, con thỏ này không thóc mách được với ai điều gì đâu.

Ông ôm chặt con thỏ.

- Nói cho ta nghe điều con đã quyết định đi.

- Không phải ở đây. Quan trọng đấy ạ.

- Nói đi, cậu bé!

Vango nuốt nước bọt tuyên bố:

- Con muốn trở thành thầy tu.

Vango không nhìn thấy cơn bão đang kéo đến.

Zefiro thét lên vì tức giận. Ông quăng con thỏ vào hàng rào lưới. Ông đá đồng sọt và lấp bấp những từ tục tĩu. Ông loạn choạng, ngã lăn ra đất. Rồi, thả lỏng nắm tay, ông cố gắng bình tĩnh lại. Tay ôm trán, người bất động, ông hít thật sâu nhiều lần, rồi nói:

- Con biết gì về điều đó?

- Sao cơ ạ?

- Con có biết những gì mà con muốn làm không? Con chẳng biết gì hết.

- Con biết...

- Im đi!

Vango cụp mắt. Đám thỏ kêu rinh rích dưới núi đá.

- Ta nói là con chẳng biết gì cả!

- Con đến đây được ba năm rồi còn gì ạ, Vango thì thạo.

- Thế thì sao?

Cơn giận lại dâng trào.

- Thế thì sao? Sau ba năm trong gánh xiếc, có lẽ con cũng muốn trở thành chú hề! Sau ba năm trong chuồng thỏ, chắc con cũng muốn trở thành một con thỏ! Con chẳng biết gì cả, Vango ạ! Chẳng gì cả! Chẳng gì cả! Chẳng gì cả!

- Con biết cha...

- Nhưng còn thế giới! Con đã biết đến thế giới chưa? Con đã thấy gì từ cuộc đời nào? Hai hòn đảo! Hai mẫu giấy bướm giữa biển khơi! Một cô bảo mẫu, vài lão đàn ông đội mũ choàng, những con thằn lằn...Cuộc sống của những con thằn lằn, Vango ạ, đó là những gì con biết! Con là một chú thằn lằn giữa đám thằn lằn.

Vango quay đi. Nước mắt lưng tròng. Cậu cứ ngỡ linh mục sẽ dang rộng vòng tay với mình.

Một chú chim nhỏ sà xuống gần vỗ về cậu.

Zefiro đến ngồi trên một hòn đá. Họ đứng nhìn mỗi người một hướng rất lâu, rồi Vango tiến đến. Cậu nghe thấy Zefiro nói với mình:

- Chúng ta phải nói lời chia tay thôi...

Lại một khoảng im lặng giữa hai người.

- Con phải đi khỏi đây, Vango, rời khỏi cả hòn đảo của con nữa. Con phải đi khỏi đây trong vòng một năm. Và sau một năm đó, nếu con muốn, hãy quay lại gặp ta.

- Con phải đi đâu mới được chứ ạ? Cậu thốn thức.

Zefiro cảm thấy có lỗi.

Đáng nhẽ ra ông không nên để cậu bé ở đây từ lâu rồi.

- Ta sẽ cho con một cái tên. Tên một người mà con sẽ thay ta đến gặp.

- Ở Palerme ạ?

- Xa hơn.

- Người ấy sống ở Naples ạ? cậu sụt sịt.

- Xa hơn rất nhiều, Vango.

- Ở một đất nước khác ạ?

Zefiro nắm lấy hai vai cậu bé ôm vào lòng.

- Ở một đất nước khác ạ? Vango nhắc lại.

- Đất nước của người ấy, đó là cả một hành tinh.

8

SỨC CẢN CỦA KHÔNG KHÍ

*Bên bờ hồ Constance, Đức,
Sáu năm sau, tháng Tư năm 1934*

Trong nhà kho khổng lồ, chiếc khí cầu dính chặt mặt đất y như một con rồng bị cầm tù. Những sợi dây buộc kêu kèn kẹt. Những chùm ánh sáng tỏa chiếu bên mạn sườn. Đã gần nửa đêm. Dưới đất, giữa những hòm xiểng và túi bưu phẩm, chiếc đài bán dẫn phát ra bản nhạc jazz của Duke Ellington.

- Herr Doktor Eckener!

Tiếng quát đó vọng từ bên ngoài vào.

Quả bóng hơi đung đưa theo dây thừng. Đường nét ánh bạc của nó hãy còn phảng phất hương vị mằn mặn của những chuyến đi vừa qua. Nó dường như đang ngủ.

- Tìm ông ta cho tôi!

Gã đàn ông vừa bước vào nhà kho vừa quát tháo. Theo hắn có ba tay lính trẻ mặc quân phục. Chúng đứng như trời trồng khi nhìn thấy khí cầu.

Khí cầu Graf là một quả bóng dài hai trăm bốn mươi mét và rộng bốn mươi mét, cao như tòa nhà mười tầng, đứng cạnh nó, bất cứ ai

cũng trở nên không khác gì một con giòi. Tuy vậy, kẻ mới đến không cần sự chênh lệch tỷ lệ này mới trở nên kỳ cục.

- Doktor Eckener! Tìm cho tôi tiến sĩ Eckener!

Lơ lảo trong bộ đồ quá khổ, gã trai vừa bước vào là Kreisleiter, người đứng đầu quốc xã vùng Friedrichshafen. Hai lá sồi thêu trên cổ áo có tác dụng nhắc nhở cấp bậc này cho những ai trót tưởng rằng đứng trước mặt họ là một thằng nhóc mặt mụn, được mẹ mặc quần áo cho để đến thăm bà dì già.

- Tìm ông ta cho tôi!

Đám lính lại chuyển động, chúng rụt rè vì ánh sáng rực rỡ của quả bóng hơn là vì những cái khoa chân múa tay của sếp.

Chúng gần như nhón bước bằng mũi chân để không đánh thức con quái vật.

Ba tên lính vừa mới chớm đôi mươi.

Chúng đều là người trong vùng. Chúng đã chứng kiến ngay gần chúng sự phát triển của những quả bóng do bá tước von Zeppelin phát minh, thậm chí còn từ cuối thế kỷ trước. Chúng quý và tôn trọng niềm đam mê phiêu lưu quá đáng này, niềm đam mê ra đời bên bờ hồ quê chúng, rồi được chỉ huy Hugo Eckener tiếp nối phát huy sau khi bá tước qua đời.

Chúng đặc biệt dõi theo truyền thuyết về con tàu bay mới nhất này, Graf, con tàu hiện đang đi vòng quanh thế giới và được đón chào nồng nhiệt ở mỗi thành phố mà nó dừng lại.

Cả ba đã được thăm khí cầu dưới mặt đất, hồi mười ba hay mười bốn tuổi gì đó, lúc khánh thành nó, và những ngón tay của chúng run rẩy chạm lên bát đĩa viền xanh, vàng trên bàn, một loại sứ gần như trong suốt siêu nhẹ.

Khi đẩy cửa mười cabin có giường ngủ tiện nghi và cửa sổ mở ra bầu trời, tất cả bọn chúng đều mơ đến một ngày nào đó, được nắm tay dắt vị hôn thê của mình lên đó.

Sau này, cùng với những người khác, chúng đã rú lên vì sung sướng khi thấy quả bóng xuất hiện trên bầu trời, phía trên rặng thông, vào năm 1929, sau một chuyến vòng quanh thế giới trọn hai mươi ngày và vài giờ.

Cuối cùng, vừa mới chân ướt chân ráo hết tuổi mặc quần đùi, bước vào binh nghiệp, ở tư thế trang nghiêm trong sân doanh trại, chúng không thể không lén lút ngước mắt lên bầu trời khi khí cầu bay ngang qua, vào lúc sáng sớm. Và rồi hai trăm ánh mắt long lanh, dưới sức nặng của những chiếc mũ cứng, cùng hướng về giấc mơ trẻ thơ đó.

Lúc này, chúng gặp nhau ở đây, ngại ngùng xuất hiện cùng vũ khí, giữa đêm, trong giấc ngủ của khí cầu.

Tên chỉ huy thậm chí cũng chẳng dám nhìn trực diện con quái vật. Hắn cố gắng tìm kiếm xem cái thứ nhạc khó nghe và suy đồi cứ làm cho con người ta muốn nhảy múa đó từ đâu ra.

Khi phát hiện ra chiếc đài to, hắn nhảy xổ tới và đá một cú.

Cần phải đá nữa để đám nhạc công của Cotton Club câm hẳn.

Cú nện giày thứ hai làm tăng âm lượng và khiến tụi lính trẻ lúc lắc đầu theo nhịp. Sau ba hay bốn cú đá nữa, tiếng đàn piano của Duke Ellington bắt đầu yếu đi, nhưng đến đợt tấn công cuối cùng, chiếc giày của tên chỉ huy nhỏ thó lại đá trúng sườn quả bóng và hắn bị toạc mất ngón chân cái thô kệch. Tiếng nhạc dừng lại, nhường chỗ cho những tiếng la oai oái.

Sau vài cú nhảy tung tung theo kiểu Bavière, tên chỉ huy nhỏ thó nuốt cơn đau và dỏng tai lên nghe.

Tiếng nhạc lại tiếp tục.

Nó không thể phát ra từ chiếc đài đã tan nát được.

Ai đó đang huýt sáo bản nhạc đó.

Cả bốn gã đàn ông cùng ngước mắt lên.

Treo lơ lửng trên đám mây thừng và ròng rọc bên cánh sau của con quái vật, một người đàn ông buộc vào thắt lưng của mình một hộp sơn. Ông cầm chổi lông trên tay và tỉ mỉ quét sơn lớp vải bọc khí cầu.

- Herr Doktor Hugo Eckener?

Người họa sĩ vẫn tiếp tục công việc của mình, miệng huýt sáo bản nhạc jazz.

- Tôi muốn nói chuyện với Doktor Hugo Eckener!

- Sao cơ?

Ông quay đầu.

Người đàn ông lơ lửng trên cao, cách mặt đất mười lăm mét kia, chính là Hugo Eckener, sáu mươi sáu tuổi, ông chủ công ty Zeppelin, một trong những nhà thám hiểm vĩ đại nhất thế kỷ.

- *Heil Hitler!* tên chỉ huy nhỏ thó vừa hét vừa nện gót giày.

Chỉ huy Eckener không đáp lại tiếng chào. Đám lính khó mà tin nổi những gì chúng đang thấy. Người đàn ông được cả nước Đức hâm mộ đang làm gì trên ấy, con sư tử già vạm vỡ, tóc trắng bờm xờm hóa trang thành tay thợ sơn ư?

- Ông không nghe thấy tôi nói à, Herr Doktor?

- Tôi cảm tưởng anh không thích nhạc thì phải, Herr Kreisleiter.

- Đó đâu phải là nhạc! gã trai trả lời, hẳn khoái chí di nát một mảnh vỡ của chiếc đài.

- Xin thứ lỗi vì tôi không xuống được, tôi còn một chút công việc phải kết thúc.

- Ông không có công nhân để làm việc đó à?

Hugo Eckener, hơi lích kích trong bộ cương của mình, nở một nụ cười.

- Chính vì... việc đó khá nguy hiểm. Một số người bị chết vì kiểu việc làm này đấy. Này, ném cho tôi cái chổi lông mới ở dưới chân anh đấy.

Tên chỉ huy nhỏ thó chần chừ. Tình huống thật khó chịu. Hẳn không ở đây để làm thẳng học việc. Cuối cùng hẳn cũng nhặt chổi rồi vụng về ném lên cho Eckener.

- Trượt rồi, họa sĩ nói.

Ba lần, hẳn không trúng đích, và cuối cùng, lần thứ tư, Eckener khéo léo nói dây thừng ra rồi tóm được cái chổi lông.

- Anh có tiến bộ đấy, Herr Kreisleiter..., chỉ huy Eckener cười nói.

Tên sếp biết hẳn vừa trở thành trò cười trước đám lính.

- Chính thế vừa nãy tôi mới nói, Eckener tiếp tục, đó là một việc nguy hiểm. Vậy nên tôi thích tự mình vừa thủng thẳng làm vào buổi tối, vừa nghe nhạc là thế.

- Đó đâu phải là nhạc! gã trai rống lên.

- Tôi cũng từng nghĩ như anh đấy, nhưng có một anh bạn trẻ người Mỹ làm việc ở đây từ vài ngày nay, tên là Harold G. Dick. Anh

ta kết thân với thằng Knut con trai tôi. Và tôi bắt đầu thay đổi quan điểm về thể loại nhạc này.

- Chỉ có những cái đầu nhu nhược mới thay đổi quan điểm.

Hugo Eckener phá lên cười. Ông rất thích những kẻ ngu xuẩn. Dù sao những kẻ ngu xuẩn cũng làm ông vui lâu.

- Anh biết không, Herr Kreisleiter, chính vì thay đổi quan điểm mà con người mới có thể chinh phục bầu trời đấy. Một lời khuyên nhỏ của nhà thông thái nhé: anh sẽ không bao giờ leo thật cao được nếu không thay đổi quan điểm.

- Tôi còn lên cao hơn ông đấy, Herr Doktor, hấn rống lên.

- Đúng, quả thực, anh sẽ còn lên cao... trên cái cây nhà anh... Còn tôi, tôi đang nói về bầu trời cơ.

Ba tên lính nín thở. Con giò bắt đầu nhũn như con chi chi.

- Ông nghĩ tôi là khỉ chắc, Doktor Eckener?

Chỉ huy Eckener ngừng sớn, chuyển chổi sang tay trái và giờ tay phải lên.

- Tôi thề trên danh dự người thầy của mình, bá tước von Zeppelin đáng kính, rằng tôi không nghĩ đến con khỉ nào hết.

Ông không nói dối. Eckener quá coi trọng lũ khỉ là đẳng khác.

Nhưng trung thực mà nói, có lẽ tại lá sồi trên cổ áo mà ông có nghĩ đến quả sồi.

Tên chỉ huy cố gắng lấy lại bình tĩnh. Hấn không biết nói gì nữa. Hấn quay về phía đám lính, cố nhớ ra xem điều gì đã đưa hấn đến đây. Đột nhiên hấn nhớ ra, trở lại phía Eckener, tươi tỉnh hơn.

- Doktor Eckener, ông bị bắt.

- Hà?

Ông trả lời như thể người ta mách cho ông biết một cái chổi lông đang lạc trong mái tóc bạc cắt ngắn của ông vậy.

- Ông đã bay trái phép trên bầu trời Paris.

- Paris! Eckener thờ dài. Ai mà cưỡng nổi Paris cơ chứ? Đúng, tôi đã bay qua Paris.

- Ở Berlin, người ta không hài lòng. Người ta vừa báo cho tôi. Người ta yêu cầu tôi bắt ông.

- *Người ta* quá dễ thương khi nghĩ đến tôi đấy, nhưng *người ta* không thể bắt những đám mây bay trên nhà thờ Đức Bà Paris được. Ở Berlin, đáng nhẽ ra *người ta* phải biết điều đó chứ. Đúng không?

Ông dùng quét sơn.

- Tôi phải thăm một người bạn ở Paris. Vậy mà tôi lỡ gặp đấy.

- Doktor Eckener, tôi ra lệnh ông phải xuống!

- Tôi sẵn lòng gặp anh với một chai rượu ngon, nhưng tôi còn chút việc phải kết thúc. Tôi hy vọng ở Berlin, *người ta* sẽ bỏ qua cho tôi sự chậm chạp này nếu *người ta* biết suy nghĩ một chút.

Eckener đang làm liều. Ông biết điều đó. *Người ta* được nhắc đến có hàng rìa mép nhỏ hình tem bưu điện và có tên là Adolf Hitler.

Chiếc chổi lông phủ nốt lớp sơn alumin lên góc cuối cùng còn sẫm màu của khí cầu.

- Thế nhé. Bây giờ hãy để mặc tôi đi. Đây là công việc quan trọng đối với tôi.

Kreisleiter lùi lại.

Hắn giương mắt lên.

Hắn vừa hiểu ra cái công việc đó là gì. Trong phần lớn thời gian cuộc đối thoại, ngay trước mắt hắn, Hugo Eckener đã phủ một lớp

sơn bạc lên chữ thập ngoặc khổng lồ in trên cánh khí cầu. Không còn vết tích nào cả.

Con giò chết trân. Đám lính lùi lại cùng hấn.

Từ khi Hitler và đảng quốc xã của hắn lên cầm quyền, vào năm ngoái, tất cả máy bay và khí cầu đều phải có chữ thập ngoặc ở bên trái.

Eckener luôn phản đối biểu tượng này, thứ đại diện cho tất cả những gì ông phi nhỏ. Sáu tháng trước, tại Chicago, tham gia Triển lãm toàn cầu, ông đã đi vòng quanh thành phố theo chiều kim đồng hồ để nước Mỹ không nhìn thấy, phía bên trái của khí cầu, vết xăm nhục nhã.

Đúng, xóa đi chữ thập ngoặc, đó là việc nhỏ nhưng nguy hiểm tại Đức vào mùa xuân 1934. Không ai trong số nhân viên của ông có thể làm được việc đó mà không bị thông lọng treo cổ.

Eckener lại nhúng chiếc chổi lông vào hộp sơn.

- Rồi, tôi thích thế này hơn. Trông đẹp hơn.

Con giò rút khẩu súng lục từ thắt lưng ra.

- Xuống! Vớ ông thế là xong rồi đấy.

Eckener phá lên cười thoải mái. Tiếng cười quặn rũ giống như con người ông. Từ vầng trán, gò má cho đến đôi mắt. Rốt cuộc, ngay cả trong lúc bối rối như thế này, những kẻ ngu si vẫn cứ khiến ông buồn cười.

Con giò bắn vào không trung, nhằm trần quả bóng.

Eckener sửng lại. Khuôn mặt ông biến dạng. Ông giống như thần Bảo được tạc trên những vôi nước trong các vườn hoa. Ông khiến người ta sợ.

- Đừng bao giờ lặp lại điều đó.

Ông nói rất nhỏ. Sự ngu xuẩn, Eckener thích nó với một lượng ít thôi. Đạo này, xung quanh ông, sự ngu xuẩn đã thành thái quá, điên rồ, quái gở. Chúng có thể chất đầy những sân vận động hoặc quảng trường Postdamer ở Berlin. Thậm chí cả những người bạn gần gũi nhất của ông cũng bắt đầu biểu hiện một vài triệu chứng.

- Đừng bao giờ lặp lại điều đó ở chỗ tôi, Eckener nói.

Làm sao người đàn ông đang lơ lửng dưới vài sợi dây thừng ở đuôi một quả khí cầu, mũi óng ánh sơn dĩnh, lại dám nói đầy uy lực với một tên lãnh đạo quốc xã như vậy?

- Bây giờ, mời anh ra khỏi đây ngay.

Tên chỉ huy nhỏ thó lại hất cằm đe dọa:

- Doktor Eckener, tôi sẽ gọi quân chi viện.

Lúc này, quân chi viện không khiến người ta sợ cho lắm. Ba tên lính tái mét, miệng há hốc, và tên trẻ nhất lấy súng tiểu liên gãi đầu gối.

- Anh sẽ nói gì với họ, với quân chi viện ấy?

- Tôi sẽ nói với họ là ông bôi nhọ chữ thập ngoặc.

Eckener chau mày.

- Rằng chúng ta đã bôi nhọ nó chứ?

- Sao?

- Anh sẽ nói rằng chúng ta cùng nhau bôi nhọ nó chứ?

- Cùng nhau?

- Rốt cuộc, liệu ba thanh niên này có thể phủ nhận việc anh cung cấp cho tôi một cái chổi lông mới hay không?

Hugo Eckener thấy vị khách của mình khựng lại. Ông tiếp tục:

- Anh đã quên là, ba lần liền, chính anh đã cố gắng ném chổi lông lên cho tôi sao? Thế không phải anh đã trao vũ khí tội ác cho tôi à? Anh có trí nhớ thật ngắn, anh bạn thân mến ạ. Chẳng lẽ anh xem tôi làm công việc đó hai mươi phút mà không can thiệp hay sao? Trả lời tôi đi, Herr Kreisleiter! Trả lời tôi đi!

Giọng nói đầy uy lực vang lên trong nhà kho.

Anh chàng Kreisleiter người Friedrichshafen cảm thấy ngọt ngào. Bỗng dưng hắn muốn gặm mấy cái lá sồi trên cổ mình. Thoạt tiên, hắn không thể trả lời gì, sau đó hắn lúng búng một đồng từ lộn xộn, đại ý: “Rồi tôi sẽ tóm được ông.”

Hắn gào lên với đám lính vài mệnh lệnh cụt cốn, hô “Heil Hitler” hai hay ba lần gì đó rồi chĩa thẳng cánh tay phải ra tứ phía. Hắn chào cả chiếc đồng hồ nhà ga cũ kỹ đang ngân nga, hắn để mất cái mũ cát két, chân mắc vào cái đài mà chính hắn đã khiến nó đến mức đó. Và hắn bỏ đi, nện gót giày y như một con lừa đang đi qua cầu.

Đám lính theo sau hắn.

Eckener nhìn theo bọn chúng.

Tự dưng ông thấy thương hại mấy thằng nhóc này, chúng biến thành giẻ chùi chân cho cái loại ngu xuẩn đó, rồi lại làm bàn đạp cho một kẻ độc ác hơn thế gấp bội phần.

Không gian yên tĩnh trở lại.

Chầm chậm, Hugo Eckener tháo dây thừng để tụt xuống đất. Ông đặt hộp sơn xuống rồi quay về phía tác phẩm của mình.

Thật ngớ ngẩn. Ông biết mình thua trong cuộc chiến này, ông biết sẽ sớm phải cho sơn lại chữ thập ngoặc giống hệt, đúng chỗ đó.

Ông biết mình đang đặt công ty và quả bóng, cũng tức là cả cuộc đời ông, vào tình thế nguy hiểm, và cả những con người làm việc bên cạnh ông nữa. Nhưng ông không thể làm khác được.

Phần lớn cuộc đời ông sống trên trời mà chẳng ích gì, hai chân ông vẫn cứ bám lấy mặt đất. Ông lo sợ cho đất nước mình.

Một sự trượt dốc từ từ và đầy thảm kịch.

Cần phải làm điều gì đó. Những việc nhỏ bé. Hầu như không đáng kể. Một sự chống đối yếu ớt, một cuộc xô xát nhẹ nhàng, để cản trở sự sa ngã.

Ông gọi đó là sức cản của không khí.

Hugo Eckener cởi áo bảo hộ đang mặc ra. Ông lên cầu, bước vào quả bóng vắng tanh. Bên phải ông, phòng bếp khí cầu mở toang. Chiếc mũ không vành của đầu bếp Otto để trên ghế. Ông rẽ trái, đi qua phòng ăn đẹp đẽ, nơi những tấm rèm che đi thứ ánh sáng đa màu của nhà kho. Ông mở cửa hành lang dành cho hành khách. Các phòng trên khí cầu được phân bố ở hai bên. Ông đi chậm lại trước một cabin nhưng rồi rốt cuộc ông lại bước tiếp.

Ông đến tận cánh cửa cuối cùng, đẩy vào. Đó là phòng rửa nam. Ông bắt đầu rửa tay.

Ông ngẩng đầu lên nhìn mình trong gương.

“Mặt mũi mới kỳ cục làm sao”, ông nghĩ.

Rồi ông nói to:

- Cháu nghe được hết chứ? Và cháu thấy đấy, chỉ huy Eckener này có thay đổi gì đâu.

Ông nói câu đó rất to, như thể nói cho người phòng bên nghe vậy.

- Lúc nào cũng phải ma lạnh, cháu thấy không. Bác chẳng thay đổi. Rắc rối ở chỗ thế giới thì lại thay đổi. Rồi bác cũng sẽ gặp phải rắc rối thôi. Bác gái nói với bác vậy đó.

Ông cười nhạt.

Đó là một cuộc độc thoại kỳ cục.

Ông khóa vòi nước, lau tay.

- Cháu ấy à, bác đoán cháu đang gặp rắc rối.

Eckener đi ra, lộn lại hành lang, dừng lại đúng cabin đó, đặt tay lên nắm đấm cửa.

- Bác biết cháu dậy rồi, Jonas.

Ông mở cửa. Người mà Eckener gọi là Jonas đứng trong bóng tối mờ mờ. Chỉ huy khí cầu tiếp tục:

- Bác đến lúc này, cháu còn đang ngủ trên ghế. Đúng là từ trên trời rơi xuống! Trong lúc chờ đợi, bác sơn một chút. Rồi, bác có khách, cháu thông cảm nhé. Nhưng bây giờ, cuối cùng chỉ còn hai chúng ta. Jonas! Năm năm rồi còn gì. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Lại đây để bác ôm cháu cái nào.

Vango ôm chầm lấy ông mà nước mắt rơi lã chã.

9

TRONG BỤNG CÁ VOI

Vài phút sau, Eckener buông tay ra mỉm cười. Ông hơi xoay người, móc ngón tay cái vào túi áo gi lê.

- Bác vẫn nhớ khi cháu đến lần đầu tiên, Vango ạ. Lúc đó cháu cũng không khá hơn hôm nay đâu. Cháu từ đâu đến vậy?

Ông chăm chú nhìn anh bạn trẻ. Vango có vẻ kiệt sức. Cậu vừa hành trình qua Pháp, Thụy Sĩ và Đức để chạy trốn cảnh sát đang săn lùng cậu.

- Lại là cháu. Đúng là từ trên trời rơi xuống. Lần gần nhất, cách đây ít nhất cũng phải năm năm rồi nhỉ? Eckener tiếp tục. Và cháu ở lại cả năm với chúng ta còn gì.

Eckener nhắm mắt lại để hồi tưởng dễ hơn.

- Năm đen tối, 1929, đại khủng hoảng... Thế giới sụp đổ. Tại sao đối với bác, năm đó lại trở thành một năm không thể quên được? Bác rất quý cháu, Piccolo ạ. Bác rất khoái nhắc đi nhắc lại với cháu rằng bác không cần cháu trên khí cầu này... Nhưng chính vì ông bạn già Zefiro đã gửi cháu đến...

Cả hai cùng cười.

- Một năm trên khí cầu cùng bọn ta. Một năm kỳ lạ và tuyệt vời. Rồi cháu ra đi, đột ngột, không nói năng gì.

- Cháu xin lỗi, chỉ huy, Vango nói.
- Càng nói không cần cháu... bác càng ngạc nhiên sao mình lại nhớ cháu đến thế.
- Cháu...
- Đừng nói gì, Piccolo.

Vango vẫn giữ trong lòng từng giây phút của cái năm đầu tiên sống xa đảo.

Vừa tròn mười bốn tuổi, bị linh mục Zefiro ném ra ngoài, Vango quay trở lại ngôi nhà nhỏ ở Pollara. Cân nhắc từng từ, cậu giải thích với Cô rằng cậu phải ra đi một năm và sẽ trở về.

Cô ôm lấy vai cậu. Cô muốn nói “ừ”, “rất tốt”, “đó là cuộc phiêu lưu thú vị đấy” nhưng rồi vẫn không thốt lên từ nào.

Lúc xuống cảng Naples, mấy ngày sau, cậu chỉ có một chiếc túi thủy thủ trên vai và trong túi áo, có một chiếc phong bì niêm phong, trên đó có tên giáo sư Hugo Eckener ở Friedrichshafen. Địa chỉ được linh mục viết tay.

Ngày hôm đó, trái tim Vango tan nát, cậu rời xa nơi mình ở, trong cái bao la bát ngát của biển cả, cái bao la bát ngát từ nay chia cắt cậu với Cô, với hòn đảo và những người bạn vô hình của cậu. Đường như đối với cậu, đó là nỗi khổ tâm không vượt qua nổi.

Cậu cứ đinh ninh mình không thể sống xa thế giới nhỏ bé ấy, cái thế giới sẽ vận động mà không có cậu.

Trên sân ga lớn, Vango mơ được trở lại sau vài ngày nữa, mơ lại được đứng trên vách đá, ngửa cổ ra như loài chim lặn ngoi lên mặt nước sau khi suýt bị ngạt thở.

Cậu cảm nhận được sức mạnh của làn hơi đầu tiên ấy, nó làm căng hai lá phổi, đôi cánh hải rộng. Cậu tin một khi được trở lại hòn đảo của mình, cậu sẽ ở đó trọn cuộc đời.

Vậy mà trên chuyến tàu rời Naples đi về phía Bắc, nhòai người qua cửa sổ, cậu trông thấy những gương mặt, những chiếc khăn mùi soa vẫy vẫy trong làn khói, những lời tiễn biệt đầy xúc động, những đứa trẻ chạy theo tàu hỏa.

Cậu nhìn đám đông, tất cả những câu chuyện ấy diễn ra trên sân ga.

Và rồi, cậu cảm thấy một ô cửa sổ nhỏ nhỏ đang mở ra trong cậu.

Những con người. Cậu đang khám phá những con người.

Cậu có biết con người, cậu biết một số người, nơi cậu ở. Cô và một số người khác cậu có thể kể tên. Bác sĩ Basilio, Mazzetta, cha Zefiro hay Pippo. Nhưng con người, đó lại là chuyện khác. Những người cậu không quen biết. Những cuộc đời ấy lướt qua chúng ta rất nhanh, giống như những cột điện báo lướt qua cửa kính tàu hỏa vậy.

Bên cạnh cậu, trong khoang tàu, có người phụ nữ trẻ với chú chó nhỏ xíu.

Khi nhà ga khuất dạng trong làn hơi nước và khi cậu quay lại ngồi xuống, người phụ nữ hỏi:

- Cậu có thể trông hộ tôi con chó được không, một lát thôi?

Vango đỡ lấy con chó đang nằm trong đôi bàn tay rộng mở của người phụ nữ. Chị ấy bước đi. Thoáng chốc, cậu hiểu những gì linh mục nói với mình. Trước tiên, phải nhìn thấy thế giới đã. Cậu cảm thấy chính sự chóng vánh làm nên sức mạnh của cuộc gặp gỡ.

Những mảnh đời gần gũi nhau hơn khi chúng cọ sát nhau, bởi lẽ chúng có động lực để đi tiếp.

Khi trở lại, từ người phụ nữ toát ra mùi hương hoa.

- Cảm ơn, chị ta vừa nói vừa ôm lại con chó của mình. Cậu thật tốt bụng.

Chỉ thế thôi. Người phụ nữ xuống ở ga kế tiếp.

Những con người.

Vango tiếp tục hành trình ngày đêm đến Rome, Venise và Munich, cậu chỉ rời tàu khi nhảy sang tàu khác. Rồi cậu đi ô tô ray đến hồ Constance.

Năm năm sau, Vango vẫn chưa lúc nào trở lại đảo.

- Cháu thật sự rất thích khí cầu của bác, Vango thì thầm.

Hugo Eckener đi về phía cửa sổ cabin và ngồi xuống ghế.

- Khi nhận được thư của cháu, cách đây một tháng, ông già nói, cùng với bức tranh nhà thờ Đức Bà Paris và một mốc thời gian trong tháng Tư, bức thư đó báo cho bác biết cháu sẽ trở thành linh mục, bác thậm chí chẳng thấy ngạc nhiên. Đã từ lâu bác biết cháu đang tìm kiếm cái gì đó.

Còn Vango, từ lâu rồi, lại cảm giác có cái gì đó đang tìm kiếm mình.

Họ im lặng một lúc. Eckener hỏi:

- Nói cho bác nghe bây giờ bác có thể làm gì để giúp cháu.

Vango nghĩ đến đám đông trước nhà thờ, tiếng quát tháo của cảnh sát, cái xác của cha Jean trên giường, cuộc trốn chạy tới Đức, tới chiếc khí cầu. Mọi thứ mới vừa diễn ra trong có vài giờ, vài ngày.

Cậu không kể gì về những chuyện đó mà nói:

- Bác giữ cháu lại đây nhé. Cháu không cần gì khác đâu. Cháu sẽ bay cùng bác vài tháng. Cháu sẽ làm việc. Cháu chỉ cần chút thời gian để suy nghĩ thôi. Bác làm việc đó cho cháu nhé.

Eckener thông người xuống ghế hơn một chút.

- À... ra thế...

Ánh mắt của ông lộ vẻ bối rối.

- Bác không làm việc đó để giúp cháu đâu, Vango. Mà bác làm cho bác...

Ông dừng lại, lấy tay phủi lớp bụi vô hình trên mặt bàn.

- Tuy nhiên, khí cầu không còn giống trước kia nữa... Bác không được chọn nhân viên nữa. Tất cả đều được kiểm soát trước mỗi chuyến bay. Phi hành đoàn là người Đức. Chỉ toàn người Đức thôi.

Những từ cuối khiến chỉ huy Eckener đau lòng. Khí cầu của ông là một phần nước Đức. Luật của chế độ quốc xã mới áp dụng cả trên khí cầu. Mất hàng tháng trời đàm phán, ông mới được phép tuyển dụng Dick, một anh chàng người Mỹ đến từ Akron bang Ohio, vậy mà chính quyền vẫn theo dõi anh ta như thể gián điệp.

Không thể mở cánh cửa chật hẹp của Khí cầu Graf cho bất kỳ người nước ngoài nào khác.

- Cháu có giấy tờ tùy thân của Ý không? Eckener hỏi.

- Pháp ạ, Vango nói. Cháu mới có được vài ngày.

Eckener nhăn mặt.

- Bác thích giấy tờ của Ý hơn. Thế sẽ dễ dàng hơn.

Mussolini, ông chủ nước Ý, đã bắt tay với Hitler.

- Cháu chưa bao giờ có giấy tờ của Ý, Vango nói.

Một nụ cười buồn thoáng qua trên gương mặt chỉ huy. Ông nhớ lại câu chuyện của Vango, nạn nhân đắm tàu tí hon, không quá khứ và không gốc gác.

- Bác quên bém câu chuyện về cậu bé Jonas được cá voi nhả ra bên bờ biển Sicile của cháu...

Trước kia, ông đặt tên cậu như vậy khi nhớ tới một chương Kinh thánh, trong đó một nhà tiên tri tí hon đã bị rơi vào bụng cá voi trước khi bị nhả ra ngoài.

Eckener đã từng chu du rất nhiều bằng thuyền buồm trước khi sinh lòng yêu mến với khinh khí cầu. Ông biết biệt danh Jonas được gán cho những thủy thủ mang lại những điều không may mắn cho tàu...Coi thường mọi sự mê tín dị đoan, Eckener đã chọn biệt danh này.

Đột nhiên, một ý nghĩ làm tiêu tan nụ cười của chỉ huy.

- Thật ra bác... Thật ra bác rất muốn giúp cháu.

Ông bỗng đứng đứng bật dậy, ái ngại vì lời thú nhận này.

- Thế đấy. Như vậy nhé. Vĩnh biệt.

Vango lắc đầu, không tin. Cậu không nhận ra ông chủ của mình nữa.

- Cháu hiểu, Doktor Eckener. Cháu sẽ đi vào sáng mai. Cháu xin lỗi vì đã làm phiền bác. Cháu chỉ xin ngủ lại đây thêm một chút nữa thôi ạ, nếu bác...

- Không.

Câu trả lời thật cương quyết.

- Không, Vango, cháu không thể ngủ lại đây. Phi hành đoàn sẽ đến trong vài tiếng nữa. Chúng ta sẽ khởi hành đi Nam Mỹ lúc bình minh. Cháu phải rời khỏi đây bây giờ.

Vango nhìn Hugo Eckener. Chỉ huy khí cầu thậm chí không dám nhìn vào mắt cậu.

- Ngay bây giờ! Eckener nhắc lại.

- Cháu hiểu, vâng, cháu hiểu. Ngay lập tức... Cháu đi đây.

Cậu bước một bước về phía lối ra.

- Cháu không có hành lý à?

- Không ạ.

Cậu kiệt sức mất rồi. Cậu đẩy cửa cabin, lưng dựa thành cầu thang lần đến hết đường đi.

- Vĩnh biệt, Jonas, Eckener nói với theo.

- Vĩnh biệt, Vango vừa mấp máy môi trả lời vừa chậm chạp lê qua phòng ăn lặng như tờ.

Chính ở đó, trên tấm thảm đỏ ấy, cậu đã làm phục vụ suốt một năm trời, năm 1929.

Thẳng trên các kim tự tháp, bên trên sa mạc Mauritanie và rừng rậm Braxin, trong khối tòa New York, qua xích đạo hay qua dãy núi Ural, cậu đã phục vụ những bữa ăn tuyệt hảo. Và hành khách thỉnh thoảng lại nhòm dậy, khăn ăn trên tay, mỗi khi có đàn tuần lộc chạy ngay phía dưới họ, trên thảo nguyên Sibérie, hay khi có đàn ngỗng trời cất cánh đuổi theo con chim ánh bạc kỳ quặc ấy.

Vango biết rằng năm 1929, năm cậu mười bốn tuổi, vẫn chưa hé lộ tất cả bí ẩn về cậu. Ở đó, dưới bóng quả khí cầu, giấu một trong những chìa khóa mở ra biến cố lớn trong đời cậu.

Và giờ đây, cậu đã chọn đến chính nơi đó đầu tiên, khi rời Paris và thi thể cha Jean bị sát hại.

Cậu đi xuống lối dẫn vào khí cầu Graf. Đám người vẫn gác cổng vào nhà kho, ở đằng kia. Họ không trông thấy cậu. Vango biết cách tránh họ. Cậu đi về phía xưởng.

Hugo Eckener ngồi vào bàn lái, ông đặt hai nắm tay siết chặt lên tấm màn bằng da. Nổi tức giận làm ông run lên. Ông vừa từ chối giúp đỡ chàng trai hai mươi tuổi được ông yêu quý như con trai mình.

Ông vừa bị khuất phục trước nỗi sợ hãi.

Rudolf Diels, ông chủ đẹp trai và trẻ trung của Gestapo^[2], đã tiếp ăn trưa Hugo Eckener vào tháng Sáu trước. Cuộc đối thoại thoạt tiên không có gì lý thú.

- Tôi rất ngưỡng mộ ông, Doktor Eckener.

Eckener im lặng húp thìa xúp. Ông tự hỏi không biết người đàn ông có vết sẹo dài trên má và mái tóc chải ộp chìn chu ra sau thế kia muốn gì ở ông. Lúc tráng miệng, lấy ngón tay phải vụn bánh mì ra khỏi khăn trải bàn, tay sếp của sở mật thám đặt trước mặt chỉ huy một tập hồ sơ dày cộp. Cái họ Eckener được viết hoa trên bìa ngoài.

Sau khi lướt qua mấy trăm trang giấy đó, chỉ huy Eckener nói:

- Nhưng này anh bạn, anh đối với tôi còn hơn cả ngưỡng mộ đấy chứ: đó là tình yêu!

Tập hồ sơ thật kinh khủng. Họ biết tất cả. Cảnh sát biết tất cả những gì liên quan đến Hugo Eckener và công ty Zeppelin. Bất kỳ sự di chuyển nào, bất kỳ cuộc gặp gỡ, tiếp xúc nào, bất kỳ cú điện thoại nào đều được ghi trong tập hồ sơ này. Đây là công cụ gây sức ép đáng sợ.

Sau bữa ăn đó, ngày hôm sau, chỉ huy đã phải sơn lại dấu thập ngoặc trên khí cầu.

Hành động đe dọa không dừng lại ở đó.

Hai tháng sau, một ngày nắng to, Eckener bị quốc trưởng Hitler triệu tập đến nhà hãn tại Berchtesgaden giữa vùng đồi núi.

Những đêm tiếp theo, ông bị bóng đè, ông mơ thấy người đàn ông nhỏ thó đó ngồi sau bàn làm việc, mũi bàn chân gãi gãi một con chó đen, trong căn nhà nghỉ dưỡng nhỏ bé đầy hoa vượn ra thung lũng. Lần đầu tiên trong đời, được Göring, bộ trưởng Bộ không quân, người căm thù Eckener chẳng kém nỗi căm thù đối với khí cầu của ông, tiến ra tận cửa, chỉ huy cảm thấy hai tay mình run lên.

Và, kể từ ngày hôm đó, đằng sau cái vẻ khiêu khích và tính cách ngỗ ngược của mình, Hugo Eckener giấu trong nếp nhăn sau gáy một con vật tí hon bám chặt vào da thịt ông: nỗi sợ hãi.

Cái gì đó trong ông đang bị khuấy phục. Một chút kiêu hãnh đã tan biến.

Hugo Eckener bật dậy.

Ông biết nó chứ, cái con vật đặt không đúng chỗ ấy, chỉ cần ông ngẩng cao đầu là nghiền nát được nó.

Một lúc sau, khi đang bước trên thảm cỏ của bãi đất rộng đặt khí cầu, Vango nghe thấy tiếng gọi đằng sau:

Cậu quay lại.

Hugo Eckener tiến lại gần. Ông mệt bỏ hơi tai.

- Bác nhớ có lần, một tên đi lậu đã trốn vào bên trong khí cầu. Trong những chuyến bay, đôi khi chuyện đó cũng xảy ra. Một khi quả

bóng đã bay rồi, người ta không thể làm gì đối với kẻ lẩn trốn. Người ta sẽ không ném hắn ra ngoài được...

Vango chờ ông nói tiếp.

- Thế thôi, Eckener hỗn hển nói. Bác muốn nói với cháu thế đó. Bây giờ, bác sẽ về nhà ngủ một chút. Bác gái đang đợi bác.

Eckener cài lại cổ áo măng tô và quay lưng về phía Vango. Cậu đứng im. Sau vài bước chân, Eckener quay lại.

- Thêm một câu nữa này, Jonas: tối nay bác không gặp cháu. Năm năm rồi, bác không gặp cháu. Bác hầu như không nhớ gì về cháu đâu nhé. Nhất trí thế nhé?

Vango đồng ý.

Eckener đi xa dần trong bóng tối. Ông vươn thẳng người. Ánh sáng lờ mờ hắt ra từ nhà kho hòa lẫn với mái tóc bạc trắng của ông.

Ba giờ sáng, đêm hầy còn đen, tổ ong Zeppelin bắt đầu nhộn nhịp.

Đội kỹ thuật mặt đất đi đi lại lại thu lượm. Phi hành đoàn dần dần xuất hiện. Phi công, sĩ quan, thợ máy, tất cả đều nai nịt gọn gàng trong những chiếc áo khoác da màu đen, tập trung vào nhiệm vụ đang đợi họ.

Mặc dù những chuyến bay thế này diễn ra đều đặn từ nhiều năm nay, nhưng không ai trong số họ quen với kiểu phiêu lưu này: họ vẫn cảm tưởng như đó là cuộc phiêu lưu siêu thực. Họ chuẩn bị cho nó như cho một cuộc hẹn hò. Người họ thơm mùi nước hoa Cologne và xà phòng. Tóc họ chải trơn mượt dưới lớp mũ cát kết, còn giày thì bóng loáng.

Người ta phục vụ cà phê ở khu riêng biệt, tại một trong các xưởng sửa chữa, để tránh bật bếp gần khí dễ cháy vốn dùng để thổi khí cầu. Và thậm chí để uống cà phê, phi hành đoàn cũng phải trở lại dưới nhà kho, chiếc cốc không chân bốc khói nghi ngút trên tay, đăm đúi ngắm nhìn gã khổng lồ đang còn ngủ, gã khổng lồ mà họ có nhiệm vụ phải đánh thức. Họ mỉm cười chiêm ngưỡng nó, xúc động được là một trong những thành viên của đoàn người ít ỏi mà trong vòng chưa đầy một thập kỷ, được tham gia thực hiện một nhiệm vụ bất khả thi: một con tàu không trung, trong ba ngày hai đêm, đi từ châu Âu đến Braxin hay bất kỳ điểm đến nào, với vẻ sang trọng nhưng giản dị.

Đêm hôm ấy, một người đàn ông to béo không cùng chia sẻ niềm vui đó.

Anh ta tên là Otto Manz. Đó là đầu bếp của khinh khí cầu.

Anh ta ngồi trên bậc đầu tiên của cầu thang gỗ dẫn lên khí cầu. Một đội quân bốc vác, đứng trước mặt anh ta với nào là sọt, nào là túi, chờ mệnh lệnh.

- Các anh có thể cứ chờ đấy! Khí cầu Graf không còn đầu bếp nữa đâu.

- Không còn đầu bếp ư? một trong số họ nhắc lại, anh ta đang khuôn ba sọt cà rốt và cải bắp nặng trĩu.

- Tôi từ chức rồi.

Otto Manz xin từ chức trước mỗi chuyến bay, rồi một tiếng sau, anh ta đã lại làm bánh ngọt phía trên những ngọn núi cho bữa sáng của hành khách. Nhưng sáng hôm nay, tình hình đáng báo động hơn.

- Tôi sẽ không bay nếu không có phụ bếp của mình.

Phụ bếp của anh ta tên là Ernst Fischbach. Cậu ta vừa được bổ nhiệm vào vị trí lái trên khí cầu. Đó là giấc mơ của cậu ta từ bấy lâu nay, từ khi được tuyển làm thành viên phi hành đoàn năm mười bốn tuổi.

Vì thế Otto không có phụ bếp.

- Sếp ơi, chúng ta làm gì với đồng rau củ đây?

- Tôi không là sếp của ai cả. Các anh đến mà gặp đội trưởng Lehmann.

Họ đi tìm đội trưởng, ông đang cho xếp thực phẩm vào tủ lương thực và tủ ướp lạnh đặt dưới sống quả bóng. Lehmann là một trong những nhân viên xuất sắc nhất của Eckener. Trong những chuyến đi, ông không bao giờ rời chiếc phong cầm của mình.

Lehmann ngoại giao giỏi như lái tàu. Ông lại bên Otto. Ông im lặng ngồi đó mặc cho nhà kho đang rất nhộn nhịp.

- Cô ấy sẽ thất vọng đấy, đội trưởng thờ dài.

- Sao cơ?

Otto quay sang ông.

- Tôi nghĩ cô ấy sẽ thất vọng đấy, Lehmann nói.

- Ai cơ?

Đội trưởng bỏ mũ ra.

- Cô ấy thích món củ cải bao tử dầm kem của anh.

- Mẹ kiếp, nhưng mà ông đang nói về ai mới được chứ?

- Anh không biết sao?

- Biết gì, đội trưởng?

- Lady Drummond Hay đã đến khách sạn Kurgarten tối qua.

Anh chàng đầu bếp bật dậy và ưỡn ngực, anh ta phúi phúi nếp nhăn trên chiếc tạp dề.

- Lady ư?

- Cô ấy có trong danh sách hành khách.

- Lady!

Otto gọi người ấy là Lady, như thể đó là tên cô ta vậy.

- Lady...

Đó là một nữ quý tộc người Anh, nhà báo nổi tiếng, đặc phái viên của những tờ báo lớn nhất nước Mỹ, góa phụ ba mươi mốt tuổi, một người phụ nữ thích phiêu lưu mạo hiểm với áo khoác lông thú và đôi mắt nhung. Cô đã từng tham gia vài chuyến chu du nổi tiếng của khí cầu.

- Lady, lạy Chúa tôi, Otto lặp lại.

Anh ta điên tình vì cô. Cô đùa giỡn đôi chút với sự si mê đó, vào tận bếp ăn bánh quy. Otto lại nhìn thấy ở cô mọi dấu hiệu của một tình yêu song phương. Anh ta đã lập sẵn kế hoạch.

Anh chàng tội nghiệp không biết gì về cuộc sống bên ngoài khí cầu của người phụ nữ ấy, đến hàng trăm kẻ ngấp nghé cầu hôn cô, đến những người bạn cô ở Hollywood, Buenos Aires, Madrid hay khu Montparnasse ở Paris.

Anh ta chỉ biết rằng có một ngày đã được nắm tay nàng, trên bầu trời Tokyo, để dạy nàng cách đánh nước xốt bơ trứng. Và bàn tay trắng trẻo nhỏ xinh ấy nằm trong tay anh, dùng phới nguấy lên thứ hương vị của ngải thơm và xếp phoi, trở thành kỷ niệm ngọt ngào nhất đời anh.

- Lạy Chúa tôi, Lady! Otto Manz thốt lên lần cuối rồi biến vào khí cầu.

Hugo Eckener đến lúc hơn năm giờ sáng một chút. Viên đội trưởng ra đón ngay khi ông đến nơi.

- Thừa chỉ huy, cần có người thay thế Ernst Fischbach, nhân viên phụ bếp.

- Chúng ta sẽ tìm được thôi.

- Tôi sợ chúng ta không tìm thấy trên những đám mây đâu, thừa chỉ huy.

- Anh có biết gì về việc đó không, đội trưởng?

- Ông có cao kiến gì à?

- Có thể.

Lehmann không nài thêm. Eckener có vẻ chắc chắn.

- Động cơ trước bên phải đã sửa xong rồi, viên đội trưởng tiếp tục.

- Tuyệt. Còn gì nữa không?

- Vâng... Tôi tự cho phép mình làm một số việc rất khẩn cấp ở phần đuôi.

- Tôi tin tưởng ở anh. Thời tiết thì sao?

- Đài điện báo đã nhận được tin thời tiết từ Hambourg. Gió thổi cùng chiều với chúng ta và hành lang Rhône quang đãng.

- Tốt. Đội trưởng, tôi nhờ anh đến đón khách trước nhà kho cùng trưởng lễ tân nhé. Bảo họ thông cảm cho tôi. Nói với họ rằng tôi sẽ gặp họ trên khí cầu.

Lehmann tuân lệnh. Đứng bất động, Eckener quan sát khí cầu khá lâu. Rồi ông đi về phía cầu thang. Ông muốn kiểm tra thứ gì đó bên trong. Thợ máy, nhân viên phi hành đoàn, sĩ quan, tất cả đều ngưng tay và hơi gập người chào khi ông đi qua. Về đẳng trí, ông không đáp lại lời chào của họ.

Nhưng khi bước qua cửa khoang lái của khí cầu, Eckener nghe thấy tiếng người gọi mình.

- Thừa chỉ huy!

Đó là Kubis, trưởng lễ tân. Anh ta có vẻ lo lắng.

- Hải quan và cảnh sát đang ở kia, thừa chỉ huy. Lehmann yêu cầu họ chờ bên ngoài.

- Rất tốt. Lát nữa hải quan sẽ kiểm tra hành khách. Còn nếu viên cảnh sát muốn có danh sách phi hành đoàn, chúng ta sẽ cung cấp cho anh ta.

- Không chỉ có một nhân viên cảnh sát đâu ạ, nếu như tôi đếm đúng.

- Hai người à? Eckener hỏi, ông không còn ngạc nhiên trước cảnh thừa thãi cảnh sát nữa rồi.

- Không, thừa chỉ huy, họ có ba mươi lăm người. Tôi cho là có vấn đề gì rồi.

10

NHỮNG QUÝ ÔNG GESTAPO

Quả thật, trước cửa, số người mặc quân phục có khi phải xếp được thành một vòng tròn chu vi mười ki lô mét. Nhưng khi đến nơi, Eckener chỉ nhìn thấy hai cái áo mưa của Gestapo. Đội trưởng Lehmann, người đang nói chuyện với bọn họ, mặt đầm đìa mồ hôi, nhẹ cả người khi nhìn thấy chỉ huy lại gần.

- Thưa các anh, đây là chỉ huy Eckener. Ông sẽ trả lời các anh.

Eckener cười tươi. Ông vừa rồn rảng nói vừa chỉ toán cảnh sát:

- Tôi vẫn chưa xem danh sách hành khách đâu. Mọi người sẽ cảm thấy an toàn thôi: một doanh trại bay thực sự đấy! Tôi chỉ tiếc chúng ta lại đến Rio quá muộn để tham gia lễ hội carnaval linh đình.

Một tên trong đội Gestapo nhếch mép cười.

- Mới sáng ngày ra mà ông đã hài hước quá nhỉ, chỉ huy. Còn tôi, tôi lại nhí nhố hơn vào ban đêm. Có lẽ tôi sẽ có dịp khiến ông cười vào một trong những buổi tối tới đấy.

- Hân hạnh, thưa anh.

- Max Gründ. Tôi là chỉ huy của Geheime Staatspolizei vùng hồ Constance.

Chỉ huy nhận thấy hẳn đọc tên đầy đủ của Gestapo, như thế, sau một năm thành lập, cái tên gọi tắt ngắn gọn, trù mẩn đó đã làm đông

máu và cần pha loãng bằng cái tên đầy đủ dài dòng hơn.

Tuy nhiên, gã đó lại mang vẻ lạnh lùng cực kỳ lịch sự. Hắn giới thiệu tên đồng nghiệp Franz Heiner, người Eckener chưa bao giờ gặp.

- Gần đây quân số cảnh sát thay đổi nhanh quá nhỉ, chỉ huy nhận xét.

- Chúng ta không làm được gì sạch sẽ với đồng dụng cụ cũ kỹ đâu, gã đàn ông nói.

Là người thợ lành nghề, Eckener lại nghĩ khác. Một dụng cụ phải mất thời gian dài mới trở nên nhạy bén. Nhưng ông thích giữ im lặng hơn.

- Tôi không muốn làm ông phải chậm giờ bay, Gründ nói. Tuy nhiên, có những tin đồn không nên để kéo dài. Người ta muốn tôi tin rằng một số công việc sơn sửa mới được tiến hành tại đây.

- Những tin đồn ư? Eckener nhắc lại.

Max Gründ hít không khí. Mùi nhựa thông hãy còn thoang thoảng.

- Đúng. Công việc sơn sửa đó ảnh hưởng đến danh dự đất nước.

Eckener cười.

- Thế thì tính danh dự ấy chẳng đáng là bao nếu nó bị đặt vào tình thế nguy hiểm chỉ bởi một hộp sơn.

- Ông cho phép tôi đi xác minh tận mắt.

Eckener, bất động, bước ra chặn lại.

- Xin thứ lỗi.

Gã đàn ông cùng tay cảnh sát Heiner đi vòng qua Eckener.

Bọn chúng vào nhà kho và tiến bước về phía khí cầu.

Chỉ huy Eckener dõi theo chúng từ xa. Những kẻ tham quan nhìn cánh sau của quả bóng.

- Tôi cho rằng tin đồn quả không sai, thưa chỉ huy.

Eckener thông thả trả lời.

- Anh hãy nói với tin đồn rằng nó đã bỏ quên mũ nhé.

Ông nhặt chiếc mũ mà Kreisleiter để rơi hôm trước trong nỗi hoảng sợ lúc bỏ đi.

Ông đưa nó cho Max Gründ, tên này lấy mu bàn tay hất lên.

- Theo chúng tôi, ngài Eckener.

- Xin thứ lỗi, nhưng tôi còn quả bóng nặng ba trăm tấn sẽ bay trong ba mươi phút nữa. Tôi không còn thời gian cho các anh đâu.

Hai gã nhân viên Gestapo nhìn nhau cười khùng khục.

- Ông không hiểu lắm nhỉ, chỉ huy. Bao năm đã trôi đi. Ông là người của thời trước rồi. Thật cảm cảnh... nhưng kết thúc rồi. Hãy theo chúng tôi.

Eckener liếc mắt nhìn quả bóng. Quả thật, đây là lần đầu tiên ông có cảm giác mọi thứ đã kết thúc. Cuộc phiêu lưu sẽ dừng lại tại đây. Ông thậm chí không nhận ra đội trưởng Lehmann đang lại gần.

- Có vấn đề à, chỉ huy?

Viên chỉ huy không nghe thấy gì nữa.

- Có vấn đề à?

Max Gründ chỉ cho Lehmann thấy chiếc cánh được phủ lớp sơn bạc.

Lehmann ra về không hiểu.

- Ông không thấy nó thiếu gì à? tay cảnh sát hỏi.
- Không.
- Thật chứ?
- Thật.
- Cẩn thận đấy, đội trưởng.
- Tôi đảm bảo với anh rằng...

Gương mặt ông sáng bừng. Lehmann quay sang đám cảnh sát Gestapo.

- Này, các anh, tôi nghĩ tôi biết các anh đang tìm thứ gì! Các anh tìm...

Ông vẽ vào không khí chữ thập ngược.

- Cái... của...

Ông giơ cánh tay chào kiểu quốc xã.

- Đó là thứ các anh tìm đúng không?

Hai gã cảnh sát cảm thấy nổi tức giận dâng trào. Nhưng Lehmann vẫn tiếp tục:

- Tôi rất hiểu các anh mới vào nghề. Sai lầm của các anh rõ ràng rành ra đấy, nhưng hoàn toàn có thể bỏ qua được. Cái... của...

Ông lại khoát mạnh tay.

- Cái... của... nằm đúng...

Ông ngừng một chút. Eckener đã lấy lại tinh thần và đang lo lắng nghe Lehmann nói.

- ... phía bên kia mà.

- Sao cơ?

Gründ ngỡ như đang mộng mị.

- Tôi nhắc lại nhé, chuyện này thật buồn cười, tuy nhiên cũng bình thường thôi khi các anh không biết điều đó, nhưng quy định của Bộ Không quân đã chính thức rồi: cái hình kỳ dị to tướng mà các anh đang tìm phải được sơn bên mặt trái của cánh cơ mà.

Eckener muốn ra hiệu cho đội trưởng Lehmann. Đâu cần thiết làm trầm trọng thêm tình hình cơ chứ. Rõ ràng Lehmann chẳng biết những gì chỉ huy của mình đã làm tối hôm trước với chiếc chổi lông dài năm phút.

- Các anh hãy theo tôi, đội trưởng nói mà không hay biết những cử chỉ hốt hoảng của Hugo Eckener. Hãy theo tôi, các anh sẽ ngạc nhiên cho mà xem.

“Rủi rồi, không chắc ai trong số ba người sẽ ngạc nhiên nhất đây...” Eckener nghĩ bụng khi nhìn họ đi xa. Họ sang phía bên kia và ngược mắt lên nhìn phần bên trái của khí cầu.

Eckener quay đi. Ông nghe thấy tiếng bước chân vội vàng đi về phía mình.

- Herr Doktor Eckener.

- Sao?

Tên cảnh sát Max Gründ đang ở trước mặt ông, biến sắc hơn bao giờ hết. Hắn không thốt nên lời, rồi gọi đồng nghiệp.

- *Heil Hitler*, bọn chúng cùng đồng thanh hô, cánh tay giơ trước mặt.

Chống đối vô ích thôi. Eckener tiến một bước.

- Tôi theo các anh.

- Chúng tôi bỏ qua cho thái độ nhạo báng của ông, chỉ huy. Cứ yên tâm rằng kẻ chỉ điểm của chúng tôi sẽ bị treo cổ.

Eckener giật mình.

- Tạm biệt, chỉ huy, Gründ nói.

- Tạm biệt.

Bọn chúng bỏ đi. Hugo Eckener, không tài nào hiểu nổi chuyện gì vừa xảy ra, quay về phía Lehmann.

- Đội trưởng?

Nụ cười ngại ngùng của viên đội trưởng chính là câu trả lời đầu tiên. Hugo Eckener chăm chăm nhìn anh. Eckener bắt đầu hiểu ra. Đội trưởng Lehmann nhăn nhó nói, như để xin lỗi:

- Tôi đã nói rõ với ông sáng nay là tôi đã cho tiến hành cải tạo phía đằng sau trước khi ông đến rồi mà.

Eckener từ từ nhìn xuống rồi sau đó nhìn thẳng vào mắt viên đội trưởng.

- Ừ. Đúng rồi. Tôi quên mất. Cảm ơn nhé, đội trưởng. Anh có thể quay lại chỗ hành khách được rồi đấy. Xe buýt Kurgarten chắc đến rồi.

Đội trưởng gật đầu chào rồi đi khỏi.

- Đội trưởng Lehmann!

- Sao cơ?

- Máy giờ rồi nhỉ?

- Năm giờ hai mươi lăm.

- Hai mươi lăm?

- Vâng, chỉ huy.

- Đội trưởng này...

- Có tôi.

- Không nên kể lể quá nhiều về chuyện vừa xảy ra nhé.

Lehmann chau mày.

- Chuyện gì đã xảy ra? Nhưng, hãy nói cho tôi... Chuyện gì đã xảy ra mới được chứ, chỉ huy?

Eckener cảm thấy niềm xúc động dâng trào. Đó chính là thứ tình người ông vẫn cảm kích.

Cảnh lên khí cầu để chuẩn bị cho một chuyến bay của Khí cầu Graf giống như những trang thượng lưu trên một tờ báo lớn của Berlin, Paris hay New York. Thoáng chốc, người ta đã trông thấy một hàng dài các nhân vật đặc biệt bước lên bậc thang, có lẽ mỗi người đều cảm thấy có chút gì đó nực cười khi thấy mình quan trọng hoặc làm ra vẻ ta đây quan trọng.

Những chiếc mũ dạ phớt của Christy's of London, những chiếc đầm hiệu Jean Patou, những chiếc hòm đến từ thành phố Oshkosh bang Wisconsin, và những nụ cười của Pathé Cinéma^[3].

Những nhà ngoại giao, những chủ tập đoàn công nghiệp, những nhà văn, những kẻ thích chơi ngông, những chính trị gia, những nhà bác học, những đại gia cỡ bự hay những nghệ sĩ nhỏ bé, tất cả đều có điểm chung là muốn bước vào giấc mơ, cũng như muốn bước vào Lịch sử. Buổi sáng hôm đó, họ có mười tám người. Mỗi người được cân cùng hành lý để không vượt quá số cân nặng cho phép. Đây là một phiên chợ mua bán vật nuôi nhện nhíp thơm mùi hương hoa hồng tháng Năm và mùi da phun dầu bóng.

Một doanh nhân người Đức mập mạp, chỉ mang theo một túi vải nhỏ, đang nhón chân đi với đôi giày phẳng túp như thể làm như thế ông sẽ nhẹ hơn trên bàn cân. Ông ta nói rất nhiều, ông kể rằng mình

sống ở Paris, rằng mình đi máy bay ở sân bay Bourget, rồi đi máy bay ba động cơ Lufthansa từ Sarrebruck đến Friedrichshafen. Ông ta sợ mình quá nặng nên đã lập danh sách các món ăn nhẹ người ta đã phục vụ ông trong chuyến bay dài đến khí cầu:

- Bắp cải nhồi này, vỏ bánh mì cuộn pho mát này, bánh nướng nhỏ này, bánh nhồi thịt gà này, tôi từ chối hết. Tất cả luôn.

Đôi mắt ông ta như ngấn lệ vì thực đơn đó.

Đám nhân viên hải quan cười. Họ để ông ta lên khí cầu.

Nói vậy mà vừa vào đến nơi, ông ta đã ngã ngay vào vòng tay của anh chàng bếp Otto, nài nỉ anh ta tìm cho mình cả một cái đùi cừu cho bữa sáng. Để tổng khứ ông ta, Otto hứa hẹn, nhưng đầu óc anh ta đang ở chỗ khác: anh ta đội mũ không vành lên và hướng về phía phòng khách.

Lady Drummond Hay ngồi bên một chiếc bàn.

Otto tiến đến từ phía sau, xúc động, cố gắng cài nốt cái khuy trên cùng của chiếc áo đầu bếp. Giờ hội ngộ đã đến.

Người phụ nữ trẻ bắt đầu viết vào cuốn sổ nhỏ nhật ký chuyến đi của mình, đã được nhật báo Chicago đặt hàng cho số tới.

- Lady?

Cô hơi xoay người lại và phát hiện ra anh chàng đầu bếp.

- Cảm ơn. Tôi không cần gì cả. Tôi đã dùng cà phê tại khách sạn rồi.

- Lady...

- Thật đấy. Anh thật tốt bụng. Đừng nài nỉ nhé!

Otto định nói thì khí cầu bắt đầu động dậy, cái tời đang kéo khí cầu ra ngoài nhà kho. Grace Drummond Hay đứng dậy nhìn qua cửa sổ. Hàng trăm người giữ dây thừng hộ tống khí cầu ra ngoài.

Otto không còn sức bước về bếp nữa.

Cô ấy không nhận ra anh.

Hành khách rời cabin của mình và dồn về phòng khách. Họ nhao về phía các ô cửa sổ mà không mấy may quan tâm tới anh chàng đầu bếp đã biến thành ông phỗng giữa mấy cái bàn.

Trước phòng lái khí cầu, Eckener giờ thông điệp mà nhân viên điện báo vừa nhận được.

Gửi D-LZ 127 Khí cầu Graf

Cấm bay trên không phận Pháp

cho đến khi nhận được mệnh lệnh mới.

Hai tay đặt trên bánh lái, một viên phi công gọi Eckener. Lúc này, khí cầu đã ra khỏi hang của nó.

- Tôi cho thả dây khỏi tời nhé, thưa chỉ huy. Cất cánh trong hai phút nữa.

- Làm đi.

Eckener ra hiệu cho Lehmann.

- Đội trưởng, lại đây với tôi.

Họ đi vào phòng bản đồ. Hai sĩ quan đang làm việc bên chiếc bàn.

- Này các anh, chỉ huy nói, lịch trình vừa thay đổi. Chúng ta không được bay qua Pháp.

- Tôi cho dừng vận hành là được, Ernst Lehmann bình tĩnh nói.

- Không. Không ai cấm chúng ta bay được, vì thế chúng ta vẫn sẽ bay. Cứ vạch ra một lộ trình mới. Phải qua Thụy Sĩ, Ý. Tìm trong hồ sơ lưu trữ xem: cũng chuyển bay như thế này đi Cairo cách đây ba năm. Tháng Tư năm 1931. Khi bay ngang vĩ độ đảo Sardaigne, các anh lái nhanh theo hướng Tây để bắt vào đường bay của chúng ta đến Braxin.

- Chúng ta không biết thời tiết vùng Alpes.

- Hỏi xem sao. Và báo với mặt đất kiểu gì chúng ta cũng xuất phát.

Hai trăm mét phía trên họ, giữa một rừng xà nẻo, trải rộng trên bề mặt kim loại, Vango đang chờ đợi.

Khí cầu khởi hành chậm. Vango định để khí cầu bay vài tiếng mới xuất hiện. Phần lớn phi hành đoàn đã biết cậu năm năm trước. Hugo Eckener chỉ cần giả vờ trách móc rồi tìm cho cậu một vị trí trên khí cầu. Hành khách cũng chẳng quan tâm đến sự có mặt của một nhân viên mới.

Vango nhớ lại lần trốn gần hầm rượu vang, ngay dưới trần vải của khí cầu. Cậu không thể bị phát hiện. Chẳng có việc gì bắt người ta phải trèo lên tận đó, qua mê cung nào là thang và cầu nối. Một tiếng động nhỏ nhất, một mùi hương thoang thoảng nhất cũng gợi cho cậu nhớ lại một năm đằng đẳng trên khí cầu, nhớ lại gương mặt cô bé Ethel mà cậu nhìn thấy lần đầu tiên trên bầu trời Manhattan.

Những kỷ niệm ấy làm lòng cậu thất lại.

Chuyến đi cuối cùng đó chỉ kéo dài ba tuần. Nhưng tất cả bắt đầu ở đó. Hạnh phúc song hành với nỗi sợ hãi. Họ hứa hẹn với nhau,

những lời hứa duy nhất trong suốt cuộc đời mình Vango đã không thực hiện. Điều này để lại trong cậu một vết thương rộng hoác.

Lúc này, dường như đối với cậu, quãng thời gian đó xa xôi như những ký ức về hòn đảo của cậu. Cậu là tội phạm bị truy lùng trong nước, tị nạn trong bụng con cá voi này, nơi không ai trục xuất được cậu. Vango xấu hổ vì đã không thú nhận với Eckener nguyên nhân khiến cậu chạy trốn. Và khi giấu lý do mình đến đây, cậu cảm thấy như đang lừa dối người đàn ông đó, như đang lợi dụng lòng chung thủy của ông.

Nhưng cậu biết, không bao giờ có ai để cậu lên khí cầu, kể cả lên lút, nếu họ biết tội ác người ta gán cho cậu.

Eckener đang đứng ở vị trí quen thuộc: bên cửa sổ mạn phải của buồng lái lớn.

Ông nhìn ra xa, trên cái mênh mông vắng vẻ của bãi đất, hàng chục đèn pha xe hơi đang tiến lại trong đêm tối. Bộ phận không lưu vừa xin thêm chút thời gian để chỉnh độ thẳng bằng. Eckener đồng ý, bởi lẽ ông thích thú nghĩ đến vài chiếc xe hơi chở những người dậy muộn có thể kịp chứng kiến khí cầu bay lên. Chỉ huy Eckener rất biết ơn sở thích này, sở thích đã đánh thức hàng trăm con người trước bình minh chỉ vì một niềm hy vọng duy nhất, đó là được nhìn thấy Khí cầu Graf cất cánh.

Ông ngồi vào chiếc ghế bành nhỏ bằng gỗ, khuỷu tay gác lên cửa sổ đang mở, kín đáo rút ra từ túi quần một tờ giấy nhàu nát và nhìn nó thêm lần nữa. Đó là một bài viết cắt từ một tờ nhật báo của Pháp. Ông tình cờ đọc được nó trên bàn của người khách bỏ quên trong khách sạn Kurgarten. Từ ba ngày nay, ông không cho ai xem cả. Bài

báo viết về một vụ việc man rợ xảy ra ở Paris. Một vụ giết người. Ảnh Vango choán hết ba cột tin.

Eckener không định giữ vị hành khách nhỏ trên khí cầu lâu dài. Khi vừa nhìn thấy cậu, ngủ say như một thiên thần, trên ghế băng trong cabin, ông cảm nhận được điều hiển nhiên: cậu bé này không phải là thủ phạm.

Tin là cậu vô tội nên niềm tin của ông đối với tòa án giảm đi. Vango không phải là một cậu bé như những cậu bé khác. Cả cuộc đời cậu là một bí ẩn. Người ta thấy ở cậu những mảng tối, những điều pháp luật của con người không thích thú gì.

Cậu có nguy cơ bị xử chém.

Vì thế, Eckener định đến cuối chuyến bay sẽ để cậu xuống Nam Mỹ, nơi cậu có thể làm lại cuộc đời. Đó là chuyến bay một chiều đến một nơi xa lạ. “Một số phận kỳ lạ..., ông nghĩ bụng. Trên trái đất, có những con người ta không bao giờ biết được họ đến từ đâu và họ sẽ đi về đâu.”

Những chiếc xe hơi chỉ còn cách hai trăm mét. Người ta nghe thấy tiếng còi xe vang lên. Chỉ huy gấp bài báo lại, đứng dậy và bảo viên đội trưởng phát tín hiệu khởi hành.

- Tôi muốn bay qua núi trước mười giờ sáng. Sau đó, chẳng cần biết ra sao. Tôi không muốn đâm cây sao bạc chọc vào Graf.

- Tuân lệnh, thưa chỉ huy. Bộ phận không lưu *rối* sẽ chỉnh ballast sau khi chúng ta cất cánh. Chúng ta đã sẵn sàng.

Từ bàn lái, nút tín hiệu giúp báo cho thợ máy của cả năm động cơ.

Phía sau, nơi có hành khách, các cửa sổ đều kín người.

Dưới đất, một đám đông vây quanh khí cầu.

Người ta bắt đầu đổ túi nước đi để làm nhẹ quả bóng. Dây thừng căng ra trên những cánh tay ghìim khí cầu xuống đất. Nước đổ xuống tưới lên đám người hiếu kỳ đang hò hét đầy ngạc nhiên. Hugo Eckener đứng vào vị trí để hô *Ouch!*, từ có nghĩa là “Thả tất cả ra!” và ra ám chỉ phong thần.

Đúng lúc đó, bốn chiếc xe hơi cùng đồng thời phanh kít lại. Mười lăm người đàn ông có vũ trang bước xuống. Những cánh cửa đóng sầm lại và qua chiếc loa, tiếng gọi vang lên:

- Dừng lại! Chỉ huy Eckener, hãy ở lại mặt đất. Lệnh của Bộ Nội vụ. Không được động đậy.

Eckener nghiêng rằng.

Ông không cần đến loa để gầm lên qua cửa sổ:

- Tôi có tất cả giấy phép cần thiết! Thụy Sĩ và Ý vừa đồng ý qua điện đàm xong.

- Chuyển bay vẫn duy trì, một thứ giọng mũi trấn an ông, nhưng hai chỗ ngồi được trưng dụng để giám sát và đảm bảo an ninh. Mở cửa ra! Tôi ra lệnh cho ông đấy!

Chỉ huy Eckener thốt ra mấy câu chửi thề không tiện nhắc lại ở đây, rồi ông hít một hơi thật dài, nói:

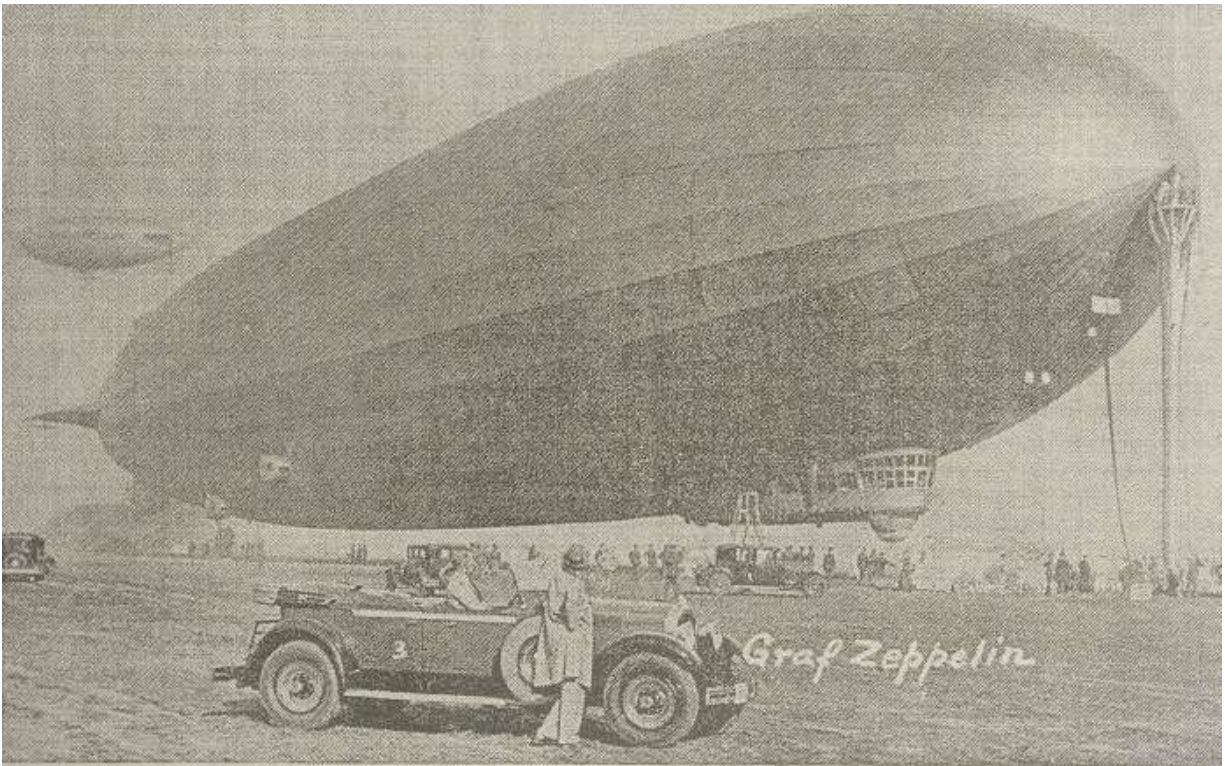
- Mở cho họ. Chúng ta sẽ cho họ ngủ trong đường ống.

Ông cho mang đến chiếc thang ở nhà kho.

Khi hai tên sĩ quan leo lên, Eckener nhận ra gã cảnh sát Max Gründ và phụ tá Heiner của hắn. Sắp xếp xong xuôi, nhân viên khí cầu đóng cửa lại.

- Thả hết đi! chỉ huy ra lệnh.

Và quả bóng bay lên giữa những tiếng hoan hô. Động cơ lần lượt được khởi động, tiếng ồn của chúng bị trọng lượng khí cầu bóp nghẹt. Chỉ mỗi cửa sổ buồng lái được thắp sáng phía trước. Phần còn lại tạo thành khối mây lớn màu tím trong đêm tối.



“Và khí cầu bay lên giữa những tiếng reo hò.”

Lúc này, Lady Drummond Hay đang nắn nót viết thật đẹp vào sổ tay: “Mọi vật xa dần. Giấc mơ đang bắt đầu. Hồ Constance chỉ còn là tấm gương trong căn phòng đã tắt đèn. Chúng tôi khởi hành đây.”

Anh chàng đầu bếp Otto đang dựa cửa kính phòng bếp khóc.

Đội trưởng Lehmann, vẻ lo lắng, nhìn xe cảnh sát xa dần, những chấm nhỏ lấp lánh giữa màn đêm.

Vị thương gia to béo hát ông ổng mấy đoạn nhạc kịch trong hành lang, gần bếp, và hít ngửi mùi hương của món bánh mì nướng:

- Thối nữa đi, cơn gió lạnh. Hôm nay người đẹp đang đợi ta...

Bỗng nhiên ông ngừng hát. Ông nghe thấy đằng sau mình tiếng chỉ huy Eckener đang đến trước mặt hai tay cảnh sát.

- Các anh muốn nói chuyện với tôi à.

- Đúng, ngài chỉ huy. Chúng tôi không chỉ ở đây để theo dõi lịch trình của các ngài. Chúng tôi nhận được tin mật báo.

Eckener bất động. Max Gründ ném cho ông một cái nhìn ghê rợn.

- Ngài chỉ huy Eckener, có một tên tội phạm đang trốn trong quả khí cầu này.

11

KẺ ẨN NÁU

- Chỉ một thôi ư? Tôi thì thấy tận hai cơ đấy, hai anh ạ! chỉ huy Eckener vừa nói vừa nhìn chăm chăm hết tên này rồi tên kia. Ngài Kubis sẽ chỉ cho các anh chỗ ngủ. Đó là chỗ duy nhất còn lại của chúng tôi. Các anh bỏ qua mùi hôi cho nhé, chúng tôi bảo quản rác và nước thải của khí cầu trong các túi, để cân bằng sức nặng khí cầu... Chúng tôi không vứt thứ gì đi cả. Đó là lý do duy nhất khiến tôi giữ các anh lại đấy!

Những câu đùa ác ý của Hugo Eckener có vẻ miễn cưỡng. Chúng chẳng hợp với ông gì cả. Ông đang nói quá nhiều và ông biết điều đó.

Ai có thể biết về Vango? Sao lại thế được nhỉ? Eckener không còn hiểu gì nữa. Max Gründ nhìn ông rất chăm chú như thể hẳn đọc được suy nghĩ của ông.

- Ngài Eckener...

Tay cảnh sát không nói hết câu. Vị doanh nhân vui tính đi ngang qua họ và lại lầm bầm hát *Con tàu ma* của Wagner.

- *Papam papaaaaaaam!*

Ca sĩ dừng lại.

- Các anh không đói à?

Ông ta hỏi tên Heiner, hần xẵng giọng yêu cầu ông ta quay lại phòng khách.

- Các anh đang chơi trò làm ra vẻ bí mật đấy à? vị thương gia hỏi kèm theo những cái liếc mắt.

Và ông ta vừa đẩy cửa vào vừa cười sảng sặc.

Gründ, răng nghiến chặt, nói với chỉ huy:

- Tôi muốn được hoàn toàn tự do lục soát khí cầu. Ông hãy cho một người dẫn chúng tôi đi.

- Tại sao lại cho chúng tôi cất cánh? Hugo Eckener chất vấn.

- Ở độ cao ba trăm năm mươi mét thì sẽ khó tẩu thoát hơn đấy, thưa ngài chỉ huy. Và lại, chúng tôi lại có thời gian, tôi tin...

Gründ nhìn đồng hồ.

- Bảy mươi hai tiếng trước khi hạ cánh xuống bờ biển Braxin.

Đúng lúc này, trưởng lễ tân Kubis xuất hiện.

- Anh chỉ cho những người này phòng của họ nhé, Eckener nói.

Ông chỉ cho anh ta cái khoang mà ông đang nghĩ đến.

Kubis có vẻ ngạc nhiên.

- Thật ư?

Vì Eckener xác nhận nên Kubis rút từ áo gi lê ra một chiếc kẹp quần áo, rồi kẹp lên mũi.

- Tôi dẫn các anh đi nhé, anh ta nói với nụ cười mãn nguyện.

Nhiệm vụ của Gründ và Heiner rắc rối hơn chúng tưởng.

Vấn đề chủ yếu là sự có mặt của mười bảy hành khách và ba mươi chín thành viên phi hành đoàn trên khí cầu. Làm thế nào nhận ra được một tên tội phạm trong số hàng chục con người mà chúng

cứ chạm mặt mọi chỗ trên quả bóng thế này? Tuy nhiên, Gründ có một trí thông minh phi thường và trí nhớ của hắn xuất tiết không mệt mỏi. Trong có vài tiếng đồng hồ, hắn đã xác định được gương mặt của năm mươi sáu con người trên khí cầu.

Hắn đánh số mọi người để khỏi phải nhớ tên cho mệt. Số 1 là Eckener và số 56, Lady Drummond Hay. Kiểu đánh số kỳ quặc này, Max Gründ duy trì nó suốt mười năm trời đưa hắn lên đỉnh cao quyền lực và đến tận cùng của tội ác rừng rợn.

Khi gạt bỏ tên họ, mọi thứ đều trở nên đơn giản hơn. Người ta sẽ không hành động theo cảm tính.

Điều ấn tượng nhất, đó là Gründ tổ chức cuộc vây bắt một cách cực kỳ hài hòa, không mảy may làm phiền đến sinh hoạt của hành khách. Hắn lịch sự giải thích với họ rằng nhiệm vụ của hắn là nghiên cứu tiêu chuẩn an toàn cho khí cầu lớn trong tương lai, loại LZ 129 đang được chế tạo tại Friedrichshafen.

Các thành viên phi hành đoàn biết rõ mục đích thật sự của hắn.

Tay sĩ quan điều tra của Gestapo đối xử với họ không hề nể nang.

Một người thợ máy bảo rằng Gründ và Heiner không tự đánh số cho chúng. Thế là mọi người bí mật gọi chúng là Không và Không-Không.

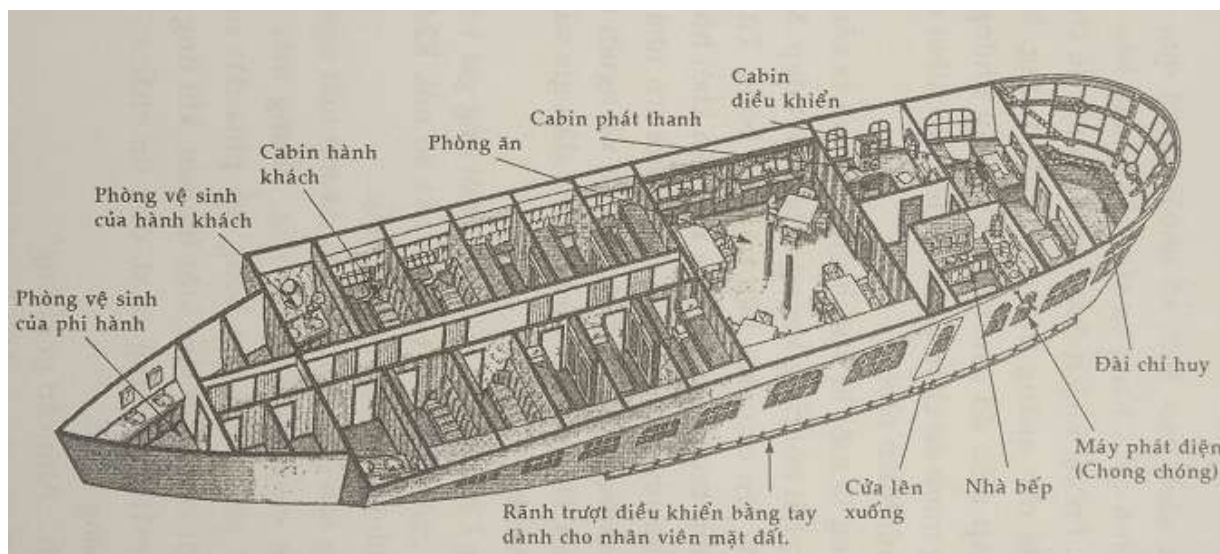
Chúng bắt đầu bằng việc lục lọi các cabin và tất cả khu vực điều khiển phía trước khí cầu, sau đó người ta đưa chúng lên sống khí cầu.

Khoang hành khách và phi công chỉ chiếm một phần khiêm tốn trên quả bóng. Phần còn lại của khí cầu rộng đến hàng trăm mét, cho

phép người ta dạo chơi trên những chiếc cầu nhỏ trong lòng khí cầu. Ở đó, trong khoảng không mênh mông ấy, người ta trông thấy những chiếc lều được dựng lên cho phi hành đoàn, năm tấn nước dự trữ và mười chín quả bóng bằng ruột bò chứa khí hydro giúp khí cầu bay lên.

Max Gründ có sơ đồ khí cầu trong tay. Hắn tổ chức tỉ mỉ cuộc tìm kiếm. Hắn hiểu ngay ra cơ cấu quả bóng, vạch ra những chỗ ẩn nấp có nguy cơ cao.

BÊN TRONG KHÍ CẦU GRAF



“Max Gründ có sơ đồ khí cầu trong tay”

Hai tên cảnh sát được Ernst Fischbach, nhân viên học việc, phụ bếp cũ của Otto, dẫn đi. Ernst bắt đầu làm việc trên Graf với tư cách là phục vụ buồng. Cậu ta chỉ xa khí cầu của mình có một năm duy nhất để học tiếng Anh ở Middlesex tại nhà một anh chàng Master of Sempill nào đó, là phi công và hành khách của khí cầu.

- Nếu hắn ở trên khí cầu, các anh sẽ tìm thấy thôi, tên tội phạm của các anh ấy.

Ernst nói điều đó với một chút tiếc nuối. Cậu không hề phản đối những kẻ trốn vé. Cậu biết mình cũng thế thôi, nếu không được chấp nhận làm việc trên quả bóng này, cậu cũng sẽ nghĩ kế để lọt lên đó. Niềm khát khao được bay quá lớn, khí cầu lại quá đẹp.

- Chính xác thì các anh muốn gì ở người đó?
- Ai cơ? Heiner hỏi.
- Kẻ ẩn náu ấy.
- Im đi, Gründ nói.

Hai tên cảnh sát đã lên đến động cơ. Chúng treo người trên sườn quả bóng như những chiếc giỏ. Lối đi khá nguy hiểm trên chiếc thang dẫn đến tầng động cơ. Phải vượt qua một khoảng không. Và trong buổi sáng tinh mơ lạnh giá bên trên dãy Alpes phía Thụy Sĩ, khoảng không được tạo bởi những đỉnh núi nhọn hoắt và những tảng băng tua tủa tựa như chiếc bàn chông.

Gründ nảy ra một ý nghĩ thú vị, đó là sai Không-Không lên trên đó.

- Anh có chắc không? tay Heiner nuốt nước bọt hỏi.
- Im đi, Gründ nói.

Heiner mở cửa trập và bắt đầu leo xuống chiếc thang đang chênh vênh trong gió. Gründ và Ernst quan sát hẩn. Vừa đến động cơ, hẩn nhìn xuống dưới và nhanh chóng trở lên.

- Có ai đó, hẩn gào lên.

Max Gründ hí hửng quay về phía anh chàng Ernst.

- Chúng tôi đâu có mất nhiều thời gian.

Từ cự ly quá gần, động cơ có vẻ ồn ào.

- Tôi không hiểu anh nói gì, Ernst kêu to.

- Anh ta vừa phát hiện ra ai đó!
- Vâng, tất nhiên rồi.
- Tôi nói là ai đó đang trốn trong động cơ!
- Còn tôi thì trả lời anh rằng: tất nhiên!
- Gì cơ?
- May mà có ai đó đấy, anh không muốn để động cơ tự quay đấy chứ!

Max Gründ biến sắc. Ernst giải thích:

- Tất cả năm khoang chứa động cơ đều có hai thợ máy thay nhau ngày đêm ở đó. Vì thế, chúng tôi tuyển mười thợ máy để làm công việc này. Vị chi họ là một nhóm những kẻ lẩn trốn, sếp của các anh hẳn sẽ hài lòng đây!

Điên tiết, Không gào rống lên với Không-Không:

- Lục soát động cơ và yêu cầu hẩn lộ diện!

Không-Không lại leo xuống, chui vào lớp vỏ và vài giây sau, tên cảnh sát nhìn thấy lộ ra cái mặt toe toét của số 47, Eugen Bentele, nguyên là thợ của hãng xe hơi cao cấp Maybach, thợ máy khí cầu từ năm 1931. Bọn chúng không tìm thấy gì khác trong động cơ đó cũng như trong bốn cái tiếp theo. Tuy nhiên, tại cái thứ ù ù đó mà tay cảnh sát Heiner, được bù đắp cho những nỗ lực vừa qua, đã có hẳn một động cơ mini xách tay cứ kêu vù vù trong tai hàng tiếng đồng hồ.

Trong phòng sinh hoạt chung của hành khách, bầu không khí đã dịu đi và trở nên yên tĩnh. Một số người đọc sách báo. Một số nhồi người qua cửa sổ. Số khác chơi cờ. Chàng ca sĩ ục ịch đang kéo bễ trên ghế bành. Phòng khách được sưởi ấm rất dễ chịu. Các quý bà

chỉ cần quàng thêm khăn đi đường. Một tên người Pháp điếc dờ cần nhần khi thấy những người chơi cùng mình cứ chốc lại đứng lên để chiêm ngưỡng khung cảnh thiên nhiên.

- Đúng là một lũ khách du lịch, anh ta cầu nhàu.

Cần phải nói rằng khung cảnh tuyệt đẹp. Mặt trời phủ giá đã lên cao phía bên trái quả bóng. Từ những dãy núi phủ tuyết trắng tỏa ra một làn khói hồng. Khí cầu đu đưa nhẹ nhàng như đang chơi trò nhảy ngựa bên trên những sườn và đỉnh núi. Xa xa, người ta nhận ra đỉnh núi Trắng đang canh chừng đàn gia súc trắng tinh của mình.

- Lạy Chúa tôi, bị mê hoặc, một ông già với chòm râu cằm, chống khuỷu tay bên cửa sổ nói. Không thể tin được những gì mình đang thấy.

Đằng sau ông, chàng ca sĩ đã mở mắt ngáp. Ông đứng dậy, cũng nhìn qua ô cửa, nhưng mắt ông lại hướng về phía đuôi quả bóng, về phía đất nước nơi khí cầu cất cánh bay lên. Một lúc sau, khi ông già bắt gặp ánh mắt của chàng ca sĩ, ông tin chắc vị thương gia này đang khóc.

- Anh... Anh cần gì không?

Người đàn ông giật nảy mình.

- Tôi á?

- Anh đang khóc mà.

Chàng ca sĩ phá lên cười.

- Tôi ngủ y như sư tử biển ấy! Thế thôi chứ làm gì có gì! Phải cho tôi thời gian để tỉnh ngủ chứ.

Ông ta thăm mắt và nói:

- Về sư tử biển nhé, ông có biết ở vườn thú Berlin...

Chàng ca sĩ to béo tiếp tục với một câu chuyện kỳ cục giữa chú chim anca và sư tử biển, một câu chuyện được kể oang oang để anh chàng điếc dờ chơi bài brit cũng nghe thấy, nhưng rồi nó chỉ gây ra những tiếng thở dài ngán ngẩm.

Đến trưa, khí cầu đã bay đến thành phố Florence.

Eckener bước vào phòng khách.

Kubis bày bộ đồ ăn cho bữa trưa. Bên dưới, mặt trời Toscane tỏa sáng những mái nhà. Viên trưởng lễ tân mở hết cửa sổ và đặt lên máy hát đĩa nhạc valse nhẹ nhàng. Hầu hết hành khách đều đang trong phòng họ.

Từ lúc rời xa những dãy núi, khí cầu bay ở độ cao ba trăm mét. Khá thấp nên có thể nghe được tiếng hét của đám trẻ con trên quảng trường hay những hồi chuông nhà thờ, nhìn thấy người dân Florence túa ra sân nhìn con tàu bay qua.

Cảnh tượng ấy hòa quyện với những nốt nhạc của máy hát.

Eckener đứng ở cửa phòng khách. Ông choáng váng trước ranh giới giữa sự tuyệt vời của một khoảnh khắc và nỗi lo âu đang làm ông rối bời từ ban sáng. Nhất là, ông biết rồi chúng sẽ phát hiện ra Vango. Ông không tài nào báo cho kẻ lẩn trốn đó biết những gì đang đợi cậu.

- Kubis.

- Vâng, thưa chỉ huy.

- Anh nói với hai tay canh sát rằng họ có thể ăn trưa với hành khách.

Anh chàng lễ tân tuân lệnh.

Eckener muốn tranh thủ thời gian. Chính ông đã gợi ý Vango lên khí cầu mà. Ý tưởng này có nguy cơ trở thành định mệnh đối với chàng trai trẻ. Một khi cậu bị phát hiện, bọn chúng sẽ giao cậu cho cảnh sát Pháp, và họ sẽ nhận ra cậu ngay lập tức.

Ai đã chỉ điểm cho chính quyền Đức? Đó là điều không thể hiểu nổi.

Dường như ma quỷ hãy còn đuổi bám theo cậu bé này.

Hai tiếng sau, hành khách ngồi quanh bàn và đang kết thúc bữa ăn của mình. Họ được phục vụ món vịt và rượu vang trắng Jura. Max Gründ ngồi ở một bàn, im lặng. Hắn cấm tay phụ tá tham dự bữa ăn để tiếp tục giám sát lối đi trong phần sống khí cầu.

Eckener muốn tranh thủ bữa trưa để cố gắng tiếp cận Vango, nhưng ông phải từ bỏ ý định đó khi phát hiện ra Gründ đang ngồi ăn một mình. Vì thế, chỉ huy ngồi vào một góc với tách cà phê và nhã nhặn trả lời những câu hỏi của hành khách.

Chẳng hạn ông kể chuyện năm 1915, trong chiến tranh, một khí cầu quân sự bị bắn hạ như thế nào tại Gand, Bỉ, bên trên một trại mồ côi do các sơ trông nom. Một người lính tên là Alfred Mueller rớt qua mái nhà và rơi trúng giường một nữ tu trẻ.

- Lạy Chúa! Lady Drummond vừa cười vừa la ôi ối.

- Nữ tu đó lại vừa ra khỏi giường. Nhưng anh lính Mueller thề rằng ga giường hãy còn nóng hổi.

Duy nhất có Max Gründ là không cười.

- Vì thế mới không có dù trên khí cầu, chỉ huy kết luận. Tôi tin Thượng Đế hơn.

- Và rồi điều đó giúp con người ta gặp gỡ nhau, ca sĩ opera nói chêm vào, lưỡi uốn cong.

Lady Drummond Hay ngược mắt nhìn bầu trời. Cô thấy ghét sự dung tục của người đàn ông này. Ngay từ đầu chuyến bay, tất cả hành khách đều lảng tránh ông ta.

Duy chỉ có ông già có chòm râu cằm, người khẳng khẳng đã nhìn thấy ông ta khóc, là không rời mắt khỏi mục tiêu và đang tìm cách lột chiếc mặt nạ của chú hề.

Kubis đang chuẩn bị phục vụ cà phê lần nữa thì một tiếng gọi vọng đến từ phía trước.

Gründ đứng dậy.

Lúc sau, cửa phòng khách bật mở.

Đó là tên trung úy Không-Không. Quần áo rách nát, tai phải chảy máu. Hắn không ý thức được hình dạng của mình nên vẫn cố ra vẻ bình thản và tự nhiên nhất có thể. Hắn nhăn nhó một cách trì độ, một tay đút túi, tay kia huơ lên ra hiệu cho hành khách khỏi bận tâm đến hắn.

Hắn lê chân về phía cấp trên, nói gì đó mà chẳng ai nghe thấy. Max Gründ đẩy nhẹ hắn về phía cửa và đi ra cùng. Eckener xin lỗi hành khách. Lập tức, ông theo chúng vào cầu thang.

- Chuyện gì xảy ra vậy? chỉ huy hỏi.

- Chúng tôi tóm được hắn rồi. Sĩ quan Heiner đã tìm ra hắn.

- Tôi phát hiện ra có người đang leo thang trong bóng tối. Tôi gọi hắn mấy lần, hắn không trả lời. Hắn cố thoát bằng đường cửa trập,

trên cao kia kìa.

- Trên kia có lối ra không? Max Gründ hỏi.

- Có, Eckener nói với giọng nghiêm trọng. Một lối đi ra để chữa lớp vải mặt ngoài khí cầu.

- Cánh cửa trập đó làm gì có trong sơ đồ của tôi.

- Tôi cóc quan tâm đến sơ đồ của anh. Tôi điều hành một quả khí cầu chứ không phải mẫu giấy của anh.

Eckener quay về phía Heiner.

- Bây giờ hấn ở đâu?

- Tôi đập hấn ngất xỉu rồi, hấn đang nằm trên thềm nghỉ gần hầm rượu.

- Hấn kháng cự à?

- Tôi tóm được chân hấn lúc sắp ra ngoài. Hấn nói hấn muốn chết. Chúng tôi đã vật nhau.

“Thằng nhỏ tội nghiệp”, chỉ huy nghĩ bụng.

- Tôi muốn gặp hấn, ông nói to.

- Các ông sẽ nhìn thấy hấn khi nào tôi quyết định, Gründ cắt lời.

- Vậy thì, tôi cho các anh xuống khỏi khí cầu ngay lập tức.

- Tôi là đại diện của cảnh sát Đức.

- Nhưng chúng ta đang ở Ý, thưa anh. Chính xác là nước Đức đâu có kéo dài đến tận đây. Tại thời điểm này.

Max Gründ cảm thấy phải dè chừng lão già điên điên khùng khùng này, lão ta có thể làm những gì lão ta hứa lắm. Hấn do dự một lát.

- Ông có vẻ quá bận tâm đến hấn đấy, rốt cuộc Max Gründ nói. Tôi hy vọng ông đã không can thiệp gì để hấn có mặt trên quả bóng này, ngài chỉ huy. Đi thôi, Heiner. Chúng tôi theo anh.

Một phút sau, họ lên đến thềm nghỉ bằng một lối đi nhỏ. Trong bóng tối, họ thấy rõ cơ thể nằm sõng soài trên nền, mũi cắm đất. Eckener xuất hiện sau cùng trên thang.

- Ông nhận ra hấn chứ? Gründ hỏi.

Có, ngay cả khi không có ánh sáng, chỉ huy Eckener vẫn nhận ra cái dáng người đó.

- Ông quen người này chứ? Gründ gay gắt.

- Có, Eckener thú nhận. Tôi quen người này.

- Ai vậy?

Chỉ huy lấy khăn mùi soa thấm trán.

- Đó là đầu bếp của tôi. Otto Manz. Các anh vừa đánh bất tỉnh đầu bếp của tôi đấy.

Max Gründ lật lại cơ thể.

Đúng là số 39, đầu bếp trên khí cầu.

Chỉ huy Eckener chộp lấy cổ Franz Heiner.

- Biến khỏi đây! Đi tìm bác sĩ Andersen và bốn người khác để khiêng cậu ta nữa!

Không-Không vâng lời thậm chí không cần biết sếp mình có đồng ý hay không.

- Còn anh, chỉ huy vừa nói vừa quay sang Gründ, bây giờ anh sẽ làm tất cả những gì tôi nói. Anh đang ở trên khí cầu của tôi đấy!

Max Gründ nhẹ nhàng trả lời:

- Graf Zeppelin thuộc về Quốc trưởng và Đế tam Đế chế. Ông chẳng sở hữu cái gì cả. Tôi có thể nghiền nát ông như nghiền một con chó già trên đường nghe chưa.

Eckener sửng sốt trước sự ức hiếp này. Từ nay trở đi, những con người văn minh đều bị khinh rẻ như lũ súc vật bên đường.

- Anh...

Chỉ huy không biết đáp trả làm sao.

- Anh...

Ông bất lực. Ông không quen với thứ ngôn ngữ này. Lần đầu tiên ông thấy Max Gründ cười, hấn tiến lại vỗ vỗ vào má ông.

- Đấy. Tôi nghĩ là ông đã hiểu ra rồi đấy.

Tên cảnh sát quay lưng lại phía ông và xuống phòng sinh hoạt chung của hành khách.

Otto Manz dần hồi tỉnh lại.

Eckener hít một hơi thật sâu rồi nghiêng người về phía anh ta.

- Sẽ ổn thôi, Otto. Họ sẽ đưa anh xuống khoang nhân viên. Nhưng anh làm cái gì ở đó vậy?

- Lady...

Eckener đồng tai.

- Tôi muốn chết quách đi cho rồi. Trèo lên kia kìa và lao mình xuống.

- Kết thúc rồi, anh bạn thân mến, chỉ huy nói.

- Lady, Otto nhắc lại. Cô ấy không nhận ra tôi.

Eckener cười, lấy tay xoa má bạn.

- Chính vì chuyện đó mà...

- Lady...

- Anh đau à?

Vì Otto không trả lời nên ông tiếp tục:

- Anh làm việc vất vả quá. Tôi đã nghĩ đến một người, một cậu bé có thể phụ anh trong bếp chẳng hạn. Rốt cuộc, tôi chắc điều đó không thể được nữa rồi.

Họ nghe thấy một tiếng rên khe khẽ và Otto nói:

- Cô ấy không nhận ra tôi.

Chỉ huy thờ dài.

- Phụ nữ, anh biết rồi đấy, bạn thân mến... Phụ nữ...

Thật ngạc nhiên, cuối cùng thì khoảng lặng cũng tới. Hai người đàn ông bị tổn thương, sống soài ra đất, trò chuyện thân mật như hai người bạn đang cắm trại dưới những vì sao và cùng chia sẻ với nhau những câu chuyện thông thường. Sự bình thường đôi khi thật dễ chịu.

- Ôi, phụ nữ...

Eckener nằm dài bên người đầu bếp, tay gối dưới đầu.

- Còn tôi, tôi quen bà xã trên mặt đất, ông nói. Tôi thích thế hơn. Trên trời, chẳng có gì là thật cả. Đó là những câu chuyện, tất cả: quả bóng của chúng ta, châu Phi, Amazon, những cơn gió toàn chim bên trên khu rừng Đen. Anh có tin vào tất cả những thứ đó không?

Otto lắng nghe, mắt nhắm nghiền.

- Đó là những câu chuyện hay, bạn thân mến ạ. Chúng ta nói chúng ta bay, chúng ta đi vòng quanh trái đất. Chúng ta nói thế đấy. Chúng ta thích thế. Rồi một ngày nào đó, tất cả sẽ chấm dứt. Câu chuyện sẽ kết thúc. Chúng ta mở choàng mắt. Và ánh lửa trại sẽ trở thành một kỷ niệm. Nên lấy vợ dưới kia, Otto ạ. Hãy tìm một người phụ nữ thực sự, thực từ đầu đến chân. Hãy tìm ai đó cho mình.

Otto nhoen miệng cười trong bóng tối.

- Hãy tìm ai đó cho mình, Hugo Eckener nhắc lại. Ai đó còn ở lại sau những câu chuyện và không bay mất khi chúng ta thối vào. Đúng không, anh bạn? Anh sẽ suy nghĩ những gì tôi nói chứ?

- Tôi sẽ nghĩ, chỉ huy.

Otto cố gắng nằm nghiêng để nói với ông chủ.

- Chỉ huy..., anh ta nói. Tôi muốn nói với ông... Tôi đã nghe thấy tay cảnh sát nói với ông như thế nào. Ông không thể buông xuôi được.

Eckener ngẩng đầu lên. Ông cảm nhận có ai đó, đang ở bên cạnh. Ông đảo mắt trong bóng tối chớp choạng, để mặc thời gian trôi một lúc, nhưng rồi hai người nghe thấy bọn chúng đi lên. Ông thì thầm:

- Còn cậu, đừng nhúc nhích nhé. Đừng cử động cho đến khi tôi yêu cầu.

Ông nói điều đó giọng ra lệnh dịu dàng.

- Ông nói với tôi đấy à, chỉ huy? Otto hỏi.

- Không, tôi... tôi nói... tôi tự độc thoại đấy chứ.

- Sao cơ?

- Về tay cảnh sát mà anh đã nghe thấy đó... Tôi nói với... với lòng tự hào của tôi, với niềm kiêu hãnh của tôi... Tôi nói với chúng rằng đừng có mà động đây. Sẽ đến lúc thôi.

Trong bóng tối, Vango biết thông điệp đó dành cho cậu.

12

NHỮNG ANH HÙNG GIÀ NUA

Everland, Scotland, cùng lúc đó

Trời mưa.

Ba con ngựa đang nện gót giữa rừng bu lô. Một chàng trai leo lên con đầu tiên và giữ hai con khác bằng đầu dây thừng.

Đó là một bầy dính chặt lấy nhau. Đến mỗi ngã rẽ, người ta còn sợ móng sắt của chúng sẽ giẫm đạp lên nhau, hoặc sợ dây buộc vướng phải đám cành cây.

Ấy vậy mà chàng trai lại đánh cổ xe ngựa đó đi trong rừng rất dễ dàng. Lũ ngựa tuân theo mệnh lệnh không lời của anh. Chúng thích được gãi sườn bằng vỏ cây gỗ giấy. Mưa hầu như không chạm tới chúng. Chỉ có chàng trai là tóc ướt sũng và thỉnh thoảng, anh chớp chớp mắt để gạt đi những giọt nước làm nhòa mắt.

Cổ xe lớn đó băng suối, nhảy qua cây đổ. Sau rừng bu lô là một vùng đất đỏ mênh mông như đang tựa lên nền trời ghi xám. Lũ ngựa lại tăng tốc giữa đám thạch thảo để lên đến đỉnh dốc và ở đó, cả ba con cùng đá hậu khi phát hiện ở phía xa, những mái nhà đang rách rách nước mưa của ngôi thánh đường nơi chúng ở, một tòa lâu đài đen và tối tăm, giống như bức tranh bị bỏ quên dưới mưa.

Chàng kỵ sĩ cho lũ ngựa dừng lại vài giây. Rồi chúng lại chạy tiếp ngay tức thì. Chàng trai nhận ra một vệt ngấn màu trắng trước một trong những ngọn tháp. Cái gì đó đã thay đổi kể từ lúc anh rời lâu đài vào sáng tinh mơ để tìm lại hai con ngựa phía bên kia hồ Loch Ness.

Cái vệt trắng nho nhỏ ấy, xuất hiện trên trắng cỏ và vào cái mùa mà màu trắng không tồn tại.

Lũ ngựa giậm chân trước. Anh tháo bộ cương khỏi con ngựa cái và cõ xe lại tiếp tục bộ ba nện gót đi.

Hai người coi ngựa đi xuống bậc thềm khi trông thấy chàng kỵ sĩ tiến đến gần giữa những bức tường đá nhỏ. Anh không đi về phía họ, mà phi ngựa hướng tới ngọn tháp, nơi nổi rõ một hình thù mới ở phía trước.

Không dừng bước, anh thả nốt hai con ngựa kia và tiếp tục một mình.

Anh lại gần cái thứ trông giống một tấm vải liệm bằng ga trải giường màu trắng. Và vừa kéo con ngựa cái lại gần, anh vừa kéo mạnh tấm ga xuống, để lộ chiếc xe hơi Railton nhỏ xinh bóng loáng.

- Ethel! anh kêu lên lao về phía bậc thềm.

Cô đã về.

- Ethel!

Anh nhảy xuống ngựa, đẩy đám đầy tớ đang nhao về phía mình. Cánh cửa lâu đài mở ra một cách thần kỳ. Anh để lại sau mình, trên nền đá sánh vào, một con đường đầy đất và cỏ lấm bùn.

- Ngài có muốn đưa áo choàng cho tôi không ạ? người gác cổng hoài công hỏi.

- Cô ấy đâu? Anh vừa hỏi vừa leo lên cầu thang.

- Trong phòng của Ông Bà ạ, người đàn ông trả lời, ông cúi xuống để lượm những cục đất như lượm những báu vật vậy.

Chàng kỵ sĩ trẻ đến hành lang cuối cùng và đẩy cửa vào.

Cô ở đó, quay lưng lại phía anh, đang cài khuy chiếc quần nam rộng thùng thình mặc trên người. Cô khoác trên người chiếc áo sơ mi vàng kẻ sọc. Tóc cô ướt sũng.

- Ethel?

Cô nhìn thấy anh trong gương, chạy đến và nhảy lên ôm cổ anh.

- Paul.

Anh vẫn đứng thẳng, tay thông xuống, khuôn mặt không tươi cười.

- Em về được hai tiếng rồi, Ethel vừa nói vừa dụi mắt vào cổ anh, em đợi anh đấy.

Lúc này, Paul đứng gần như cong hẳn về phía sau, giữ khoảng cách, cầm hếch lên, như thể cô là một đứa trẻ lấm lem mút kẹo đang sà vào cánh tay anh vậy.

- Em đợi anh đấy, cô nhắc lại.

- Em đợi anh ư?

- Vâng. Lâu thật đấy.

- Em đợi anh ư? Paul nói mà ngỡ như mình nằm mơ.

Cô hơi nhăn mặt nhưng anh không trông thấy.

Ethel về đến nơi ngay trước khi trời đổ mưa, nhưng cô biết mình không thoát được những giọt giận dữ của Paul.

- Em đợi anh ư? Em nói em đợi anh trong khi em đi mà có thêm báo với anh đâu, mười bảy ngày rồi còn gì?

Anh nhẹ nhàng gỡ đôi bàn tay đang quăn quanh cổ mình và đẩy nó ra xa.

- Em có ý thức được những gì mình làm không, Ethel? Mười bảy ngày trời!

Cô làm ra vẻ ngạc nhiên với con số đó và vô thức đếm lại trên đầu ngón tay.

- Và trong mười bảy ngày đó, anh đã phải đứng bên cửa sổ dõi về phía chân trời, lòng sục các khu rừng, rồi để Scott, Mary và đám đầu bếp an ủi. Anh phải ăn tối một mình ở dưới kia mà không biết liệu em có trở lại không.

- Em trở lại mà. Anh thấy rõ là em luôn trở về mà.

Anh nện gót giày lên sàn nhà và quay lại nhìn.

Cô tiến một bước về phía anh. Cô yêu Paul. Cô luôn tự trách mình khi anh đau khổ.

- Paul...

- Tối qua, Thomas Cameron và bố anh ta đã đến. Cách đây một tháng, em đã mời họ, anh nghĩ thế. Em còn hứa với họ một chuyến du ngoạn bằng xe hơi vào ngày hôm qua đấy.

Ethel lại nhăn mặt ngại ngùng. Quả thật, cô đã nhớ ra điều gì đó.

- Họ bị bỏ rơi ở cuối đường, Paul nói. Anh không biết nói gì với họ khi thấy họ đến.

- Nhà Cameron á? Em nói với họ là “có thể” thôi mà, Ethel lắm bầm.

- Mọi việc đều chỉ “có thể” với em thôi, Ethel. Em tên là “có thể” mới phải.

- Em xin lỗi, Paul.

- Anh đã cho họ mượn ngựa để về nhà. Họ không hiểu nổi em ở đâu.

- Em chẳng quan tâm những gì nhà Cameron nghĩ, cô nói.

- Còn anh, anh cảm thấy hồ thẹn đấy. Trên thực tế, anh đâu biết em đang bận nhảy nhót tại phòng rượu ở Edimbourg, Luân Đôn hay ở chỗ khác, hay đang thoi thóp trong một cái hố sau đồi.

- Lần này, em có đi nhảy đâu.

- À, ra thế?

Mái tóc ướt sũng của cô lòa xòa quanh mắt.

- Em ở Paris.

- Anh biết.

- Sao cơ? Ethel giật mình.

- Vì một người Pháp đã gọi cho em đêm qua. Sáng nay cũng có một bức điện của người đó.

Lúc này anh đang quan sát cô.

- Anh biết tên họ người đó không? Ethel sốt sắng hỏi.

Paul không trả lời.

- Bức điện đâu ạ?

- Trong túi anh, anh nói.

- Anh mở ra xem rồi à?

Im lặng.

- Anh tự nhủ sẽ mở ra xem tối nay nếu em không về.

- Đưa cho em đi.

Anh từ tốn nghe theo.

Cô cầm bức điện bằng bàn tay trắng trẻo, run run. Cô đi về phía cửa sổ, lòng bàn tay siết chặt tờ giấy. Cô quay lưng về phía Paul nhưng anh vẫn nhìn thấy cô hít một hơi thật sâu qua chuyển động của đôi vai cô.

Vango, Vango, Vango.

Cô nhắc đi nhắc lại cái tên đó sao cho nó in xanh phía dưới tờ giấy đang gập trong tay cô. Liệu anh ấy có nhớ đến cô không?

Cô bóc bức điện, đọc lướt, và Paul nhìn thấy vai cô đột nhiên chùng xuống.

- Ít ra thì nó cũng đẹp đấy chứ? anh hỏi.

Cô quay lại và nở nụ cười cầu hòa, thất vọng. Cuối cùng anh cũng để cô cầm tay.

- Đó là một ông già với cái đầu chó săn Scotland, cô trả lời. Ông ta tên là *cảnh sát trưởng Boulard*. Ông ta báo với em mai ông ta đến.

Paul nhìn cô. Chẳng còn gì khiến anh ngạc nhiên. Anh ngẩng nhìn cái giường và căn phòng.

Những ô cửa sổ tí tách mưa.

Họ để mặc thời gian trôi qua một lúc.

Quần áo bẩn của Ethel để bừa bãi trên ghế bành da. Ba hay bốn bức chân dung tổ tiên đang kín đáo nhìn họ, ngấn lệ.

- Ở đây chẳng thay đổi gì nhì.

- Không, Paul nói. Ngày nào Mary chẳng cắm hoa.

- Bà ấy thậm chí còn thay cả ga mới ấy chứ.

- Bà ấy nói: "Tôi đã dọn dẹp phòng của Ông Bà rồi ạ." Anh chẳng biết bà ấy dọn gì!

Họ cùng cười.

- Đúng đấy, Ethel nói.

- Và Ông Bà không còn ở đây mười năm nay rồi còn gì. Chẳng ai đến phòng này cả.

Anh nhìn chăm chú Ethel rồi nói thêm:

- Trừ em lúc nào cũng mặc quần áo và dùng những thứ đồ trong tủ của cha.

Họ cùng nhìn vào gương.

Họ chẳng muốn cười nữa. Họ nhìn thấy chính họ hồi cô bốn tuổi còn anh mười hai tuổi, họ vào phòng cha mẹ lúc sáng sớm, nhảy lên mép chiếc giường rộng thênh thang, y như một lũ cướp đường. Mắt nhắm mắt mở, ông bố kêu người đánh xe ngựa giả tưởng đi nhanh lên, ông lấy kiếm bảo vệ người vợ đang trốn dưới gối của mình. Lũ cướp nhí lặn tròn trên thảm.

Vừa lúc đó, Mary, bà hầu phòng, mở ri đô ra, bà nhìn thấy cả gia đình nghịch ngợm ấy đang lăn lộn trên giường, dưới đất, bỏ hơi tai và dưới tủ quần áo, một cô bé đang xỏ chân vào đôi boots khổng lồ của cha.

Mary cứ nhắc đi nhắc lại: “Họ điên mất rồi. Lạy Chúa tôi, họ điên mất rồi.”

Nhưng trên giường mình, đêm đêm, bà cầu mong họ cứ như vậy thật lâu.

Ethel và Paul nhẹ nhàng khép cửa phòng cha mẹ lại. Bữa tối đang đợi họ ở dưới. Phòng nào cũng có lửa. Cả hai ngồi xuống, sát

bên nhau, gần lò sưởi, bên mép cái bàn rộng thênh thang, phía đầu bàn lẫn cả vào sương mù Scotland.

Ba người đang đứng quanh họ để phục vụ, hai đầy tớ khác đứng ở cửa.

Ánh sáng từ nến kéo dài thêm quãng sáng từ ngọn lửa phòng.

- Anh biết em muốn gặp ai ở Paris rồi, Paul nói.

Cô nhìn xuống.

Trên đĩa của mình, anh cô lấy dao vẽ lên chữ V.

Trên biển Địa Trung Hải, cũng tối hôm đó

Khoảng mười giờ, trên mép khí cầu, ai đó đã để sẵn một đồng dây rợ cạnh Vango trong bóng tối. Cậu suýt nữa nhảy dựng lên khi nghe thấy cái giọng hết hơi của chỉ huy Eckener thì thầm:

- Bọn chúng tìm cháu đấy. Lúc nào bác ra ám hiệu, thì cháu đi ra bằng mái trên khí cầu nhé. Cháu cứ tuột xuống đất bằng dây thừng. Chúng ta bay rất thấp mà. Cố lên nhé, Jonas.

“Ám hiệu gì? Đất ư?” Vango định hỏi thì một giọng nói rất gần vang lên trên cầu thang.

- Ngài chỉ huy? Ông đang tìm gì à?

Một chùm ánh sáng chĩa vào mặt chỉ huy. Đó là chiếc bóng đèn điện được gắn với một khối pin to tướng như cái hộp bánh quy. Vẫn là giọng của Max Gründ.

- Ông dạo chơi buổi tối ở những nơi xa xôi, vắng vẻ quá nhỉ...

Sau sự cố với đầu bếp Otto, hai gã Gestapo ngừng tìm kiếm. Chúng thông báo sẽ tiếp tục vào sáng mai và triệu tập mười thành

viên phi hành đoàn. Trong vài tiếng đồng hồ, chúng chắc chắn sẽ tìm ra kẻ lén lút.

- Tôi có thể giúp ông chứ? Gründ hỏi.

Hugo Eckener lấy tay che ánh sáng.

- Tôi không tin anh có thể làm gì đó cho tôi.

- Ông có vấn đề gì à?

- Đúng.

- Ai cũng có ít nhiều những bí mật nho nhỏ của riêng mình, ngài chỉ huy ạ. Thậm chí cả những vị anh hùng.

- Tôi không phải là anh hùng, Eckener nói.

- Dù sao ông sẽ không còn là anh hùng trong mắt người dân lâu đâu, tôi có cảm giác...

Từ lúc khởi hành, Gründ linh cảm chỉ huy Eckener có liên quan đến vụ gian lận này. Tên cảnh sát tự hứa với lòng mình sẽ tóm cả hai thay vì tóm một, bằng cách lật mặt nạ Eckener cùng kẻ mà ông đang bảo vệ.

- Nào, cho tôi xem thứ mà ông phải giấu nào, ngài chỉ huy.

- Tôi không phải anh hùng, Eckener đáp ứng.

Giọng ông run run.

Có tiếng thủy tinh vỡ dưới chân ông.

Max Gründ lia ánh sáng xuống thấp.

Một cái chai bị vỡ. Rượu vang chảy lênh láng trên nền và thấm ướt đế giày của Eckener, ông còn đang cầm cổ một chai khác. Dường như ông không còn đứng nổi. Mùi rượu vang bắt đầu lan tỏa.

Gründ làm ra vẻ ghê tởm.

- Họ đẹp đấy chứ, những vị anh hùng già nua...
- Tôi không phải là...

Max Gründ cắt lời ông:

- Ra thế, bí mật của ông là thế đấy. May mắn thay có một nước Đức mới mà thần tượng không phải là những lão già nát rượu trốn chui trốn lủi để nốc!

Hắn quét ánh sáng vào kho rượu vang. Vango ở ngay đằng sau, không thể bị nhìn thấy. Gründ nhổ nước bọt xuống đất và quay đi.

Hắn đi xuống bằng cầu thang, khó chịu vì không tóm được con mồi nhưng hài lòng vì phát hiện của mình. Hồ sơ về Eckener mỗi ngày một nặng thêm.

- Tôi không phải anh hùng, chỉ huy nhắc lại, ông chệnh choạng theo hắn.

Hugo Eckener vừa phải đánh đổi danh dự của mình để lấy lại tự do cho Vango.

Hai tiếng sau, kẻ ẩn náu vẫn ở chỗ đó, chờ đợi ám hiệu bí hiểm. Cậu đã quấn dây thừng quanh mình. Khí cầu yên tĩnh.

Vango không rời nơi ẩn nấp. Người ta thậm chí chẳng nghe thấy tiếng động cơ. Những quả bóng hydro thổi nhẹ vài khí cầu và làm cho những đường may kên kít. Có lẽ đang là giữa đêm.

Bên dưới, sau khi lánh mặt khá lâu, Eckener trở lại phòng khách, nơi một vài hành khách vẫn còn thức mặc dù đêm đã khuya. Đội trưởng Lehmann đứng cạnh ông.

- Thừa chỉ huy, chúng ta đã mất quá nhiều thời gian khi bay vòng qua Pháp. Tôi không hiểu đường vòng mới này.

- Tôi đã nói với anh rồi, đội trưởng, tôi đi vòng như vậy để cảm ơn bác sĩ Andersen đã cứu sống đầu bếp của chúng ta.

- Tôi lấy làm tiếc, Andersen nói, tôi không muốn...

Bác sĩ Andersen là ông già có chòm râu ở cằm, đôi mắt sáng quan sát mọi thứ với sự tập trung cao độ.

- Ông mơ ước được thấy Stromboli mà, ông sẽ được thấy nó!

- Tôi...

- Bác sĩ, ông không mơ được thấy Stromboli à?

- Tất nhiên, ngài chỉ huy, nhưng...

- Anh nghe thấy nhé, đội trưởng, ông ấy mơ ước thế.

Thực ra mà nói, bác sĩ Andersen mơ ước và tò mò mọi thứ: một đời có lẽ không đủ để thỏa mãn tất cả những mơ ước và tò mò đó. Đêm nay, ngay cả nếu có rủ ông đi xem các cực trái đất có bằng phẳng hay không đi chẳng nữa, ông vẫn cứ nhận lời.

Đội trưởng Lehmann không còn hiểu nổi ông chủ của mình nữa.

Lúc mười giờ tối, khi khí cầu đáng nhẽ ra phải đổi hướng đi thẳng phía Tây, thẳng đứng với Sardaigne, Hugo Eckener lại quyết định giữ nguyên hướng bay về phía Nam để tiến gần tới ngọn núi lửa Stromboli. Cái kiểu thất thường này chẳng mấy giống với tiến sĩ Eckener, đến nỗi Lehmann phải tự vấn. Ông bắt gặp Eckener, ngay trước đó, đang rửa đế giày. Và còn phảng phất quanh ông, sau khi Eckener đi vào nhà vệ sinh của phi hành đoàn, mùi rượu vang đáng lo ngại.

- Chúng ta sẽ đến Braxin chậm tám tiếng đấy! Viên đội trưởng nài nỉ.

- Lehmann, tôi yêu cầu anh chỉ tuân theo mệnh lệnh.

Khí cầu giữ hướng đi mới đó rất lâu cho đến khi một viên phi công bước vào phòng khách.

- Đến Stromboli rồi, thưa chỉ huy.

Hành khách nào còn thức được phép lên cầu phía trước để xem cảnh tượng.

Người ta gọi đó là ngọn hải đăng của Địa Trung Hải. Từ hàng nghìn năm nay, mỗi giờ nó lại sáng lên một hoặc hai lần. Cao gần nghìn mét, ánh đỏ nhạt của ngọn núi lửa Stromboli hiện rõ từ rất xa trong đêm tối.

Bốn năm trước, ngọn núi lửa này phun trào dữ dội gây chết người, nhưng giờ đây, Stromboli đã lấy lại được vẻ ngây thơ vô tội của mình. Đó là một hòn đảo-núi lửa giữa biển, với một vài ngôi nhà kiên cường của dân chài bên sườn núi.

- Tuyệt quá, bác sĩ Andersen thốt lên khi ánh đỏ cam tan biến.

- Nếu ông muốn, Eckener trả lời.

- Sao cơ?

- Nếu ông muốn, chúng tôi có thể.

- Nếu tôi muốn gì cơ, ngài chỉ huy?

- Bác sĩ muốn tiến lại gần núi lửa hơn, Eckener nói với phi công.

Andersen dường như cứng họng.

Đội trưởng Lehmann không nhận được nữa.

- Lần này, thưa chỉ huy, đến lúc rẽ phải rồi.

- Chưa, Eckener nói.

- Không nên lại gần núi lửa, chúng ta có rất nhiều khí dễ nổ trên khí cầu.

- Tôi biết rõ hơn anh tất cả những gì chúng ta có trên đây. Anh đi ngủ đi, đội trưởng.

Hai mươi phút sau, Eckener ra lệnh dừng động cơ.

Ông cho thổi tù và ba lần.

Vango bật dậy.

Ấm hiệu.

Hành khách trong bộ đồ ngủ ra khỏi phòng. Nhân viên phi hành đoàn từ giường ngủ lao đến. Tất cả mọi người gặp nhau trong hành lang và nháo nhào hỏi xem đã xảy ra chuyện gì. Tuy nhiên, tâm trạng tươi tỉnh của chỉ huy Eckener nhanh chóng làm họ yên tâm. Biến thành hoạt náo viên đường phố, ông vừa vỗ tay vừa kêu lên:

- Tất cả ra cửa sổ mạn trái. Nào! Buổi trình diễn sắp bắt đầu!

Lady Drummond Hay không tìm thấy đôi hài lụa của mình. Chân trần, cô ngồi xồm trên ghế bành trước ô cửa kính.

- Sang mạn trái! Buổi trình diễn sắp bắt đầu!

Ai cũng chăm chú nhìn vào màn đêm không có lấy một chút ánh sáng. Vị thương gia hát lầm rầm một bản nhạc chơi trong rạp xiếc.

Cạnh ông ta, bác sĩ Andersen quá ngỡ ngàng vì đã gây ra sự xáo trộn này.

- Nhưng tôi có yêu cầu gì đâu cơ chứ, ông nhắc đi nhắc lại, đôi mắt mở to đằng sau cặp kính.

Đầu bếp Otto, nhiều vết bầm tím trên mặt, đi qua đi lại với giỏ bánh xốp nóng mời khách. Ngay cả khi hấp hối trong giao thông hào

năm 1916, có lẽ Otto vẫn cứ làm bánh sữa và bánh nướng cuộn ấy chứ.

Khi đi ngang Lady, anh không muốn bắt gặp ánh mắt của cô. Anh cụp mắt khi chìa giỏ bánh ra cho cô. Mắt anh lại nhìn thấy đôi bàn chân trần bé nhỏ và, khi cảm thấy con tim đập loạn xạ, anh hiểu mình vẫn chưa lành bệnh.

- Anh sẽ thích đấy, Eckener nói khi đi ngang gần Max Gründ, hắn vẫn không rời chiếc áo mưa đen của mình từ lúc khởi hành đến giờ.

Gründ không trả lời. Hắn đang khó chịu. Trong cái mùi hôi thối của căn phòng, hắn chẳng ngủ được.

Đội trưởng Lehmann yên tâm hơn một chút. Rốt cuộc, Eckener cũng cho quả bóng dừng lại cách núi lửa một khoảng cách hợp lý. Không có nguy hiểm tức thì.

Lúc này, động cơ và lửa đã tắt, khí cầu chìm trong im lặng hoàn toàn. Mọi người đang chờ đợi buổi trình diễn. Vài phút trôi qua trong đêm đen, hầu như không bị phá rối bởi những lời bông đùa của vị danh ca béo mập.

Và khi cuối cùng, ngọn núi lửa tỏa sáng, và khi một tiếng Ồồồồ lớn vang lên khắp khí cầu, lẽ ra mọi người có thể đã nhìn thấy, đứng trên đỉnh quả bóng, trên đó, cùng với bầu trời lấp lánh sao, cái bóng Vango sáng rực màu đỏ.

Lũ nhận tán loạn bay như những tia sáng xung quanh cậu.

Không khí thật dịu mát.

Vango vừa nhận ra mình đang ở đâu.

Cậu buộc đầu dây thừng vào móc lò xo trên sống lưng quả bóng. Cậu vừa tụt xuống dọc tấm vải căng vừa thả dây thừng ra.

Ở dưới, trong phòng khách, cơ trưởng đến gặp Eckener.

- Khí cầu đang đi xuống. Có một mảnh đất phía dưới chúng ta. Cần phải khởi động lại động cơ, thưa chỉ huy.

- Cứ từ tốn mà làm thôi, không có gì gấp gáp cả.

- Chúng ta đang cách mặt đất chưa đầy trăm mét.

- Cứ để chúng ta xuống đến hai mươi lăm mét, ông nói. Xuống đến hai mươi lăm mét, các anh hãy khởi động lại động cơ.

- Khoảng cách ngắn quá, Lehmann nói.

- Tối nay, tôi thấy chính anh mới ngắn, ngài đội trưởng của tôi ạ.

Khi nói câu ấy, Eckener hơi lão đảo.

Viên đội trưởng lao đến phía ông nhưng Eckener tự đứng thẳng dậy được.

- Xin lỗi. Hơi mệt một chút thôi. Thứ lỗi cho tôi nhé, đội trưởng, tôi đã thô lỗ với anh.

Thực ra, ông vừa nhìn thấy cái bóng của Vango rơi thẳng đứng trước cửa sổ.

Vango trượt xuống từ bên sườn phải khí cầu. Không ai khác phát hiện ra cậu.

Một phút sau, thợ thăm dò báo khí cầu đang cách đất hai mươi sáu mét. Tiếng vù vù của động cơ lại bắt đầu. Đèn phòng khách được thắp lại. Rượu sâm panh được mang ra phục vụ. Tiếng tù và lại vang lên ở phía trước. Quả bóng theo hướng Gibraltar, trên đường đến châu Mỹ vĩ đại.

Vango lăn tròn trên nền đất cứng.

Cách đó vài ki lô mét, phía Tây Nam bắc qua biển, một người phụ nữ cầm đèn lồng ra khỏi nhà. Cô trùm một chiếc áo choàng trên người. Cô tin mình đã nghe thấy tiếng còi tàu.

Lúc sau, cô chỉ nhìn thấy một tia sáng mờ mờ đang trượt xuống giữa những vì sao phía chân trời.

Cuối con đường, Mazzetta nhìn Cô bước vào nhà. Cô sống một mình ít nhất cũng đã năm năm, từ khi đứa trẻ bỏ đi.

Cơn gió đông thổi khí cầu bay nhanh. Ngày hôm sau, giờ uống trà, khí cầu bay qua đường xích đạo. Ngày hôm sau nữa, giờ điểm tâm sô cô la buổi sáng, khí cầu đã nhìn thấy bờ biển Braxin. Nó bay đến Pernambuco không muộn một phút nào và tiếp tục đến tận Rio de Janeiro. Người ta đưa hành khách đến khách sạn, Copacabana Palace, hơi tách biệt so với trung tâm, trên bãi biển. Vừa bước qua cửa cuốn, Max Gründ lao đến chiếc điện thoại. Hắn gọi cho Berlin.

- Alô...

Đường truyền kém, nhưng hắn nghe rõ tiếng gầm phía bên kia đường dây khi hắn phải thú nhận không tìm thấy ai trên khí cầu. Gründ thề rằng hắn chẳng hiểu gì chuyện này. Hắn biết người mà chúng đang tìm là ưu tiên của chế độ và cuộc tẩu thoát của tên này được một kẻ rất thân cận và rất đáng tin cậy tố cáo. Nhiệm vụ không thể thất bại.

- Không thể thất bại! giọng nói gào lên trong điện thoại.

Max Gründ nhể nhại mồ hôi trong cái nóng nhiệt đới. Chiếc máy điện thoại chảy nước nhỏ giọt trong tay hắn. Chiếc quạt to tướng đang quay trên trần nhà.

Trong buồng vệ sinh nam, ngay bên cạnh, chàng ca sĩ opera béo bự đang đứng trước gương, khuôn mặt nghiêm trang.

Ông luồn tay vào mái tóc, lột bộ tóc giả che cái sọ trần. Ông lách sâu ngón tay vào miệng và lấy ra cục tẩy làm đầy lợi và má, và làm biến đổi khuôn mặt ông. Rồi ông tháo dây đeo quần, cởi áo sơ mi để rút ra cái túi lớn bằng cao su giúp bụng to lên.

Ông đóng cúc áo lại, xả nước lên đầu.

Khuôn mặt xuất hiện trong gương chính là của diễn viên Walter Frederik, diễn viên ngôi sao của Nhà hát Berlin, người phản đối mãnh liệt chế độ quốc xã, bị đe dọa xử tử từ mười tám tháng nay, ông đang phải nhanh chóng rời Đức để quá cảnh Braxin đến California.

Ông cứ ngỡ cuộc đời nghệ sĩ của mình chấm dứt ở đó. Ông không biết rằng vài năm sau, ông sẽ nổi tiếng ở Hollywood và trở thành người bạn đồng hành của Vango.

Ông bước ra sảnh, theo kiểu tạm biệt sân khấu, ông nhảy vài bước claket đằng sau Max Gründ vừa mới giận dữ dập máy.

Tên tội phạm lẩn trốn mà hắn bắt trượt chính là ông.

PHẦN HAI



“Khi nhắm mắt, Vango hồi tưởng lại tất cả.”

13

CÔ GÁI VÀ CẢNH SÁT TRƯỞNG

*Everland, Scotland,
ngày mừng Một tháng Năm năm 1934*

Cảnh sát trưởng đến lâu đài vào giữa trưa.

Ông vừa đi mất ba ngày trời. Ông đi hai chặng tàu hỏa, một chặng tàu biển và bị mất vali tại Luân Đôn trên chặng giữa ga Victoria và ga King's Cross. Thoạt đầu, ông tức điên lên, đứng ngay đó nguyên rủa hết đám người Anh, rồi đến Napoléon can tội thua trận Waterloo.

Những người đi ngang qua nhìn ông giậm chân lên vỉa hè, đỏ gay như một cây nấm độc.

Mặc dù vậy, ông chỉ còn nước bắt chấp tất cả nhảy lên Flying Scotsman, con tàu mới nối liền Luân Đôn với Edimbourg trong bảy hoặc tám tiếng gì đó. Trên đó, cảnh sát trưởng chìm trong tiện nghi của ngành đường sắt, ăn uống đến nửa chặng đường, thậm chí ông còn tìm thấy trên tàu dao trổ của thợ cạo để làm mới mình cho cuộc hẹn ngày hôm sau. Lúc đến nơi, ông nán lại đến gần sáng trong một khách sạn chật kín người của khu nhà ga Edimbourg, nơi ông ở cùng phòng với một gã khổng lồ mất ngủ tóc hung. Năm giờ sáng, khi gã hàng xóm thiếp đi, Boulard đã chuồn mất tiêu.

Cuối cùng, chiếc xe ngựa của một người thợ mộc thả ông xuống cuối con đường. Sừng sốt, ông đứng khá lâu nhìn tòa lâu đài.

- Anh có chắc chắn không đấy?

Ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần địa chỉ cho người lái xe đang ra hiệu cho ông là đã đến nơi.

- Everland Manor, người thợ mộc nói.

Boulard cảm ơn bằng thứ tiếng Anh đặc sệt. Ông để xe đi.

- Được đấy, cô mèo nhỏ của ta...

Ông đội mũ lên để ép tóc xuống cho mượt mà.

- Được đấy, cô mèo nhỏ của ta, cô không sống trong một cái giỏ..., ông vừa nói vừa nghĩ đến cô gái mảnh khảnh ông được thấy trong chốc lát ở Paris, tầng Lợn-rừng-hút-thuốc.

Ông cứ nghĩ sẽ đến một trang viên nhỏ bé, xinh xắn nằm trên một quả đồi. Vậy mà đó lại là một pháo đài, khiến cả đến Mordachus, vua xứ Scotland cũng phải sợ.

Trong lúc chờ đợi, ông không còn can đảm để bước đến tấn công tòa lâu đài nữa. Ông muốn có một chiếc áo lưới giáp, một cái mũ bảo hộ và hai kỵ sĩ tài ba. Vậy mà ông thậm chí chẳng có lấy một cái quần đùi dự trữ.

Ông nấp sau một gốc cây để chỉnh trang lại quần áo. May thay, ông còn một chiếc ô. Chiếc ô chính là điểm nhấn cho phong cách lịch sự của ông. Ông nghĩ đến bà mẹ già đã sửa soạn va li cho ông ở Paris: “Mẹ để cho con cái áo flanen nhỏ này để con khoác nhẹ vào buổi tối nhé...”

Có lẽ tên trộm ở Luân Đôn, trong bộ cánh dự tiệc đẹp đẽ như một hoàng tử của ông, đang uống mừng cho sức khỏe của ông ấy chứ.

Cảnh sát trưởng bức mình nhất vì bị lấy mất cuốn sổ tay được anh chàng phụ tá thân cận Avignon ghi chép suốt quá trình điều tra ít ỏi tại Paris.

- Tiến lên nào, Boulard!

Ông bước về phía tòa lâu đài. Chiếc ô trở thành cái gậy. Cánh cửa hai lớp mở ra khi ông còn cách đó một trăm mét.

Người ta đang đợi chàng hiệp sĩ Boulard.

Một người đàn ông dẫn ông vào và nói bằng thứ tiếng Pháp chuẩn:

- Xin chào mừng, ngài cảnh sát trưởng.

Ông ta giúp Boulard cởi áo măng tô và cầm lấy cái ô.

Bị bất ngờ, Boulard nắm chặt cán ô.

Cái ô. Ông không nên thả nó ra.

Người kia cố gắng kéo cái ô về phía mình, nhưng Boulard bám chặt bằng cả hai tay.

Họ nhìn nhau chăm chăm, cứ từ từ xoay quanh cái ô gấp thẳng đứng trên nền đá. Đúng là cuộc độ sức kỳ quặc của hai võ sĩ samurai, giữa vị quản gia Scotland và cảnh sát trưởng Pháp.

- Mong ngài cho phép tôi cầm ô giúp ngài, cuối cùng vị quản gia cũng thốt lên.

- Tôi thích giữ nó, Boulard trả lời như thể sợ sẽ có cơn mưa rào trong phòng khách vậy.

Đúng là đối thủ cự phách, quản gia nhượng bộ.

Boulard nhẹ cả người. Cái ô là thứ duy nhất còn lại của ông. Mẹ ông thấy con mình rất đom đàng bên chiếc ô. Không có nó, ông sẽ cảm thấy trần trụi chốn thành trì này.

Người ta để vị khách ngồi gần lò sưởi tại cái nơi mà người ta gọi là phòng săn nhỏ. Thế nhưng trên thực tế, có thể đỗ được hai hay ba máy bay của hàng không bưu điện trong căn phòng đó. Người ta mời Boulard một ly rượu. Trong tích tắc, ông đồng ý ngay. Đôi bàn chân cảnh sát trưởng được sưởi ấm gần lửa. Ông kín đáo cởi giày ra để hong khô đầu tất.

Thường thì cảnh sát trưởng ghét phải chờ đợi. Chỉ cần người ta để ông một mình trong một phút thôi là huyết áp ông tăng vọt như trong phòng chờ khám nha khoa chẳng hạn. Nhưng lần này, ông cảm thấy rất thoải mái bên góc lò sưởi, giữa tranh ảnh và những tấm thảm. Ông gần như rên lên.

Ông nhận ra mình chưa bao giờ chờ đợi một cô gái trẻ trong một tòa lâu đài. Đó đúng là cảm giác khá tuyệt vời. Ở tuổi sáu mươi chín, đây là cơ hội lớn để thử làm chàng hoàng tử duyên dáng.

Nhưng Boulard lại bắt đầu lo lắng về thần kinh của mình khi ông nhìn thấy cánh cửa hé mở, để một nàng hươu cái đốm trắng trẻ trung linh vào.

Một nàng hươu, đúng vậy.

Một nàng hươu.

Ông hết nhìn cái ly rồi nhìn con vật, rồi lại cái ly, rồi lại con vật.

- Boulard, chàng trai của ta, người đang mệt đấy, ông nói.

Ông hất rượu trong ly vào lửa, làm ngọn lửa bùng lên và khiến nàng hươu lùi ra.

Một nàng hươu.

Boulard bật dậy.

Con vật tiến lại gần cảnh sát trưởng.

- *Xùy, xùy, xùy*, ông hươu hươu ngón tay để đuổi nó đi.

Nàng hươu rất thích trò chơi này. Nó hơi nhún nhảy trong phòng và lại tiến đến gần người bạn mới.

- *Xùy, xùy, xùy*, Boulard lặp lại và nhận ra mình để ô và giày gần ghế bành.

Nàng hươu thích thú. Nó nhún nhảy tại chỗ.

- *Xùy, xùy*.

Lần này, nó nhảy lên một cái bàn rộng, vòng sát dọc chiếc ghế dài bằng da, rồi lao về phía cánh sát trường.

Khi Ethel bước vào phòng săn nhỏ, cô thấy ngay có cái gì đó không ổn.

Cảnh sát trưởng chân đi tất đang ở trên tủ com mốt, tay cầm cây giá nến. Con hươu cái chóp chóp hàng mi dài đa tình nhìn ông.

- Tôi có thể nhờ cô đưa giúp cái ô được không, cô gái?

Ethel búng ngón tay và con hươu cái, giận dữ, uể oải đi về phía cửa.

- Tôi xin lỗi nhé. Ông vừa gặp Lilly đấy, Ethel vừa nói vừa đưa chiếc ô và đôi giày cho ông.

Ông vẫn ở trên tủ com mốt để buộc dây giày, liếc mắt xem liệu Ethel đã đóng chặt cửa sau khi Lilly đi ra chưa.

- Nó... Nó sống với cô à?

- Không. Nó từ rừng đến đấy, nhưng nó lỉnh vào nhà khi cửa ra vào hoặc cửa sổ mở.

Cảnh sát trưởng choáng váng. Ở Paris, thậm chí cả chim bồ câu cũng không lại gần cửa sổ nhà ông.

- Tôi đã nuôi Lilly bằng sữa bình trong suốt năm đầu, cô nhẹ nhàng nói. Nó trở nên quá... gầy bó rồi.

Ethel luôn cần một chút thời gian để tìm lại vốn tiếng Pháp của mình.

Quả thực, chưa bao giờ Boulard cho bồ câu uống sữa bình. Vì thế nên có thể chúng không bén mảng đến nhà ông.

Khi Boulard đặt chân xuống nền nhà và khi đã giành lại được cái ô của mình, ông chỉ cần có vài giây để nhập lại vai Auguste Boulard, cảnh sát trưởng Paris đáng sợ, đã từng giải quyết những vụ án lớn nhất từ đầu thế kỷ đến giờ.

- Tôi nghĩ ông không đến đây gặp tôi chỉ vì tình yêu đối với loài vật, Ethel nói.

- Không, đúng vậy, thưa cô. Đúng vậy.

Vừa hết hai ngày, hai ngày sau sự kiện ở nhà thờ Đức Bà, Boulard hiểu ông sẽ không tìm thấy gì liên quan đến anh chàng Vango Romano đó tại Paris. Thực ra, chưa bao giờ ông gặp phải tình huống như vậy: một cậu bé sống bốn năm trong trường dòng, giữa hàng chục con người vẫn luôn đánh giá cao, thậm chí ngưỡng mộ cậu, một cậu bé hòa nhập với một cộng đồng gầy bó, nhưng tuyệt đối không ai có thể nói được gì về cậu ta. Không gì cả.

Có lần, Boulard điều tra về một thảm kịch đường phố và đã có chuyện nhân chứng thậm chí chẳng biết tên họ của mình, kẻ đó trả lời: “Ở đây, người ta gọi tôi là Muối, tôi không biết mình tên là gì nữa.”

Nhưng Vango không phải là kẻ cầu bơ cầu bất, cậu ta là tu sĩ tu viện dòng Cácmen từ bốn năm nay!

Boulard đã cố hỏi những người bạn đồng môn của Vango về nơi sinh, tên một thành viên trong gia đình, địa chỉ bố mẹ cậu ta, hay bất kỳ thông tin nào cho biết Vango Romano được sinh ra ở đâu đó trên trái đất. Ông còn tìm hiểu về sở thích, nơi cậu ta hay đi nghỉ, những người đến thăm cậu ta, thư từ cậu ta nhận được...

Không gì cả. Tuyệt đối không có gì.

Không gì cả. Không gì cả. Không gì cả.

- Nhưng rất cuộc, tất cả các cha đều coi thường tôi, ngài phụ tá giám mục ạ!

Boulard đến phòng người quản lý, linh mục phụ tá Bastide, người vừa trả lời từng ấy câu hỏi, mắt mở to và tay vôn vê áo tu.

- Không gì cả, ông nhắc lại để kết thúc, điều này khiến Boulard phát điên.

- Các cha coi thường tôi! Đừng có nói với tôi rằng các cha không biết cả ngày sinh của hẳn!

Lần này, gương mặt của Bastide sáng bừng.

- À, có chứ... Ngày sinh của cậu ấy, tôi có thể giúp ông.

Đúng mỗi bận tâm, trung úy Avignon, đứng sau Boulard, rút sổ ra.

- Khoảng năm 1915, Bastide nói. Hoặc có thể 1916.

Boulard nghiêng răng.

- Hoặc 14 thì phải, phụ tá giám mục Bastide ngại ngừng nói thêm.

Augustin Avignon vừa viết ba năm đó vào sổ.

- Chính xác như ngày sinh của Abraham nhỉ, cảnh sát trưởng nói.

- Thực ra, phụ tá giám mục nói, tôi cho rằng Vango khai tăng tuổi một chút để có thể trở thành linh mục sớm hơn. Đó là một cậu bé. Cậu ấy xin được giấy đặc cách ở Rome. Tôi không biết làm sao cậu ấy nhận được giấy phép đó. Cậu ấy nói tiếng Ý, cậu ấy có những mối quan hệ.

Những mối quan hệ! Tất cả vấn đề chỉ nằm ở chỗ Vango chẳng có mối liên hệ nào cả.

Phụ tá giám mục thậm chí còn nói đến một từ về chứng cuồng ám mà Vango đang gặp phải.

- Chứng cuồng ám?

- Đúng, phụ tá giám mục nói. Đó là một cậu bé yếu đuối. Khổ thay, lời tố cáo lại rõ ràng rành rành. Nó được viết trên bàn nạn nhân.

Boulard có đủ vốn từ Latinh trong đầu để biết được “Fugere Vango” có nghĩa là gì, nhưng ông luôn nghi ngờ những điều có vẻ rõ ràng rành rành. Ông thấy rõ Bastide không thích Vango. Ông đổi chủ đề.

- Cha có hồ sơ về việc xin đặc cách không?

- Không có gì, vị phụ tá giám mục lẩm bẩm lần này là lần thứ năm mươi.

Boulard ngồi phịch xuống ghế bành. Ông nhìn Avigon đứng đằng sau.

- Chàng trai, cậu còn gì khác để hỏi vị cha tốt bụng này không?

- Không gì cả, viên trung úy trả lời.

- Tốt! Boulard vừa lau bầu vừa kiểm tra chiếc đồng hồ bỏ túi.

Cảnh sát trưởng đứng dậy và đi về phía cửa. Ông mãi miết nghĩ đến một quán rượu nhỏ sau Saint-Sulpice. Quán rượu nhỏ có món má bê ngon quên sầu.

Boulard đang đói.

Khi định đặt tay lên nắm đấm cửa, ông nghe thấy phụ tá giám mục nói:

- Rốt cuộc, chỉ một người có thể giúp được các ông. Người ấy biết tất cả, tôi nghĩ vậy. Ông ấy đứng ra nhận bảo trợ cho cậu ta ngay từ đầu mà.

Avignon lại lôi sổ ra.

- Người đó, Bastide nói, chính người đó đã giới thiệu Vango với tôi. Người đó đã cho cậu ấy vào đây.

- Và đó là?

- Cha Jean. Và Vango đã giết ông ấy tối hôm thứ Sáu vừa rồi.

- Khi nào tìm được nhân chứng sống, cha hãy báo cho tôi nhé.

Boulard đóng sập cửa lại. Vách tường rung lên và làm cho cây thánh giá quay đúng một vòng.

Lúc này, trước mặt Ethel, cảnh sát trưởng giữ một giọng điệu khác.

- Đúng, cuộc điều tra đang tiến triển, điều đó là chắc chắn. Chúng tôi sắp chạm tới bí mật rồi. Gọng kìm đang siết chặt. Vụ việc đang nằm gọn trong túi rồi. Cậu ta sẽ không mang nó lên thiên đường đâu...

Ông xiên vào que những câu vô nghĩa nhất, để có thời gian tìm cách tra hỏi Ethel.

Boulard không bao giờ chuẩn bị câu hỏi thăm vấn.

Thầy của ông, Jacques Aristophane, người chỉ huy cảnh sát Paris khi Boulard vào ngành năm 1891, luôn nói với ông rằng có sẵn

câu hỏi chẳng khác nào trả lời luôn cho xong.

Aristophane giải thích phương pháp của mình bằng cách đưa nhanh các ví dụ, với chất giọng đặc Ménilmontant: “Cậu nghe nhé, Boulard, nếu cậu hỏi người bán sữa là tối qua anh có nhìn thấy con mèo của mẹ Michel không, như vậy là cậu đã thông báo rằng mẹ Michel có một con mèo, rằng con mèo gặp vấn đề gì đó, rằng vấn đề đó xảy ra đêm hôm trước. Nhưng xem nhé, Boulard, nếu cậu chỉ nói ‘Xin chào’..., đó, cậu sẽ có cơ hội nghe được cái gì đó.”

Chàng trai trẻ Boulard lắng nghe một cách kính nể: “Người bán sữa sẽ nói với cậu rằng: ‘anh bạn đáng thương của tôi ơi, ngày hôm đó bắt đầu thật tệ. Người ta hất hết sữa của tôi rồi. Chắc chắn đó là con trai lão hàng xóm, nó chơi bóng trong sân mà.’ Đấy, có khi anh ta sẽ không bao giờ nói điều đó với cậu, thấy không Boulard. Mà anh ta sẽ trả lời: ‘Không, tôi có trông thấy con mèo đâu.’ Thế thôi. Anh ta sẽ không dấn động gì đến việc sữa bị đổ, quá sượng khi tố cáo hàng xóm đấy chứ...”

Jacques Aristophane truyền lại tất cả cho Auguste Boulard.

Ông ấy bị chết bởi một phát súng lục năm 1902 khi đang cố gắng ngăn chặn cuộc độ súng của mấy tay gang tơ cuối phố Planchat, cửa ngõ Paris. Chàng trai trẻ Boulard, cúi xuống bên ông, nghe được những lời cuối cùng: “Viên đạn bắn dưới sườn ta, con nhìn xem, chính là tên thấp bé nhất bắn đấy.”

Thế đấy, ngay cả hơi thở cuối cùng của ông cũng làm nên một cuộc điều tra của cảnh sát.

Boulard nhớ lại tất cả những điều đó, nhưng ông thấy cô bé Ethel này thật ma lanh và không dễ dàng cung cấp thông tin

- Vậy tôi nói rằng chúng tôi đang ở rất gần đích...

Ông dừng lại để nhìn cô gái và nói thêm:

- Dù sao thì, thủ phạm, Vango Romano, cũng đang ngồi tù rồi.

Tự dưng ông nói thế, như thể người ta bỏ nhỏ quả bóng ngay sát lưới trong trò quần vợt. Đó là cú đánh như.

Hiệu quả phát huy tức thì. Ethel siết chặt đôi bàn tay và giấu chúng dưới lớp áo đi săn ngỗng của mình như thể cô đang bị lạnh. Boulard bắt gặp cử chỉ này, nhưng một người quan sát bình thường thì chỉ nhìn thấy sự thờ ơ bề ngoài của cô gái trẻ mà thôi. Tuy nhiên cô đã đón kịp quả bóng:

- Ngài rất hiệu quả, hoan nghênh đấy, ngài cảnh sát trưởng. Nhưng tôi không hiểu lắm tại sao ngài đến tận đây để báo với tôi điều đó.

- Bởi vì có người nói với tôi rằng cô là người duy nhất có thể cho tôi thông tin.

- Ai?

- Cô.

- Nhưng ai nói với ngài điều đó?

- Vango nói với tôi.

14

HAI LÒNG ĐỎ TRONG MỘT QUẢ TRỨNG

Lần này, ông đã chạm đến cô. Phương pháp Aristophane đang phát huy hiệu quả.

Cô ngồi phịch xuống ghế gần lò sưởi.

Rất nhiều thời gian trôi qua. Ethel biết phủ nhận chẳng ích gì. Nếu Vango đã cung cấp tên cô thì cô không thể phản đối được rồi.

Từ đáy lòng mình, cô cũng cảm thấy vui khi nghĩ đến việc tên mình được phát ra từ miệng Vango.

Ethel.

“Hãy hỏi Ethel.”

Chắc anh ấy nói như vậy.

Boulard, giả vờ dừng dừng, chơi công bát bằng gọng ô.

- Liệu tôi có thể gặp anh ấy được không? cuối cùng Ethel cũng thốt lên.

- Ai cơ?

- Anh ấy.

Boulard vừa nhún vai vừa khẽ bĩu môi tiếc nuối, ý muốn nói: “Điều đó phụ thuộc vào những gì cô nói với tôi.”

Ethel lấy chân đẩy một thanh củi đang muốn trốn khỏi ngọn lửa.

- Tôi chỉ biết anh ấy sơ sơ thôi. Chỉ có vài ngày thôi. Hồi đó chúng tôi rất trẻ.

Đến lượt cảnh sát trưởng ngồi xuống. Cô khiến ông thích thú. Ở cái tuổi vừa qua mười sáu một chút, cô diễn đạt như một quý bà lớn tuổi đáng kính đang nói về một mối tình thời trẻ.

- Tôi đi du lịch với anh trai tôi, Paul. Anh ấy ở đó. Chúng tôi trở thành bạn bè.

- Cách đây lâu chưa?

- Ồ...

Cô khoát tay qua vai như thể đang nói về một thời xa xăm, cái thời viên cảnh sát trưởng già không thể biết đến.

- Bố mẹ cô để anh em cô du lịch như vậy à?

Ethel cười.

- Bố mẹ chúng tôi để chúng tôi hơi quá tự do là đằng khác, thưa ngài cảnh sát trưởng. Bố mẹ chúng tôi không thật sự...

- Gắn bó? Boulard mạnh dạn.

- Đúng... Không phải là có từ đó sao? Gắn bó?

Ông lại nhún vai lần nữa.

- Ừ thì, bố mẹ chúng tôi, cô nhắc lại, không hề gắn bó chút nào.

Đôi mắt ngấn nước, nhưng cô cố cười và tiếp tục nói.

- Vừa nãy tôi nói mình đi du lịch với anh trai và anh ấy ở đó, chỉ có thể thôi.

- Cô có biết gì không? Vango có nói gì với cô về cậu ta không?

- Ít lắm. Anh ấy nói với tôi ít lắm.

Ít ra thì cô cũng tránh cụm từ không gì cả được dùng làm điệp khúc mỗi khi người ta nói về Vango.

- Rồi sao? Boulard nói.

- Tôi biết anh ấy lớn lên trên một hòn đảo. Hoặc một vài hòn đảo gì đó.

- Ở đâu?

- Tôi không biết. Anh ấy thường nói “trên những hòn đảo của tôi”. Vì anh ấy nói tiếng Nga rất tốt, nên tôi thường tưởng tượng đến những hòn đảo trên mặt biển đóng băng hay trên sông Tình yêu.

Sông Tình yêu. Suýt nữa thì cô nhắc lại.

- Tôi... Cuối cùng...

Cô có vẻ tiếc cái tên quá ư lãng mạn đó đã tuột khỏi mình.

- Cậu ta nói tiếng Nga à? Boulard cắt ngang.

Ông chau mày.

Ở Paris, một thầy tu người Đức cũng tự cho là rất thân với Vango vì Vango nói tiếng Đức thạo như anh ta. Còn phụ tá giám mục Bastide nói cậu ta biết tiếng Ý. Liệu có phải họ cùng nói về một cậu bé không nhỉ?

- Đúng, anh ấy nói tiếng Nga, anh ấy nói chuyện với...

Cái gì đó bùng sáng trên gương mặt Ethel. Cô có vẻ bối rối.

- Với? Boulard hỏi, ông vẫn không buông tha cô.

- Với một người Nga cùng đi với chúng tôi.

Ethel im lặng một lúc.

Người Nga.

Khuôn mặt người đàn ông đó vừa hiện về trong tâm trí cô và chính hắn là người cô tìm kiếm từ nhiều ngày nay, là người rút vũ khí trên sân trước nhà thờ Đức Bà. Người đàn ông với khuôn mặt trắng như sáp, người cô biết mình đã gặp, quả thật cô đã gặp hắn năm 1929 trong chuyến bay dài cùng Vango. Cô không muốn nói gì thêm.

Boulard bật đứng dậy.

- Nhưng tại sao cậu ta lại nói tiếng Nga? Còn tôi, có phải tôi đang nói tiếng Nga không? Cậu ta có phải là người Nga không?

- Không, cô nói, tôi nghĩ bố hoặc mẹ anh ấy là người Anh hoặc người Mỹ gì đó.

- Tại sao?

- Tại vì anh ấy nói cực chuẩn ngôn ngữ của tôi.

Boulard chẳng còn hiểu gì nữa. Ông vò tai như đang túng quần. Cả tuần nay, ông đã quen với ý nghĩ về một Vango rỗng tuếch, đôi chút mờ nhạt, không có lấy một chút gồ ghề và bồng bềnh, ông có cảm giác như đang đuổi theo một con tắc kè bốn chân khắp thế giới, đang lè cái lưỡi đa màu sắc về phía ông.

- Mẹ kiếp, nhưng kiểu gì tôi cũng tóm được hắn cho mà xem!

Ethel quay về phía ông. Ông nhận ra quá muộn mình đang nói gì.

Lúc này, đôi mắt của cô gái trẻ xanh biếc và lấp lánh như mạ đồng.

- Ngài vẫn chưa bắt được anh ấy..., cô lắp bắp. Ngài chỉ muốn khai thác tôi.

Boulard cắn môi.

- Tôi sẽ nói với cô, cô gái...

Cô đứng dậy.

- Không. Ngài sẽ không nói gì với tôi cả. Ngài được mời ở lại đây, ngài cảnh sát trưởng. Hãy ở lại ít nhất cho đến ngày mai.

Cô nói liên tục, bằng một giọng đanh thép.

- Mary sẽ chỉ phòng cho ngài. Bữa trưa đang đợi ngài trong đó. Và cả quần áo nữa vì tôi thấy ngài hình như chẳng có gì cả. Chiều nay, ngài hãy cứ dạo chơi. Tôi có thể chỉ cho ngài xem phong cảnh ngọn đồi phía trên. Tối nay chúng ta sẽ ăn muộn. Anh Paul sẽ ăn cùng chúng ta, anh ấy vắng nhà đến tận chín giờ cơ. Buổi tối sẽ vui đây, cả ba chúng ta đều có quá nhiều thứ để kể.

Giọng cô run run, nghiêm trang và buồn buồn khi nói thêm:

- Nhưng còn về những chủ đề mà chúng ta vừa đề cập, về Vango và những chuyện còn lại, tôi không muốn một lời nào nữa. Ngài hiểu chứ? Không một lời nào nữa, hoặc không tôi sẽ quăng ngài ra ngoài, thậm chí giữa đêm khuya, mặc cho Lilly và lũ thú hoang rình mò khắp nơi ở vùng Highlands này. Hẹn lát nữa nhé, ngài cảnh sát trưởng. Không một lời nào nữa đâu đấy.

Ethel hơi cúi chào và bước đi một cách trang nghiêm.

Một ngày đáng nhớ của Boulard.

Ông ở trong một căn phòng cỡ bằng sảnh nhà ga của một thành phố lớn. Mary, người hầu gái, si tình ông ngay lập tức và trong nhà bếp, bà chỉ nói về người khách với cụm từ “anh chàng người Pháp đẹp trai”, một khái niệm mà tất cả mọi người đều khó có thể nghĩ đó là viên cảnh sát trưởng nhỏ con.

Boulard dạo chơi một lúc trên những sườn đồi, vận một chiếc quần quý ông Scotland, gấu quần đã được Mary khâu vội khi ông đang tắm.

Buổi tối, bữa ăn vui vẻ đúng như dự đoán. Paul chẳng hiểu người đàn ông đó làm gì bên bàn ăn nhà mình, nhưng anh vẫn tiếp đón ông như một người bạn già. Nửa đêm, Mary cầm nến dẫn cảnh sát trưởng đến tận phòng.

Trước khi đẩy cửa và định để Mary ở lại hành lang, Boulard hỏi:

- Nói tôi biết, cô em thân mến, bố mẹ của những thanh niên này, hiện nay họ đang ở đâu? Họ ở có xa không?

- Ô không! Không bao giờ xa, thưa ngài Poularde. Không thể thể được! Cả bốn người, họ yêu nhau biết bao...

Bà kéo ông về phía cửa sổ hành lang, chỉ cho ông thấy những ánh sáng lờ mờ cách đó chưa đầy trăm mét.

- Ngay kia kìa, hãy nhìn xem, nhĩa trang nhỏ dưới cây đó.

Cảnh sát trưởng suýt nữa ngã lăn đùng.

- À, nhất trí, đúng... Bà làm tôi yên tâm rồi đấy. Thế họ ở đó từ bao giờ?

- Mười năm. Bốn ngày nữa là tròn mười năm.

Ngày hôm sau, Ethel đề nghị được đưa Boulard ra ga Inverness. Trong một chiếc túi, Mary đã nhét đầy đồ lưu niệm cho chàng người Pháp đẹp trai. Ông xin lỗi vì không mang được cái đầu hươu bà tặng.

Có lẽ bà nghĩ ông sống trong lâu đài Versailles hay Chambord gì đó. Còn ông, ông lại nghĩ đến cái đầu của mẹ ông khi phát hiện ra cái đầu con hươu to tướng lúc mở cửa căn hộ ba phòng trên phố Jacob của ông.

- Lạy Chúa tôi, Auguste!

Ông đã từng giấu bộ sưu tập lính tí hon của mình dưới đệm vì, theo bà Boulard, đó là một cái ổ bụi...

- Ngài cảnh sát trưởng quá nhiều đồ rồi, Ethel nói với Mary. Chúng ta sẽ gửi cho ông ấy sau.

Cả hai lách người chui vào chiếc Railton mười hai phân khối của cô gái. Con xe siêu tốc này không được thiết kế cho hai người, nhưng Ethel rất mạnh mẽ. Boulard nép bụng vào.

Họ trông thật buồn cười, cô gái trẻ và cảnh sát trưởng, ép sát vào nhau như hai lòng đỏ trong một quả trứng, lại còn thêm cả va li nữa.

Chiếc xe hơi xa dần tòa lâu đài. Nó quặt trái rồi rú lên, biến mất về phía chân trời.

Mary quay vào, buồn nhớ, cái đầu hươu trên tay.

Cảnh sát trưởng hoàn toàn mất phương hướng, dính chặt vào cô gái, vận tốc một trăm hai mươi ki lô mét một giờ trên con đường gồ ghề.

- Nó đạt tốc độ hai trăm sáu mươi trên đường đua Brooklands, Ethel nói to.

- Tôi tin lời cô mà.

- Sao cơ?

- Tôi nói là cô không cần phải thể hiện cho tôi thấy đâu!

- Sao cơ?

- Chậm thôi! cảnh sát trưởng rống lên.

Và Ethel nở nụ cười tươi rói mà ông chưa bao giờ nhìn thấy trên gương mặt cô.

Đến một khúc ngoặt, cô muốn dừng lại để ông ngắm phong cảnh.
Lốp xe nghiêng xuống mặt đất và rít lên.

Boulard bước đi sau cô, giữa đám cỏ, chân ông hẳn còn run.

Hai người nhìn thấy hồ Loch Ness phía xa.

- Đẹp thế, Boulard công nhận.

Cô ngồi lên một phiến đá, im lặng.

Ông vẫn đứng. Cảnh vật gợi cho ông nhớ tới Aubrac quê hương ông. Vùng cao nguyên nơi ông lớn lên nằm giữa Aveyron, Lozère và Cantal, hằng năm tuyết rơi dưới chân đến năm tháng trời.

- Có biết bao xứ sở không biết đến chúng ta, Ethel thầm thì.

Boulard chau mày.

Cô nhắm mắt lại.

Bầu trời loang dần màu đen về phía Tây. Ethel giải thích:

- Đó là một câu được viết trên mảnh vải anh ấy luôn giữ bên mình: “Có biết bao xứ sở không biết đến chúng ta.”

Lấy lại tinh thần, cô nói thêm bằng một kiểu giọng khác:

- Tôi nói với ngài điều đó bởi vì nó chẳng giúp ích gì cho ngài cả.

- Cảm ơn, Boulard mỉm cười.

Đó là kiểu câu đối trong trò chơi truy tìm dấu vết chẳng có tác dụng gì ngoài việc tạo nét chấm phá cho những câu truyện trinh thám.

- Đó là một câu trong *Tư tưởng* của Blaise Pascal, Boulard nói, ông không chỉ đọc mỗi truyện trinh thám.

Ông hỏi:

- Nào hãy nói cho tôi biết liệu cái tên *Cá Nhám* có gợi cho cô điều gì không?

Cô im lặng.

- Đó là manh mối duy nhất mà tôi tìm thấy, cảnh sát trưởng thú nhận. Duy nhất. Ai đó đã đến tìm Vango Romano tại tu viện sau ngày cậu ta bỏ trốn. Một cô bé mười bốn tuổi. Cô bé nhờ người gác cổng báo cho Vango biết Cá Nhám đang đợi cậu ta. Khi tôi cùng hai nhân viên của mình đến thì cô bé không còn ở đó nữa.

- Cá Nhám là gì vậy?

Boulard mô phỏng thật nhanh.

Cô nhìn ông, mỉm cười.

- Vậy thì, ông nói, cái tên đó có gợi cho cô nhớ ra điều gì không?

- Đến giờ rồi, ngài cảnh sát trưởng. Nếu ông cứ tiếp tục quấy rầy tôi, tôi mặc kệ ông ở đây đấy.

Cô chạy về phía chiếc xe hơi.

Ý nghĩ về một cô gái khác đang tìm kiếm Vango khiến cô thấy không vui.

Hai mươi phút sau, họ đến ga. Tàu đã ở đó, sẵn sàng khởi hành và chẳng có ai khác trên sân ga ngoài cảnh sát trưởng và cô gái.

- Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên ngài nói, cô miễn cưỡng nói khi bắt tay ông. Nhưng ngài hãy báo cho tôi nếu tìm thấy cô gái ấy nhé.

Hai chân ông đã bước lên bậc tàu.

- Cô nói về Cá Nhám ư? ông hỏi.

Cô gật đầu. Một thanh niên đội mũ cát kết rời nhà ga và vội vã bước lên đúng lúc tàu khởi hành. Hai tiếng còi phá tan cái lạnh của buổi sáng tháng Năm hôm ấy.

Khi tàu đi rồi, cô gái trẻ Ethel, một mình trên sân ga, nghĩ rằng mình đã mơ ước được nói về Vango suốt đêm, được kể những gì cô biết, nghĩa là không gì khác ngoài những gì cô đã chứng kiến trên khí cầu.

Vango. Cái cách anh mở và nhắm mắt, cách đi bộ, kể chuyện và phát âm một số từ như “Braxin”, cách anh gọt khoai tây thành tám mặt cực đều, cách anh ngắm nhìn những con sóng, tí phía dưới, cách anh ngâm những bài thơ ngắn bằng nhiều ngôn ngữ xa lạ, cách anh làm bánh trứng nướng lúc hai giờ sáng trên Thái Bình Dương khiến người ta ngỡ như đang cắn ngập răng vào một ký ức nào đó.

Cô sẽ chẳng thể nói gì ngoài những thứ còn con con ấy bởi vì với Vango, trong có vài tuần, cô chỉ biết đến hiện tại và cái ngày cô đau khổ nghĩ đến quá khứ và nhất là đến tương lai, cái ngày đó, quá muộn rồi.

Cảnh sát trưởng, khi nhìn cô gái nhỏ dần trên bến tàu, cảm thấy hài lòng một cách bí hiểm về chuyến đi của mình. Ông đã có được điều ông muốn, manh mối ông chưa có cho đến lúc này.

Ông thoải mái ngồi xuống ghế.

Sáng nay, lúc ăn sáng, khi Mary mang trà tới, ông đã hỏi được những thông tin ông muốn, nhờ hai lời ca tụng món bánh ngọt nhân dâu.

Chuyến du lịch với biết bao kỷ niệm của Ethel và Paul diễn ra từ ngày 10 tháng Tám đến mùng 9 tháng Chín năm 1929.

- Vâng, thưa ngài Poularde, cả hai đều đi, những đứa trẻ tội nghiệp. Tôi còn nhớ rất rõ. Lúc đó tâm trạng Ethel tồi tệ lắm. Cô bé trở nên quá mong manh kể từ sau cái chết của cha mẹ. Vậy mà khi trở về, cô ấy lại biến thành một con người hoàn toàn khác.

- Tốt hơn?

- Bình phục, thưa ngài Poularde! Bình phục ấy chứ!

Mary hỉ mũi. Cảnh sát trưởng lắng nghe.

- Đó là khi ở trên khí cầu, cách đây năm năm. Ngài có biết không? Chuyến chu du thế giới năm 1929! Chúng còn lên cả báo nữa chứ. Những đứa trẻ tội nghiệp...

- Những đứa trẻ tội nghiệp, Boulard vui mừng nhắc lại.

Chính quả khí cầu ấy đã bay qua nhà thờ Đức Bà Paris sau ngày xảy ra vụ giết người, trong cuộc tẩu thoát của Vango.

Điều này cũng khá trùng hợp. Nhưng đối với Boulard, kiểu trùng hợp này giống như sự khởi đầu của một giải pháp vậy.

15

CHÚ NGỰA NHỎ BẤT KHAM

*Paris, quảng trường Vendôme,
khách sạn Ritz, ba ngày sau*

Boris Petrovitch Antonov cạo ria mép.

Hắn phát điên vì việc ấy nhưng mệnh lệnh từ tít trên cao rót xuống nên không thể có chuyện phản đối để làm đom được.

Lúc này, trông hắn giống như một thằng bé tóc bạc.

- Đó là tất cả những gì mà y có đấy à?

Boris giờ qua cuốn sổ nhỏ trước mặt một cậu sinh viên đang vò nát chiếc mũ cát kết giữa mấy ngón tay dây mực. Họ đang ngồi trong quán bar của khách sạn. Có ba bà già đang uống trà. Từ họ toát ra mùi hương loa kèn trắng và cam becgamot.

- Những thứ còn lại đâu? Boris nhấn mạnh.

- Trong lòng sông Thames.

Boris tự vỗ trán.

- Mà y đã vớt xuống sông những thứ còn lại trong vali rồi à?

- Đó là mệnh lệnh tôi nhận được.

Người ta nghe nói cả hai đều là người Nga, nhưng họ lại đang thảo luận bằng tiếng Pháp để không thu hút sự chú ý. Một nghệ sĩ

dương cầm chơi những bản nhạc nhẹ nhàng ở phòng bên. Tiếng gót giày nện ngoài sảnh.

Nước da tái xanh và xỉn vàng hơn bao giờ hết, Boris dừng lại trước một trang trong cuốn sổ, trên đó có tái hiện một bức chân dung.

- Cực giống, đúng không? cậu sinh viên nói, cuối cùng anh ta cũng đặt chiếc mũ lên bàn.

Boris trừng trừng nhìn anh ta. Đó chính là chân dung của Boris Petrovitch Antonov, do Ethel vẽ và được Augustin Avignon sao chép vào sổ.

Bức chân dung vẽ tay súng bí ẩn tại nhà thờ Đức Bà đang nằm trong tay tất cả lực lượng cảnh sát.

Boris lật mạnh trang giấy, bức tức khi thấy lại trên tờ giấy chòm râu hắn đã phải hy sinh để không bị nhận diện chỉ vì con nhãi ranh đó.

- Ít ra thì mày cũng nhìn thấy con bé chứ?

- Chỉ từ xa thôi. Không thể lại gần tòa lâu đài. Cô ta có đầy tớ và thợ làm vườn nhan nhản khắp nơi. Khi cô ta ra ngoài, hoặc là bằng xe hơi, hoặc bằng ngựa. Cô ta đi khắp nơi như một đám mây bụi. Nhưng cô ta đưa tay cảnh sát trưởng ra ga Inverness, ngày hôm sau. Còn ông ta, tôi đã theo ông ta đến tận Paris đấy.

- Ai?

- Boulard.

- Ông ta ở đâu?

- Sau Saint-Germain-des-Prés.

- Một mình à?

- Với mẹ ông ta.

Boris chớp lấy người phục vụ đi ngang qua và gọi thêm hai tách cà phê. Cạnh họ, một cô bé đang ăn cốc kem to bự cao vượt quá mặt cô bé một viên kem.

- Thực ra mà chẳng tìm thấy gì cả.

- Tôi chẳng thấy gì vì họ chẳng có gì, cậu sinh viên giải thích.

- Mà chẳng tìm thấy gì cả, Boris nhắc lại.

- Tôi nói với ông rằng...

- Câm đi. Mà lấy chiếc vali quá sớm. Đáng nhẽ mà phải ăn cắp nó trên đường từ nhà con bé về, khi lão già quay lại Luân Đôn. Con bé có thể nói gì với lão ta thì sao. Điều đó sẽ được ghi trong sổ.

- Tôi lấy vali khi tôi có thể, ông Boris Antonov ạ.

Nổi điên, Boris dấm nắm tay lên bàn. Sau khi hy sinh hàng ria mép, hấn đánh cược cả sự nghiệp và sự sống của mình. Hấn cố gắng tóm tắt.

- Về bức chân dung, chúng ta đã biết rồi. Về những thứ còn lại, chẳng có gì cả. Đúng không?

- Đúng.

- Mà làm tao thất vọng đấy, Andreï.

- Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Ít ra thì mà cũng đến chỗ mấy lão linh mục rồi chứ?

- Rồi. Họ đã chôn cất cha Jean sáng nay. Có nhiều người. Đêm hôm trước tôi qua phòng ông ấy. Người ta đã lau sạch tất cả. Không còn gì cả.

Cô gái hất đổ cốc nước của mình, suýt thì làm ướt cả cuốn sổ. Andreï chộp lấy chiếc mũ cát kết, còn Boris cảm thấy quần mình sũng nước. Họ cùng nhìn cô gái. Cô xin lỗi, tóc vàng và xinh đẹp mê hồn, với nụ cười tươi, cô lại tiếp tục ăn cốc kem từ mặt phía Bắc.

Boris nghiêng rằng. Sao người ta có thể để một đứa trẻ mười hai, mười ba tuổi một mình trong sảnh khách sạn được cơ chứ? Hắn khắc nhở vào khăn mùi soa sự kinh tởm của hắn trước nền văn minh này.

- Vậy là mày chẳng có gì, Boris Antonov trở lại chủ đề của mình.

- Tôi đã làm những gì ông yêu cầu. Ông tìm thấy một địa chỉ tại nhà linh mục còn gì... Nó có thể đem lại cái gì thì sao.

- Xa đấy. Đâu đó ở giữa biển cơ. Có cả những loại người đi xem...

- Nay, ông nhìn xem, còn có cả cái tên này trong sổ.

Andreï lấy cuốn sổ trên tay Boris và chỉ một trang.

- Đúng, Boris nói, tao đã nhìn thấy. Cá Nhám.

Hắn cười khẩy.

- Rất cảm ơn vì phát hiện này! Cá Nhám! Hoan hô, anh chàng. Đây đúng là kẻ tình nghi!

Hắn vừa đứng dậy vừa vỗ tay khe khẽ rồi bắt tay cậu sinh viên. Những ngón tay hắn lạnh ngắt.

- Ông đi à? cậu sinh viên lo âu hỏi.

- Ừ. Nhiệm vụ đặc biệt.

Boris thì thầm vào tai cậu ta:

- Tao đi đến vườn thú Vincennes tìm Cá Nhám.

Andreï nở một nụ cười căng thẳng.

- Mà thấy điều đó buồn cười à? Boris gắt gỏng.

Andreï cứng đờ người. Boris véo tai cậu.

- Mà ở đâu nếu tao cần mà?

Cậu sinh viên vắn vẹo chiếc mũ cát kết trên tay mà không trả lời.

- Ở đâu? hấn nhấn mạnh, sẵn sàng dứt đứt tai cậu.

- Ông Boris Petrovitch Antonov, tôi muốn nói với ông... tôi cho...

- Có chuyện gì?

- Tôi cho rằng tôi sẽ phải thôi...

- Thôi?

- Thôi không làm việc cho ông...

Boris làm ra vẻ mềm mỏng hơn.

- Không ư? Mà cho rằng ư?

- Tôi đã suy nghĩ rồi. Tôi nghĩ mình sẽ thôi.

- À, thế sao?

Boris Antonov thả cái tai ra, hấn lấy khăn trải bàn lau chiếc kính gọng dây sắt của mình. Đôi mắt cận của hấn nhìn chòng chọc vào mặt Andreï.

- Còn tao, tao không nghĩ đó là một ý kiến hay. Mà còn trẻ, Andreï ạ.

- Chính xác. Tôi cần phải suy nghĩ về tất cả những thứ đó. Tôi là nghệ sĩ violon mà.

Boris không thể nhịn được cười. Suy nghĩ... Thằng nhóc này hãy còn tin mình có quyền lựa chọn ư. Hấn đặt vài đồng bạc lên bàn.

- Ở lại nhé. Uống thêm một cốc nữa vì sức khỏe của tao đi. Và đừng có tự nhiên biến mất đấy, nhóc con. Tao tin ở mày. Gia đình mày cũng tin ở mày.

- Tôi nói với ông là tôi sẽ thôi tất cả.

Vừa cười, Boris vừa đặt ngón giữa và ngón trỏ lên trán cậu thanh niên, bàn tay chạm lại hình khẩu súng.

- Thôi gì? Thôi sống hả? Có những thứ không thôi được đâu, Andreï ạ.

Hắn véo má cậu và lại cười, bước đi.

Cậu sinh viên ở yên tại chỗ rất lâu, hai tay bấu chặt chiếc mũ cát két để khỏi ngã.

Cậu nghĩ đến gia đình mình ở Mátxcơva.

Cậu đến Paris học nhạc. Cậu ngạc nhiên khi dễ dàng nhận được giấy phép rời đất nước mình. Nhưng mọi việc đều trở nên rất rõ ràng khi Boris Antonov liên hệ với cậu. Ban đầu, người ta nói chuyện về gia đình cậu, vốn không gây được thiện cảm tại Mátxcơva. Rồi người ta đề nghị cậu giúp đỡ. Chừng nào cậu còn nghe lời họ thì gia đình cậu không sợ gì hết.

Làm thế nào để kết thúc chuyện này? Làm thế nào đây?

- Anh có muốn kết thúc không?

Cậu giật nảy mình.

Cô gái, ở bên bên, đẩy cốc kem của mình về phía cậu.

- Nó to quá, cô nói, em không thể ăn hết được.

Cậu nhìn cô. Thực ra, có lẽ cô bé cũng không nhỏ tuổi lắm. Ít ra cũng phải mười ba.

- Không, cảm ơn. Tôi phải đi đây.

Cậu đứng dậy đi khỏi.

Để trả tiền kem, cô gái chồng một đồng xu lên bàn, một đồng cao ngất như cái cột trên quảng trường Vendôme, rồi cô cũng bước đi.

Cô đi qua sảnh.

Người gác cửa cúi đầu chào cô:

- Chào buổi tối, tiểu thư Atlas.

Trưởng quầy lễ tân chào cô khi đi ngang qua.

Ở lối ra, nhân viên phụ trách hành lý điều khiển cho cửa quay.

- Hẹn sớm gặp lại, tiểu thư Atlas.

Bên ngoài, người đánh xe cũng nhắc lại như vậy.

Cô không trả lời ai trong số họ.

Tất cả họ cứ nhất nhất gọi cô là Tiểu thư Atlas từ khi cô còn bé tí. Tuy vậy, cô cảm thấy điều đó thật ngu ngốc.

Cô đi xa dần trên quảng trường.

Tên thật của cô là Cá Nhám.

Cá Nhám gặp Vango mười tám tháng trước, ngày 25 tháng Mười hai năm 1932, vào ba giờ sáng, giữa tầng hai và ba tháp Eiffel.

Phải công nhận rằng địa điểm, ngày giờ không hẳn thiên thời địa lợi để cuộc gặp diễn ra. Những mét cuối cùng của tháp Eiffel, đêm Giáng sinh, vào ba giờ sáng. Nhưng về mặt thống kê mà nói, cơ hội bắt gặp một kẻ leo trèo sẽ lớn hơn nhiều ở độ cao này, nơi chỉ có một đường lên xuống, trong khi phía dưới, chân tháp có rất nhiều lối đi.

- Chào.
- Xin chào, Vango trả lời. Ổn chứ?
- Ừa.

Vango không phải típ người chơi bời trong những chuyến bỏ ra ngoài vào ban đêm, và trong những lần hiếm hoi cậu đụng phải ai đó trên mái tòa Opera, trong đồng hồ nhà ga Lyon hay vài năm trước, trên dây cáp cầu Brooklyn, cậu thường tránh mặt trước khi bị nhìn thấy.

Đêm hôm đó, thoát tiên cậu bị ngỡ ngàng bởi độ tuổi của Cá Nhám. Trông cô như một cô bé con ngồi trên chiếc đu quay trong công viên. Nhưng cô lại đang ở độ cao hai trăm hai mươi lăm mét, chênh vênh trên hình vòng cung kim loại.

Mặc dù trời lạnh, Cá Nhám không đeo găng tay.

Cô để cậu phải nài nỉ rất nhiều trước khi thú nhận mình mới mười ba tuổi.

- Em đến đây thường xuyên à? Vango hỏi.
 - Khá thường xuyên, cô nói mà không rời mắt khỏi cậu.
- Câu trả lời này muốn nói đây là lần đầu tiên.
- Em có muốn chúng ta tiếp tục leo cùng nhau không?
 - Em nghỉ một chút đã, nhé.

Hỗn hển trong làn khí giá lạnh, cô thở ra làn hơi trắng hình những đám mây nhỏ tròn tròn.

- Tốt thôi.

Vango giả vờ leo tiếp lên. Ở độ cao này, lớp sơn bị bong ra một chút dưới sương giá. Cậu cẩn thận trước mỗi bước leo để không bị trượt. Cậu quay lại lần nữa.

- Ổn chứ? Em có chắc không đấy?

Vango ghét cái kiểu van vãn này nhưng cô gái có vẻ không ổn. Cô không trả lời. Cậu leo xuống gần cô, nhìn cô lần nữa. Cô quàng một chiếc khăn lụa quá dài quấn năm hay sáu vòng quanh chiếc cổ rất thon. Xung quanh họ, những thanh ngang bằng thép trông lơ lờ.

- Em bị đau bàn chân trái rồi, cậu nói.

- Không.

Rồi cô máy móc thêm vào:

- Sao anh biết?

- Anh xem nó được không?

Cậu cầm lấy bàn chân, cô kêu toáng lên.

- Bong gân rồi, chân của em ấy.

- Vậy thì sao?

- Anh giúp em ra khỏi chỗ này nhé?

Cô nhìn những ánh đèn, ở phía xa và nhún vai như một đứa trẻ lễ phép được người ta cho kẹo.

- Vâng, em rất muốn.

Cậu khéo léo cõng cô bé trên lưng. Có tiếng chim cú kêu, rất gần đó. Theo cái cách cô bám lấy vai mình, cậu cảm nhận cô bé giống mình, giống những ai biết leo trèo trước khi biết đi.

- Anh hình dung là em không muốn đi thì phải, cậu nói.

- Không.

Cả hai đều biết rằng thỉnh thoảng trong cầu thang vẫn có người gác tháp đi cùng một con chó đen đáng sợ với hàm răng phát lân quang.

- Nhất trí.

Cậu bắt đầu leo lên.

- Anh đi đâu đấy?

- Em không muốn lên trên kia à?

Cô rất thích cậu gọi mình là “em”.

- Có chứ...

- Vậy thì ta đi thôi.

- Tốt. Tùy anh.

Họ ở lại trên đỉnh tháp cho đến lúc mặt trời mọc.

Vango lấy ra một mẫu bánh mì và họ chia nhau.

Lũ chim mòng đến kêu ríu rít quanh họ. Chúng vui đùa với Vango.

- Anh quen chúng à? về đây thán phục, Cá Nhám hỏi.

Vango chăm chú nhìn lũ chim.

Từ phía dưới, có lẽ người ta sẽ thấy trên đỉnh tháp cả một vầng hào quang bằng lông chim đang xoay tròn trong sắc đỏ của mặt trời ló rạng.

Vango chỉ một chú chim đang là là bay ngay bên trên.

- Con đó, đúng rồi, con chim đó, anh đã nhìn thấy nó ở nhà mình, rất xa nơi đây.

Cô bé cố không tỏ ra ngạc nhiên.

Họ thấy thấp thoáng đồng quê và những cánh rừng, phía bên kia ngoại ô thành phố, và Cá Nhám còn khẳng định nhìn thấy cả biển nữa.

- Có thể, Vango nói.

- Đẳng kia kìa, nhìn xem kìa.

Những đám mây đang vươn mình về phía chân trời.

Giống như loài cá nhám, quả là cô có đôi mắt thật tinh tường.

Cả cô và cậu đều không tiết lộ phần còn lại của cuộc đời mình.

Buổi sáng, cậu đưa cô bé về trước nhà cô.

- Tại sao em lại tên là Cá Nhám.

- Vì nếu ở dưới trần nhà thấp hơn năm mét là em thấy ghê sợ.

Vango cười.

- Đừng cười, em ghê sợ thật đấy.

- Anh cười vì điều đó tạo cho em sở thích xa xỉ đấy... Nhà em có vẻ to nhỉ.

Họ đang ở trước một ngôi nhà lộng lẫy dưới đại lộ Champs-Elysées.

- Ổn rồi, em có thể bước qua các phòng, nhưng em lại sống ở trên kia cơ.

Cô ngược mắt lên. Có thể nhận ra một chiếc võng treo giữa hai cột thu lôi trên mái tòa nhà.

- Em bị chứng sợ chỗ kín.

- Thật hân hạnh. Còn anh, anh bị chứng cuồng ám.

Họ cười, bắt tay nhau rồi cô cà nhắc bước đi.

Từ ngày hôm đó, họ cùng nhau qua rất nhiều đêm trên bầu trời Paris. Cô dạy cậu trượt trên mái nhà hát Châtelet và mạo hiểm trong mái vòm cuốn ngay bên trên các vũ công trong buổi trình diễn.

Cậu chỉ cho cô tháp Saint-Jacques, ngay bên cạnh. Một người gác tháp điên cuồng cứ lượn tròn quanh tháp suốt cả đêm. Đối với

họ, đó là một trò chơi. Phải leo bảy mươi bảy mét trong chưa đầy chín mươi giây. Thời gian người gác tháp đi hết một vòng. Khi đã ở trên cao, họ nhìn thấy đường cong của sông Seine và những hòn đảo trên đó, thấy cả con tàu nhà thờ Đức Bà giữa biển những mái nhà xám xịt.

Họ trở thành bạn bè mà không hề biết gì về nhau. Đôi khi, họ đưa nhau về. Mỗi người chỉ biết đến cánh cửa nơi ở của người kia. Nhưng cánh cửa ấy lại đóng kín khi họ chưa kịp nhìn thấy qua khe cửa một chút phần còn lại của cuộc đời họ.

Một ngày tháng Tư, Vango không đến chỗ hẹn. Sau đó vài ngày, Cá Nhám có mặt ở lối vào tòa nhà nơi cô biết cậu sống ở đó. Khi thấy thái độ người gác cổng lúc cô nhờ “Ông làm ơn báo với Vango rằng Cá Nhám đang đợi anh ấy”, cô hiểu ngay đang xảy ra chuyện gì đó. Cô thoát khỏi đám cảnh sát trong gang tấc.

Những giờ, những ngày sau, cô cố gắng tìm hiểu.

Tiếp cận, dừng tai ở lối vào các quán cà phê nơi có các điều tra viên, cô có thể xâu chuỗi lại câu chuyện.

Điều ngạc nhiên đầu tiên là cô phát hiện Vango sắp trở thành linh mục. Bản thân cô không quen biết vị linh mục nào cả, cô hầu như không hiểu linh mục có nghĩa là gì, nhưng cô không thể tưởng tượng nổi một vị linh mục lại có thể treo lơ lửng trên tháp Eiffel hay ngủ trên cây trong công viên như hai người vẫn hay làm.

Nhưng ít ra điều đó cũng không khiến cô bị sốc bằng lúc nghe nói cậu bị buộc tội giết người. Có thể cậu có lý do thì sao. Điều đó không liên quan đến cô. Bây giờ cô đã hiểu tại sao cậu không đến và đó là tất cả những gì cô muốn biết.

Vì thế cô tin mình sẽ lấy lại được nhịp sống thường ngày.

Nhưng rồi một đêm, nằm dài trên võng, cô cảm thấy cái gì nhói nhói bên mạng sườn.

Đó không phải một nỗi đau cụ thể, mà đúng hơn là cái gì đó như loài bò sát đang bò lên ngực, lên vai cô.

Cô quay bên này, rồi quay bên kia.

Cô thở dài.

Cô bước đi trong đêm, trên mái nhà.

Cô nhìn ánh sáng của cây đèn đường đang nhấp nháy.

Một lúc lâu sau, tay vắt chéo ôm vai, cô lại thở dài. Có lẽ đó là những gì sách vở vẫn gọi là nỗi cô đơn.

Chưa bao giờ cô có cảm giác như vậy.

Cá Nhám lớn lên một mình.

Cô có ba người anh hơn cô rất nhiều tuổi. Người anh sau cùng bỏ nhà ra đi ngay trước ngày cô ra đời. Hiện nay, họ đều đã quá ba mươi tuổi, đối với Cá Nhám, đó là độ tuổi của bậc tổ tiên trên những bức tranh rồi.

Cô được sinh ra từ cuộc hôn nhân thứ hai của cha. Cha mẹ cô quá bận bịu. Cùng một lúc, họ sống ở ba thành phố, lúc nào họ cũng để nguyên xi hòm đồ đi đường và thậm chí còn mặc nguyên áo choàng lông thú khi về đến nhà ôm cô.

Cô đã từng có hai mươi hai quản gia, tất cả đều có cái ý tưởng tồi tệ khi gọi cô là Tiểu thư Atlas và muốn giữ cô giữa bốn bức tường. Bà quản gia mới nhất vừa bị ngã từ trên cây xuống khi cố gắng tóm lấy cô.

Cuối cùng Cá Nhám cũng có được vị trí của mình. Cô trở thành người quản gia của chính mình. Người thứ hai mươi ba.

Mười bốn năm qua, chưa bao giờ cô biết đến nỗi cô đơn. Ngay cả khi người quản gia thứ bảy nhốt cô cả đêm trong tủ để ngăn không cho cô ngủ trên mái nhà, ngay cả khi cô ở cả một năm trời trong nhà nghỉ trên núi vì bị ốm, chưa bao giờ cô cảm thấy thực sự cô đơn.

Vậy mà cái anh chàng ngu ngốc Vango đó vừa lột đi bộ lông nhím của cô, trong tiếng ồn ào của đám chó săn.

Cá Nhám quyết định tìm cho ra anh ta để hỏi tội.

Vì thế, cô mang chăn đến mai phục trong gác chuông nhỏ của tu viện dòng Cácmen. Không lúc nào cô rời nơi xảy ra thảm kịch. Cô chắc chắn đây là nơi duy nhất cô có thể phát hiện ra điều gì đó.

Suốt ba ngày trời, không có gì xảy ra.

Ký ức về vụ giết người nhạt dần.

Đêm thứ tư, ai đó bắt đầu chơi bản fox-trot trên dàn đàn ống nhà thờ ở phía dưới cô. Cô không biết đó là Raimundo Weber, tu sĩ dòng thánh François, người gác tu viện, sau một thời gian để tang ngắn, lại bắt đầu những bản hòa tấu đêm của mình. Cuộc sống lại tiếp tục.

Ngày hôm sau, cảnh sát đến dọn sạch căn phòng của nạn nhân. Một chiếc xe hòm chở bàn làm việc, ghế tựa, vài hòm sách vờ đi khỏi. Năm cậu bé của tu viện dội nước căn phòng, rồi họ mở cửa sổ để mọi kỷ niệm về cha Jean bay đi hết.

Đến đêm thứ năm, Cá Nhám bắt đầu nghĩ mình đã đến quá muộn.

Đêm đó rất bình yên, trước tiên bởi vì làn gió tháng Năm nhẹ nhõm thổi vào thành phố mùi hương anh đào, cũng có thể bởi lão Weber hôm đó chơi một khúc nhạc êm dịu hơn thường lệ. Đàn chỉ có bốn nốt nhưng lão chơi chúng theo một thứ tự thần kỳ thay đổi theo mỗi tiết tấu nhạc.

Cá Nhám dỏng tai lên nghe.

Ai đó đang bấm chuông ngoài chấn song tu viện.

Weber không nghe thấy gì, lão hoàn toàn bị âm nhạc mê hoặc.

Nhìn hình dáng người đang đợi sau chấn song, Cá Nhám hiểu đây là cuộc viếng thăm bất thường. Những ngày trước đó, cô chỉ nhìn thấy các vị linh mục, các bà sơ, một giám mục, các tu sĩ và đám quân cảnh lui tới. Nhưng người đang đứng đợi lúc này lại đội một chiếc mũ cát két Gavroche to tướng trên đầu. Anh ta xách một cái túi đen và một chiếc cặp da, trông giống như sinh viên khu phố Latinh.

Cá Nhám quan sát anh ta. Nếu không ai đáp lại tiếng chuông cửa, anh ta sẽ bỏ đi mất, mà điều đó sẽ làm Cá Nhám chán nản.

Vậy nên cô trườn xuống dọc mái nhà và nhìn qua ô cửa sổ vào bên trong nhà thờ. Weber dường như nửa tỉnh nửa mê. Cơ thể bé nhỏ của lão không động đậy, nhào lên nhạc cụ, tuy nhiên, đôi bàn tay to lại mở rộng như loài dơi và nhảy nhót trên phím đàn. Lúc này lão đã thoát khỏi bốn nốt nhạc ban đầu. Từ nốt trầm nhất cho đến nốt cao nhất, lão không muốn bỏ quên bất kỳ phím nào.

Cá Nhám quăng cái chần như quăng lưới đánh cá. Tấm chăn bay lượn một lát dưới vòm rồi rơi lên mấy cái ống đàn bật lên tiếng kêu khàn khàn như một con voi bệnh. Weber thoát ngay khỏi trạng thái mê âm nhạc. Lão nghe thấy có ai đang gọi. Lão nhảy khỏi chiếc ghế đầu, chạy ra ngoài nhà thờ đáp:

- Đây, đây...

Gấu áo ngủ của lão kéo lê trên sân lát đá.

Lão nhìn qua chấn song và thấy một cậu thanh niên.

- Cậu bị lạc à, con trai?

- Xin chào. Cháu là học sinh nội trú của trường bên cạnh, phố Quý Bà. Cháu bị kẹt bên ngoài, cổng trường đóng mất rồi. Liệu bác có thể tìm cho cháu chỗ nào để ngủ được không ạ?

- Để ngủ..., vị tu sĩ dòng thánh François vừa nhắc lại vừa cắn môi.

Weber vỗ chòm chìa khóa trong túi quần, lão có vẻ buồn phiền.

- Thông thường, tôi sẽ mở cho cậu...

Ông nhìn xung quanh rồi thì thầm:

- Người ta yêu cầu tôi phải thận trọng. Đã xảy ra những chuyện...

- Cháu sẽ đi rất sớm, cậu thanh niên nói bằng giọng Nga.

- Tôi tin cậu, con trai, nhưng tôi có lệnh thế rồi.

Người thanh niên gật đầu.

- Bình thường thì..., Weber tiếp tục.

- Cháu hiểu, mong bác thứ lỗi.

Người thanh niên rời bước trên vỉa hè.

- Này!

Raimundo Weber vừa cất tiếng gọi. Anh ta trở lại chấn song.

- Cậu có gì trong túi đấy?

- Túi nào cơ ạ?

- Đấy, bên tay trái ý.

- Có gì đâu ạ. Một chiếc violon thôi.

Weber đút chìa khóa vào ổ. Lão mở cửa.

- Một chiếc violon?

Lão siết chặt tay anh ta.

- Cậu chơi à? lão hỏi thêm.

- Vâng.

- *Zing zang zang zaaaaaaaang.*

Weber hát và diễn điệu bộ trên vĩa hè.

- *Ziiiiing...*

Lão nhìn người thanh niên dò hỏi.

- *Zaaaaang zooooing...* Cậu nhận ra chứ?

- Chostakovitch.

Weber nhảy bổ vào vòng tay anh ta.

- Cậu là người Nga? Weber hỏi.

- Vâng.

- Lại đây.

Cá Nhám trông thấy lão đưa người thanh niên vào, dẫn đến tận nhà thờ. Weber lại trèo lên dàn đàn ống. Lão bắt đầu dạo một bản nhạc.

- Lấy violon ra đi!

Họ chơi cùng nhau suốt một tiếng đồng hồ.

Cứ như đó là ngày hội làng ở Stromoski vùng Siberi. Cả những chiếc ghế cầu kính cũng muốn nhảy. Kết thúc, Weber tuột xuống giữa bàn chỉnh âm của dàn đàn ống, là đi vì mệt.

Cá Nhám không rời mắt khỏi người thanh niên.

Anh ta cất chiếc violon của mình vào túi, kiểm tra xem Weber đã ngủ say chưa, lấy chìa khóa của lão và ra khỏi nhà thờ. Anh ta đi vào chái nhà nhỏ ở sân thứ hai, mở cửa bằng chìa khóa to nhất và lên gác.

Cá Nhám theo anh ta bằng đường mái nhà.

Thoáng chốc, người thanh niên đã đi xuống và ra đến tận chân song. Anh bước ra phố.

Cá Nhám theo về tận nhà anh ta, ở một ký túc xá, rồi ngày hôm sau, đến lễ an táng cha Jean tại nghĩa trang Montmartre, và cuối cùng đến tận khách sạn Ritz vào cuối buổi chiều.

Tại đó, cô được biết anh ta tên là Andreï, làm việc cho một gã Boris Petrovitch Antonov nào đó và hẳn cũng đang tìm kiếm Vango.

Trở về, trên mái nhà mình, Cá Nhám thật sự hài lòng. Cô đã có manh mối. Manh mối tên là Andreï, sinh viên violon. Cá Nhám biết giọng nói, địa chỉ và tên ông chủ anh ta...

Tối hôm đó, cô vẫn chưa dám thú nhận rằng manh mối ấy, với cây violon và mái tóc bù xù, đôi mắt buồn, khuôn mặt đẹp của chàng trai đến từ xứ lạnh, đã làm trái tim cô đập cuống cuồng ngang với vận tốc của một chú ngựa non bất kham trong rừng taiga.

16

CÔ

Quần đảo Eolie, ngày 1 tháng Năm năm 1934

Vango được thả xuống hòn đảo nhỏ Basiluzzo. Cậu lập tức nhận ra phiến đá cuội đưa ra biển ấy, giữa ngọn núi lửa và đảo Panarea.

Trời hửng sáng, cậu gọi những người đánh cá, họ đến cạo núi đá ngang mặt nước để xua cá và bạch tuộc ra.

Đám người thậm chí chẳng hỏi cậu đang làm gì ở đó. Họ để cậu chui vào giữa những thùng cá.

Một trong số họ đang hát ở phía trước.

Nghe họ nói, cảm nhận cái lắc lư chòng chành của con thuyền và mùi gỗ mặn chát của vỏ tàu, Vango nhận ra cậu đang thật sự trở về.

Những người dân chài đến từ Lipari. Họ mang cậu về đảo lớn.

Từ đó, cậu đi tàu chuyển đến Salina. Không còn chỗ trống nào cả. Vango ngồi chắc chắn đằng sau một người đàn ông đang ngủ gục trên chiếc va li. Cậu trông thấy hai nóc hòn đảo của mình đang dần tiến lại gần. Cậu ngồi ở phía cuối con tàu, hành khách duy nhất không có hành lý trong khi những người khác mang theo nào là ba lô lương thực, nào là đồ ngũ kim to tướng. Một số người không rời đảo của mình trước khi mùa thu đến. Cần phải cầm cự đến lúc đó mà.

Con tàu vòng qua đường đá bọt Lipari. Gió thổi ngược. Chuyển đi này có vẻ dài kinh khủng đối với Vango.

Vậy mà nó ở ngay kia, hòn đảo của cậu, đằng sau cánh buồm lớn hình vuông đang đi ngược chiều gió.

Vango tay bó gối. Người ta nhìn thấy cậu buộc vào mắt cá chân cái khăn màu xanh lam mà cậu luôn giữ khư khư.

Cậu đã kịp luyện tập nhiều lần trong đầu cảnh hội ngộ với Cô.

Cậu biết cô sẽ không trách móc gì, cô sẽ ôm cậu với hai bờ má ướt, cô sẽ hơi lúi lại để nhìn vóc dáng cậu, cô sẽ vuốt tóc cậu, cô sẽ xin lỗi cậu về chiếc váy của mình, cô sẽ bày đĩa và ly lên bàn, cô sẽ nói tình cờ trong lò nóng còn một ít thức ăn, những chiếc bánh ga tô nhân đường, và cô sẽ nói thêm một từ dịu dàng bằng thứ ngôn ngữ mà cô yêu thích, nhưng rồi cô sẽ lên giọng trách cậu ngay lập tức vì cậu không còn là trẻ con nữa.

Cô sẽ làm tất cả để cậu không có thời gian xin lỗi vì đã không trở lại, vì đã chỉ viết bốn bức thư trong vòng năm năm, bốn bức thư không có địa chỉ mà chỉ nhắn:

Con luôn nghĩ đến cô,

Cô à, con khỏe,

Hôn cô.

Bốn bức thư khô khan như thư thời chiến. Chúc mạnh khỏe, tinh thần tốt.

Vango vừa dẫn bước vào đời vừa xóa đi những dấu vết của mình. Cậu không gọi đó là chứng cuồng ám mà là sự sống còn.

Cậu giống như những người Sioux Bắc Mỹ giữa thảo nguyên rộng lớn, thường kéo lê sau mình năm tầng cành lá và cỏ với mục đích xóa sạch mọi bước chân.

Cậu nghĩ phải bảo vệ Cô bằng cách không nói gì với cô cả.

Im lặng như thế, bọn chúng sẽ không tìm đến cô.

Bọn chúng là những kẻ vẫn rình mò cậu suốt năm năm nay.

Bọn chúng là những kẻ muốn cậu chết.

Bọn chúng là những kẻ được cha Jean gọi là “căn bệnh của con”, nhưng chính chúng đã giết chết cha Jean.

Tuy nhiên, ở Nhà thờ Đức bà, tất cả đã thay đổi. Hàng nghìn người đã trông thấy những viên đạn nổ quanh cậu.

Và Vango đã muốn gào lên: “Mọi người nhìn thấy rồi đấy! Mọi người nhìn thấy rồi đấy! Liệu tôi có bị điên không? Bọn chúng tồn tại mà! Bọn chúng kia kìa!”

Trong khoảnh khắc, ở tít trên cao, cậu thậm chí đã dang rộng cánh tay, sẵn sàng đón nhận viên đạn trúng tim để sao cho trên da thịt có một dấu vết, một bằng chứng mà bác sĩ phẫu thuật sẽ lấy panh gấp ra và đặt lên bàn. Nhưng điều gì đó không thể diễn ra đã diễn ra. Cậu nhìn thấy một con chim nhận từ từ bay đến trước mặt mình, đập đập đôi cánh một cách yếu ớt, nó gần như dừng lại, vì chẳng một con chim nhận nào có thể làm được điều đó.

Tiếng súng vang lên, và con chim nhận dừng lại, bị bắn xuyên mình, trước khi rơi tự do từ trên nhà thờ xuống.

Viên đạn chệch hướng sượt qua mạn sườn Vango thay vì trúng tim cậu.

Ở Salina, Vango xuống cảng Malfa.

Đêm xuống. Mọi người đang đợi tàu.

Cuộc dạo chơi buổi tối... Đến xem thủy thủ, giúp họ bốc dỡ hàng, nhìn ngắm những người ở lại trên tàu để chuẩn bị khởi hành đến một đảo khác, mơ mộng với những gương mặt mới. Vango thấy rõ không ai nhận ra mình. Nhiều đôi trai gái ngồi ngay bên trên mặt nước, chân đứng đưa trong không trung. Một ông già đang đếm lại giỏ cá của mình.

Vango bước đi trên bến cảng, và quả thật, cậu cảm thấy mình đã thay đổi. Cậu không còn là cậu trước kia nữa. Cậu nhìn những người dân trên đảo, những người mà cậu vẫn xa lánh họ suốt cả tuổi thơ mình.

- Cậu giúp tôi được chứ, cậu bé?

Một người đàn ông đặt tay lên vai cậu.

- Tôi phải đưa thư lên bờ. Mỗi người một túi nhé.

Vango cầm một túi và đặt lên vai mình.

Cậu nhận ra người đàn ông đó, Bongiorno, phụ trách bưu điện, vé tàu, bán rau quả, giày dép và sửa kính vỡ. Một người đàn ông đã thay đổi đến năm hay sáu nghề gì đó để thử vận may ở nơi tận cùng trái đất.

- Thường thì, Bongiorno nói, có một gã sẽ mang lừa đến lấy, nhưng lúc này gã lại không ở đây. Chỉ để đưa lên trên kia thôi mà, trên quảng trường ấy. Tôi sẽ trả công cậu cái gì đó nhé.

- Không sao, Vango nói, chẳng nào cháu cũng lên đó.

Cậu ngắm nhìn những đứa trẻ đang cầm mình nháy xuống từ một mỏm đá. Chúng biến mất trong dòng nước đen ngòm. Một người

đàn ông và một phụ nữ lần xuống theo sợi dây chạy về phía con tàu. Họ kêu gào, cầu xin người ta đợi họ. Ai đó đập vào chuông tàu như thể con tàu đi đây, khiến họ phát điên lên. Ngồi trên những chiếc hòm, đám con gái cười đùa. Một cậu bé lao thẳng xuống nước từ mũi tàu. Vango tự hỏi tại sao cậu chưa bao giờ bơi cùng lũ trẻ con trên đảo.

Cậu nhìn thấy một người phụ nữ giống như kẻ lang thang không nhà cửa, ngồi xổm dưới mái nhà bằng ván trên con đê cảng.

- Người phụ nữ đó là ai đấy ạ?
- Cậu không phải người ở đây rồi! Bongiorno nói.
- Không ạ.
- Tuy nhiên, giọng cậu lại có một chút âm sắc của đảo này.
- Cháu đã từng đến đây, cũng lâu rồi.

Bongiorno đi trước Vango.

- Người đó à, cô ta bị điên đấy. Cô ta chờ chồng từ... tôi không biết nữa... từ nhiều năm nay rồi. Cô ta ngồi đó trông chồng về.

- Ông ta đi đâu ạ?
- Tôi thì tôi nói là anh ta chết rồi. Nhưng cô ta cứ làm tôi đau lòng, cô ta ấy.

Ông ném cho cô ta một đồng bạc và nói to:

- Phải ăn đi đấy, cô Giuseppina ạ!

Vango bước chậm lại khi đi ngang qua. Cậu vừa nhận ra vợ của Pippo Troisi, Giuseppina.

- Cô ta như thế đó, ông nói, cứ khóc lóc thôi.

Vango không thể rời mắt khỏi người đàn bà.

- Còn cậu, cậu đi đâu?
- Cháu á? Vango hỏi, một chút lơ đãng.
- Ừ. Sau đây thì cậu đi đâu?
- Cháu đi lên kia, đến Madonna del Terzito, để hành hương.

Đó là ngôi đền nhỏ bị bỏ quên trên đèo, giữa những ngọn núi. Vango không tìm thấy câu trả lời nào tốt hơn để đáp lại tính hiếu kỳ của Bongiorno.

Và quả thật, ông ta không đặt thêm câu hỏi nào nữa cho đến khi lên tới quảng trường Malfa.

Ở đó, Vango để lại ông ta cùng những chiếc túi, lấy cớ cậu muốn lên trên kia trước khi đêm xuống.

- Cầm lấy mấy đồng bạc này nhé..., người đàn ông nói.

Và vì cậu bé từ chối:

- Cậu thả nển giúp tôi ở đền Madonna nhé. Cậu sẽ không cô độc đâu, có hai người nước ngoài cũng đến đó sáng nay đấy.

Vango cầm mấy đồng bạc. Cậu rời khỏi làng theo hướng Tây. Cậu đi như chạy. Chưa đầy một giờ, cậu đã đến bên miệng núi lửa Pollara. Phía dưới cậu, cách đó vài trăm mét, một ánh lửa sáng rực trong làng.

Lúc này, trong ngôi nhà ở Pollara, Cô đang ngồi trong chiếc ghế bành nhỏ được Vango, năm mười hai tuổi, làm bằng gỗ nổi, thứ gỗ trôi rất lâu trên biển, và cuối cùng được đánh nhẵn, sáng bóng giữa đám đá cuội. Chiếc ghế là một cái ổ làm bằng những mẫu gỗ buộc lại với nhau. Người ngồi vào đó cảm thấy rất thoải mái. Hằng tối, cô ngồi

trên đó để đọc hoặc khâu vá, đôi lúc cô thức dậy cũng trong chiếc ghế đó, sách trên đầu gối.

Tối hôm đó, cuốn sách tuột xuống đất nhưng Cô không hề ngủ. Cô chỉ lặng nhìn hai gã đàn ông đang phá hoại bên trong ngôi nhà của cô.

Chúng vào mà không nói năng gì, chỉ nhếch mép cười lịch sự với Cô.

Giữa những bức tường ấy, đồ đạc ít ỏi đến nỗi bọn chúng gần như thất vọng. Cô sửng sốt. Cô không tài nào cử động được. Bọn chúng đi quanh một lúc, bắt đầu xé những trang sách trên giá sách nhỏ. Chúng tìm thấy một tập giấy trong chiếc túi hồ sơ bằng giấy thấm, dổc tập giấy đó vào chiếc túi du lịch chúng mang theo. Chúng còn vứt vào túi một quyển vở khâu tay, trong đó Cô chép lại một cách lộn xộn những khoản chi tiêu và vài bài thơ.

Rồi chúng đập vỡ mấy cái đĩa. Và như thể không kiềm chế được, chúng bắt đầu đập phá cả những ô vuông ốp sành xố màu xanh lam trên tường. Những mảnh sành không rơi xuống, chúng bị rạn thành nghìn vết nứt. Căn phòng trở thành một chiếc kính vạn hoa nhìn đến chóng cả mặt.

Chúng ra tay mà không nói một lời, như thể chúng đang làm một công việc tỉ mỉ, đòi hỏi sự tập trung cao độ. Chúng đặt vũ khí lên bàn để tay được rảnh rang. Hai khẩu súng tự động Tokarev TT33 và một khẩu súng trường tốc độ cực nhanh nặng đến sáu hay bảy ki lô gam gài đó.

Khi chúng bước vào, Cô không tỏ ra quá ngạc nhiên.

Cô nói với chúng bằng tiếng Nga rằng cô đợi chúng mười lăm năm nay rồi.

Vango lao xuống con đường trong đêm khuya. Cậu không cảm thấy gì ngoài sự hưng phấn trong khoảnh khắc. Cuộc trở về nơi mình yêu quý, ngôi nhà chính là Tổ quốc của cậu, người phụ nữ đó chính là gia đình cậu, một cuộc chạy bộ trong đêm tháng Năm sau năm năm cách xa. Cậu đã quên tất cả những thứ còn lại.

Cậu đi tắt sang trái. Giờ cậu đã nhìn rõ màu trắng của mái nhà, rồi tiến thêm nữa, ánh đèn thấp sáng bên cửa sổ. Cô kia rồi.

Vango không muốn làm Cô bất ngờ. Cậu định gõ cửa, báo hiệu qua cánh cửa. Cậu đi một vòng sát qua cây ô liu, cành lá xạc xào khi cảm thấy cậu lại gần.

Cậu đặt tay lên vỏ cây, rồi cả trán nữa.

Trong nhà, một bóng người đang đi lại, cậu nhìn thấy người đó di chuyển qua những ô cửa sổ bé xíu. Cô không ngủ.

Cô.

Cậu mang ơn cô nhiều lắm. Chỉ riêng Cô đã là cả thế giới. Dường như cô biết tất cả bí mật của cuộc sống, nhưng cô bóc tách từng bí mật ấy một cách khéo léo. Giống như cái cây ô liu kia, cả năm lá rụng mà người ta vẫn cứ có cảm giác chẳng bao giờ nó mất đi một chiếc lá nào.

Khi Vango buồn bã quá lâu, cô nói với cậu những câu đại loại như: “Mỗi nỗi buồn chỉ cần một ngày là đủ.” Cô sáng tạo ra đạo lý cho riêng mình.

Trước khi ra khỏi lùm cây, cậu đứng nghỉ vài giây.

Một bóng đen lực lưỡng tiến về phía cậu, từ đằng sau. Cứ như Vango cố tình để cho người đó có thời gian lại gần mình. Nhưng cậu có nhìn thấy gì đâu, cậu chỉ muốn kéo dài khoảnh khắc êm dịu đứng tựa cây mà thôi.

“Con đến đây, Cô ời...” cậu nghĩ.

Khi Vango tiến thêm một bước về phía ngôi nhà, cậu cảm giác có một bàn tay tóm lấy hàm mình, nắm ngang bụng và nhấc bổng cậu lên khỏi mặt đất. Đây là lần đầu tiên sau bao năm, Vango thật sự chệnh mảng. Tích tắc đầu tiên cậu mất cảnh giác.

Nhưng một giây đó cũng đã đủ.

Cô thấy hai gã đàn ông nhảy xổ vào đồng vũ khí của chúng. Cô cũng nghe thấy một tiếng động bên ngoài. Chắc chắn bọn chúng có tên thứ ba đang theo dõi ở ngoài. Một gã đi ra. Hắn trở vào ngay, gạt đầu ra hiệu cho tên kia yên tâm. Chúng tiếp tục nhiệm vụ quý quái của mình. Cô nhắm mắt lại.

Vango bị mang đi trong đêm. Sức mạnh đang giữ cậu thật kỳ lạ. Vango không phản kháng.

Đến một lúc, cậu cảm thấy mình được đặt xuống đất. Cậu đang ở trong một nơi đại loại như cái hố có nền nham thạch. Tận cùng bên trong cái hang nho nhỏ ấy, lửa soi sáng cả căn phòng. Vango nhòm dậy. Một khẩu súng chĩa vào cậu.

- Đừng động dậy.

Người đàn ông nói tiếng Sicile.

- Cậu không có cơ hội chống lại chúng đâu.

Vango nhận ra Mazetta.

- Chúng có nhiều vũ khí, đạn dược hơn tất cả cảnh sát Ý đóng trên các quần đảo kéo dài đến tận Milazzo đấy.

Mazzetta có lý. Khẩu súng cối lật để trên bàn Cô nạp pháo calip 600 nitro, được coi là thứ vũ khí săn voi lý tưởng suốt hai mươi lăm năm nay. Và một trong hai gã kia, gã cao to hơn còn có hai khẩu

Tokarev, chiếc tiểu liên xinh xắn của Anh đeo dưới lớp áo sơ mi, trông giống như vòng rửa tội.

Vango đứng dậy.

- Ngồi xuống, Mazzetta ra lệnh. Tôi sẽ bắn vào đầu gối nếu cậu cố tình đi đấy. Tôi không muốn bọn chúng tóm được cậu.

Mazzetta suýt nữa nhảy bổ vào ngôi nhà khi hắn nhìn thấy mấy gã đàn ông bước vào. Nhưng qua cửa sổ, hắn phát hiện ra đồng vũ khí. Hắn biết sức mạnh của vũ khí. Hắn không lo cho cuộc sống của mình, thứ hắn đã cho đi từ bấy lâu nay. Hắn lo cho Cô. Hắn muốn sống để còn trông nom cô.

- Để cháu đến đó đi mà.

- Không. Rồi bọn chúng cũng bỏ đi thôi. Bọn chúng sẽ không làm gì cô ấy đâu. Tôi nghĩ chính cậu mới là người bọn chúng tìm kiếm.

Có tiếng giậm chân ngay trước cái hố của Mazzetta. Ai đó đang xéo lên cỏ khô. Vango nín thở.

- Ai nhỉ? cậu thì thầm.

Mazzetta đặt ngón tay trước miệng.

Đúng, có ai đó đang thở phì phò cách đó chừng hai mét.

- Ai nhỉ? Vango nhắc lại.

Cái mặt gấu của Mazzetta lắc lư chậm chậm.

- Con lừa của tôi đấy, cuối cùng hắn cũng thầm thì. Nó báo với chúng ta bọn chúng đi rồi.

Con lừa Tesoro thò đầu qua cửa, cùng với chiếc lục lạc bằng da đóng đinh to tướng. Mazzetta vuốt ve vùng da giữa hai mắt nó.

Họ chờ một lúc lâu nữa rồi Mazzetta đi ra. Vango không nhúc nhích.

Mazzetta trở lại, ngồi xuống cạnh Vango.

- Bọn chúng đi rồi.
- Thế còn Cô?
- Bọn chúng sẽ còn ở lại đây một thời gian. Cậu phải đi thôi.
- Cô thì sao?
- Cô ấy đang ở trước nhà. Cô ấy chẳng làm sao cả.
- Cháu muốn nói chuyện với cô ấy.
- Chúng đang theo dõi. Nếu cậu nói chuyện với cô ấy, cô ấy sẽ chết.

Vango lấy tay xoa mặt.

- Lạy Chúa tôi, cậu nói.
- Đi đi.

Mazzetta đặt cây súng sẵn xuống. Cuối cùng, Vango cũng nói chuyện với hắn lần đầu tiên.

- Còn Cô? Chú sẽ chăm sóc cô ấy chứ?
- Cô ấy không muốn tôi giúp. Nhưng tôi biết có người sẽ đến mà.
- Hãy làm những gì cần thiết cho cô ấy nhé. Cháu xin chú đấy.

Vango ra khỏi hang, bò đi giữa đám bụi rậm.

Khi đã ở khá xa, cậu chạy về phía biển, leo xuống vách đá. Cậu đẩy đại một con thuyền trên bãi đá cuội chèo thẳng ra khơi.

Hai giờ sáng, bác sĩ Basilio nghe thấy tiếng gõ cửa nhà mình.

Ông đã quen với kiểu gào thét này của đàn ông trước nhà mình. Theo ông, đàn ông thường gào hét trước cả những bà vợ sắp đẻ hoặc đám trẻ con sắp chào đời vài tiếng đồng hồ.

- Đàn ông cũng phải có lúc gào chứ. Họ có quyền mà.

Bác sĩ lăm bắm những từ đó, ông còn đang gà gât, mặc quần, vớ lấy túi đồ nghề, rồi mở cửa.

Không như những gì ông tưởng.

Mazzetta đang ở trước mặt ông, mệt đứt hơi.

- Là...

Nhìn vào mắt Mazzetta, bác sĩ hiểu đã xảy ra rắc rối nghiêm trọng.

- Cô đúng không?

Ông chạy theo Mazzetta trong đêm khuya khoắt.

Arkudah, ngày hôm sau

Zefiro chưa bao giờ xuất sắc trong những buổi hội ngộ.

Ông có tài thực sự khi nói vĩnh biệt, khi ban phép lành đến cảm động, khi kim lòng trước mỗi chuyến đi. Nhưng khi gặp lại ai đó, ông không biết mình nên dang rộng vòng tay, nghiêng đầu hay chìa tay ra. Và phần lớn, ông kết hợp cả ba động tác cùng một lúc, và điều này gây ra những va chạm đáng tiếc.

Zefiro vẫn không biết nên nói gì trước tiên và không nhớ lần chia tay gần nhất là từ bao giờ.

Quãng thời gian xa cách đối với ông là bức màn nước đá.

Đứng trước Vango, ông đã khiến cậu chú ý khi cứ ấp a ấp úng nói tóc cậu hơi ngắn hơn trước, ông còn đánh liều nhận xét về thời tiết, ông mời cậu một cốc nước.

Cuối cùng, ông cũng cố gắng thốt ra một lời chào mừng đầy lạ lùng:

- Ta có mấy con thỏ mới đấy.

Vango đang ở trước mặt ông, ngoài cửa tu viện vô hình, kiệt sức, quần áo rách tả tơi. Mắt cậu đỏ ngầu, cậu đang đói là đi.

Nhưng cậu không quên Zefiro. Cậu đi theo ông.

Chính lúc bước về phía chuồng thỏ là lúc bức màn nước đã tan dần. Khi Vango run run đưa cho ông con thỏ xám cậu tóm được, Zefiro gạt con vật bé nhỏ ra và ôm chầm lấy đầu cậu bé, ghì chặt nó vào hõm vai mình. Năm năm đã trôi qua.

- Con cao quá.

Vango muốn ngẩng đầu lên nhưng Zefiro vẫn ghì chặt để cậu bé không nhìn thấy nước mắt ông.

- Chính cha đã bảo con đi mà, cậu rên rỉ.

- Một năm! Thì ta cho con một năm để rồi trở lại còn gì...

Vango nhìn ông.

- Con đang gặp rắc rối, cha ơi.

*Mátxcova, Điện Kremli, cũng tối hôm đó,
ngày 2 tháng Năm năm 1934*

Setanka lên tám tuổi rưỡi. Khi đi xem phim, vào ban đêm, trong một khu vườn mùa đông cổ kính được cải tạo thành rạp chiếu bóng, cô bé thường được một đội xe hơi bọc thép và hàng chục vệ sĩ hộ tống.

Còn cô bé chạy lon ton phía trước.

Tối hôm đó, cha cô bé, bước ngay phía sau, đang nghe một nhân viên báo cáo.

- Chúng tôi đã tìm thấy ngôi nhà và người phụ nữ nuôi hấn. Tuy nhiên, không có dấu vết nào của hấn. Hình như hấn không còn sống ở đó từ lâu rồi.

- Tìm cho ra hấn.

Cô bé dỏng tai lên nghe. Họ đang nói về Chim đây.

Bấy lâu, Setanka cứ tưởng cha mình là thợ làm vườn. Ở những ngôi nhà miệt quê Sotchi, Krym hay khu vực Mátxcơva, ông thích chạm tay vào hoa lá cỏ cây. Cô trông thấy hàng rìa mép thật đẹp của ông rung rinh trước làn hương hoa hồng.

Một năm sau ngày mẹ mất, khi bước vào ngôi trường vẫn được người ta gọi là “Trường điểm thứ hai mươi lăm” trên lối đi hướng ra phố Gorki, cô bé ngạc nhiên khi thấy trên tất cả các bức tường đều có chân dung cha mình. Chính lúc đó cô bé hiểu ra rằng cha mình không phải thợ làm vườn.

Ông là chủ nhân tối cao của một đất nước rộng lớn trải dài đến tận Mông Cổ và Thái Bình Dương.

Cô bé nghe thấy ông nhắc lại:

- Tìm cho ra hấn. Và để tôi yên.

Quay người lại, cô bé nhìn thấy ông lấy tay hẩy người đối thoại ra, như thể đuổi ruồi bu trên đĩa thịt vậy.

Ông cầm lấy tay cô bé.

- Sao rồi? Cô chủ nhỏ của cha thích đi xem phim chứ?

Nhưng Setanka không muốn trả lời. Cô đang nhìn một vì sao phía trên mái khu vườn mùa đông. Cô nghĩ đến chú Chim đang bay

lượn ở một phương trời khác, bất cứ lúc nào cũng có thể bị trúng đạn.

17

HẸN HỒ

*Friedrichshafen, Đức,
một năm sau, tháng Năm 1935*

Những người bồi bàn trong nhà hàng biết rõ thực khách tối đó, họ đặt cho hai người nhưng chỉ đến một mình. Họ làm ra vẻ chuẩn bị cho một bữa tiệc đêm lãng mạn. Họ nhìn đồng hồ, soi mình vào ly hay vào chiếc thìa để sửa sang lại đầu tóc.

Chẳng ai đến cả.

Phục vụ bàn đề nghị dọn cái đĩa thứ hai đi thì họ từ chối. “Không. Người đó sẽ không đến muộn đâu. Người đó sẽ đến. Người ấy thường xuyên muộn giờ mà!”. Một giờ sau, nhà hàng tặng món khai vị nhẹ gọi là để an ủi. Những người khách xung quanh nhìn vào với đầy nỗi thương cảm.

Tối hôm đó, ở Kurgarten, bàn ăn được bày biện cho hai người bên bờ hồ. Nhà hàng chật kín khách. Hugo Eckener chờ được bốn mươi lăm phút rồi nhưng ông không có vẻ bồn chồn.

Trưởng quầy lễ tân nhận ra ông, chạy qua chạy lại hỏi ông có cần gì không.

Hàng cây nghiêng mình bên mặt nước, cách chỗ ông ngồi ba bước chân. Eckener thấy ánh sáng phát ra từ ngôi làng phía bên kia

hồ. Ở các bàn bên cạnh, chỉ có những đôi trai gái chân xoắn lấy nhau dưới lớp khăn trải bàn.

- Một tờ báo chứ, Herr Doktor?

Một người phục vụ chìa cho ông chồng nhật báo.

Eckener lấy tay đẩy ra.

- Không bao giờ.

Cứ giờ báo ra là Hugo Eckener lại lập tức gấp vào ngay như thể đó là một cái giỏ đựng răn. Ở Đức, báo chí không còn được phát ngôn tự do nữa và nếu ngẫu nhiên những thông tin thật được đăng tải, chúng sẽ làm người ta sồn da gà.

Mười tháng trước, tháng Bảy năm 1934, Eckener đã thoát khỏi một đêm kinh hoàng. Trong đêm đó, Hitler ra lệnh ám sát hàng chục nhân vật làm vướng chân hắn: một đêm đẫm máu.

Nhiệm vụ bảo vệ một bộ trưởng đã cứu Hugo Eckener trong gang tấc.

Ngày hôm sau, khi đọc báo, ông không tìm thấy tờ báo nào tố cáo vụ thảm sát đó...

Những tội ác như thế trở thành chuyện thường ngày. Sao phải cố gắng thuyết phục cho một trong khi có thể tiêu diệt được? Những năm khủng hoảng đã khiến quá nhiều người thất nghiệp, đến nỗi người ta sẵn sàng tin vào mọi lời hứa được Hitler gào thét, sẵn sàng nhảy bổ vào tất cả những thủ phạm nào bị Hitler chỉ điểm.

Eckener nhìn thấy một con thuyền đang trôi trên hồ trong đêm.

Người bồi bàn mang đến một ly rượu vang đặt trên khay.

- Tôi đã nói là không muốn gì vào lúc này mà, Eckener nói.

- Đây là ông chủ mời ông.

Ông nhìn cái ly đặt trước mặt mình. Ông nghĩ đến vợ. Ông nói với bà là đi ăn tối với một người bạn cũ thời đại học, một tay Moritz nào đó nay đã trở thành nhà tâm lý học ở Munich.

- Hình như cậu ta trụi hết cả tóc rồi thì phải! chỉ huy pha trà trước mặt bà Eckener để cho có vẻ thật hơn.

Người bồi bàn nhón mũi chân lùi xa.

- Cháu lấy làm vui vì bác không đợi cháu đến rồi mới uống.

Eckener đứng dậy. Cô gái trẻ đang ở trước mặt ông. Ông thấy cô rất đẹp. Tất cả thực khách trong nhà hàng đều im bật và nhìn cặp đôi lạ lùng này.

Họ bắt tay nhau.

- Cháu lớn lên nhiều đấy, Ethel, Hugo Eckener nói.

Đây không phải câu nói lảng mạn nhất để chào đón nữ khách mời trong một nhà hàng kiểu này, nhưng vì ông biết cô từ khi cô mới mười hai tuổi. Bây giờ cô đã gần mười tám. Thật sự, cô không còn là cô bé trước kia nữa.

- Cháu xin lỗi, bác Eckener. Cháu đã làm bác phải chờ.

- Đối với ta đó là niềm vinh hạnh.

- Có hai kẻ bám theo cháu từ hôm qua. Cháu muốn đưa chúng đi dạo chơi trong rừng. Xe hơi của cháu phóng nhanh hơn xe chúng nhiều. Lúc này cháu mới được rảnh rang.

- Cháu nghĩ đã cắt đuôi được chúng à?

Ethel gật đầu.

Những kẻ không hẳn là mật vụ vẫn không rời cô từ khi cô đến Đức. Cuối cùng, cô đi đường rừng với vận tốc một trăm ba mươi lăm

ki lô mét một giờ. Chiếc Napier-Railton nhỏ nhẩn bằng qua những rặng thông. Không thể theo kịp cô được.

Một nghệ sĩ phong cầm bắt đầu chơi nhạc cách họ vài bàn.

- Cháu có nhìn thấy con thuyền đằng kia không? Eckener vừa hỏi vừa giúp cô gái ngồi xuống.

- Có ạ, cháu thấy.

Cô nghĩ thấy mùi ngai ngái của nước hồ Constance và cả mùi hoa mầu đơn trên bàn ăn, giữa mấy cây nến. Cô nhớ đến chuyến dạo chơi bằng thuyền nhiều năm trước, cùng anh trai, trên mặt hồ này, trước khi lên khí cầu. Chính đằng kia, trước khách sạn. Chính xác là đằng kia. Lúc đó, cô còn là một cô bé ủ rũ suốt bốn năm trời, trái tim tan nát sau cái chết của cha mẹ. Cô không chuyện trò gì nữa. Không một lời trong suốt bốn năm.

Chuyến du lịch trên khí cầu đã thay đổi tất cả.

Cô vẫn nhìn những người chèo thuyền, có lẽ họ cũng trông thấy nhà hàng trưng đèn sáng rực bên này sông.

- Tại sao bác hỏi cháu điều đó? Bác muốn đưa cháu đi bơi thuyền hay sao, bác Eckener?

- Những kẻ theo dõi cháu đang ở trên con thuyền đó.

Ethel nhìn chăm chăm vào mặt Eckener, sửng sốt.

- Cháu sẽ không thể cắt đuôi được chúng đâu, ông nói thêm. Những kẻ theo dõi ta còn bám riết ta suốt một năm nay.

- Chúng đâu, những kẻ theo dõi bác ấy?

- Một kẻ đang ngồi ở quầy, phía bên trong. Kẻ kia đang phá hỏng bản nhạc chơi cho phong cầm mà cháu đang nghe đấy.

Ethel quay về phía gã nhạc công đang chăm chăm nhìn họ.

- Thế nên ta mới hẹn cháu tại đây, Ethel thân mến. Ta luôn chọn nơi nào lộ liễu nhất để chúng không nghĩ ta có gì cần giấu giếm.

Ông nhìn thẳng vào cô nói thêm:

- Nhất là khi ta đang ăn tối với một nhân vật cực giống nữ điệp viên người Anh được bao người tơ tưởng.

- Người Scotland chứ ạ.

- Đúng. Người Scotland. Đúng thế. Anh trai cháu thế nào rồi? Vẫn là phi công chứ?

- Vâng. Giờ anh ấy đang có một chiếc máy bay.

- Còn cháu?

- Anh ấy không muốn cho cháu mượn, Ethel nói.

Cô nói những lời ấy như thể mới lên bảy vậy.

- Và cháu cứ để cậu ta đối xử thế sao?

Họ gọi món cho bữa tối. Thời gian trôi qua thật vui vẻ. Họ nói chuyện về cơ học, về mây, về sự khác nhau giữa cái bấp Scotland và cái bấp Đức, và đặc biệt là những kỷ niệm của họ: về chuyến đi vòng quanh trái đất mà họ đã cùng nhau trải qua trên khí cầu.

Ethel miêu tả một vài hành khách. Eckener kinh ngạc khi phát hiện ra trí nhớ chuẩn xác của cô. Mọi khoảnh khắc đều được lưu lại trong ký ức cô. Cô tả chính xác dây đeo quần bằng da của một hành khách, hay bến đỗ Kasimugaura ở Nhật Bản.

Ethel ăn bằng cả bốn người. Cô gái rất đẹp.

Cô mặc chiếc váy mà có lẽ mẹ cô đã từng mặc khi nhảy điệu charleston ở châu Mỹ, sau chiến tranh, nhấc gót giày theo nhịp, từng bước từng bước, hất ra đằng sau, cho đến khi gót giày chạm tay.

Ethel nghe Eckener kể về cuộc thám hiểm về phía cực Bắc ông đã thực hiện. Khí cầu Graf đã hạ cánh lên Bắc Băng Dương, gần đảo Hooker. Ethel rùng mình, cười to đòi nghe kể về những điểm đến ấm áp hơn.

Rồi, ông kể cô nghe về kim tự tháp và Jerusalem.

Ethel tháo cả giày ra.

Thực khách xung quanh thì thảo. Họ thấy cô có lẽ hơi lỗi mốt, với chiếc váy của những năm hai mươi. Họ thầm thì cô cười quá to. Nhưng không ai, cả phụ nữ cũng như nam giới có thể rời mắt khỏi cô.

Dường như có virus vẹo cổ vẫn vơ trong không khí.

Hugo Eckener rất vui vẻ.

Thế nhưng ông vẫn nghĩ đến cái tên mà cả ông và cô đều chưa nhắc đến. Đó là bằng chứng cho thấy cả hai người chỉ nghĩ đến cậu.

- Cháu tự hỏi mình một điều, Ethel nói.

Hugo Eckener đặt ly xuống. Thời điểm đã đến.

- Bác có nhớ, cô hỏi, anh ấy... Vango...

Eckener cười. Cô nheo mắt thốt ra cái tên ấy như thể cô không chắc mình có nhầm không, trong khi cô vừa có thể kể vanh vách màu tất của bất kỳ người thợ máy nào trên khí cầu.

Tất cả những điều đó không tự nhiên và đây là lần thứ ba trong vài tháng gần đây Eckener chứng kiến cảnh này.

Đầu tiên có một người Pháp tự xưng là nhà buôn đồ hộp đến gặp ông. Một gã Auguste Boulard nào đó.

Sau khi nói về xúc xích, rau bina đóng hộp và tích cực vận động để được cung cấp hàng cho Khí cầu Graf, sau khi phân giải trận đấu

giữa đậu khô và đậu đóng hộp, sau khi miêu tả bằng những từ ngữ thống thiết về nhược điểm của đậu tươi, vừa nhão, vừa không ra gì và lại còn úa vàng sau ba ngày hành trình, cuối cùng gã cũng đặt câu hỏi đó:

- Ngài có nhớ anh chàng đó... Vango...? Ngài có tin tức gì về anh ta không?

Rồi lại có hành khách của chuyến đi đến Lakehurst, gần New York. Một người Nga ông có biết và người này cũng hỏi ông:

- Ngài có nhớ anh chàng đó không...?

Với ai, Hugo Eckener cũng đều trả lời rằng ông nhớ rất rõ, đúng, hoàn toàn nhớ, đúng là một cậu bé đáng yêu, nhưng ông không có tin tức gì từ năm nay.

- Ethel thân mến, có phải tình cờ, nhờ câu hỏi cuối cùng này của cháu mà ta có may mắn được ăn cùng cháu tối nay không? Ethel bé nhỏ của ta, có phải trái tim cháu tình cờ nghiêng về anh chàng đó nhiều hơn về phía ta phải không?

Cô gái trẻ ngại ngùng xoay xoay cốc nước.

- Cháu có biết mình không phải là người duy nhất tìm kiếm cậu ta không? Eckener nói.

- Có lẽ còn có một người đàn ông thấp, hơi mập, với một chiếc ô đã đến gặp bác, Ethel nói.

- Đúng, Eckener công nhận, với một chiếc ô.

- Có thể có cả một gã Liên Xô đeo kính nữa, có ria mép và nước da sạm mờ.

- Có thể, ông công nhận, nhưng không có ria.

- Gã Liên Xô đi cùng chúng ta năm 1929 trên khí cầu đúng không ạ?

- Đúng, người đó đấy. Chính xác... Nhưng không có ria.

Chính vì những người đó mà chỉ huy quyết định không nói gì với cô gái trẻ. Họ khiến ông sợ. Trước kia, Eckener có quen biết bố Ethel ở bang Ohio. Để tưởng nhớ người bạn cũ, ông đã mời cô bé mồ côi và cậu anh trai một chuyến du lịch vòng quanh thế giới trên khí cầu, vào tháng Chín năm 1929. Ông cảm thấy có một chút trách nhiệm với cô.

- *Nhà người sẽ không thềm mồi của bọ cạp đâu*, Eckener nói bằng giọng nghiêm túc.

- Có phải trong Kinh Thánh không ạ?

- Dù gì thì có trong Kinh Thánh là tốt đấy!

Ông không biết nhiều về Kinh Thánh. Ông không tin vào tôn giáo và đã từ chối làm đám cưới tại nhà thờ.

- *Nhà người sẽ không thềm mồi của bọ cạp đâu*, ông nhắc lại, còn khó hiểu hơn.

- Điều đó có nghĩa là gì ạ? Ethel hỏi.

- Điều đó có nghĩa là khi đi tìm Vango, trước tiên cháu sẽ gặp những kẻ đang truy lùng cậu ấy.

- Cháu không sợ.

- Bọn chúng nguy hiểm đấy.

- Nhưng cháu không sợ mà.

Eckener vuốt râu.

- Anh ấy ở đâu ạ? Ethel dè dàng nói.

- Ta không biết.

- Cháu chắc chắn anh ấy đã đến đây.

- Cậu ấy đã đến bên bờ hồ này, đúng. Cách đây năm hay sáu năm gì đó. Nhưng cháu cũng biết điều đó còn gì, vì lúc ấy cháu cũng ở đó mà.

Ethel cao giọng.

- Bác không được trả lời cháu như trả lời những người khác, bác Eckener. Bọn chúng muốn tiêu diệt anh ấy, còn cháu...

Cô không thể nói hết câu. Tại sao cô lại đi tìm cậu?

- Cháu biết cậu ấy được phong linh mục ở Paris rồi chứ, Eckener bình thản nói.

- Không!

Cô đặt nắm tay trên bàn. Vango không phải là linh mục. Thực ra, chỉ có ba hay bốn phút thôi, Vango đã không trở thành linh mục.

Eckener nhận thấy không gì ngăn nổi Ethel.

Ông dựa vào lưng ghế.

Rốt cuộc, sao không tiết lộ cho cô sự tồn tại của tu viện vô hình của Zefiro nhỉ? Chắc chắn Vango ở đó từ khi khí cầu thả cậu xuống gần núi lửa Stromboli.

Chỉ ít người trên hành tinh biết bí mật về tu viện này. Ông cũng nằm trong số đó. Bọn họ thà chết chứ không tiết lộ. Nhưng ý chí của Ethel dường như mạnh hơn tất cả.

“Đúng, ông nghĩ, mình sẽ nói cho cô bé biết cậu ấy đang ở đâu. Cô bé sẽ gặp ít nguy hiểm hơn nếu đi nhanh. Và biết đâu cô bé giúp được Vango thì sao.”

Ông nhìn quanh. Những bàn bên cạnh, khách đã về hết. Người ta tắt nến giữa bàn và dọc bờ hồ, chỉ còn một đốm trắng nhỏ hắt ra từ bàn của họ.

Ethel chờ đợi. Eckener cẩn thận gấp khăn ăn lại. Ông ý thức rất rõ trách nhiệm của mình. Và mối nguy hiểm đối với ông bạn Zefiro. Nhưng ông cũng muốn bảo vệ cô gái này nữa.

- Cháu biết không, Ethel...

Ai đó tiến về phía Hugo Eckener.

- Thưa ngài, người đó vừa nói vừa cúi xuống gần chỉ huy.

Đó là người bồi bàn.

- Để lát nữa, Eckener lẩm bẩm.

- Nhưng, thưa ngài...

- Tôi nói: để lát nữa mà lại.

Người bồi bàn mạnh dạn nói thêm:

- Frau Eckener muốn gặp ngài...

- Quý tha ma bắt! ông nói, vợ tôi ư! Điện thoại đâu?

- Bà ấy không gọi điện, thưa ngài.

- Thế bà ấy đâu?

- Ngay... ngay sau ngài.

18

BA KẺ TẮM HỒ

Quả thật, Johanna Eckener đang khuất trong bóng tối nhìn Hugo với vẻ thích thú.

- Tôi lấy làm tiếc, bà nói. Thứ lỗi cho tôi, cô gái. Tôi có tin rất khẩn cho chồng mình.

Eckener hoàn toàn tê liệt.

- Chào Hugo.

Ông không tài nào thốt nên lời.

- Nói cho em biết, có phải chính cô ấy là bạn đồng môn Moritz, mù, nhà tâm lý học... và hói của anh không?

Ethel mở to đôi mắt.

Hugo Eckener chẳng mấy quen với thể loại kịch vui này, đến nỗi suýt nữa ông khẳng định và công nhận rằng quả thực, Moritz đã thay đổi quá nhiều, rằng thú thực mà nói ông cũng không nhận ra bạn mình ngay... Nhưng rồi tự nhiên ông lại thông minh đột xuất và muốn giải thích:

- Johanna...

Bà cố tình im lặng để mặc ông lúng túng.

- Johanna, anh không biết tại sao...

Trên thực tế, ông biết rõ tại sao mình nói dối vợ.

Bởi vì đã bảy, tám năm rồi ông không ăn tối riêng với bà tại nhà hàng, bởi vì không phải ông không biết bà vẫn ước ao điều đó, bởi vì cuộc sống của ông là khí cầu và phi hành đoàn, và bởi vì ông không muốn nói với bà rằng ông sẽ ăn tối với một cô gái trẻ, người chỉ cần gửi cho ông vài dòng thôi là ông đã vội vàng đặt cái bàn đẹp nhất, lung linh ánh nến trong nhà hàng sang trọng nhất.

- Anh thề với em rằng...

Johanna cười buồn. Bà biết cái lòng chung thủy khéo khéo của ông và bà không nghĩ ông là thủ phạm của điều gì khác ngoài bữa tối này. Nhưng bữa tối này đủ là một trọng tội còn gì.

Vẫn nghĩ mình đã tương đối đủ độ chín chắn cùng với thời gian, vậy mà bà vẫn phải tự thú nhận bà đang ghen. Không phải bà ghen với Ethel, nhưng bà ghen vì thời khắc ấy, vì những ngôi sao, vì những bông mẩu đơn đặt giữa hai người, vì thứ sáp ong trắng tinh trên khăn trải bàn.

Giá như bà có thể hy sinh nhiều thứ để giữ Hugo lại bên mình một buổi tối, buổi tối duy nhất, bên bờ hồ, chân chạm đất, mắt trong mắt.

- Bỏ qua cho tôi nhé, cô gái, tôi biết cô chẳng có tội tình gì, bà nói với Ethel, giọng hơi đanh lại. Đây là chuyện giữa chồng tôi và tôi. Tôi xin cô thứ lỗi vì đã để cô phải chứng kiến cảnh này.

- Không, chính cháu chứ, Ethel vừa trả lời vừa đứng dậy. Cháu không nghĩ...

- Cô cứ ngồi xuống đi, tôi xin cô đấy. Tôi chỉ ở lại một lát thôi mà.

Bà quay sang Eckener nói nhỏ:

- Hugo, em đến chỉ để nói với anh có người qua nhà mình. Người ấy cần gặp anh khẩn cấp và bí mật.

- Ai vậy?

- Em không biết.

Bà do dự, liếc mắt nhìn Ethel.

- Em có thể nói trước mặt cô ấy.

- Người ấy có nêu tên Violette...

Cái tên đó đánh trúng người Eckener như một luồng điện phóng ra.

- Người đó đang ở đâu?

- Em bảo người ta đợi anh trước trạm giám sát bãi, trước đảo.

- Thế còn những kẻ kia, anh làm gì với họ bây giờ?

Ông chỉ ba, bốn bóng đen đang chờ trên ghế băng, sẵn sàng theo dõi ngay khi họ nhúc nhích. Chúng tàng hình y như lũ vịt trong phòng trà vậy.

- Cháu sẽ lo chúng cho, Ethel nói.

- Em cũng thế, Johanna nói.

Eckener có vẻ không chắc chắn.

- Anh lấy xe của em mà đi, Johanna ra lệnh. Cô bé, cô đưa tôi về chứ?

- Rất hân hạnh.

Và Johanna cầm tay cô gái.

Eckener tự hỏi không biết hai người phụ nữ này chuẩn bị gì cho ông đây. Nhưng ông biết tính họ. Ông muốn tin họ.

Họ giả vờ cùng nhau bước ra khỏi nhà hàng, chào nhân viên lễ tân. Eckener bảo một nhân viên gửi cho ông hóa đơn bữa tối vào ngày hôm sau.

Còn lại vài chiếc xe hơi trong sân. Eckener vào xe của mình, còn vợ ông chui vào ngồi cạnh Ethel trong chiếc Raiton nhỏ xinh đồ dọc tường. Họ trao đổi dăm câu ba điều. Hai chiếc ô tô khác cũng nổ máy xình xịch và sẵn sàng bám sát họ.

- Bác đi trước đi ạ, Ethel kêu to với Eckener giữa tiếng nổ máy khởi động.

Trong chiếc xe hòm màu đen của mình, chỉ huy ra hiệu bằng tay.

Để ra khỏi sân, giữa hai khóm đồ quỳn um tùm đang nở hoa, phải vượt qua lối đi chỉ duy nhất một chiếc ô tô chui lọt.

Vì thế Eckener đi lên đầu. Ethel và Frau Eckener bám theo sau.

- Đợi đã...

Giữa lối đi chật hẹp, Johanna Eckener bắt xe dừng lại.

- Ôi! Nhìn giúp tôi cái này này...

Bà đi ra và hái một bông hoa to màu hoa cà trên hàng rào. Ethel tắt động cơ xuống cùng với bà. Hai người bắt đầu hàn huyên về chuyện làm vườn, phân bón và cảnh giâm. Sau họ, mấy chiếc xe hơi gầm rú, kẹt cứng.

Rồi có tiếng còi xe và những tiếng la ó.

- Đẹp quá nhỉ, Ethel vừa nói vừa ngây ngô vuốt ve mấy cánh hoa như thể cô chưa bao giờ trông thấy chúng.

Đèn xe tiến sĩ Eckener đã ở phía xa.

Cửa xe sập điên cuồng phía sau hai người phụ nữ.

- Cô có biết cây đỗ quyên hoàn toàn chiết được không, Johanna nói với Ethel.

- Không ạ.

Cô làm ra vẻ bàng hoàng như thể người ta vừa báo với cô mặt trời đã vĩnh viễn biến mất.

- Nhưng mà thế đấy.

Một gã đàn ông xuất hiện giữa hai người.

- Thế còn thực quỳ thì sao? Ethel vồn vã hỏi.

- À! Thực quỳ à! Đừng nói với tôi về chúng! Mùa xuân này, đám thực quỳ của tôi không được tươi tốt lắm...

- Hai người có đưa xe ra khỏi đây không hả? gã đàn ông giận sôi ra lệnh.

- Không, đối với tôi, Johanna nói, thực quỳ đúng là một mối lo.

- Dẹp gọn lối đi nào!

- Tuy nhiên, tôi lại rắc phân hữu cơ vào gốc để chúng khỏe khoắn trở lại...

Bà vẫn nói về những bông hoa của mình, nhưng gã đàn ông lại nhìn vào chân bà.

- Để chúng tôi còn đi chứ! một gã khác vừa gào thét vừa chạy đến.

- Xin lỗi?

Hai người phụ nữ làm ra vẻ mới phát hiện ra hai gã đàn ông đó.

- Có lẽ các anh đang vội phải không? Ethel bẽn lẽn làm duyên.

Cô tỏ vẻ ngấm ngấm và chỉ ngón trỏ về phía gã.

- Nhưng có phải các anh chính là những người tôi đã thấy cứ lang thang mơ mộng suốt cả tối bên bờ hồ đúng không?

Cô nói tiếng Đức bằng giọng du dương.

- Cho xe của cô ra khỏi đây, gã đàn ông nói, hay để tôi nghiền nát nó.

- Lúc đó quá xúc động đi, cuộc dạo chơi lãng mạn dưới trăng với mấy tay bồ nhí. Tôi muốn tung cả hoa hồng cho các anh ấy chứ.

- Lại đây, cô gái, Johanna Eckener vừa nói vừa kéo tay cô. Anh ta nói đúng đấy. Chiếc xe để chướng quá.

Ethel để mặc bị kéo đi.

Nhiệm vụ đã hoàn thành.

Không nên lạm dụng những khoảnh khắc thuận lợi.

Hugo Eckener đỗ xe dọc con đường, bên bờ hồ. Trời gần như tối đen. Bãi vắng tanh. Ông không tìm thấy một ai trước trạm. Đó là một túp lều con màu trắng giống như trên các bãi biển Đại Tây Dương, có cột thấp và một cầu thang nhỏ. Ông đợi lúc lâu trên bậc cầu thang. Ông châm xì gà. Một làn gió nhẹ thổi đến.

Cuối cùng, Eckener tiến vài bước về phía có tiếng khuấy nước trên hồ. Ông dừng lại.

Ông vừa nhận ra cái gì đó.

Chỉ huy cởi quần dài, áo vest và tất cả trang phục ra. Ông chỉ còn mặc một chiếc quần lót bằng vải bông màu trắng. Ông lội xuống hồ.

Một người đang đợi ông, nước ngập đến vai.

- Cậu chỉ có một mình thôi à? Eckener hỏi.

Ông vẫn ngậm điếu xì gà trên môi.

- Không, người kia trả lời, tôi đến cùng người vô hình.

Eckener nhận ra đó là Esquirol, bác sĩ nổi tiếng người Paris.

Chỉ huy lớn hơn anh ta đến hai mươi lăm tuổi nhưng ông cư xử với anh thân mật như với những người bạn cùng ký túc xá hay cùng trung đoàn ngày xưa. Họ cùng cảm thấy tiếc vì gặp nhau ít quá và lại toàn trong những tình huống gay cấn.

Bỗng nhiên, Eckener cảm thấy có ai đó đưa tay giật mắt điều xì gà của mình.

- Quỷ thật!

Đốm đỏ bé tẹo của điều xì gà bay phía trên họ và tắt lịm trong nước, cách họ tầm bốn hay năm mét gì đó.

- Ai kia nhỉ?

Eckener, bị bất ngờ, suýt nữa mất thăng bằng. Mọi việc diễn ra mà Esquirol vẫn không nhúc nhích.

- Tôi đã báo với ngài tôi đến cùng người vô hình mà lại! bác sĩ nói.

Quả thực, một tiếng cười khẽ cất lên trong khung cảnh mờ tối và Hugo Eckener cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình.

- Xin chào, Doktor Eckener.

Đó là Joseph Jacques Puppert, một người đàn ông thấp nhỏ không thể phát hiện được trong bóng đêm. Ông ta khoác trên tấm thân da đen của mình một chiếc áo bơi cùng màu da, một áo bơi nam mới nhất của Monte-Carlo.

Ông sinh ra ở Grand-Bassam, phía Tây châu Phi, từng suýt chết tại Verdun trong chiến tranh, rồi trên sàn đấu quyền Anh Velodrome hay Holbom Stadium, nơi ông là võ sĩ hạng nhẹ và được gọi là J.J.

Puppet. Ông dừng thi đấu quyền Anh ngay trước khi chiến tranh xảy ra và giờ đây ông là Joseph, thợ cắt tóc ở Monaco, những nhát kéo của ông được hâm mộ suốt dải Côte d'Azur.

Mặc dù tay bắt mặt mừng khi gặp lại bạn bè, Eckener vẫn có dự cảm tình hình đang gay go. Họ đến một đất nước nguy hiểm trong khi đã nhận lệnh không được gặp nhau.

Chỉ ba người, không bao giờ kèm theo nhân chứng.

Đây chắc chắn là một việc nghiêm trọng.

Họ bơi ra xa.

- Kể tôi nghe đi, Eckener nói.

- Họ cần Zefiro, Esquirol vừa trả lời vừa kiểm tra xung quanh.

- Tại sao?

- Tại thằng Viktor.

- Viktor?

- Cảnh sát Paris cho rằng đã tìm ra Voloi Viktor. Họ cần Zefiro đến nhận diện.

Eckener bơi ngửa.

Ông nhẹ cả người. Vậy mà ông bất chợt lại tưởng họ sẽ nói về Vango. Ông hỏi, sau đó một lúc:

- Làm sao mà họ tìm thấy Viktor?

- Ngẫu nhiên thôi, trong một lần kiểm tra tại biên giới Tây Ban Nha.

- Không thể thế được, Eckener nói.

Làm sao có thể tin rằng một trong những kẻ nguy hiểm và khó tóm nhất châu Âu lại bị bắt một cách ngẫu nhiên đến thế?

- Họ gần như đoán chắc đó là hắn. Nhưng nếu không có ai chắc chắn nhận ra hắn, họ sẽ thả hắn ra. Có sức ép từ trên xuống mà.

- Còn các anh muốn liều mạng sống của Zefiro vì trò đùa này sao?

- Đúng.

- Bản thân ông ấy cũng phải liều mạng lắm rồi. Để ông ấy yên đi.

- Chúng tôi chỉ cần ông ấy lần cuối cùng này thôi. Sau đó, sẽ chấm dứt, nhưng ông ấy là người duy nhất có thể nhận ra Viktor. Phải hỏi ông ấy. Cho chúng tôi biết ông ấy đang ở đâu đi.

Cả ba người bất động, im lặng nổi bông bênh trên mặt nước.

Joseph Puppet, người rất kiệm lời, nói với Hugo Eckener:

- Chúng ta đang ở năm 1935, chiến tranh kết thúc từ mười bảy năm nay rồi nhưng nó cũng có thể nổ ra ngày một ngày hai. Ông biết thế giới sẽ ra sao, Doktor Eckener. Ông quá rõ điều đó mà.

- Tôi sẽ không nói cho hai người biết tu viện của Zefiro ở đâu.

Họ im lặng. Một chiếc xe hơi đi ngang qua. Chờ cho tiếng ồn của động cơ xa dần, Eckener mới nhắc lại:

- Tôi sẽ không nói gì với hai người.

Esquirol thì thầm:

- Lúc nào cũng vậy, Eckener.

- Cậu muốn nói gì?

- Thôi đi, Esquirol! Joseph nói chen vào.

- Tôi muốn nói, Esquirol tiếp tục, ông chẳng bao giờ làm gì để thay đổi mọi thứ.

- Tôi không biết cậu đang nói gì, Eckener nói, cổ họng nghẹn lại.

Cả ba người đều biết Esquirol nói gì.

Trước khi Hitler lên cầm quyền, rất nhiều tiếng nói từ cánh tả và phe trung lập trên chính trường Đức đề nghị Hugo Eckener ra ứng cử. Ông đã từ chối để không làm mất lòng vị thống chế già Hindenburg cũng ra ứng cử.

Thống chế thắng cử. Ông ta không thể ngăn cản bọn quốc xã bành trướng.

Hindenburg chết vào tháng Tám năm ngoái và Hitler nhảy vào ghế của ông ta.

Điều ấy có lẽ là mối ân hận lớn nhất của Hugo Eckener.

Trong bóng tối, ông nghe thấy giọng nói của anh bạn Esquirol:

- Tôi hiểu rõ hơn tại sao khí cầu của ông lại mang màu sắc quốc xã rồi...

Eckener gạt nước nhảy bổ vào vị bác sĩ, nhưng Joseph chặn lại. Mặc dù ông ta khá nhỏ bé nhưng chẳng ai muốn thách thức một võ sĩ quyền Anh-thợ cắt tóc ở Monaco cả.

- Thôi đi!

Cả ba cùng nhìn nhau.

Tờ mờ sáng, trở về nhà, Hugo Eckener, ướt sũng, gặp lại vợ, bà vẫn chưa ngủ.

- Anh tắm đấy à, Hugo? bà vừa hỏi vừa lấy khăn mặt lau cho ông.

Gần đây, chồng bà cư xử như một cậu thiếu niên đang khủng hoảng...

- Ethel đâu? ông hỏi, môi tím ngắt.

- Em bảo cô ấy nghỉ lại nhưng cô ấy lại đi rồi. Em quý cô bé ấy lắm.

- Ừ, Eckener nói, anh cũng thế.

Ông mặc bộ pyjama vào rồi đi nằm.

Ông nhắm mắt lại nhưng không ngủ ngay được.

Ông tiếc những gì đã làm. Suốt từ đó đến sáng, ông nghĩ đến Zefiro và Vango. Số phận bí ẩn đã vô tình gắn kết hai mảnh đời bị săn đuổi trên cùng một hòn đảo.

Eckener vừa nói cho hai người bạn biết địa điểm chính xác của đảo Arkudah.

19

KẺ PHẢN BỘI TỔ ONG

Arkudah, hai tuần sau, tháng Sáu năm 1935

Những đám mây mỏng ẩm ướt đến vuốt ve khuôn mặt cậu.

Vango treo lơ lửng trong tấm lưới rộng bằng sợi bông trên đỉnh hòn đảo. Cậu trèo lên đó, buổi sáng, trước khi sương mù tan biến, nhìn ra xa, về phía ngôi nhà của Cô, chấm trắng bé tẹo giữa bao nhiêu chấm trắng khác trên đảo Salma.

Cậu biết Cô đã lấy lại được vẻ bề ngoài của một cuộc sống gần như bình thường sau khi hai gã đàn ông có vũ trang đột nhập vào nhà, một năm trước. Ông bác sĩ tốt bụng Basilio đã sửa sang lại bức tường ốp sành xốp màu xanh lam, còn Mazzetta đứng gác cùng chú lừa, cách đó vài bước chân.

Từ khi tìm lại được cuộc sống ở tu viện, tháng nào cũng thế, vào ngày đầu tiên, Vango lại mượn một chiếc thuyền mà không nói năng gì, buộc nó vào chân vách đá ở Pollara rồi đi thăm dò xung quanh ngôi nhà của Cô. Luôn trong tư thế phục kích, Mazzetta xuất hiện bất thành linh và suýt đập chết cậu.

- Cháu đây mà! Vango thì thầm.

Mazzetta cầu nhàu dừng tay.

- Cậu đấy à?

Cuối cùng, khi nhận ra Vango, hắn đưa cậu vào hang mà không hề gây tiếng động để khỏi đánh thức sự chú ý của Cô.

Phải mất nhiều thời gian cô mới lấy lại được tinh thần sau vụ cướp phá nhà mình. Cô chắc chắn những kẻ tấn công ấy đang truy tìm Vango. Nhưng cô lại giải thích với bác sĩ rằng có lẽ bọn chúng tìm cách ăn cắp của nả để dành của cô vì chắc hẳn người phụ nữ độc thân đến từ nước ngoài này giấu hàng tá vàng trong đồng đồ lót.

Sau vài ngày cày xới, những tên khách bỏ đi. Mazzetta bí mật theo chúng đến tận cảng Lipari để kiểm tra xem có đúng chúng đã rời khỏi quần đảo Eolie hay không.

- Để cháu nói chuyện với Cô đi, lúc này, chúng không còn ở đây nữa mà, Vango đề nghị Mazzetta.

Người đàn ông này lúc nào cũng làm cậu nhụt chí.

Không nói gì với cô hết, lánh đi, đừng gặp cô. Đó là cách duy nhất để bảo vệ cô. Nếu hai gã đàn ông đó trở lại, chúng sẵn sàng làm tất cả để bắt cô khai. Cô không nên biết gì hết. Vì thế Vango lại nén niềm khao khát muốn ào vào ngôi nhà trắng, nhào tới vòng tay của cô bảo mẫu.

Sáng nào cũng thế, treo mình trên tấm lưới, đầu lẩn trong đám mây mù, cậu bồi hồi ngắm nhìn hòn đảo Salina. Rồi sau đó cậu mới lần từng mắt lưới xuống đất làm công việc của mình.

Vango bắt đầu tháo dây ra khỏi cột. Năm tấm lưới khổng lồ này đêm nào cũng được chằng lên đỉnh hòn đảo tu viện. Đây là sáng kiến của Zefiro. Bí mật về những khu vườn quyến rũ của ông.

Một hôm, hồi mới phát hiện ra hòn đảo, Vango đã hỏi Zefiro lúc trông thấy những cây chanh um tùm.

- Nguồn nước cho tất cả những cây này ở đâu ra, thưa cha?

Zefiro giơ ngón tay lên trời, thoát tiên, Vango tin lời giải thích khó hiểu, trừu tượng đó. Nhưng rồi cậu nhanh chóng hiểu rằng Zefiro chỉ đám mây thôi.

Không có nguồn nước trên đảo.

Nước từ những đám mây hằng đêm bám trên đỉnh, thấm chầm chậm vào lớp sợi bông của tấm lưới và chảy đến tận những ống dẫn cung cấp cho các bể ngầm.

Hai nghìn lít nước, mỗi tấm lưới, mỗi ngày. Những trận mưa mùa đông và mùa thu, được hứng cẩn thận, bổ sung thêm cho những bể chứa nước tinh khiết khổng lồ.

Có lẽ, trên cái sa mạc này, nước có đủ cho một đàn cả trăm con bò cái uống thỏa thích.

Vì vậy, khi ra khỏi nhà thờ, mỗi buổi sáng, nhiệm vụ đầu tiên của Vango là hạ những tấm lưới từ trên đỉnh xuống như người ta vãn hạ buồm của một con thuyền.

Sau mười hai tháng, Vango đã mang dáng dấp một tu sĩ vô hình. Tất cả đều ngưỡng mộ khả năng thích nghi quá nhanh của cậu.

Cậu nghiên cứu và cầu kinh như họ. Cậu thích ứng với trật tự tồn tại này, tuân theo từng bước lịch trình mỗi ngày của các tu sĩ.

Trong nhà thờ, giọng cậu hòa cùng giọng mọi người hát thánh ca.

Cậu không nề hà khi phải lao động.

“Bởi lẽ, chỉ khi sống bằng đôi bàn tay, người ta mới thực sự là tu sĩ”, thầy dòng Marco nêu ra nội quy tu viện.

Cậu nỗ lực bắt kịp nhịp độ này.

Từ buổi đầu thời Trung cổ đến nay, bao thế kỷ đã gọt giũa và hoàn chỉnh sự cân bằng này ở các tu viện, đến nỗi người ta có cảm giác trước mặt mình là vẻ đẹp của một hòn đá cuội nghìn năm dưới sóng biển.

Vango yêu biết mấy cảnh bình yên mà mọi người vẫn tưởng cậu đang được hưởng.

Nhưng cậu biết cuộc đời mình là một ảo ảnh. Mặc cho đã nỗ lực hết mình, cậu vẫn không thoát khỏi cơn bão. Những bí ẩn của quá khứ khiến cậu trần trụi từ sáng đến tối, rồi lại từ tối đến sáng. Cậu từ đâu đến? Ai đứng đằng sau cậu?

Cậu không ngủ, cả đêm quỳ gối trên hòn đá trong phòng. Cậu đang cố hiểu. Lời cầu nguyện của cậu là một tiếng kêu âm thầm.

Vậy mà suốt mười năm trời, cậu mơ ước tới sự tồn tại này. Ở tu viện tại Paris, mặc dù bị những bức tường giam hãm, mỗi ngày qua đi, cậu vẫn công nhận sự lựa chọn của mình không chỉ là giấc mơ trẻ con. Mặc cho thái độ ngấp ngừng của Zefiro, cậu vẫn biết con đường ấy là của cậu.

Cậu muốn một cuộc sống không giới hạn. Đối với cậu, cuộc sống đó đang diễn ra ở đây.

Quyết định đến với cậu rất đơn giản khi cậu mười hai tuổi, vào một ngày mưa. Như thể người ta trao cậu vật gì đó rồi nói: “Trông nom nó nhé, tôi sẽ trở lại.”

Vậy mà lúc này cậu chỉ có một mình, vật đó trên tay, cuộc sống vẫn xoay vần, cùng sự bí ẩn và nỗi sợ hãi. Vật đó, cậu thậm chí

chẳng thể bỏ rơi, chôn cất, bỏ đi hoặc chuyển cho người mới đến. Bởi vì trong mắt cậu, nó quan trọng.

Và rồi, có Ethel, một khoảng trời khác luôn ở bên cậu.

Nhiều đêm, hoang mang giữa những khao khát yêu thương và sợ hãi, cậu đã lao mình từ vách đá xuống, đằng sau tu viện. Vango không còn sợ biển nữa. Cậu lao xuống như một chú chim. Cậu ngoi lên mặt nước, ánh trăng phủ màu trắng bạc lên làn da cậu.

Vango đi xuống phía tu viện. Đến gần khu vườn, một mùi hương thực sự tươi mát đang phảng phất. Vậy mà đây đang là những tháng nóng nhất của năm. Cậu vào vườn rau nhô ra phía trên tu viện, bên sườn Nam. Nước chảy trong các rãnh bằng sành, gấn trên bức tường nhỏ cao một mét. Mùi dưa bờ mơn man trên mặt đất, nứt toác dưới ánh nắng mặt trời. Đám bìm bìm trắng thắt nơ trên bờ rào thấp bé bằng cành dẻ. Người ta mong chờ được nhìn thấy Adam và Eva xuất hiện trong khu vườn địa đàng đó. Nhưng sáng hôm ấy, người đàn ông đầu tiên của trái đất lại mặc một chiếc tạp dề đen chật ních và anh ta đang chọn rau xà lách.

Đó là Pippo Troisi.

- À, Vango, đúng là tai họa! Cậu mang giúp tôi vào bếp với. Lũ thỏ của cha đã phá nát đám xà lách trong đêm. Đúng là tai họa, Vango ạ. Chúng đào cả hầm nữa! Không phải lũ gà mái của tôi làm đâu. Có lẽ Zefiro nên quăng lũ thỏ ấy ra biển mới phải...

Vì mọi người đều có thể nghe thấy anh ta nói nên Pippo Troisi không định im lặng. Xung quanh anh ta, các tu sĩ càng im lặng, anh ta càng huyền thuyên. Những cuộc độc thoại của anh ta khiến mọi người thấy vui vui. Vì thế, không tính đến lũ thỏ tội nghiệp, anh ta có

đến bốn mươi đôi tai chỉ dành để lắng nghe anh ta, điều mơ ước của bất kỳ kẻ ba hoa khoác lác nào.

Vango nhận ra khẩu súng sẵn bên cạnh Pippo.

- Hơn nữa, ai lại để thỏ trên đảo cơ chứ. Đó là vấn đề nguyên tắc. Khi nào thì cái ông Zefiro ấy mới hiểu ra chứ? Cậu sẽ thấy, nếu bọn chúng còn mon men đến đám xà lách của tôi, tôi sẽ bắn chúng rồi đem nấu ra gu cho mà xem. Trục tiếp và không ngừng.

Vango cúi xuống nhặt sọt xà lách.

- Hơn nữa, Pippo tiếp tục, cha đang gặp trục trặc hay sao ấy... Sáng nay, có người đến đây đấy! Có người đến đây! Nếu ai cũng được mời đến đây thì tu viện này không còn gì là vô hình nữa rồi! Người ta có thể nói những gì người ta muốn, nhưng nếu bắt đầu bằng một vị khách thì kết thúc sẽ bằng những chuyến tàu hành hương. Trục tiếp và không ngừng. Tôi vẫn nói đấy thôi: cũng như lũ thỏ, đó không phải là vô hình, mà là sự đột nhập!

Anh ta im lặng để mọi người còn nhấm nháp câu châm ngôn.

Vango bỏ đi. Cậu nghe thấy Pippo đang sửa lại những khóm xà lách.

- Vô hình, vô hình... Không, nhưng mà...

Điều buồn cười nhất đó là kẻ duy nhất thực sự đột nhập hòn đảo này chính là Pippo Troisi.

Vango chỉ còn phải đến vườn cây ăn quả, lấy thêm vài loại trái cây bỏ vào sọt. Rồi cậu đến nhà ăn làm bếp cùng Marco, thầy dòng nấu bếp.

Mỗi tuần, cậu làm việc hai ngày trong bếp và tất cả tu sĩ đều chờ đợi những ngày ấy như chờ đón Lễ Phục sinh vậy. Năng khiếu và tay

nghề của Vango, được Cô truyền lại, được mài giũa suốt một năm cậu làm việc trên khí cầu, rồi trong thời gian ở tu viện.

Ở Paris, trước đây, có lần cậu còn chuẩn bị bữa tối ngày thứ Ba ăn thịt cho ba vị giám mục. Cậu đã trở thành một đầu bếp thực thụ.

Vào những ngày Vango nấu nướng, buổi sáng, các vị tu sĩ cứ thơ thẩn đến lạ lùng, họ quanh quẩn gần bếp đọc những cuốn sách về đạo, và hít căng lồng ngực. Trong buổi lễ giữa ngày, mũi họ phập phồng như cánh bướm. Lúc mười hai giờ mười lăm trưa, Zefiro ban phép lành nhanh hơn bao giờ hết, họ cùng ngồi xuống, khăn ăn đeo trước ngực, má ửng hồng và tĩnh tâm cắn ngập món bánh anh đào phủ nấm tổ ong hay món táo nhồi, tùy theo mùa.

Khi rửa bát, họ vẫn còn muốn cạo cháy trong nồi.

Trong bốn mươi ngày ăn chay, thời kỳ nhịn đói và kiêng khem, Vango không vào bếp.

Thầy dòng Marco không hề cảm thấy ganh tị. Anh ta thích cảm giác được chiêm ngưỡng. Anh ta ngồi trên chiếc ghế bành gần Vango, kính trên trán và cứ nhìn cậu, như những nhạc sĩ vĩ đại nhất thành phố Vienne, hai thế kỷ trước, ngồi sau cậu bé Mozart nhìn ngắm đôi bàn tay cậu lướt trên phím đàn dương cầm.

Vango vào vườn cây ăn quả. Những cái cây còn trẻ khỏe nhưng đã còng lưng vì đám hoa trái. Các tu sĩ không thể theo kịp. Tất cả những món nước hầm thịt, hoa quả nghiền, mút quả, mút quả nghiền, bánh kem mút, kẹo thơm, mút các loại, tất cả hũ lọ, kẹo hay rượu đều không đủ để tiêu thụ hết trái cây thu hoạch.

Hai lần rồi, Vango bí mật bỏ lại một giỏ đầy trước ngưỡng cửa nhà Cô. Ngày hôm sau, dỗi về nơi ấy, cậu cố gắng ngủ, qua eo biển chia cách Cô và cậu, mùi si rô cô om cùng húng tây.

Vango bắt đầu nhặt anh đào. Chúng lọt qua sọt, vì thế cậu tìm những chiếc lá to rộng để lót đáy sọt. Nhưng khi lại gần cụm cây vả, cậu nghe thấy tiếng nói.

Zefiro đang ở gần những tổ ong của ông, sau cái cây. Vango nhìn thấy ông qua đám cành lá. Ông đang nói chuyện. Giọng ông bị chiếc mặt nạ thợ ong ông đang đeo cản bớt. Đó là một chiếc mũ có lưới sắt bảo vệ ông trước lũ ong. Một người khác đang đứng với ông, cũng được trang bị như thế nhưng vì ông ta thấp hơn nên tấm lưới sắt sẽ xuống ngực.

- Công lý cần ông lần cuối cùng này thôi. Khi nào hắn bị bỏ tù, chúng tôi sẽ để ông yên.

Vango nằm xuống mặt cỏ. Cậu nhận ra cái giọng đang nói tiếng Pháp này. Dường như không thể tin nổi.

- Hãy tỏ ra biết điều, người đàn ông nhỏ thó vẫn khuyên nhủ.
- Ông biết tôi không thể làm gì khác ngoài việc tuân theo mệnh lệnh, Zefiro nói. Ông ép tôi bằng bằng cái thói thô lỗ của ông...
- Đừng cáu, đức cha, người đàn ông bình tĩnh trả lời.
- Lần trước, ở Paris, ông thậm chí còn chẳng tóm được hắn.

Cảnh sát trưởng Boulard không trả lời. Mồ hôi nhễ nhại dưới lớp mặt nạ của ông ta. Bộ quần áo đi đường quá dày so với thời tiết nơi này.

- Ông yêu cầu người khác đi, Zefiro nói.
- Không ai biết hắn như ông cả. Tôi xin hứa mạng sống của ông sẽ không gặp nguy hiểm gì.

Zefiro phát cáu.

- Tôi đang đánh liều nhiều thứ còn hơn cả mạng sống của mình đấy, ông quát. Tôi đâu có thêm bận tâm đến mạng sống của mình.

Boulard biết ông không nói dối.

- Thì sao? cảnh sát trưởng hỏi. Vậy thì nhất trí nhé?

Zefiro tháo mặt nạ ra và lũ ong bắt đầu nhảy múa quanh khuôn mặt ông chủ. Boulard lùi một bước.

- Ông là một kẻ thô thiển, cảnh sát trưởng ạ, Zefiro nói.

- Đồng ý hả?

Lần này, Vango nghe thấy câu trả lời rõ ràng và quả quyết.

- Đồng ý.

- Vậy thì, ông sẽ có mọi chỉ dẫn, Boulard vừa nói vừa bước đi. Tôi đi đây. Tôi sẽ gặp ông ở đó. Ông hãy nhớ là trước cuối tháng này nhé. Chúc may mắn, đức cha.

Zefiro còn lại một mình.

Ông ngồi thụp xuống gần tổ ong, nhìn những con ong thợ bay lên bắt hơi ở cửa lỗ rồi mới đi làm công việc của chúng, mỗi con một hướng. Những con khác trở về, đôi chút loạng choạng, như những người công nhân làm ca đêm kết thúc ngày làm việc khi những người khác bắt đầu.

Zefiro có lẽ đã ở lại đó suy nghĩ hàng giờ liền, nhưng khi ngược mắt lên, ông phát hiện ra một nòng súng đang chĩa về phía mình.

- Con làm gì đấy, Vango?

- Cầm động đây. Tôi sẽ không thương hại ông đâu.

- Hạ súng xuống.

- Ông biết gì về tôi? Hãy nói tôi nghe tất cả những gì ông biết.

- Con đang nói gì đấy?

Trong khi chờ câu trả lời của Zefiro, Vango chạy về phía vườn rau. Pippo Troisi quay lưng lại phía cậu. Anh ta cúi gập người, mũi gần như cắm đất. Anh ta đang nhổ cỏ dại quanh đám actisô và tiếp tục lẩm bẩm:

- Vô hình, vô hình... Vậy còn cái đít mình, nó có vô hình không nhỉ?

Thật sự mà nói, giữa mấy khóm rau diếp và cải bắp, mọi người chỉ trông thấy mỗi anh ta.

Vango nhặt khẩu súng lên mà không bị anh ta phát hiện rồi quay trở lại vườn cây ăn quả.

Cậu kiểm tra đạn trước khi chĩa vũ khí về phía Zefiro.

- Nói cho tôi những gì ông biết rồi tôi sẽ biến khỏi nơi này.

- Ta chẳng biết gì về con cả, vị linh mục nói. Ta muốn giúp con, nhưng ta không biết gì hết. Con có bao giờ kể gì cho ta nghe đâu.

- Ông nói dối. Cảnh sát trưởng nói ông biết tất cả về cuộc đời tôi.

Zefiro nhòe dậy. Vango lên cò súng.

- Không được động dậy, cậu nói.

- Con ở đó lúc ta nói chuyện với cảnh sát trưởng à?

Zefiro tiến về phía cậu bé, cậu không lùi bước.

- Con nhầm rồi, Vango, con không hiểu rõ.

- Tôi báo trước là tôi sẽ bắn đấy.

- Nếu con nghe rõ, con phải biết lúc này ta chẳng còn thiết đến mạng sống của mình nữa.

- Tôi nói ông đừng có động đây, cậu ra lệnh lần nữa.

- Nhưng ta lại quan tâm đến mạng sống của con, Vango. Vậy nên hãy hạ vũ khí xuống, con không biết cuộc đời một kẻ giết người sẽ như thế nào đâu.

- Có chứ. Tôi biết.

Họ nhìn nhau chăm chăm.

- Hạ vũ khí xuống.

- Tôi đang bảo vệ cuộc đời tôi, Vango nói, cậu lên cò khẩu súng săn lần thứ hai.

Người ta nghe thấy tiếng vo ve đầy lo lắng của lũ ong.

- Không được bước về phía tôi, Vango lo lắng.

Ngón tay cậu run rẩy trên cò súng.

Chưa đầy một giây, khẩu súng đã đổi chủ.

Cánh tay Zefiro quặp lấy nòng súng, giật mạnh và chĩa nó sang hướng khác. Đồng thời, một cú xoạc chân rộng khiến Vango ngã vật xuống đất.

20

PHỐ THIÊN ĐƯỜNG

Zefiro rút đạn ra khỏi súng, cất chúng vào túi chiếc áo dài màu nâu của mình rồi vút vũ khí lên cò.

Trước mặt ông, Vango vẫn quần quai trên đất. Cậu cố gắng ngẩng đầu lên, chống khuỷu tay. Mặt trời chói chang rọi vào mặt cậu.

Linh mục không nhìn cậu. Ông nhặt một quả vả phía sau mình, ngồi xuống gốc cây và khi cắm ngón tay cái vào sâu trong lớp thịt quả màu đỏ, ông bắt đầu nói.

“Nghe ta này, Vango. Ta sẽ kể con nghe một câu chuyện.

Con sẽ hiểu tất cả nếu con nghe hết câu chuyện này.

Năm ba mươi tuổi, ta là cha tuyên úy chiến trường trong quân đội Pháp.

Cũng khá tình cờ.

Năm 1914, khi ta đang là tu sĩ, ở miền Tây nước Pháp, thì chiến tranh nổ ra. Trước đó hai năm, ta được giao quản lý khu vườn tu viện, ở cuối một hòn đảo ngoài khơi. Ta từng bị hai tu viện Ý từ chối rồi mới đặt chân lên nơi ấy. Người ta dành riêng cho ta một chỗ trong cộng đồng gồm năm mươi nữ tu. Người đàn ông duy nhất bên cạnh những bà xơ. Ta thật hạnh phúc trong khu vườn của mình. Ta là một

tu sĩ không thể thuần hóa nhưng là tu sĩ và ta không muốn cuộc sống nào khác ngoài cuộc sống đó. Ta thường làm việc cùng nông dân vùng đầm lầy. Ta là bạn của thợ xay bột, thợ làm muối, của tất cả đám thủy thủ trên cảng. Ta có một khu vườn đẹp nhất Đại Tây Dương.

Đầu tháng Chín năm 1914, tất cả thanh niên trên đảo đều lên đường ra trận. Đức xâm chiếm Bỉ. Nước Pháp lâm chiến.

Ta cùng độ tuổi với họ, ta cũng muốn theo họ.

Đấng bề trên của tu viện là mẹ Elisabeth. Bà cho phép ta đi. Bà tin rằng như vậy có thể giúp ta dạn dày hơn.

Ta đi tàu đến Challans. Ta gặp giám mục tại Paris. Ta nói trước với giám mục chuyện ta là người Ý. Ông đáp đó không phải là tội lỗi.

Ông cần những người đàn ông, vậy nên ông chọn ta.

Người ta cứ ngỡ chiến tranh xảy ra nhanh thôi và ta còn nghĩ sẽ được ở Rome vào hè năm sau để nghỉ vài ngày, leo lên các ngọn đồi, dạo chơi giữa vườn cam của villa Bonaparte, nơi có những người bạn của ta. Ta còn mong được trở lại tu viện Trắng, nhìn ra đại dương, giữa đám sồi xanh biếc, tiếng cầu kinh và những cánh đồng khoai tây.

Vậy mà hai năm sau, chiến tranh vẫn dai dẳng trong những đường hào Verdun, ở Lorraine. Và ta cầu nguyện cho các tử thi nhiều hơn cho các chiến binh. Mọi người sống dưới lòng đất, với đạn pháo rơi xuống như mưa lẫn vào bùn đất, dịch bệnh lan tràn, còn đàn ông thì râu ria lồm xồm, già đi cả trăm tuổi, gào khóc như trẻ con.

Ta trở thành cha tuyên úy của lũ chuột.

Khi làm lễ trong đường hào, ta không biết liệu cánh tay của một trong số những con chiên kia có bị lựu đạn cắt đứt lìa trước khi làm

dấu thánh giá lần cuối cùng hay không. Chiến tranh như vậy đó, Vango.

Ngày 15 tháng Tám, đường hào nơi ta trú ẩn bị bom bịt kín. Bịt kín, Vango à, con có hiểu không? Cả tiểu đoàn của ta biến mất. Ta thoát nạn. Ta đi cùng một bác sĩ trẻ mà ta rất quý. Anh ấy tên là Esquirol. Anh ấy vác trên vai một người lính da đen, Joseph, lính biệt kích, bụng bị đạn pháo xé rách. Chiến tranh là vậy đó, Vango.

Có một khu rừng nhỏ gần làng Falbas, một bãi rừng trống ở giữa, với một cây sồi cổ thụ năm trăm tuổi.

Cả ba chúng ta dừng lại.

Trên cành cây, một chiếc máy bay đầu vắt vèo trông như đồ chơi trẻ con. Máy bay của Đức. Phần cánh thậm chí không hề bị vỡ. Ta leo lên cây để xem tay phi công còn sống không. Hắn không ở đó nhưng động cơ hãy còn ấm.

Bác sĩ đặt cậu lính biệt kích Joseph xuống mặt cỏ. Trời rất đẹp. Những tiếng nổ dường như xa xăm. Esquirol lấy đồ nghề ra để khâu cho anh lính.

Nửa giờ sau, Joseph ngất lịm dưới chân bọn ta. Cậu ấy đã được cứu. Ta và Esquirol đưa cậu ấy lại nơi có bóng mát. Bọn ta nằm xuống ngủ cách đó hai mươi bước chân.

Một gã đánh thức bọn ta dậy. Đó là một sĩ quan Đức trong bộ đồng phục không quân, phi công của chiếc máy bay nằm trên cái cây kia. Hắn giơ súng vào từng người bọn ta. Hắn không nhìn thấy Joseph.

Tên người Đức bị thương. Đùi hắn mở ngoác ngay trên đầu gối.

- Tên này, mày là bác sĩ, hắn nói với Esquirol bằng tiếng Pháp. Hãy chữa trị cho tao.

- Vứt vũ khí đi.

- Không.

Esquirol lau dụng cụ. Anh ấy phẫu thuật chân cho tên phi công, trong khi vẫn cảm nhận được nòng súng đang gí vào trán mình. Chiến tranh giống như vậy đó, Vango.

Nhưng nhờ Esquirol, tên người Đức nhanh chóng đứng lên được.

Buổi tối, chính cậu lính Joseph, vòng từ đằng sau, đã tay không trấn được vũ khí của tên người Đức. Cậu ấy, Joseph Puppet, có nắm đấm cứng như đạn pháo, sau chiến tranh, cậu ấy có sử dụng đến nó. Cậu ấy từng đấu quyền Anh với những đối thủ nặng ký nhất.

Bốn người chúng ta đã gặp nhau như vậy đó, một người Đức, một người Bồ Biển Ngà, một người Ý mặc chiếc áo thầy tu đi chiến đấu và một bác sĩ người Pháp, nằm dài dưới cây sồi, ngốc nghếch, mệt mỏi, nửa què cụt, không biết điều gì đã dẫn họ tới đây và không biết sẽ làm gì tiếp.

Đêm đến, một người đã mạnh dạn mở mồm. Đó là tay sĩ quan người Đức. Hắn tên là Mann. Werner Mann. Hắn nói tiếng Pháp rất chuẩn.

- Tôi tìm một con phố ở Paris sau cửa ô Saint-Denis, các anh có biết không?

Không ai trả lời.

- Con phố có một quán cà phê nhỏ tên là Nhà Jojo.

Câu hỏi dường như rơi xuống từ hành tinh khác. Một hành tinh với những quầy hàng bằng đồng bóng loáng và thơm mùi cà phê

xay, nơi anh chàng Jojo có thể vừa nói chuyện về thời tiết đẹp cùng khách, vừa lau chùi những chiếc tách.

- Nhà Jojo, phố Thiên Đường, Esquirol buột miệng.

- Đúng rồi. Đúng đấy. Phố Thiên Đường.

Không còn nghe thấy tiếng ồn ào của trận địa nữa. Mann và Esquirol im lặng hồi lâu. Nhưng vì không ai ngủ được nên Werner Mann lại tiếp tục:

- Trong con phố đó, có một cô gái bán hoa. Khi đến học ở Paris, tôi thuê một căn phòng trên phố Xanh, ngay bên cạnh và tôi rất quý cô gái ấy. Có ai ở đây biết cô ấy không?

Con người là vậy đó. Nếu bạn sinh ra ở New York và bạn đang đi đâu đó rất xa, người ta sẽ hỏi bạn xem có quen một anh chàng Mike tóc vàng nào đó, cũng sống ở New York không. Và người ta sẽ hỏi bạn tin tức của anh ta...

Esquirol lại có vẻ muốn nói gì đó. Ta nghĩ anh ấy đang tự hỏi liệu luật pháp có cho phép anh ấy nói chuyện với một người Đức về một cô gái bán hoa cạnh Nhà Jojo không.

Đàn ông còn chết dưới họng súng vì những điều còn con hơn thế. Người ta gọi đó là “kết thân với kẻ thù”. Đó là một trọng tội.

Vì thế anh ấy định giữ im lặng, nhưng sau ba mươi phút, Esquirol không thể giữ miệng được nữa:

- Cô gái ấy, cô ấy tên là Violette.

Chính nhờ những từ đó, nhờ có Violette, tất cả đã thay đổi.

Trong chốc lát, dường như cả bốn bọn ta đều cảm thấy sự phi lý của chiến tranh. Nếu những người lính có thể gặp nhau ngay sát chiến trường bị cày xới như nghĩa địa, và cùng chia sẻ một ký ức

nhẹ nhàng, thoáng qua như gương mặt của một cô gái, thì mọi thứ đều có thể.

Chiến tranh không phải là định mệnh.

Chúng ta đã nói chuyện suốt đêm.

Đến sáng, kế hoạch Violette ra đời.

Mỗi người trở lại với chiến tuyến của mình. Mann về phe Đức, còn bọn ta về phe Pháp. Bọn ta đã đi hết chiến tranh với vai trò là những người lính, không hề gặp lại nhau. Và khi hòa bình được chính thức tuyên bố, ngày 11 tháng Mười một năm 1918, ta trở lại tu viện Trắng của mình trên đảo Noirmoutier.

Ta trở nên quá yếu đuối, Vango ạ, quá sốc bởi những năm tháng ở chiến trường, đến nỗi đêm đêm, tiếng sóng sau tu viện làm ta hoảng sợ y như tiếng súng đại bác. Rồi ta dần dần bình phục. Những nữ tu tốt bụng làm bánh hồ đào phết bơ mặn cho ta ăn.

Trước Giáng sinh năm 1918, hãy còn mất cân bằng một chút, ta xin phép nghỉ ba ngày đi Paris. Mẹ Elisabeth để ta đi.

Vậy nên tối 25 tháng Mười hai, ta mới trở lại phố Thiên Đường, bước đi trong tuyết lạnh. Ta đến Nhà Jojo sớm hơn giờ hẹn một chút.

Hai năm trước đó, trong bãi rừng trống Verdun, bọn ta đã hẹn nhau đến nơi này. Đó sẽ là Giáng sinh đầu tiên sau khi chiến tranh kết thúc, bọn ta còn chưa biết năm nào, trong quán cà phê mà nhờ đó, mọi chuyện bắt đầu.

Nhà Jojo, phố Thiên Đường.

Joseph Puppet đến đầu tiên, cậu ấy ăn mặc như hoàng tử với chiếc áo gi lê bằng lụa bên trong lớp áo vest.

Ta huyết sáo gọi. Cậu ấy nhìn bộ quần áo thời Trung cổ của ta. Cậu ấy cười ồm ồm nói với ta rằng nếu vẫn còn đang tìm kiếm thì khỏi đi, cậu ấy vẫn may tại tiệm Michel gần chợ Le Carreau du Temple^[4].

Bọn ta ôm chầm lấy nhau.

Người đàn ông bên cạnh chìa ra một tờ báo.

- Đây có phải ông không?

Anh ta chỉ bức ảnh bên dưới, trang nhất.

Chính là cậu ấy, J.J. Puppet, mới hôm qua vừa hạ knock-out Kid Jackson, nhà vô Liverpool, tại vòng bảy.

Joseph vừa cười vừa ký lên bức ảnh.

Esquirol cũng đã đến. Anh ấy ôm bọn ta. Ta khó mà nhận ra anh ấy với chiếc áo khoác len cổ dựng và chiếc mũ màu ghi.

Và từng người kể về những tháng cuối cùng của mình trong chiến tranh.

Esquirol nhìn đồng hồ liên tục. Mann không đến. Joseph cố đùa:

- Hắn đang trong vòng tay cô nàng Violette rồi, trên phố bên cạnh kia, chắc chắn đấy. Hắn chẳng muốn ghé qua thăm cô ấy còn gì, hắn sẽ đến thôi.

Nhưng tất cả đều biết điều đó có nghĩa gì.

Hắn không đến.

Một người đàn ông đến thay hắn. Ông ấy chừng bốn mươi lăm tuổi. Ông ấy từng là sĩ quan huấn luyện Mann.

Máy bay của Mann bốc cháy vào ngày cuối cùng của cuộc chiến. Ngày hôm sau, hắn chết vì bỏng quá nặng, ngay cạnh người đàn ông ấy.

Bọn ta suy sụp. Người bạn của bọn ta đã chết.

Kế hoạch Violette đã giúp ta đứng vững trong chiến tranh. Chẳng gì có thể đứng vững nếu không có một người Đức trong bọn ta.

Người đàn ông nói:

- Werner đề nghị tôi thay cậu ấy. Nếu các anh muốn, tôi sẽ đồng hành cùng các anh. Tôi tên là Hugo Eckener.

Một chút ngờ vực dấy lên trong chúng ta.

Ta nhìn Eckener vẫn chưa cởi chiếc mũ bon nê dính đầy tuyết ra. Esquirol là người đầu tiên bắt tay ông ấy rồi nói:

- *Willkommen...* Xin chào mừng...

Bọn ta ở lại quán Nhà Jojo đến tận đêm.

Khi chỉ còn một mình trên phố, ta nghĩ đến Mann. Ta muốn ghé thăm cửa hàng của Violette. Tăm ri đô đóng kín. Ta hỏi người gác cổng cô bán hoa dạo này ra sao. Ông ta bảo cô ấy chết vì bệnh lao hồi trước mùa thu rồi.

Đúng, Joseph có lý. Mann đang trong vòng tay của Violette, ở một nơi nào đó...”

Vango lắng nghe. Cậu từ từ lết dưới cây vả để có thể gượng dậy trong bóng râm.

Cậu không thấy mối liên hệ giữa câu chuyện và sự có mặt của viên cảnh sát trưởng người Pháp trên đảo Arkudah hơn mười lăm năm sau những sự kiện ấy. Nhưng cậu xúc động. Bỗng nhiên, cậu hiểu rõ hơn chiến tranh là gì. Cậu mới chỉ biết đến nó qua những tượng đài đầy hoa, những huân huy chương, những người phụ nữ

mất đi đứa con trai duy nhất, những hồi trống vang lên mỗi năm một lần, những người đàn ông mất một tay hoặc một chân.

Chiến tranh... Những ký ức của Zefiro đã đập thịt, đập máu cho cụm từ ấy.

“Bọn ta gặp lại nhau hai tháng sau đó.

Về kế hoạch Violette, tất cả đều bắt đầu rất tệ.

Đó là một ý tưởng trẻ con nhất thời, một kế hoạch đơn giản và ngây thơ... Nó chứa đựng trong hai từ: chấm dứt. Chống chiến tranh trước khi nó bắt đầu. Tấn công vào gốc rễ trước khi nó trỗi lên mặt đất. Chỉ còn việc thực hiện kế hoạch ấy.

Vậy mà có chuyện gì đó đang xảy ra. Đầu con rồng lại mọc lên đúng cái nơi người ta vừa cắt nó đi. Những kẻ buôn bán vũ khí và một số kẻ khác hoan hỉ. Ngay đầu năm 1919, nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh tiếp theo hiển hiện trước mắt chúng ta. Hiệp ước sắp ký tại Versailles như lời mời cho những trận chiến khác. Hình phạt đối với Đức quá nặng, đến nỗi nảy sinh thù hận và ý muốn trả thù.

Hugo Eckener giúp bọn ta đánh giá tình hình. Ông ấy chỉ cho bọn ta trên bản đồ những đường biên giới mới trông giống như ruộng mìn. Bọn ta thậm chí chẳng kịp phản ứng. Bốn gã ngây ngô thì có thể làm được gì trước cỗ máy chiến tranh ấy cơ chứ?

Kế hoạch Violette sẽ chết yểu thôi.

Bọn ta viết thư hoặc viết xã luận cho các tờ báo, gập gờ nghị sĩ, họ cười và coi chúng ta như những kẻ theo chủ nghĩa hòa bình nguy hiểm.

Ta còn nhớ là Puppet muốn thuyết trình vào cuối trận thắng lợi của cậu ấy, nhưng những tiếng kêu gào của đám đông át hết giọng cậu ấy. Esquirol ngồi xem ở hàng ghế đầu bảo cậu ấy thôi đi. Lúc nào cũng vậy, công chúng tung hô nhà vô địch, không để anh ta nói nổi một lời. Ngày hôm đó, khi nhìn những bức ảnh trên báo, tất cả mọi người cứ ngỡ cậu ấy đang khóc vì sung sướng.”

Zefiro ngừng kể chuyện một lúc. Ai không lưu luyến cái ngày phải từ bỏ giấc mơ đẹp nhất đời mình chứ? Ông kể đoạn sau như đang đọc cáo phó.

“Giáng sinh 1919, quây quần bên suất sô cô la nóng tại quán Nhà Jojo, kế hoạch Violette bị chôn vùi bởi ba phiếu chống và một phiếu thuận.

Một cơn gió lạnh buốt thổi vào Paris. Hugo Eckener, với chiếc mũ lông thú không vành, trông như một con gấu bắc cực đang ủ rũ trên ghế. Ta đấu tranh mất mấy phút, rồi bảo ta còn niềm tin vào kế hoạch đó và ta có một phương án hãn hoi.

Ngày hôm đó, bọn ta hầu như không dám nhìn nhau. Esquirol vừa mở một phòng khám rất đẹp ở Paris. Eckener đã an cư bên bờ hồ Constance. J.J. Puppet vừa đấm vỡ mũi Joe Beckett một cách tài tình. Còn ta, trở thành thầy tu dạn dày đúng như người ta muốn, tên ta được nhắc đến trên thánh đường Saint-Père ở Rome.

Bốn người cùng nhìn suất sô cô la. Joseph nhìn đồng hồ. Bọn ta tạm biệt nhau. Ta nghĩ đến lời phán đoán của Mann về cả bốn người. Bọn ta đi bộ cùng nhau một lát, trên phố Thiên Đường. Và khi ngang

qua cửa hàng ngũ kim thay thế cửa hàng hoa của Violette xinh đẹp, ta thấy Esquirol, xấu hổ, đi sang vỉa hè bên kia.

Có thể chính vì nhìn thấy thế mà ta quyết định không từ bỏ gì cả. Ta đơn độc tiến hành kế hoạch. Ta lần theo manh mối tìm được và mười một tháng sau, ta trở thành linh mục nghe xưng tội của Voloï Viktor, một kẻ buôn lậu vũ khí và làm việc cho những thế lực xuất khẩu chiến tranh xấu xa nhất.

Châu Âu và toàn thế giới làm ra vẻ truy lùng hắn nhưng vẫn ký hợp đồng làm ăn với hắn.

Hắn thay đổi danh tính ba tháng một lần, thay hình đổi dạng và quốc tịch. Hắn từng là quý tộc Anh, thương gia Tây Ban Nha, giám đốc rạp xiếc và thậm chí, như người ta nói, một nữ ca sĩ hạng sao tại một phòng trà ở Istanbul. Nhiều người cho rằng hắn không tồn tại.

Viktor chỉ có một nỗi sợ: bị thiêu dưới địa ngục sau khi chết. Vì thế hắn tìm một linh mục nghe xưng tội để trấn an hắn. Ta giúp hắn là để tiếp cận hắn.

Hắn hẹn ta trong những nhà thờ vắng vẻ, thường thì mỗi lần một nơi, ở một gác chuông trên núi tại Ý hay ở một nhà thờ trên vùng núi Alpilles nước Pháp. Hắn đến một mình.

Thời gian đó, Voloï Viktor chừng hai lăm, ba mươi tuổi gì đó. Hắn gần như rất khó bị nhận diện. Hắn nói với thứ giọng trẻ con ngoan ngoãn. Hắn phàn nàn về một ông chủ lớn mà hắn gọi là Lão già. Hắn nói Lão già quá tàn nhẫn với hắn và hắn sợ lão. Hắn huyền thuyên.

Hắn chỉ tiết lộ với ta những tội lỗi nhỏ nhất: một con ruồi bị hắn dìm chết trong mật ong lúc ăn sáng, một từ bậy bạ hắn lỡ mồm. “Cha ơi, con thật độc ác, vừa nói hắn vừa đánh vào ngực mình.”

Hắn bật khóc, bấu tay vào chấn song phòng xưng tội. Ta làm ra vẻ từ bi khi nghe hắn nói nhưng bên trong ta, nổi tức giận dâng trào.

Ta chuẩn bị phương án của mình.

Tháng Mười một năm 1920, ta viết thư cho Esquirol. Ta đề nghị anh ấy báo cho cảnh sát trưởng Boulard, ở Quai des Orfèvres, rằng năm ngày nữa, Voloï Viktor sẽ có mặt tại nhà thờ Saint-Marguerite, ngoại ô Saint-Antoine, lúc ba giờ chiều.

Họ không thể để hắn thoát.

Một trăm người đã được huy động. Các phố được rải quân theo chiến thuật bàn cờ, đến tận ngục Bastille. Có cả lính bắn tỉa trên mái nhà.

Ba giờ mười lăm, ta xá tội cho Voloï Viktor xong, và hắn đi ra. Sau mỗi cây cột là một cảnh sát. Nhà thờ bị bao vây. Nhưng họ không tóm được hắn. Đúng thế, Vango ạ, họ đã để hắn thoát.

Kể từ ngày đó, Voloï Viktor treo giải thưởng để tiêu diệt ta. Những kẻ buôn lậu muốn ta chết. Bọn chúng sẵn sàng trả rất đắt cho cái mạng của ta.

Ta không có cơ hội nào thoát được chúng.

Ta đi bộ qua những dãy núi đến Rome, ta đề nghị được tiếp kiến Đức Giáo hoàng.

Và ngày hôm sau, báo chí Pháp và Ý đăng trên nền đen cáo phó thông báo cái chết của cha Zefiro, linh mục, thầy tu, thợ làm vườn, thợ nuôi ong, chết ở tuổi ba mươi bảy. Lễ an táng sẽ diễn ra trong phạm vi thân tình. Không hoa, không vòng hoa.

Cái ngày an táng ấy, trong khi Puppet, Esquirol và Eckener cùng vài tu sĩ nữa khiêng một chiếc quan tài nhẹ tênh thì ta đặt chân lên

hòn đảo Alicudi nhỏ bé này, ta đã đặt lại cho nó cái tên Ả Rập cũ: Arkudah.

Ta dựng lên tu viện để tiếp tục sống. Và đối với phần còn lại của thế giới, ta đã chết.

Ngay cả Joseph và Esquirol cũng không biết vị trí của tu viện. Ta chỉ cho mỗi Eckener biết. Chắc chắn chính ông ấy đã chỉ cho Boulard đến gặp ta...”

- Còn những người khác?

- Ai?

- Thầy dòng John, Marco, Pierre, tất cả những thầy tu khác của tu viện thì sao? Vango hỏi. Họ ở đâu ra?

- Những người ở đây, với chúng ta, là những tu sĩ có lý do chính đáng để ở đây. Họ đến từ khắp nơi.

Rồi Zefiro bắt đầu kể những câu chuyện của họ. Câu chuyện của những con người sống cùng Vango hằng ngày, câu chuyện của thế kỷ họ đang sống.

Một số tu sĩ thoát khỏi chế độ phát xít của Mussolini, số khác thoát khỏi chế độ của Hitler hay của Staline ở Mátxcova. Có những người là kẻ thù của tất cả bọn mafia, là gián điệp, là người hoàn lương. Thậm chí có cả hai tu sĩ Cơ Đốc giáo từng đương đầu với đàn chó sói vùng Siberi sau khi thoát khỏi một trại cải tạo. Họ đến gần một tu viện của các nhà tu khổ hạnh trong rừng ở Phần Lan, giải thích tình cảnh của họ. Người ta lắng nghe chuyện của họ rồi chỉ đường cho họ đến thiên đường nhỏ của Zefiro, nơi họ vẫn hành đạo của mình, đồng thời sống cùng tất cả các tu sĩ khác.

Một số người thoát khỏi địa ngục trần gian Lipari, hòn đảo kế bên, nơi giam giữ những phần tử đối lập của chính quyền phát xít.

Một người nữa, John Mulligan, là linh mục người Alien, từng rửa tội cho con trai của Al Capone, ông trùm mafia Chicago. Trong phòng làm việc của Al Capone, Mulligan đã phát hiện ra một chi tiết không nên thấy: hai cái xác được bọc trong khăn trải bàn kẻ sọc ca rô đỏ trắng. Ông bị buộc phải mất tích.

- Tất cả thầy dòng ở đây đều không còn tồn tại với thế giới bên ngoài hòn đảo này, Zefiro kết luận. Tất cả họ đều chết hoặc mất tích. Vậy nên chúng ta mới gọi là tu viện vô hình. Đây là nơi trú ẩn của những bóng ma.

Vị linh mục xúc động. Ông khẽ lắc đầu.

- Đúng, những bóng ma.

Ông nhìn Vango.

Còn cậu bé? Thực sự cậu ấy là ai? Cậu ấy đang chạy trốn điều gì?

Mặt trời đã lên cao. Cây và tỏa mùi đường ngòn ngọt phía trên họ.

- Thế còn Boulard, sáng nay? cuối cùng Vango hỏi.

- Boulard đến báo ông ta đang giữ một tên Voloï Viktor nào đó, hắn bị bắt tại biên giới Tây Ban Nha. Ta phải đi Paris để nhận diện hắn. Không thể lột mặt nạ của con người này trên ảnh được. Hắn là một con tắc kè. Nhưng ta sẽ nhận ra được dù chỉ là động tác nhỏ nhất của hắn. Ta chỉ cách hắn có hai mươi xăng ti mét khi ta gặp hắn ở các nhà thờ.

- Cha đi Paris ư? Vango hỏi.

- Đúng. Ta chắc chắn đó không phải là hắn.

Vango quay về phía Zefiro.

- Đó là một cái bẫy để khích ta ra khỏi hang đây mà, linh mục giải thích. Viktor muốn xác minh là ta vẫn còn sống. Hắn muốn ta chết.

- Vậy cha đến đó làm gì?

- Vì nếu ta không đi, Boulard đã thề sẽ đưa quân đến tìm bắt ta vì tội không tố giác tội phạm, thông đồng với kẻ gian và tòng phạm buôn bán vũ khí, với tư cách là bạn và cha nghe xưng tội của Viktor trong hai năm 1919 và 1920. Nếu cảnh sát đến đây, tất cả các thầy dòng cũng sẽ mất mạng như ta.

Cả hai im lặng và lũ ong cũng thế.

- Còn con, Vango? Sao con biết cảnh sát trưởng Boulard? Con sợ gì ông ta?

Cậu cũng muốn được kể về cuộc đời mình như Zefiro. Một cuộc đời anh hùng trong đó mọi thứ đều có thật, ngay cả những vùng tối cũng có thể được soi sáng bằng vài từ ngữ.

Nhưng nếu có thể kể ra được, câu chuyện của Vango sẽ rơi tòm như những bó đuốc rơi xuống một cái giếng không đáy.

Zefiro chìa tay ra đỡ cậu dậy.

- Tạm biệt nhé, Vango. Ta đi đây. Ta sẽ sớm quay lại.

- Con đi với cha.

21

ROMEO VÀ JULIET

Paris, tháng Bảy năm 1935

- Nàng vẫn yêu ta một chút chứ, dù thế nào đi nữa?

Thomas Cameron ngồi cạnh Ethel trong một lô ghế bọc nhung đỏ. Rạp hát kín chỗ và ồn ào. Trời nóng. Phía dưới, sau khoang nhạc công, quạt phe phẩy.

Một mùa hè nóng nực đang bao trùm cả Paris. Trong phòng, đàn ông xắn tay áo và cởi khuy áo gi lê. Phụ nữ để vai trần. Người ta cứ ngỡ như đang ở dưới rặng liễu bên bờ sông Mame chứ không phải trong cái vẻ uy nghi của nhà hát.

Ethel nhoài người ra ban công để không bỏ sót lời nào trong vở kịch.

Cách đó vài mét, một nhóm người nước ngoài hơi ồn ào. Phía bên kia, trong cái lô đã được khéo léo chọn lựa để có thể quan sát mà không gây phiền hà, ông bà Cameron đang giành nhau cái ống nhòm cố quan sát đôi trai gái.

- Nó đang nói với cô ấy kìa, nhìn mà xem! Cô ấy đã nhận hoa rồi kìa! Lady Cameron nói, đỏ mặt vì phấn khích.

Chỉ mỗi Ethel quan tâm đến những gì đang diễn ra trên sân khấu.

Đó là hồi thứ hai của vở *Romeo và Juliet*.

Romeo vừa bước vào khu vườn của gia đình kẻ thù, khu vườn nhà Juliet. Người ta chỉ nhìn thấy đôi mắt của chàng Romeo đẹp trai trong bóng tối. Lũ ve sầu kêu rền rĩ trong những chiếc lồng bé xíu treo ngoài hậu trường. Và lần này, Juliet không phải do một diễn viên ba mươi tuổi già cằng đóng nữa. Nàng có mái tóc đen buông xõa lên cây hoa nhài bên cửa sổ.

- Dù thế nào đi nữa, em cũng yêu tôi một chút chứ? Thomas hỏi lại vào tai Ethel, đồng thời hơi thay đổi trật tự các từ để ám chỉ điều gì đó.

Ethel đặt ngón tay trước miệng để ra hiệu anh nói nhỏ thôi. Nhưng chàng Tom tội nghiệp đã nói rất bé rồi, bằng một giọng run run.

Anh ta nhắc lại lần nữa, gần như không thể nghe thấy:

- Ethel?

- Vâng, Tom, cô thì thảo cho qua chuyện.

Cô cứ nhìn Romeo đang trèo về phía cửa sổ phòng Juliet.

Cô có thể nói gì khác với một người mà cô quá quen thuộc, lớn lên ở Scotland, cách cô chẳng xa xôi gì, ngay cơ ngơi bên cạnh? Cô quý Tom Cameron như tất cả những gì làm nên bức tranh phong cảnh tuổi thơ cô. Cô quý anh như sắc trắng bầu trời Highlands, như kỷ niệm về các trò chơi với Paul, như hình bóng con thuyền trên hồ Loch Ness, hay hương vị món nhồi Mary nấu. Không hơn, không kém.

Cô biết, từ mấy năm nay, Tom mong đợi ở cô nhiều hơn thế.

Đối với Ethel, sự việc này như thể một trong đám sồi rừng cong queo sau lâu đài Everland một buổi sáng bỗng đến gõ cửa nhà cô, hỏi cô làm vợ. Trả lời sao bây giờ? Vâng, cô yêu những cái cây bé nhỏ ấy, dưới bóng mát của chúng, cô vẫn đứng lều, cô yêu chúng dịu dàng... Nhưng chẳng lẽ vì thế mà cô muốn cưới chúng?

Trên sân khấu, người ta nghe thấy tiếng thở than của Juliet với Romeo: “Chàng là ai, chàng là người đến lấy cắp mất bí mật của em trong màn đêm chẳng?”

Ethel đã cố nhưng chẳng thể thuộc lòng vở kịch, cô có cảm giác đang khám phá nó.

Ở lô bên cạnh, vài người nước ngoài nói tiếng Nga. Chỉ có duy nhất một người xem kịch, như bị thôi miên. Đó là một người đàn ông cao to, tóc vàng. Những người khác dường như mãi thảo luận chuyện làm ăn, những điều nghiêm túc hơn chuyện yêu đương của cô gái Ý ở thành Verona.

Mắt áp sát vào cặp ống nhòm, cha mẹ Cameron cũng chẳng mảy mà với Juliet. Họ sầm soi những phản ứng trên khuôn mặt Ethel.

- Trúng rồi, người cha kêu lên. Nó bắn trúng con bé rồi.

Có lẽ sẽ có người tưởng ông đang bình phẩm màn bắn chim bồ câu.

Đúng. Ethel bối rối. Cô đang vật lầy vật để những bông cúc tây nhỏ xíu Thomas tặng cô. Nhưng nếu cô khóc, đó là vì trên sân khấu, Juliet nói với Romeo: “Nếu họ thấy chàng, họ sẽ giết chàng mất.”

Ethel thích những mối tình trắc trở.

Ronald và Beth Cameron luôn đinh ninh Ethel sẽ lấy Thomas nhà họ. Đó là sự kết giao lý tưởng giữa hai gia đình, hai vùng đất, hai bờ hồ Loch Ness. Đối với nhà Cameron, cái chết của cha mẹ Ethel và

Paul là dấu hiệu của định mệnh. Họ tỏ ra rất cảm thông với hai đứa trẻ mồ côi. Và không có gì giá trị bằng lòng cảm thông để rồi cảm nhận được mình sở hữu những con người đó đôi chút...

Và lại, họ cũng không đến mức đau buồn như vậy. Nhà Cameron vẫn e ngại bố mẹ Ethel một cách khó hiểu. Họ thấy cha mẹ cô hơi hoang dại. Vì thế họ bằng lòng khi nói với nhau rằng cha mẹ cô sống xa cách, màu mè và thậm chí là “À, ừ, Ronald, chúng ta cứ dùng từ: tự phụ đi”.

Tại lễ an táng cha mẹ Ethel, Lady Cameron đã buột miệng thầm thì vào tai chồng một câu đại loại là “Điều đó cũng phải đến thôi”, như thể những người chết đã vô tình sống quá đẹp, quá hào phóng.

Vì thế, cái chết đột ngột này không làm thay đổi gì kế hoạch xe duyên cho Tom và Ethel của nhà Cameron. Mà ngược lại.

Được thừa kế từ năm mười hai tuổi, Ethel bỗng nhiên trở nên rất giàu có, điều này không phải là nhược điểm trong mắt nhà Cameron.

Trong lô của mình, lúc này, mẹ Tom đang nghĩ đến lũ trẻ con nhà Cameron do đôi trai gái dễ thương này sinh cho bà. Khi nhắm mắt lại, bà nhìn thấy chín hay mười đứa gì đó trong trí tưởng tượng của mình. Chúng đều có gương mặt giống hệt cha. Cả mấy đứa con gái nữa.

Sir Ronald vui mừng vì đã quyết định mời Ethel đến Paris vào tháng Bảy này cùng gia đình. Họ thường đến nghỉ tại những biệt thự mùa hè ở một thành phố khác, Vienne, Madrid hoặc Boston. Năm nay, họ thuê một căn hộ đối diện tháp Eiffel, tận hưởng quang cảnh như tranh vẽ, giữa những cửa hàng lớn, nhà hát opera và trường đua Longchamp.

Đối với Ethel, lời mời này thật đúng lúc. Cô sẽ ở Paris, được nhà Cameron chăm sóc tận tình và vì thế cô có thể tiếp tục tìm kiếm Vango mà vẫn làm yên lòng Paul, anh trai cô.

Paul rất ngạc nhiên trước thái độ hồ hởi của em gái khi rời Scotland, bởi lẽ cô đã bắt đầu giữ khoảng cách với Tom Cameron và công khai ghét cha mẹ anh ta rồi mà.

Ethel không đi cùng những người mời cô. Cô nói muốn có xe hơi riêng, nhưng thực ra cô muốn ghé qua Đức chốc lát để hỏi chuyện Hugo Eckener.

Trong bữa tối trên hồ Constance, Hugo Eckener không tiết lộ gì với cô, không một thông tin nào về nơi Vango đang ở, ngay cả trong thời khắc ngắn ngủi, khi cô phát hiện ra ông biết điều gì đó. Hai ngày sau cô đến Paris.

Rạp hát, bảo tàng, đua ngựa, rớt cuộc Ethel cũng kết thúc tuần thứ ba của mình ở Paris. Cô kéo Thomas đến các sàn khiêu vũ nơi cả buổi tối anh ta chẳng trông thấy cô. Đêm 14 tháng Bảy, cô đi hết Paris mà vẫn không rời tiếng nhạc phong cầm. Mỗi phố đều có một sàn khiêu vũ. Cô gặp lại Thomas vào sáng tinh mơ, ngủ gật trên ghế.

Người ta bắt đầu để ý đến cô, nói về cô trên các tờ báo. Một nhà báo chuyên viết xã luận về giới thượng lưu đã hình thành thói quen kết thúc các bài nhật báo hè của mình bằng những câu như: “Và lúc nào cũng vậy, cô gái trẻ bí ẩn ở trong phòng” hoặc “Nhưng mặc kệ dàn nhạc chơi sai, cô ấy vẫn ở đó”.

Ông bố nhà Cameron, khi đọc báo, đã mập mờ khuyên con trai mình tấn công nhà báo này. Nhưng dường như cậu con trai và bà mẹ không thấy đó là việc khẩn cấp.

Ethel thậm chí chẳng biết những chuyện này. Cô có quá nhiều việc phải làm.

Thậm chí trước lúc rời Highlands, cô đã báo với gia đình Cameron thỉnh thoảng cô sẽ phải vắng mặt để đến thăm một bà cô sống ở trung tâm Paris, trên đảo Cité. Thoạt tiên phật ý, nhưng rồi ông bà Cameron cũng cổ vũ ý tưởng này khi họ biết bà cô này rất giàu có, lại đã già và không có con cái.

Rồi Ethel đi xe buýt và có mặt tại Quai des Orfèvres, cách nhà thờ Đức Bà hai bước chân.

Bà cô già tên là Auguste Boulard.

Ethel muốn hỏi bà tin tức vụ Vango.

Tại nơi làm việc của cảnh sát trưởng, cô chỉ có thể gặp được trung úy Avignon. Boulard vắng mặt.

- Ngày mai ông ấy có ở đây không?

- Không, thưa cô.

Avignon nhận ra Ethel. Anh ta mời cô ngồi trong phòng Boulard, nhưng cô đứng dậy ngay. Cô vừa đi quanh căn phòng vừa nhìn tài liệu, giấy tờ và những bức ảnh dán trên tường.

- Ông ấy đang ở đâu?

- Tôi không thể nói với cô điều đó được.

- Ông ấy đi khi nào?

- Hôm qua.

- Thế ông ấy đi đâu?

- Tôi đã nói là tôi...

Avignon, rút rè, đặt tay lên gấp tập hồ sơ cô đang định giở ra.

- Cô làm ơn, thưa cô...

- Anh?

Vô ý, ngón tay bé nhỏ của anh ta để lên ngón tay của Ethel. Cô không động đậy. Mặt anh ta bắt đầu đỏ hồng khiếp. Cô rút bàn tay lại trong khi anh ta gần như ngất xỉu vì thẹn.

- Vậy là ông ấy vắng suốt ngày nghỉ, ông Boulard ấy. Tôi tin đã gặp ông ấy mùa đông vừa rồi trong bộ đồ bơi kẻ sọc trên hồ Constance.

- Vẫn là vì công việc thôi, Avignon ấp úng, hai mắt giương to nhớ lại hình ảnh ông sếp trong bộ đồ bơi.

- Vậy nên, anh sẽ nói với tôi ông ấy ở đâu chứ?

- Tôi đã giải thích tôi không thể nói với cô điều đó mà.

- Có chứ, anh đã nói rồi còn gì.

Avignon giật nảy mình. Anh ta đã nói gì nhỉ?

- Tôi đùa đấy, Ethel vừa nói nhỏ vừa rút mấy chiếc đinh ghim một hình vẽ trên tấm panô bằng li e. Chính anh đã chép lại cái đó à?

- Vâng.

- Không tồi đâu.

Đó là bức chân dung kẻ sát nhân được Ethel vẽ mười lăm tháng trước trong phòng Lợn-rừng-hút-thuốc.

- Tôi có thể sớm gặp ông ấy chứ, ngài cảnh sát trưởng ấy?

- Hai tuần nữa.

Bất ngờ, cô làm rơi bức chân dung.

- Hai tuần! Và nếu đó là việc gấp thì sao?

- Cũng vậy. Hãy trở lại trong hai hoặc ba tuần nữa, thưa cô.

Boulard đi tìm nhân chứng duy nhất có thể nhận diện Voloï Viktor một cách chính xác. Đối với ông, không có gì gấp hơn nhiệm vụ này. Ông đi một mình, không muốn tiết lộ điểm đến cho ai cả. Ngay cả Avignon trung thành cũng không.

Ethel nhặt bức vẽ khuôn mặt kẻ sát nhân lên. Nó bị chia thành ba mẫu. Cô nhìn Avignon hỏi.

- Đúng, viên trung úy trả lời, tôi vẽ râu và tóc trên những tờ riêng. Đó là những thay đổi đầu tiên một kẻ bị truy lùng có thể làm. Cắt tóc hoặc cạo râu.

Khá tự hào về bản thân, anh ta lôi ra một cái hộp đựng nhiều kiểu tóc khác nhau, râu cằm hoặc chòm râu má để kết hợp trên chân dung lắp ghép.

- Đây, cực đơn giản. Tôi luôn luôn làm như thế.

Cô đặt mấy tờ giấy lên bàn làm việc rồi nghịch ngợm thêm vào hoặc lấy ra trong nháy mắt chòm ria mép bé xíu của gã người Nga.

- Anh ma lạnh như tất cả mọi người, trung úy của tôi ạ, cô nói.

Anh ta lại đỏ mặt. Cô đi về phía cửa.

- Cô có để lại lời nhắn cho cảnh sát trưởng không? Avignon vừa hỏi vừa đi theo cô.

- Không. Tôi sẽ trở lại. Cảm ơn.

Cô bắt chặt tay anh ta.

Khi Avignon quay trở lại phòng làm việc, anh cười khi phát hiện ra cô đã thêm vào bức chân dung kẻ sát nhân những bím tóc dài kiểu Alsace và chòm râu cằm của một ông già Trung Quốc.

Anh mơ màng mất một lúc. Dường như cô gái này bước ra từ một cuốn tiểu thuyết. Ngay cả mùi hương của cô cũng có vẻ siêu thực.

Khi ngồi vào xe buýt, trên bến Grands-Augustins, cô rút từ túi ra một tập hồ sơ nhỏ màu nâu, rất mỏng mà cô tìm thấy trên giá sách, trong phòng làm việc của Boulard. Một tập hồ sơ, trên đó có hai từ: CÁ NHÁM.

Và ba từ khác phía dưới, được tô đậm bằng mực đỏ: “Ngừng điều tra”.

Đó là hồ sơ duy nhất cô thấy có vẻ thú vị. Vì thật tình cờ, đó lại là hồ sơ của một cô gái rất quan tâm đến Vango.

Cô mở ra. Bên trong không có gì.

Lúc này, tại rạp hát, đã kết thúc hồi ba. Ethel nghe cha của Juliet quả quyết thề với con gái rằng cô sẽ bị ép lấy người do ông lựa chọn. Juliet phản kháng. Trái tim nàng thuộc về Romeo.

Lần như trạch, Ethel tránh được bàn tay của Tom muốn cầm lấy tay cô. Cô nhìn Juliet đứng trước mặt cha.

Ông bố nhà Cameron ra hiệu phấn khởi về phía cậu con trai. Thomas Cameron cố cười nhưng anh cứ bám lấy chỗ ngồi để khỏi lao mình xuống dàn nhạc. Cô có yêu anh đâu. Anh sẽ tiếp tục sống sao đây? Anh sẽ ăn nói với cha mẹ thế nào đây?

“Chuẩn bị để thứ Năm tới đến làm lễ cưới ở nhà thờ đấy nhé, nếu không ta sẽ lôi con đến đó!” Trên sân khấu, cha của Juliet gào lên.

Ở lô bên cạnh Ethel và Tom, sự im lặng trở lại. Người đàn ông tóc vàng tiếp tục chú ý theo dõi vở kịch.

Anh ta tên là Sergueï Prokofiev. Mùa hè 1935 này, anh làm một vở nhạc vũ kịch lấy cảm hứng từ vở *Romeo và Juliet*. Anh đã nghe nói về việc dàn dựng vở này tại Paris. Anh được phép đến xem.

Nhưng anh bị hộ tống nghiêm ngặt và sẽ được đưa về Liên Xô ngay ngày hôm sau.

Tấm màn sân khấu khép lại. Đèn chùm bật sáng trưng. Đây là thời gian nghỉ chuyển hồi.

Ba phần tư nhà hát bỗng đứng bật dậy, như thể họ chỉ đợi có thời khắc đó. Rất nhiều khán giả đi về phía sân khấu trong thời gian chuyển hồi này.

- Em đi uống gì không, Ethel?

- Không ạ. Cảm ơn. Em ở lại đây.

Thomas đứng dậy, run rẩy nghĩ tới những gì anh ta sẽ phải tiết lộ với cha.

Ethel liếc mắt về phía người đàn ông tóc vàng. Anh ta không nhúc nhích. Anh ta nhìn tấm ri đô như thể trông thấy trong đó những bóng người đang đi lại. Ai đó nghiêng người và nói vào tai anh ta. Ethel chỉ nhìn thấy người đàn ông kia từ đằng sau lưng. Khi gã quay lại, cô cảm thấy tim mình đập rất mạnh.

Trước mặt cô là kẻ bắn súng ở nhà thờ Đức Bà.

Hắn đã cạo râu, nhưng bức chân dung cô trông thấy mấy ngày trước tại văn phòng cảnh sát trưởng ở Quai des Orfèvres hãy còn rõ nét trong ký ức Ethel, rõ nét đến nỗi không thể lẫn vào đâu được.

Boris Petrovitch Antonov có lẽ không trông thấy Ethel.

Hắn ở đó để hộ tống đồng chí nhạc sĩ Prokofiev. Còn có hai nhân viên đại sứ quán và đích thân ngài đại sứ Potemkine nữa. Chỉ có bốn

nhân viên đảm bảo an ninh cho họ. Đó là nhiệm vụ nặng nề.

Lẽ ra hắn không thể trông thấy Ethel, nhưng đôi mắt của anh chàng soạn nhạc bắt gặp đôi mắt của cô gái trẻ đúng lúc Boris nhìn anh ta. Sự việc diễn ra như trò ném lia thia. Ánh mắt sừng sốt của Ethel khiến ánh mắt nhà soạn nhạc lộ vẻ tò mò. Và khi bị Boris phát hiện, ánh mắt ấy đã khiến hắn quay đầu và nhận ra Ethel, cách hắn vài mét, ngồi trong rạp hát gần như vắng tanh, bó hoa nhỏ cầm trên tay.

Họ nhìn nhau.

Trong thoáng chốc, Ethel nghĩ hắn sẽ chạy trốn. Cô sẵn sàng đuổi theo hắn. Cô thấy tiếc vì đã chọn chiếc váy này bởi nó sẽ cản trở các bước chạy. Đó cũng là một chiếc váy của mẹ cô. Chiếc váy đen mà Ethel mặc trong phòng mình suốt những năm tang tóc, khi chỉ là một cô bé và chiếc váy kéo dài thướt tha buồn bã.

Ethel cởi khuy chiếc áo măng tô nhỏ dài đến hông, gây vướng víu. Cô biết mình sẽ không để gã đàn ông đó thoát thân lần thứ hai. Bỗng nhiên cô đứng yên.

Vai diễn đổi ngược.

Không, gã đàn ông không định bỏ trốn. Boris Petrovitch Antonov nhìn cô chăm chăm. Hắn đo lòng quyết tâm của Ethel. Hắn biết có thể cô luôn theo sau hắn, cản trở hắn ra tay. Vì thế hắn vừa quyết định loại bỏ cô.

- Xin lỗi một lát nhé, đồng chí Prokofiev, hắn nói với nụ cười lịch sự.

Lúc này, trong phòng hoàn toàn vắng vẻ, hắn nói với anh chàng soạn nhạc đang nhìn hắn bước ngay ra khỏi lô.

- Rồi sao?

Hai tầng phía dưới, trong phòng giải lao của nhà hát, giữa đám đông khán giả, Thomas tái xanh trước mặt cha mẹ. Sir Ronald Cameron cầm một chai sâm panh trên tay và rót đầy các ly.

- Chúng ta uống vì cái gì đây, Junior?

Tom ghét cha gọi mình là Junior.

Lady Cameron đỏ bừng vì xúc động, chờ đợi tin vui cậu con trai sắp thông báo.

- Rồi sao? bà nhắc lại.

- Rồi, con nói với cô ấy...

- Và...? người cha tiếp tục, nhăn nhó kiểu phẫn khích.

- Và cô ấy nói với con...

Bỗng nhiên đèn tắt phụt. Xung quanh họ, đám đông bật lên những tiếng kêu hoảng hốt.

Ít phút trước, Boris xuất hiện trong lô của Ethel. Cô đứng trước mặt hắn. Hắn kẹp một con dao trong tay, lưỡi dao giấu dưới tay áo vest.

- Cô sở sàng quá đấy, cô gái ạ. Cô sẽ không như thế lâu nữa đâu.

Hắn tiến một bước và lúc này, ánh sáng tắt ngấm.

Không để chệch mục tiêu, hắn phi dao với độ chính xác của các chiến binh đường phố.

Mười giây sau, khi đèn sáng trở lại, Boris Antonov bật lên tiếng kêu tức giận lẫn trong tiếng ồn ào ngoài hành lang. Hắn mới chỉ làm rách toạc lớp nhung đỏ bọc ghế. Ethel đã biến mất.

Ở quầy bar rạp hát, tiếng thở phào nhẹ nhõm đón chào sự trở lại của ánh sáng. Ngay tức thì, cốc và ly lại chạm vào nhau leng keng.

Nhà Cameron tiếp tục phần hỏi cung.

- Con đang nói đến đâu ấy nhỉ? Tom nói.
- Cô ấy nói với con..., cả ông bố, bà mẹ đồng thanh nhắc lại.
- Cô ấy nói với con...

Anh ta vừa hít thở thật sâu vừa nhắm mắt lại. Anh ta lại nghĩ đến những ngón tay của Ethel, bất trị, vùng thoát khỏi tay mình.

- Cô ấy nói vâng với con, Tom nói dối. Ethel nói với con là cô ấy đồng ý, nhưng cô ấy cần thêm chút thời gian để thông báo với anh trai. Anh ấy rất cô đơn. Cô ấy không muốn chúng ta nói đến điều đó lúc này, ngay cả với cô ấy.

Ông bố bà mẹ ôm chầm lấy nhau rống lên. Trông thật kinh khủng. Người này vô thức đổ ly sâm panh lên lưng người kia. Họ bật ra những tiếng kêu khe khẽ. Họ nở hết mặt mày vì kiêu hãnh. Họ thậm chí chẳng đoái hoài gì tới cậu con trai của mình.

Đó là chiến thắng của họ.

Ethel nhảy từ lô của mình xuống ban công phía dưới, rồi lao nhanh ra cầu thang. Ai có thể cắt điện vào đúng thời điểm đó nhỉ? Cô chạy hú họa từ hành lang ra, tìm thấy sảnh vào, nhưng Boris Petrovitch đã chặn trước cửa ra lệnh cho đám tay chân. Cô lại vòng ra phía sau, xô ngã mấy nhân viên xếp chỗ trong rạp hát.

Có một cánh cửa được canh gác phía cuối tấm thảm đỏ của ban công sân khấu. Ethel chỉnh trang lại quần áo rồi đánh bạo bước về phía lối ra. Đó là lối đi duy nhất dẫn ra hậu trường.

- Tôi muốn gặp Romeo, cô nói với người gác cửa bằng giọng cực chuẩn.

- Không bao giờ được phép trong lúc chuyển hồi. Cô hãy đến vào cuối buổi diễn. Các diễn viên sẽ tiếp trong lô của họ.

- Tôi từ miền Bắc Scotland đến để gặp Romeo, tôi mang hoa đến cho anh ấy.

Người đàn ông ngó bó cúc tây đáng thương.

- Tôi biết cô đã đi rất xa, anh ta cười khẩy. Hãy quay trở lại khi kết thúc, tôi đã nói với cô rồi mà!

Cô nghe thấy tiếng động đằng sau, trong ban công sân khấu. Những kẻ truy đuổi cô sắp đến.

Tim Ethel đập liên hồi.

Rồi một giọng nói cất lên trong hậu trường:

- Để cô ấy qua đi, tôi biết cô ấy.

Người gác cửa tránh ra. Cô đi qua. Vai dựa tường hành lang, một người đàn ông thấp bé, đầu hói đang nhìn cô.

- Tôi lấy làm tiếc vì không phải là Romeo của cô, thưa cô.

Cô không quen ông ta. Đó là nhà phê bình Albert Desmaisons, người ca tụng cô trên báo chí từ mấy ngày nay.

Cô do dự.

- Nào nhanh lên, lady bé nhỏ. Tôi cảm tưởng cô còn phải gặp ai đó nữa mà. Thời gian chuyển hồi sắp hết rồi.

Ethel đưa cho ông bó hoa rồi thơm vào má trái ông ta.

- Cảm ơn ông. Cảm ơn.

Nghe tiếng gót giày nhẹ nhàng đi xa dần, nhà phê bình rạng rỡ mặt mày, hai mắt sáng long lanh, thậm chí ông chẳng chú ý đến ba gã dữ tợn, sau khi xô ngã người gác cửa, điên tiết vọt đến trước mặt ông, dẫm đạp lên chân và hoa của ông.

Trong những hồi cuối, Boris và tay chân của hắn lùng sục toàn bộ hậu trường. Chúng chẳng tìm thấy gì cả. Hai tiếng sau, khi kết thúc vở diễn, chúng lại đưa nhà soạn nhạc Prokofiev về đại sứ quán, phố Grenelle.

Ethel ở trên mái nhà hát. Màu tro trắng của ánh trăng phủ kín Paris phía dưới chân cô.

Lúc này, Ethel gần như ngủ gật.

Một cô bé mười lăm tuổi giống như thiên thần đậu trên vòm cuốn đang huýt sáo gọi cô trong hậu trường.

- Đẳng này cơ! Lại đây!

Cô bé giúp Ethel leo lên các bậc thang rồi tọt vào trong một đường hầm bí mật. Cô gái này đã cứu sống Ethel.

Lúc này, hai cô bé co ro dựa vào nhau giữa hai thành vách bằng kẽm, dưới bầu trời mùa hạ.

- Em là ai? Ethel hỏi.

- Chính em đã cắt điện đấy.

- Chính em á?

- Em theo dõi tên người Nga từ gần một năm nay rồi.

- Em tên gì?

- Cá Nhám.

22 CÁI BẦY

Paris, bảy ngày sau

Voloï Viktor ngồi trên chiếc ghế thép gắn chặt xuống đất. Hắn nhắm mắt.

Những sợi dây da cột tay và chân hắn vào ghế. Một chiếc thắt lưng rộng bản bằng kim loại giữ không cho nửa thân trước của hắn động đậy.

Hắn có gương mặt điềm tĩnh và tự tin, một khuôn mặt khá điển trai, gần như thờ ơ dưới sức nóng của ánh sáng đang chĩa thẳng vào hắn.

Một cái đèn chiếu treo trên sợi dây ngay trên đầu hắn. Voloï Viktor thở nhẹ nhàng. Chiếc đèn chiếu lắc lư rất nhẹ nhàng trên đầu sợi dây và vẽ nên những cái bóng đáng sợ trên mặt hắn. Phần còn lại của không gian hoàn toàn tối đen.

Cảnh tượng đó đang diễn ra trong tầng hầm trên Quai des Orfèvres.

Trong bóng tối, đằng sau tấm kính, Boulard đang nhìn. Ông trở lại Paris đã được năm ngày nay. Đứng trên đôi chân ngắn cùn của mình, ông đang nhúng lát bánh mì phết bơ vào tách cà phê to như cái xô. Đã đến giờ quà chiều.

Boulard đang đợi Zefiro. Ông biết mối nguy hiểm mình gây ra cho vị thầy tu, người từng kỳ công để đưa Viktor vào tròng. Ông biết trên bến, trước sở cảnh sát, bất kỳ người qua đường nào hay gã bán kem vô hại nhất cũng có thể là người của Voloï Viktor đang đợi Zefiro ra khỏi hang để nhận diện ông rồi tóm luôn.

Sở cảnh sát của Boulard cấp một chiếc xe chống đạn để đưa Zefiro từ cảng Marseille đến Paris, nhưng Zefiro khước từ lời đề nghị này. Ông cho biết sẽ đến bằng phương tiện riêng. Không ai biết ngày, giờ ông sẽ đến: ông cam kết có mặt trước ngày cuối cùng của tháng Bảy.

Tháng Bảy sẽ kết thúc trong vài tiếng nữa.

- Không có tin tức gì của Z à?

Boulard hỏi viên phụ tá đang không thể rời mắt khỏi kẻ được cho là Viktor.

- Không, Avignon trả lời.

- Nếu ông ấy không đến, tôi không biết sẽ phải làm gì.

- Ông nói tin tưởng ngài Z đó còn gì.

Cảnh sát trưởng gật đầu.

- Dù sao chúng ta cũng sẽ không thể giữ Viktor lâu hơn, Boulard nói. Nếu Z không đến để nhận diện hắn, tất cả sẽ kết thúc. Ngày mai hắn sẽ được tự do. Có sức ép rất lớn bắt thả hắn ra.

- Sáng nay bộ trưởng còn cho gọi.

- Tôi biết. Tất cả họ đều sợ Voloï Viktor.

Avignon nói rõ:

- Cố vấn bộ trưởng chỉ nói ông ta biết Gaston Balivert, nhà buôn da hải ly, bị bắt nhằm tại biên giới Pháp và chính quyền Canada yêu

cầu chúng ta phải thả công dân của họ ra.

Điền tiết, Boulard suýt nữa thì tắc thở vì lát bánh mì.

- Tên hắn không phải là Balivert! Hắn tên là Viktor. Và Canada có yêu cầu gì đâu. Tôi có bằng chứng chứng minh hộ chiếu của hắn là đồ giả. Gaston Balivert thật chết cách đây mười hai năm do trượt chân trong bồn tắm rồi. Tôi tin chắc rằng gã trước mặt chúng ta là Voloï Viktor. Bộ trưởng cũng chắc chắn điều đó như tôi chứ. Nhưng vì Viktor đã mua mất một nửa lãnh đạo trên thế giới bằng ngọc ngà và ru bi Anvers rồi nên họ đều lo lắng cả. Năm tới rồi họ lại không được đi nghỉ dưỡng nữa đâu...

Voloï Viktor, sau ba lớp kính, không thể nghe thấy cuộc hội thoại này. Tuy nhiên, hắn vẫn giữ nụ cười nhếch mép và nhìn chăm chăm về phía Boulard đang sôi sục trong bóng tối.

Trong phòng chờ lớn tại sở cảnh sát, Ethel ngồi đó, tay để trên đầu gối.

Có quá nhiều người và quá nhiều lộn xộn. Sự có mặt của Voloï Viktor trong tòa nhà buộc người ta phải tiến hành nhiều khâu kiểm soát. Mọi người bức bối. Tất cả các cuộc hẹn đều bị lui lại.

Ethel quan sát.

Có thể trông thấy giữa chốn xô bồ ấy: một phụ nữ và ba đứa con, một luật sư đang mút hạt đào, một nhân viên bấm vé tàu điện ngầm, một người đàn ông tóc hung đỏ đang đọc sách, nút bịt tai để không bị quấy rầy, một thợ nề cầm trong tay tờ giấy triệu tập màu hồng và nhờ mọi người đọc lại giúp mình, những khách du lịch bị mất đồ, những nhà tư sản bị mất trộm, những góa phụ có chồng bị ám sát, những quý ông già lơ ngơ như đợi chờ từ thế kỷ trước và thậm chí có cả

một người đàn ông bảnh trai trong bộ com lê chỉnh tề, dưới chân có chiếc vali đề *"Ngày tận thế của lũ chuột, vệ sinh và diệt chuột đây"*.

Ethel liếc mắt nhìn đồng hồ. Cô lại báo với gia đình Cameron là cô đi thăm bà cô già trên đảo Cité.

Nhà Cameron thay đổi rất nhiều sau buổi tối ở rạp hát. Họ không trách móc gì về sự biến mất đột nhiên của cô trong thời gian nghỉ chuyển hồi vở *Romeo và Juliet*. Cô chỉ phải giải thích rằng cô cảm thấy mệt và đi uống một cốc nước chanh nhiều đường ở góc phố.

Khi cô nói mình không khỏe, các bậc cha mẹ nhà Cameron nháy mắt với cậu con trai và nói:

- Đó có thể là xúc động đấy.

Và Tom Cameron tái xanh bên cạnh Ethel, anh ta muốn biến khỏi trái đất này mãi mãi.

Ethel ra hiệu cho bộ phận tiếp đón. Cô biết Boulard đã trở về. Cô được viên cảnh sát ngồi sau quầy tiếp đón khẳng định điều đó.

Và người này vừa gọi một cái tên. Mỗi lần gọi, người đàn ông tóc hung ngồi trước mặt cô lại tự động bỏ nút bịt ra khỏi tai, đứng dậy, úp cuốn sách để mở xuống, để giữ chỗ và giữ trang sách rồi đi về phía viên cảnh sát.

- Anh gọi tên nào đấy?

- Bà Poirette!

- À. Vậy thì không phải tôi rồi. Cảm ơn.

Và ông ta quay lại, ngồi xuống, dùng ngón tay bịt lại cái nút bằng sáp.

Người đàn ông có chiếc vali nhỏ đựng thuốc diệt chuột ngồi ngay cạnh Ethel. Họ cùng cười như trong rạp múa rối trước hoạt cảnh này.

Ông ta không hẳn có vẻ mặt của thợ diệt chuột.

Một viên cảnh sát khác bước vào, đi một vòng quanh căn phòng lớn tìm kiếm ai đó. Anh ta dừng lại ngay trước mặt hàng xóm của Ethel.

- Có phải ông là quý ông *Ngày tận thế của lũ chuột* không?

- Đúng, chính tôi đây.

- Sẽ có người đến tìm ông trong mười phút nữa. Ngài cảnh sát trưởng không hài lòng. Ông ấy nói giờ không phải lúc và hơn nữa ông ấy không được báo trước. Nhưng tôi thì rất vui khi ông ở đây.

Anh ta cúi xuống thì thầm:

- Như ông biết đấy, chúng cứ lúc nhúc ở dưới. Tất cả lũ chuột trên sông Seine đến nghỉ mát ở chỗ chúng tôi vào mùa hè. Tôi nói với cảnh sát trưởng ông sẽ không gây phiền hà. Đích thân tôi sẽ phụ trách ông.

- Vâng. Tôi chỉ cần chút thời gian thôi. Đây là sản phẩm mới, một phát chết ngay.

Ethel tận dụng cơ hội ra hiệu cho viên cảnh sát.

- Anh có biết liệu ngài Boulard có tiếp khách không? Tôi đã nhờ người nói với ông ấy rằng tôi đang đợi ông ấy. Vậy mà vẫn chưa có câu trả lời.

- Lúc này ông ấy không có trong phòng làm việc. Tôi sẽ báo với cô sau.

Ethel đợi ít nhất cũng phải một tiếng đồng hồ rồi. Viên cảnh sát rời đi.

- Cháu sẽ làm được nhiều hơn là diệt chuột, cô nói với người thợ diệt chuột. Sẽ ổn hơn nhiều.

- Đúng, ta có cảm tưởng ta sẽ được gọi trước con. Ta thật sự lấy làm tiếc.

Người đàn ông thật duyên dáng. Ông có một vẻ lịch thiệp tự nhiên. Chỉ mỗi đôi bàn tay nông dân chứng tỏ cuộc đời ông không hề sung sướng và có lẽ ông đã phải bôn ba rất nhiều trước khi làm công việc diệt chuột.

Một trong ba đứa con của người phụ nữ ở góc phòng, gần cửa sổ, bắt đầu nghịch cái gậy của ông già thấp bé, chúng bắt chước một bộ phim của Charlie Chaplin vừa được chiếu ngoài rạp.

- Thôi trò ngớ ngẩn đi nào.

Mẹ Chariot xách tai cậu bé. Nó trả lại gậy, ngoan ngoãn quay về chùi mũi vào váy mẹ.

Ông hàng xóm của Ethel cũng theo dõi cảnh tượng ấy. Cả hai đều thất vọng vì hoạt cảnh dừng lại.

Ethel lấy chân huých cái hòm nhỏ của ông.

- Nói cháu nghe đi, thật ra ông không phải thợ diệt chuột đúng không?

Ông bật cười nói với cô như một lời tâm sự:

- Không, tất nhiên rồi, con gái, đó là một cách ngụy trang... Nói thật với con nhé, ta là một thầy tu ở ẩn, đi săn lùng những kẻ buôn bán vũ khí!

Họ cùng cười. Cô nhìn ông chăm chăm.

- Đúng là có thể ông không như những gì ông tỏ ra, Ethel thì thào. Ông là ai?

Người đàn ông dường như bối rối.

- Ông là ai? Ethel nhắc lại để đùa. Ông là ai mới được chứ?

Ông im lặng.

Zefiro chú ý tới mọi thứ. Ông cố gắng không lơ đãng vì tính tò mò của mình. Tuy vậy nhưng tình thế thật lạ lẫm. Ông bước ra ngoài sau mười lăm năm sống trên núi đá ẩn mình giữa Địa Trung Hải.

Nhưng ông đã nói chuyện quá nhiều với cô gái này. Ông phải nghĩ tới mọi chuyện chứ. Cuộc sống của những người vô hình phụ thuộc vào điều đó.

Có lẽ cách tốt nhất là trở lại số 36 Quai des Orfèvres cùng với Vango. Đi hai người, họ sẽ khó bị phát hiện hơn. Thợ diệt chuột và người giúp việc. Có lẽ gián điệp của Viktor tìm người nào đi một mình thôi.

Zefiro hoài công giải thích ở lối vào rằng ông không thể thực hiện được công việc nếu không có phụ tá, viên cảnh sát gác cổng dứt khoát: giúp việc phải ở ngoài.

Cuối cùng, Zefiro bảo Vango đợi ngay bên cạnh, gần chợ chim, trong chiếc xe có in dòng chữ *Ngày tàn của lũ chuột* màu vàng trên nền đen.

Ông hài lòng khi mang cậu đi theo. Ông không cương quyết được lâu trước những lời năn nỉ của Vango. Sự có mặt của cậu bên cạnh ông là cách duy nhất để báo tin cho tu viện nếu chẳng may có chuyện gì xảy ra. Nếu Viktor tóm được linh mục, cần phải giải tán tu viện vô hình ngay lập tức.

Trên tàu, Zefiro nói với Vango:

- Không ai biết liệu chúng có thể bắt ta khai ra hay không. Ta không biết khả năng chịu đựng của mình thế nào. Có thể cuối cùng ta lại tiết lộ sự tồn tại của Arkudah thì sao.

Đó là lý do tại sao trong phòng chờ ở Sở cảnh sát, Zefiro luôn cố gắng không để mất tập trung.

Đặc biệt, ông cứ nhìn người đàn ông đọc sách bịt nút tai. Ông nghi ngờ gã. Đối với hắn, có thể đó là cách tốt để ở lại trong phòng chờ và theo dõi những gì xảy ra tại đó.

Còn về cô gái trẻ ngồi bên phải, ông không muốn tin cô bé có thể đứng về phía kẻ thù. Ngay cả khi là một thầy tu trung thành với lời nguyện của mình từ ba mươi năm nay, và nén lòng trước vẻ duyên dáng của năm mươi nữ tu trong tu viện Trắng ở Noirmoutier, ông vẫn phải công nhận rằng cô gái trẻ này có sức quyến rũ khôn cưỡng.

Ông còn cảm nhận được khuỷu tay cô chạm vào người mình.

- Cháu tin lần này đến lượt ông đấy, cô nói với ông.

Nhưng lại là đến lượt cô.

- Con thấy không, con gái. Con vào trước ta đấy nhé.

Từ xa, trước khi qua cửa, cô mấp máy môi không thành tiếng nhắc ông “Ông là ai?”. Cô cười.

Zefiro không hiểu họ của cô gái, nhưng ông nghe rất rõ tên cô được viên cảnh sát đọc bằng tiếng Pháp. Ethel.

Thoạt tiên ông hiểu là “Est-elle?”^[5] và tự nhủ đó là câu hỏi mà mọi người sẽ đặt ra và tự véo mình mỗi khi cô bước vào một căn phòng nào đó.

- Tôi có rất ít thời gian, Boulard nói khi Ethel ngồi xuống trước mặt ông. Tôi đang đợi một người. Người ta có thể gọi tôi bất kỳ lúc nào.

Ông có vẻ bồn chồn.

- Tôi biết ông lịch sự hơn nhiều mà, ngài cảnh sát trưởng. Hầu phòng của chúng tôi, bà Mary, gửi lời hỏi thăm ông.

Boulard không trả lời.

Ông đang tìm chỗ cho hai cẳng chân dưới gầm bàn.

Mary, cô hầu phòng ông gặp ở Everland viết cho ông những lá thư bằng tiếng Anh. Ông đọc chúng vào ban đêm cùng một chiếc kính lúp và một cuốn từ điển. Ông giấu chúng trong lớp lót ri đô khi mẹ ông dọn phòng.

Thẹn thùng, ông không viết thư trả lời.

Bà Boulard chặn bà Dussac gác cổng lại khi bà này mang thư lên. Họ bàn tán với nhau mấy tiếng đồng hồ trong cầu thang. Khi những lá thư có dấu bưu điện của Anh và thoảng mùi hoa hồng héo đến nơi, Marie-Antoinette Boulard giải thích với bà gác cổng rằng con trai bà có trao đổi thư từ với Scotland Yard, chi nhánh cảnh sát Anh.

Đó chính là những gì Boulard nói với bà để giải thích tần số đến của những bức thư.

Vì thế, bà mẹ và bà gác cổng vừa nhìn phong bì thư một cách kính cẩn vừa nhào ra bàn tưởng tượng, trong làn khói thuốc, cái dáng đĩnh đạc của Sherlock Holmes đang đóng dấu lên chiếc phong bì đó.

- Một người quan trọng đấy, con trai bà ấy, bà Dussac kết luận.

Và khi có một trái tim nhỏ được vẽ sau phong bì, họ chẳng thấy gì khác ngoài tính cách đa cảm đã thành truyền thuyết của người Anh.

- Cô có tin tức gì cho tôi à? Boulard hỏi Ethel.
- Có, Mary rất khỏe, bà ấy...
- Tôi nói về vụ Vango Romano, cảnh sát trưởng đỏ mặt cắt lời.
- Còn ngài? Ethel hỏi. Ngài có tin tức về vụ đó không?
- Rất ít. Tôi nghĩ lúc này cậu ta đang ở rất xa.

Boulard nhăm. Vango chưa bao giờ ở gần đến như vậy. Cậu vừa nhảy lên mái nhà, cách đầu ông vài mét.

- Đừng nói với tôi rằng một năm điều tra không mang lại cái gì cả, Ethel thở dài.

Boulard xoa má.

- Thú thực với cô, tôi còn có những vụ quan trọng khác vào lúc này.

- Vậy một cậu con trai mười chín tuổi giết một vị linh mục già trước hôm anh ta được phong linh mục, rồi chính anh ta lại bị bắn trước mặt hàng nghìn con người ngay giữa Paris, đó không phải là một vụ quan trọng sao?

- Không, thưa cô, hoàn toàn không, viên cảnh sát trưởng bức mình đứng dậy, vụ việc thật sự không phải như thế! Vụ giết người cũng như cái mũ mới của tôi thôi, tôi cóc quan tâm. Tôi ngồi lên cái vụ giết người đó và cả ba phần tư số vụ án ở Paris. Vụ việc thật sự không nằm ở đó, cô bé của tôi ạ! Vụ việc thật sự là phải biết được anh chàng đó ở đâu ra, anh chàng mà không ai biết gì nhưng lại biết tất cả mọi người.

Ông đi từ đầu phòng đến cuối phòng, tay vung mạnh, vỗ lên đồng hồ sơ và bàn ghế.

- Vụ việc thật sự, chính là danh tính của Vango Romano. Điều bí ẩn ấy mới làm tôi quan tâm kìa. Điều bí ẩn ấy là lý do duy nhất khiến tôi không từ bỏ cuộc điều tra cũ kỹ sặc mùi pho mát ấy. Những vụ giết người, ngày nào thành phố này chẳng có đủ để ba mươi sáu cảnh sát trưởng Boulard như tôi phải bận rộn. Cô hiểu chứ, cô bé của tôi? Ba mươi sáu cảnh sát trưởng Boulard! Nhưng những anh chàng Vango Romano, tôi chưa bao giờ gặp cả.

- Tôi không phải là cô bé của ngài, Ethel nói mà chực khóc.

- Thứ lỗi cho tôi, tôi...

Boulard ngã ra ghế và làm bẹp dùm cái mũ của mình.

- Tôi hơi quá lời..., ông tiếp tục. Tôi không muốn...

Cảnh sát trưởng nhìn cô. Dòng nước mắt màu hoa cà vẽ thành những bông hoa hương thảo nơi khóe mắt cô. Ethel đang khóc thật.

- Nếu có ba mươi sáu cảnh sát trưởng Boulard, tôi sẽ lao ra cửa sổ ngay lập tức, cô nức nở nói.

Cả hai im lặng.

Boulard mở ngăn kéo và lấy ra một chiếc khăn mùi soa to, bằng vải sợi bông trắng cực sạch. Ông luôn để sẵn chúng ở đây phòng trường hợp có người dừng lại trong phòng làm việc của ông. Mẹ ông đã ủi chúng từ chiều Chủ nhật.

Bốn mươi năm qua, nhiều người đã khóc trong căn phòng này. Nghề nghiệp của Boulard dựa trên nỗi buồn của người khác.

Đôi khi ông có cảm giác như cuộc đời mình đang bơi qua cái hồ nước mắt rộng lớn đó. Và điều kinh khủng nhất là nếu không có

những tấm thảm kịch ấy, những tang tóc ấy, những số phận khổ rách áo ôm ấy thì cuộc đời Boulard sẽ khô cằn và ông sẽ cô đơn vùng vẫy trên sàn nhà mà thôi.

Ethel cầm khăn mùi soa.

Đúng lúc đó người ta nghe thấy như có tiếng nổ. Cửa phòng Boulard bật tung dưới cú đá mạnh khủng khiếp.

23 NGÀY TẬN THẾ CỦA LŨ CHUỘT

Trung úy Avignon nhảy bổ vào phòng.

Khi nhìn thấy Ethel, anh ta cố lấy lại bình tĩnh. Anh ta quay về phía Boulard.

- Cảnh sát trưởng... Cảnh sát trưởng, ông ấy ở dưới...

- Ai cơ?

- Người... người... Người diệt chuột...

Ethel đứng dậy.

Boulard cố gắng giải mã. Ông nheo mắt.

- Người diệt chuột?

- Người... Người mà ông đang đợi...

Avignon nhìn chăm chăm viên cảnh sát trưởng. Cuối cùng ông ấy có hiểu ra không đây?

- Đúng, người mà ông đang đợi... Người mà ông yêu cầu...

- Lạy Chúa tôi, ông vừa nói vừa nhảy cẫng lên. Tôi đến ngay đây.

Ông đi ra cửa. Ethel sửng sờ. Người thợ diệt chuột ấy không chỉ tạo quá nhiều ấn tượng với riêng cô.

- Việc khẩn. Tôi xin lỗi, cô gái. Tạm biệt nhé.

Ông nhờ Avignon tiễn cô. Rồi ông biến mất.

Khi đã ở bên ngoài, Ethel đi dọc theo bến đến tận cầu Mới, cô dừng lại giữa cầu, phía bên cửa hàng Samaritaine, dưới cây đèn đường. Cô trèo lan can và nhảy ra cái bờ nhỏ nhô ra sông Seine.

Cô ngồi thụp xuống.

Ethel buồn rười rượi nhìn nước chảy phía dưới. Gần cây cầu Nghệ thuật, đằng kia, mọi người đang bơi.

- Kể em nghe đi, Cá Nhám đề nghị, cô bé đợi cô ở đó.
- Chẳng có gì để kể cả.

Trong hầm ngầm ở Quai des Orfèvres, người thợ diệt chuột được đưa vào một căn phòng nhỏ, được chiếu sáng bởi cánh cửa tầng hầm.

Boulard bước vào rồi khóa cửa sau mình lại.

Họ nhìn nhau.

- Cảm ơn ông đã đến, cha Zefiro.
 - Tôi không làm điều đó vì ông đâu.
 - Tôi biết.
 - Hẳn đâu?
 - Cuối hành lang, đi theo tôi.
 - Chờ đã. Tôi muốn mọi chuyện rõ ràng. Một người duy nhất, ở đây, ngoài ông ra, biết tôi là...?
 - Augustin Avignon. Tôi tin tưởng anh ta.
 - Đó đã là một người thừa rồi đấy.
- Boulard nhìn chiếc hòm *Ngày tận thế của lũ chuột*. Ông đáp ứng:
- Ông sẽ không loại bỏ cậu ta chứ, Avignon ấy?

- Không. Nhưng tôi không muốn một nhân chứng duy nhất nào khác. Không một ai. Đối với tất cả mọi người, tôi vẫn là thợ diệt chuột.

- Đồng ý.

- Nơi chúng ta đến sẽ là trong bóng tối chứ?

- Đúng.

- Voloï Viktor không được biết tôi còn sống.

- Kẻ tình nghi bị đèn chiếu làm lóa mắt không nhìn thấy gì đâu. Không có rủi ro nào cả. Đó là trách nhiệm của tôi.

- Không. Đó là trách nhiệm của tôi. Tôi nắm trong tay cuộc sống của hàng chục con người. Nếu bọn chúng nhìn thấy tôi, tu viện của tôi sẽ bị đe dọa.

- Bọn chúng sẽ không nhìn thấy ông.

- Tôi sẽ chỉ nói với ông đó có phải Viktor không. Sau đó, tôi sẽ ký biên bản nhận dạng bằng một dấu thập và trở ra như lúc tôi đến.

- Bằng đường nào?

- Bằng cửa ra vào, thừa ngài cảnh sát trưởng. Chẳng lẽ những người thợ diệt chuột đều bay qua cửa sổ hết hay sao?

- Ông có lý, đúng đấy.

- Tôi muốn mọi thứ phải hoàn toàn bình thường. Thậm chí, các ông hãy mang tiền diệt chuột đến trả cho công ty *Ngàt tận thế của lũ chuột*, Nhà Aurouze, phố Halles. Chúng ta không bao giờ biết được. Nhưng bọn người mà chúng ta đối đầu thì biết tất đấy, chúng theo dõi tất cả, bóc tách mọi giấy tờ, sổ sách.

- Đồng ý.

Zefiro tóm áo vest của Boulard và nói một cách nghiêm trọng:

- Nghe tôi nói này, ngài cảnh sát trưởng. Cha Zefiro chưa bao giờ đến đây, nhất trí nhé? Ông ấy chưa bao giờ qua đây vì ông ấy đã chết và đã được mai táng ngay trước đại dương, dưới những cây sồi xanh rì của tu viện Trắng. Thậm chí trong mộ còn có xương mua ở bảo tàng Nhân chủng học để chứng minh điều đó. Tôi không để bất kỳ điều gì tình cờ xảy ra được.

- Hiểu rồi, Boulard nói, ông bắt đầu nhận ra tính nghiêm trọng của vấn đề.

Trước đó ông cũng chỉ hình dung nó phức tạp đến mức bị chết là cùng.

Vị linh mục mở cái hòm ra và rắc một thứ bột hôi thối dọc tường.

- Ông làm gì đấy?

- Tôi diệt chuột, thưa ngài cảnh sát trưởng. Chứng tỏ ông đã hiểu gì đâu!

- Vâng, chắc chắn rồi, xin lỗi.

Zefiro thu dọn đồ nghề.

- Đi thôi. Trước tiên hãy kiểm tra xem hành lang có ai không. Rồi kiểm tra cái phòng mà chúng ta sẽ vào. Sau đó, quay lại tìm tôi.

Zefiro ở lại một mình một lúc. Ông hít thở thật sâu. Ông nhớ lại những cuộc hẹn với Voloi Viktor. Ông đã lừa được hắn suốt sáu tháng trời. Nhưng lần nào cũng vậy, khi ngồi trong cái lồng nhỏ của phòng xưng tội, trong nhà thờ Dolomites hay Bretagne và khi chờ đợi kẻ xưng tội góm ghiếc của mình đến, ông chỉ chực cảm thấy một mũi tên cắm phập vào tim mình qua song cửa. Ông đang đùa với tính mạng mình trong từng phút giây.

Ông đã ngỡ sẽ không còn phải sống lại cái cảm giác ấy nữa và rằng những mũi tên duy nhất đe dọa ông lúc này chính là mũi tên của những nàng ong vàng Arkudah.

- Lại đây, không có ai đâu, Boulard vừa nói vừa đẩy cửa.

Zefiro xách chiếc hòm đi theo cảnh sát trưởng. Khi đến sau tấm kính, ông nhìn thấy ngay lập tức gã đàn ông bị trói vào ghế. Ông cảm thấy như có một loạt đạn lạnh toát găm dọc sống lưng.

Ông chỉ chờ đợi nhìn thấy một con mồi, một gã đàn ông được đưa đến thay Viktor để nhử ông.

Nhưng đúng hấn rồi. Đích thị hấn rồi.

Voloï Viktor đã quyết định đích thân trở thành con mồi.

Trong bóng tối như bùng, Auguste Boulard không thể phát hiện gì về phản ứng của linh mục.

- Đúng hấn chứ? Boulard thì thào.

Trên ghế, Viktor vẫn giữ nụ cười đáng sợ.

- Chính hấn, Zefiro trả lời.

Họ bất động mất bảy hay tám giây gì đó. Những giây ngắn ngủi đó Zefiro sẽ tiếc nuối mãi mãi. Nếu trở ra ngay, nếu ông rời đi, có lẽ mọi thứ sẽ khác.

Trước khi vị thầy tu và cảnh sát trưởng kịp làm gì, Voloï Viktor đã ưỡn người, hất gáy ra đằng sau, và bằng một cú đánh đầu mạnh như quái vật, hấn đập vào cái chao đèn chiếu sượt tóc hấn. Chùm ánh sáng vọt lên trước mặt hấn theo chiều thẳng đứng y như một chiếc đu quay và ngẫu nhiên quét qua bóng tối. Nó xoay tròn và khi lắc đến lần thứ hai, chiếc đèn chiếu sáng khuôn mặt của Zefiro, với độ chính xác như ánh đèn flash của một tay thợ chụp ảnh.

Hình ảnh khuôn mặt bị ánh sáng làm lóa ấy in trong mắt Voloi Viktor.

Hắn bất động. Một chút máu chảy ra từ chân tóc hắn.

Môi Viktor mấp máy. Và nếu chiếc đèn chiếu soi vào hắn, người ta có thể đọc được trên môi hắn lời một bài ca được Nina Bienvenue hát ở Monmartre và được tất cả hát theo vào năm đó:

Chào mừng bạn đến Paris...

Hạnh phúc thay khi biết bạn còn sống...

Đó là một bài hát kể lại cuộc trở về từ chiến tranh của một người lính được mọi người yêu mến, nhưng từ miệng của Viktor, đó lại là lời kết tội chết dành cho Zefiro.

Cha Zefiro kêu lên, ông chộp lấy cổ Boulard và lôi xềnh xệch ra ngoài hành lang.

Zefiro gí Boulard vào tường gạch lấp bắp:

- Ông đã thề với tôi... Ông đã thề sẽ không gây ra cho tôi bất kỳ rủi ro nào cơ mà...

Boulard trắng bệch.

- Tôi không hiểu những gì đã xảy ra. Thật thế. Avignon đã kiểm tra tất cả.

Zefiro thả Boulard ra.

- Đi đi, Boulard nghệt thờ nói. Ông đừng lo. Chúng tôi giam hắn mà. Chúng tôi sẽ không thả hắn ra. Sẽ không có ai liên lạc với hắn. Không ai biết ông còn sống đâu.

- Đó là những gì ông nói thôi.

- Hắn sẽ chết rũ cả đời trong ngục tối, ông...

Tiếng chuông inh ỏi vang lên.

- Cái gì vậy? Zefiro hỏi.

- Tín hiệu báo động. Tôi... Tôi không còn hiểu gì nữa. Có lẽ ai đó đã đột nhập trái phép vào sở. Họ sẽ phong tỏa hết các cửa ra vào.

Điên tiết, Zefiro đá một phát vào chiếc vali *Ngày tận thế của lũ chuột*, rồi nói với Boulard:

- Tôi khuyên ông không nên để Viktor thoát. Nếu không, ông sẽ phải trả giá suốt đời vì điều đó.

Ông bỏ chạy. Ông không còn là người thợ nhỏ bé đáng kính, sẵn sàng ra bằng cửa chính nữa. Ông lại là Zefiro, một kẻ lén lút.

Ông sẽ phải rời hiện trường như một con chuột.

Khi đi qua trước chợ chim, Ethel và Cá Nhám dừng lại. Ethel vừa nhìn thấy chiếc xe nhỏ màu đen của công ty *Ngày tận thế của lũ chuột, thành lập năm 1872*. Cô lại gần, nhìn vào bên trong qua cửa kính đóng im ỉm. Không có ai.

Cô rất muốn gặp lại người đàn ông trong phòng chờ.

- Chị làm gì đấy? Cá Nhám hỏi.

- Chị muốn chào một người bạn.

Chiếc ô tô hòm hơi vướng lổ đi. Những người giao hàng trong chợ để lại trên kính che gió một loạt câu chửi được viết ra bằng chữ vì họ không có cơ hội nói bằng miệng... Một truyền thống lâu đời của người Paris, lâu đời như phát minh ra bánh xe vậy.

Ethel cầm tờ giấy, gạch một đường và, cô tủm tỉm cười viết lên câu hỏi mà cô đã nhắc lại ba lần. “Người là ai?”.

Rồi cô ký tên mình: “Ethel.”

Cá Nhám nhìn cô để tờ giấy vào chỗ cũ.

Rốt cuộc, Cá Nhám cũng gặp được một người còn khó lường hơn cả mình. Lúc nào Ethel cũng làm cô ngạc nhiên. Sự có mặt nhiều lần của cô gái người Scotland bên cạnh khiến cô bỗng nhiên cảm thấy mình thật có lý khi đã so sánh. Cảm giác này làm cô thích thú. Cá Nhám cảm thấy mình đúng mực nhất trong nhóm hai người này. Điều này làm cô lớn lên trông thấy.

Cô thậm chí còn kể với Ethel rằng cô có một vị hôn phu tên là André. Cô không nói thêm nữa để khỏi phải khai cụ thể rằng anh ta thậm chí còn chẳng biết đến sự tồn tại của Cá Nhám, rằng trên thực tế anh ta tên là Andreï, rằng anh ta làm theo mệnh lệnh của Boris Petrovitch.

Hai cô gái trẻ quyết định đồng tâm hợp lực để tìm cho ra người đã làm cho hai con đường của họ giao nhau: Vango.

Trung úy Avignon tìm thấy sếp của mình đang sắp lên cơn thần kinh.

Boulard vừa đi qua sân vừa ợ hơi.

- Ai bật báo động?

Khách ngoài phòng đợi bị tập trung vào một nhà kín để kiểm tra lần nữa. Không ai được ra ngoài. Cả những người làm vệ sinh đang thu gom thùng rác ở căng tin cũng bị nhốt lại. Mùi hôi thối bốc lên trên vệ tường, lan tỏa vào phòng làm việc. Đúng là ô nhiễm.

- Tôi hỏi ai đã bật báo động!

- Là tôi... Avignon nói.

- Cậu á? Avignon?

- Có ai đó trong phòng của ông, viên trung úy vừa tiếp tục vừa bịt mũi. Chính pà Darbon đã nhìn thấy.

- Ai?

- Pà Darbon.

- Đừng có bịt mũi nữa, đồ ngu si!

- Bà Darmon.

- Hắn có lấy gì không?

Mười ngày trước, một hồ sơ vô thưởng vô phạt về vụ Vango Romano đã biến mất không lời giải thích. Đó là hồ sơ liên quan đến nhân chứng Cá Nhám.

- Tôi cho rằng hắn không mang gì đi.

- Thậm chí không cả Darmon?

- Thậm chí không, Avignon nói mà không dám cười.

- Thật tiếc. Nói với Darmon là tôi đợi bà ấy trong phòng làm việc.

Bà Darmon còn ba tháng nữa là nghỉ hưu. Bà là thư ký của cảnh sát trưởng. Bốn mươi bốn năm nay, ông vẫn tự xoay xở ngon lành mà đâu cần đến bà. Ông chưa bao giờ biết giao việc cho bà thế nào. Vì thế bà cứ chơi ô chữ, đọc tiểu thuyết tình cảm ủy mị và thư tình suốt bốn mươi bốn năm lẻ vài tuần nay.

Bà Darmon bước vào phòng cùng với búi tóc bốn tầng và gót giày cao chót vót.

Bà ngồi xuống trước mặt cảnh sát trưởng.

- Hắn trông thế nào? ông rống lên.

- Rất đẹp, bà vừa trả lời vừa chớp chớp hàng mi. Rất trẻ.

- Nhưng còn gì nữa?
- Có học thức.
- Hắn không làm gì cô đấy chứ?
- Không, bà nói với chút tiếc nuối.
- Hắn ra bằng lối nào?
- Bằng lối này.

Bà chỉ ô cửa sổ. Đó là một cửa sổ bên hông, nhỏ, trông ra một cái sân con dùng làm giếng trời cho vách kính ở tít phía dưới. Cửa sổ phòng Boulard là cái duy nhất trên bốn bức tường của cái sân nhỏ đó. Những bức tường phẳng lì.

- Có dây rợ gì không? cảnh sát trưởng hỏi.
- Không. Hắn nhảy lên tường đối diện rồi cứ thế leo.

Avignon và Boulard liếc mắt nhìn bức tường, phẳng lì như bánh xà phòng, cách cửa sổ chừng ba hay bốn mét gì đó và cách mặt đất chừng mười lăm mét.

Avignon đóng cửa sổ lại, nôn nao vì mùi rác rưởi đang luồn lách khắp nơi.

- Được rồi, được rồi... Boulard nói nhẹ nhàng.

Ông trao đổi ánh mắt với Avignon. Bà Darmon có một trí tưởng tượng rất mãnh liệt. Một hôm, bà kể rằng diễn viên Clark Gable tới khu vườn nhỏ ở Bagnolet của mình đúng vào giờ khai vị để chơi một ván bóng chày.

Boulard đi đi lại lại trong phòng. Đống tài liệu không hề xê dịch. Mọi thứ dường như vẫn ngán nấp. Ông nói với viên phụ tá của mình bằng giọng ngọt xót:

- Và ngài Avignon đã khiến cho cả tòa nhà nháo nhào lên chỉ vì cô Darmon có cuộc gặp gỡ tình tứ trong phòng làm việc của tôi với một anh chàng trẻ trung, đẹp trai dính chặt vào tường. Đúng thế không nhỉ?

- Tôi cứ tưởng rằng...

- Ra ngay! ông gào lên. Ra ngay lập tức!

Avignon và Darmon ra khỏi phòng lúc Boulard lẩm bẩm:

- Quý cô, cô sẽ báo với tôi nếu tên trộm trèo tường viết thư cho cô khi cô về nghỉ hưu ở Bagnolet nhé...

Bà Darmon dừng lại.

- À ừ, tôi suýt quên. Tôi có cái này cho ông đây.

Bà thọc ngón tay vào áo con và miễn cưỡng lấy ra một tờ giấy gấp tám.

- Hắn để lại cho tôi cái này để gửi ông.

Boulard nhào tới và mở ra.

Bức thư ký tên Vango Romano.

Quần áo Vango hầu như không bị nhàu.

Cậu vừa thoát ra bằng mái Tòa án, và trườn xuống dọc nhà thờ Sainte-Chapelle.

Một thẩm phán trẻ nhìn thấy cậu trượt đứng trước cửa sổ của mình, một người khác còn được Vango khẽ ra hiệu xin lỗi vì đã làm phiền. Ngượng ngùng vì ảo giác ấy nên không ai kể chuyện đó ra.

Vango ra khỏi chợ chim một lúc sau khi Ethel biến mất nơi góc phố.

Trong một thế giới hoàn hảo, có lẽ người ta sẽ mơ rằng một bàn tay nhân từ nào đó sẽ hóa phép một kẻ đi chậm lại và kẻ kia đến nhanh hơn để cùng một lúc, họ gặp nhau trước cái xe hòm màu đen *Ngày tận thế của lũ chuột*. Trong một thế giới hoàn hảo, sẽ có tiếng nhạc ở phía xa xa và tia nắng mặt trời chiếu trên vỉa hè.

Nhưng thậm chí trong một thế giới hoàn hảo, nên chẳng tách hướng đi cho hai mảnh đời ấy, coi họ như những con tốt mà người ta có thể đẩy lên trước hoặc đẩy về sau chỉ để thích thú chứng kiến cảnh hội ngộ quay chậm sau này?

Vango một mình bước lên xe.

Mọi việc diễn ra không như dự tính. Vango đã nói dối Zefiro. Từ khi rời quần đảo Eolie, cậu đã có một kế hoạch bí mật. Rốt cuộc, cậu cũng muốn nói chuyện với Boulard để giải thích với ông tất cả những gì cậu biết và mở ra cho ông những manh mối khác ngoài cậu. Với sự có mặt của Zefiro, cậu không sợ gì cả. Cảnh sát trưởng Boulard sẽ nghe cậu nói.

Ở lối vào, người ta cản không cho cậu qua. Cậu vờ như cam chịu. Cậu vào bằng đường mặt tiền và mái nhà.

Nhưng Boulard và Zefiro lại không ở trong phòng.

Cuối cùng cậu đành phải gửi bức thư viết vội cho bà thư ký nhìn cậu một cách hiền từ trước khi kêu báo động.

Vango khởi động xe.

Nếu mọi chuyện trở nên tồi tệ, cậu nhận mệnh lệnh là không chờ Zefiro. Họ sẽ gặp nhau sau, tại một nhà ga.

Một mẫu giấy xòe ra trên kính ô tô. Vango ra khỏi xe lấy nó xuống. Ngồi vào vô lăng, trong tiếng ồn ào của động cơ, cậu đọc lướt nó.

Y như mười sáu quả bóng hydro của Khí cầu Graf đang nổ từng quả trong lồng ngực cậu.

Vango đọc được ba từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần và một cái tên. Những từ sẽ làm thay đổi cuộc đời cậu. Cái tên đã ở trong lòng cậu từ năm mười bốn tuổi. Những từ ngữ và cái tên ấy có một phần tỷ may mắn khi nằm trên tờ giấy ấy, ở nơi đây và vào lúc này.

Người là ai?

Người là ai?

Người là ai?

Ethel.

Chính tối hôm đó, giữa đêm khuya khoắt, trong khu chứa rác Sainte-Escobille, ở cửa ngõ Paris, một chiếc xe ba gác của người dọn vệ sinh đang đổ lên núi rác thải. Một anh công nhân lấy xiên moi nốt phần rác còn lại.

- Ông là người cuối cùng đấy, anh ta nói với ông già đội mũ bon nê đẩy xe ba gác.

- Họ giữ chúng tôi bốn tiếng đồng hồ ở sở cảnh sát. Họ khóa hết các cửa ra vào. Tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra cả. Tôi về ngủ đây.

Người công nhân giúp ông xếp xe ba gác cùng những chiếc khác.

- Tạm biệt.

- Tạm biệt.

Không gian yên tĩnh trở lại.

Chỉ còn nghe thấy tiếng chín chít của lũ chuột.

Lúc sau, một khối hơi thối bắt đầu động đậy. Một người đàn ông chui ra và đứng dậy. Ông đá vào một con chuột, lấy tay xoa bộ mặt lấm lem dầu của mình.

- Lạy Chúa tôi, người này nói.

Vài tiếng trước, ông còn mang trên chiếc vali của mình dòng chữ “vệ sinh và diệt chuột”... Zefiro đã trốn thoát thành công.

Ông tìm chiếc đồng hồ trong túi áo vest. Còn kịp đi gặp lại Vango ở ga Austerlitz.

Khi bước ra và đi dọc bức tường của khu chứa rác, ông không thể hình dung được rằng, đằng sau ông hai mươi lăm mét, ông già đội mũ bon nê ban nãy đang bám theo ông giữa lúc trời nhá nhem.

PHẦN BA

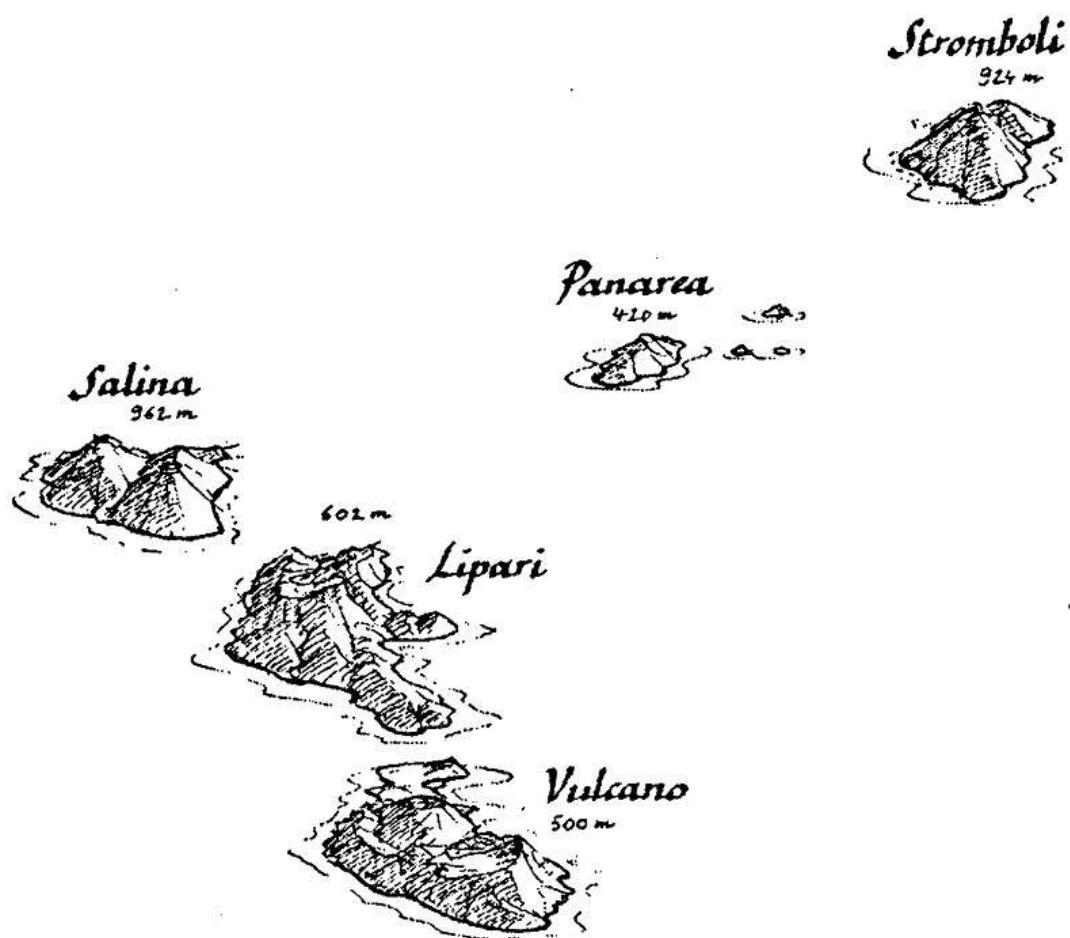


Alicudi (Arhudah)
675 m



Filicudi
773 m





Quần đảo Eolie

24 KẺ SỐNG SỐT

Sotchi, vài ngày sau, tháng Tám năm 1935

- Setanka! Em không muốn chơi nữa.

Setanka không trả lời. Cô trốn trong bụi cỏ cao, trên đụn cát, ngay phía trên đầu mọi người.

Cậu bé tìm cô gần một tiếng đồng hồ rồi. Cậu sắp phát khóc.

- Nói với em chị ở đâu đi!

Tại sao, càng ngày Setanka lại càng không muốn đi dã ngoại hè bên bờ biển Đen nhỉ? Trong trò chơi trốn tìm không có hồi kết, cô để cậu em họ bé nhỏ đi suốt qua mà không nhìn thấy mình.

- Setanka, Setanotchka...

Nằm dài suy nghĩ, cô nhận ra mấy con châu chấu đang bò trên da. Cô nhìn những dáng hình nhỏ xíu đang ngồi thành từng nhóm dưới ánh nắng mặt trời.

Có quá nhiều người, y như trước kia. Ông, bà, bác Pavloucha, vợ chồng Redens và con cái, chú Aliocha Svanidze và dì Maroussia đang hát opera... Setanka chỉ cần xoay người một chút là nhìn thấy cha, dựa vào một cái cây khô, lơ mơ ngủ trong lúc nói chuyện với một người đàn ông cô không quen. Xung quanh, những bàn chân lẫn

trong đám cây bắc hoặc ở dưới nước, một đồng vệ sĩ đang giám sát cái thế giới nhỏ bé này.

Đến tận sáu tuổi, khi mẹ còn sống, những bữa trưa trên cỏ đối với Setanka vẫn là một niềm hạnh phúc tuyệt đối. Những bài hát vui hơn, mặt trời dường như rạng rỡ hơn và những câu nói hiền từ của bác Pavloucha quỳ gối thì thầm vào tai cô bé không buồn như hôm nay. Cuối tháng Tám, lúc phải trở lại Mátxcơva để vào năm học mới, đó là cảm giác nhớ đến nao lòng khi rời khỏi ngôi nhà nghỉ ở Sotchi.

Lúc này, mặc cho những trận cười nghiêng ngả khi nghe ông bà cãi vã triền miên, mặc kệ những khúc nhạc sớm của dì Maroussia, trên bầu trời mùa hạ này, vẫn có một nỗi sợ hãi không gì giảm bớt được.

Mới gần chín tuổi, Setanka không thể biết được nỗi sợ hãi ấy từ đâu ra, nhưng cô bé cảm nhận được nó ở khắp nơi, nó bám còn chặt hơn cả chiếc váy trên bờ vai ướt đầm mồ hôi của cô.

Thỉnh thoảng cô nghĩ đến những người bỗng nhiên không đến nhà cô nữa và không ai nhắc đến họ nữa. Họ đi đâu, anh Kirov đẹp trai và tất cả những người khác? Họ đi đâu cả rồi?

Cô không hoài nghi về việc bố cô, người làm cho nỗi sợ hãi bao trùm cả nước, người vừa gây ra nạn đói ở Ukraina, sẽ không chừa gia đình mình ra. Vài tháng sau, Aliocha và Maroussia có lẽ cũng sẽ bị bắt, bác Pavloucha sẽ chết trong phòng làm việc vì một cơn đau tim lạ lùng, rồi đến lượt cậu Redens, bị đăng lính năm sau, vợ cậu thì bị đi đày...

- Tại sao chị không xuất hiện, em tìm chị một tiếng đồng hồ rồi đấy.

Cuối cùng cậu bé cũng tìm thấy Setanka. Cậu che đi những vệt nước mắt khô trên má.

Setanka chìa tay kéo cậu bé lại. Cậu ngồi thụp xuống cạnh cô.

- Em có dũng cảm không? cô thì thảo.

- Có ạ, cậu bé trả lời, hơi lo lắng.

- Vậy, đi theo chị, Setanka nói.

Chúng bắt đầu trườn giữa đám cỏ. Setanka bò trước. Cô bé lớn tuổi hơn. Không ai để ý đến hai con rắn bé xíu đang bò trên đụn cát. Vì bò lê nên cậu bé bị bầm xanh ở đầu gối và khuỷu tay.

- Đừng bò nhanh quá, cậu nói.

- Xuyt, không được nói... Chúng ta đang đến gần.

Hai đứa trẻ luồn ra sau một thân cây nằm nghiêng. Phía trước, chúng nghe thấy tiếng nói.

Chúng vừa đến phần ngọn cái cây khô nơi bố Setanka đang ở đó. Chúng nghe ngóng.

Ai đó nói về một “tin tốt lành” và ngay sau đó, Setanka nghe thấy từ cô hằng biết bao mong đợi.

- Chim...

Tim cô giật thót.

- Chim xuất hiện ở Paris, người đàn ông nói. Hắn gửi một bức thư cho cảnh sát.

Setanka áp mặt lên đất. Cô nghe thấy cha nói vài từ khó hiểu.

- Không ạ, người đàn ông trả lời. Họ không tóm hắn.

Một bầu không khí im lặng nặng nề.

- Đấy hả, tin tốt lành của anh đấy hả, đồng chí?

- Trong thông điệp của mình, tên đào tẩu giải thích với cảnh sát rằng hắn bị truy đuổi nhưng hắn không biết ai truy đuổi mình và tại sao...

Lại im lặng. Bên mép nước, dì Maroussia đang hát.

Setanka nằm rạp xuống hơn nữa khi nghe thấy cơn giận lạnh lòng của cha:

- Và anh sẽ tự cho mình thêm một cơ hội nữa à?

Người kia ấp úng:

- Thừa đồng chí, tôi đã đọc được cả bức thư...

- Nó bịa đặt đấy, bức thư ấy, thật ngu xuẩn!

- Nhưng...

- Tạm biệt.

Setanka nghe thấy tiếng quần áo sột soạt, cô lại nằm rạp xuống thêm, vùi mặt cậu em họ vào cỏ.

- Tìm cho ra hắn.

Vị khách vừa đứng dậy.

- Xin lỗi vì đã làm phiền, đồng chí.

Staline để anh ta đi. Rồi ông huyết sáo gọi anh ta.

- Anh từng nói với tôi về người phụ nữ đã nuôi hắn. Anh gọi cô ta là gì nhỉ?

- Người nuôi chim. Cô ta không nguy hiểm, ở đó, nước Ý, ai cũng nói cô ta chẳng nhớ gì cả.

- Hãy để cô ta ở đâu đó, nơi cô ta không còn là mối bất trắc đối với chúng ta nữa.

- Đồng chí muốn...

- Đúng, tôi muốn.

- Đồng chí...

- Mang cô ta đi! Và hãy mở mắt ra. Đây có thể là lúc Chim lựa chọn để xuất hiện đấy. Quan tâm đến kiểu đàn bà này nhiều quá rồi đấy.

Setanka nghĩ tới người vú nuôi yêu quý của cô, Alexandra Andreïevna, người đã chăm sóc cô tận tình kể từ lúc cô mới chào đời. Khi mẹ mất, Setanka được sự dịu dàng của Alexandra cứu rỗi.

- Vụ như thế, ở nước ngoài..., người đàn ông rụt rè vắn vẹo.

- Hành động một cách sạch sẽ.

- Tôi cho rằng...

- Tự lo liệu người phụ nữ ấy và đừng có làm phiền tôi vào Chủ nhật nữa.

Setanka và cậu em họ nấp một lúc lâu trong im lặng. Đang lúc chúng gần như đã ngủ gật, hai mắt lim dim giữa đám cây cỏ thì chúng cảm thấy một cái bóng sừng sững phía trên và nghe thấy tiếng gầm gừ đáng sợ của một con gấu.

Chúng hét lên, lăn sang bên cạnh.

Con gấu sặc mùi thuốc lá. Nó có đôi mắt màu nâu của bác Pavloucha. Nó cũng có cả cẳng chân dài, bộ quần áo màu cát do một nhà may xịn ở Berlin cắt và cả nụ cười buồn buồn của bác nữa.

Hai đứa trẻ nhảy lên ông bác, người đã khiến chúng sợ hết hồn.

Trò chơi sẽ không kéo dài. Đó chỉ là ý định vớt vát của Pavloucha nhằm nhắc bọn trẻ nhớ đến kỷ niệm về những mùa hè trước, khi ông làm gấu hoặc khi ông vui sướng vớt mẹ của Setanka xuống nước.

Phía bên kia cái cây khô, bố Setanka nhìn Pavloucha và những đứa trẻ đang nằm dài ra đất.

Trong vài tiếng nữa, lệnh bắt cóc bảo mẫu của Vango và để cô vĩnh viễn tại một nơi an toàn sẽ được truyền đi.

Salina, quần đảo Eolie, cùng lúc đó

Ngay khi bước qua cửa, Cô đã biết có ai đó đã vào trước Cô. Khi người ta sống một mình, mọi đồ vật đều trở nên rất quan trọng. Mắt đã quen nhìn chúng. Chúng ở đúng chỗ người ta đặt và một thay đổi nhỏ nhất, giống như dấu chân trên mặt trăng, cũng làm người ta băn khoăn.

Cái tách trên bàn đã thay đổi vị trí. Nó không chỉ xô dịch ít nhất một ngón tay, mà còn xoay nửa vòng. Và nửa vòng xoay ấy là điều đập vào mắt cô nhanh nhất. Cái chén xoay nhẹ làm cô giật mình y như tiếng tù và báo hiệu vang lên giữa bầu không khí tĩnh lặng của hòn đảo.

Điều quá đáng nhất là cái quai duy nhất trên tách quay về bên phải. Người khác có quyền cho đó là chuyện vặt, nhưng đối với Cô, đó là một vụ động đất. Cô thuận tay trái, không bao giờ cô cầm tách bằng cả bàn tay. Vì thế không thể có chuyện cái tách lại ở tư thế ấy mà không có sự can thiệp của kẻ lạ... Một kẻ lạ thuận tay phải, hoặc tệ nhất, một kẻ lạ mặt thuận tay trái nhưng không được giáo dục tử tế nên thường không cầm tách cà phê bằng quai.

Cảnh giác, cô không muốn tỏ vẻ gì ngạc nhiên. Cô chỉ đi về phía bồn rửa bát bằng đá cùng giỏ nọ bạch hoa tươi.

Cô đoán một ngày nào đó chúng sẽ quay trở lại. Lần trước, chúng không thấy những gì cần tìm. Lần này, chúng sẽ không cho cô cơ hội.

Cô bắt đầu chọn nụ bạch hoa. Cô thích ăn những nụ to nên để dành sang một bên, và những nụ bé bán được đắt hơn.

Nụ bạch hoa là nụ của cây bạch hoa. Cô xếp thành hai đồng trên một tấm ván rắc muối trắng tinh. Đang là cuối vụ. Cô lúc nào cũng chừa lại trên đồi một hàng không hái nụ để được ngắm những bông hoa trắng nở rộ. Những bông hoa ấy chỉ tươi được một ngày. Một trong số những bông ấy được cài lên tóc cô ngày hôm đó.

Cô quay lưng vào phòng. Cô không muốn bỏ trốn.

Khi về đến nhà, cô không thấy Mazzetta ở trong hang. Cô thậm chí còn rào bước vì sợ anh ta phát hiện ra sự điệu dàng của bông hoa.

Bác sĩ vẫn đề nghị cô đến nhà ông ở nếu còn sợ kẻ xấu viếng thăm. Cô trả lời cô chẳng sợ gì cả.

Đúng thật, cô chưa bao giờ sợ gì mà chỉ lo cho Vango. Và giờ đây, cậu đã bay mất, Cô cảm thấy một cảnh bình yên đầy đau khổ.

Bí ẩn về sự vắng mặt của Vango, về sự im lặng của cậu, thỉnh thoảng lại khiến cô thao thức vào ban đêm. Cô nói chuyện với cậu một chút, như thể cậu vẫn nằm trên chiếc giường bé ở góc phòng. Cô kể chuyện cho cậu nghe. Cô nói với cậu về một con tàu to, màu trắng, lung linh ánh sáng, đi khắp các vùng biển. Hàng chục con cá heo cứ lẻo đẻo theo sau nó.

Giọng cô đứt quãng cuối mỗi câu.

Cô thường chẳng kết thúc được những câu chuyện của mình.

Nhưng mỗi năm một lần, Vango lại báo cho cô biết cậu còn sống và vẫn khỏe. Một lá thư, sau ngày lễ Phục sinh. Mấy nét nguệch ngoạc vụng về cô đã quen thuộc. Đó là tất cả những gì cô mong muốn.

Cô luồn tay xuống dưới bồn rửa bát.

Cô không nhầm. Cô vừa nhìn thấy ánh phản chiếu trong màu trắng của bức tường ốp sành xốp. Có ai đó ở sau cô. Một bóng đen vừa ra khỏi phòng ngủ rồi đi vào căn phòng nơi cô đang đứng.

Dưới tấm đá của bồn rửa bát có giấu một con dao quắm nhỏ. Cô cầm nó trong tay. Lưỡi dao mỏng và sắc như cò.

Cô dồn hết can đảm có thể có được. Tay trái cô vẫn tiếp tục lựa nụ bạch hoa trong khi tay phải đang siết chặt con dao.

Hắn không động đậy. Cô hát lầm rầm. Đó chỉ là một cái bóng mờ mờ trong cửa kính nhưng cô vẫn nhận ra hắn không quá cao to.

Ánh phản chiếu giống như một nét cọ vẽ, vai hẹp. Có thể hắn còn khá trẻ hoặc do đứng hơi chênh chếch.

Cô có thể hạ gục hắn.

Cô phải làm điều đó. Hay đời cô sẽ tàn trước khi đời bông hoa này tàn.

Cô đợi. Hắn còn cần tiến gần một chút nữa.

Cô quyết định nói với hắn mà không quay đầu lại, để hắn có thời gian lại gần cô. Cô hỏi hắn bằng tiếng Nga:

- Anh không có được cậu ấy đâu. Tôi biết những gì cậu ấy đã trải qua.

Cô còn nói thêm những từ lạ lẫm:

- Cậu ấy có sức mạnh của những kẻ thoát chết.

Phía sau cô, cái bóng hơi nhúc nhích và dựa vào tường, như thể nó đang bị chuệnh choạng.

- Anh sẽ không có được cậu ấy đâu! cô kêu lên.

Bằng một cú nhảy, người đàn ông lao tới.

Cô vung cánh tay phải lên rồi đột ngột quay lại. Bông hoa trắng trên tóc cô rơi xuống. Lưỡi dao chém vào không khí, nhưng không chạm vào vị khách, hấn tránh được cô rồi kêu lên:

- Cô ơi!

Những ngón tay của người bảo mẫu buông ra. Con dao cắm phập vào mặt bàn, chặt đứt bông bạch hoa.

Người phụ nữ mở choàng mắt.

Chính cậu. Kẻ thoát chết.

- Vango! Evangelisto! Vango!

Cậu quỳ gối trước mặt cô.

- Cô ơi!

Cậu ôm lấy eo cô.

TIA SÁNG TRÊN NHỮNG NGỌN SÓNG

Cô khóc nhiều đến nỗi chẳng nhìn thấy gì nữa. Cô ôm chặt lấy đầu Vango, sờ lên khuôn mặt cậu để yên tâm đó chính là cậu.

- Evangelisto, con đây rồi, Cô nói.

Vango làm quen lại với cách gọi ấy, cái họ Evangelisto mà cậu đã gần như quên. Cô vẫn thường gọi cậu là Vango, nhưng những lúc quan trọng, cái tên đầy đủ lại xuất hiện như thể cần nhiều chữ hơn để bày ra ở đó tất cả những gì cô muốn nhấn nhủ.

- Đi đi, Vango.

- Cô đang đợi ai đấy, Cô? Cô đang nói với ai đấy ạ?

- Bọn chúng tìm con đấy.

- Ai ạ?

- Ta không biết. Hãy đi đi.

- Con sẽ không ở lại lâu đâu. Con đến hỏi cô một điều thôi.

Trong túi, Vango chạm phải tờ giấy của Ethel. Thông điệp ấy rơi vào tay cậu, nó được một cơn gió vô hình mang đến. Nó hỏi cậu một câu mà từ đó luôn là nỗi ám ảnh của cậu: “Người là ai?”

Vango trở lại với cuộc đời và những bí ẩn của mình.

Có những cánh cửa đóng im ỉm, thậm chí không tồn tại nữa vì người ta sợ mở chúng ra. Họ chặn đồ gỗ trước cửa, bịt ổ khóa bằng keo dính. Có lẽ chỉ lũ trẻ mới bò đến xem tia sáng đỏ dưới khe cửa và hỏi xem có gì đằng sau. Vậy mà Vango luôn cảm thấy sợ cái tia sáng đỏ. Cậu thích tắm dưới ánh nắng mặt trời bên ngoài hơn.

Hôm nay, cậu không còn trông thấy gì ngoài bí mật ấy. Năm ngày qua, cậu lao từ Paris về để tìm câu trả lời từ cô bảo mẫu.

- Cô, hãy nói với con tất cả những gì cô biết đi. Hãy nói con là ai đi.

Người phụ nữ ngẩng đầu lên.

- Sao cơ?

Lại một lần nữa, cô quá hiểu.

- Hãy nói con là ai đi.

- Con của ta, cô thì thào trong mái tóc của Vango, con là con của ta.

Cậu đứng dậy và nhìn thẳng vào mắt cô. Cậu van xin:

- Hãy nói với con đi mà.

Lần này cô cảm thấy loạng choạng.

Họ như vậy nhìn nhau một lúc lâu. Cô ngồi xuống. Khuôn mặt cô trở nên khó nắm bắt. Biết bao kỷ niệm lần lượt hiện về trên đó. Không có lấy một lời trong cái dòng hồi ức ấy. Gương mặt cô là lá cờ trong gió, căng phồng, phấp phới, được làn gió hồi ức ulla về thổi tung.

Cơn gió ký ức mang theo cả một cuộc đời. Những tiếng khóc nức nở, những tiếng cười rộn rã không kịp dừng lại. Chúng là những hạt cát trong cơn cuồng phong sirocco^[6].

Cô vẫn chưa nói, nhưng Vango nhận ra cuộc đời mình đang lặng lẽ hiện lên trên khuôn mặt ấy.

- Hôm nay ta không thể nói ra tất cả được. Ta không còn phân biệt nổi những gì ta biết và những gì ta mơ nữa. Ta cần một chút thời gian.

- Con không có thời gian! Vango thốt lên.

Cô lấy ngón tay xoay cái tách không trước mặt mình. Cái tách nhỏ quay tròn ấy đã thông báo với cô sự có mặt của Vango.

- Ta muốn bắt đầu bằng đoạn kết, cô nói thêm. Bằng cái đêm cuối cùng. Để ta bắt đầu bằng cái đêm cuối cùng vậy.

Cậu lôi ra từ thắt lưng chiếc khăn mùi soa lụa chưa bao giờ rời xa cậu, chiếc khăn vuông màu xanh lam có chữ V thật to và họ của cậu. Và mấy chữ nhàu nhĩ: “Có biết bao xứ sở không biết đến chúng ta”.

Cô đứng dậy tiến lại cầm chiếc khăn. Cô nắm chặt nó trong tay, kề sát miệng rồi bắt đầu nói:

- Hôm ấy trời đẹp suốt cả ngày.

Cô nhắc lại để lấy đà:

- Hôm ấy trời đẹp suốt cả ngày... Con tàu là một thiên đường nhỏ khi trời đẹp. Chiếc dù mây in bóng thành những hình tròn trên sàn. Ba cột buồm đu đưa nhẹ nhàng. Những tấm thảm Phương Đông được trải lên boong tàu. Động cơ hơi nước được ngắt. Trời nóng. Mọi người lao từ trên mái tàu xuống nước.

Giọng cô dịu dàng, cô cười.

- Ta nhìn thấy con, Vango. Con đang ở trên chiếc ghế dài bằng gỗ gần như đen tuyền. Mặt trời chiếu quanh con những giọt nắng lung

linh. Ta còn nhớ một giọng hát.

Giọng hát cất lên những từ đầu tiên của một bài hát ru tiếng Hy Lạp, da diết như khúc hát của nàng tiên cá.

- Ai hát ạ? Vango ngắt lời, mắt ngấn lệ.

Cô làm như không nghe thấy.

- Trời đẹp đến tận tối. Con ngủ trên chiếc ghế dài đó trong bộ pyjama xanh lam.

- Ai hát ạ? Vango hỏi lại.

- Cho ta thêm thời gian đi, ta xin con, Vango.

Cô chụm hai tay lên bàn.

- Ban đêm, con tàu lung linh như một thỏi vàng. Có những tràng đèn sáng lên giữa hàng dây néo cột buồm, có đuốc sáng dọc boong tàu. Đó là một con tàu lớn, dài gần hai trăm bước chân nhưng chỉ có sáu thủy thủ. Khi màn đêm buông xuống, gió mạnh lên. Thật tuyệt, cơn gió ấy, sau cái nóng nực của cả một ngày. Gió bắt đầu làm biển động. Mưa đổ hạt lên thảm trải trên boong tàu. Mọi người trốn vào cabin.

- Ai trốn ạ, Cô?

- Con, ta...

Cô nhắm mắt, nhắm trong đầu khúc hát của nàng tiên cá để lấy tinh thần.

- Và mẹ con..., cuối cùng cô cũng nói.

Như có tiếng xào xạc bên phía Vango. Một làn gió thổi đám cỏ khô trên đất trượt bay đi. Cô nói thêm trong tiếng rì rầm:

- Và cha con nữa...

Con người cô sáng rực lên khi nói đến những từ sau cùng này. Cô tiếp tục kể:

- Chúng ta đang ở phòng khách nhỏ trong lòng tàu. Bão đang hình thành trên biển. Chúng ta không sợ. Trên thế giới, không có con tàu nào an toàn hơn thế. Nó đã từng vượt qua những vùng biển động dữ dội đến Đan Mạch. Không có con tàu nào an toàn hơn thế. Cha con vẫn thường nói vậy.

Cô lại cười.

- Ông ấy có lý, chắc chắn rồi. Mẹ con lại hát, để ru con ngủ. Ông ấy cũng thiu thiu ngủ, đầu gối lên đùi vợ. Ông yêu bà. Ông đã xóa cái tên cũ của con tàu trên mũi trước. Và ông sơn lên đó một ngôi sao, như một tinh tú nhỏ năm cánh, bởi lẽ mẹ con tên là Nell, ánh nắng mặt trời. Ta rất ngưỡng mộ cha con. Ông ấy nói với ta như nói với một quý bà, trong khi ta chỉ là một bảo mẫu người Pháp bé nhỏ, còn ông ấy có tất cả mọi thứ của một ông hoàng.

Bóng tối tràn đến ngôi nhà Pollara. Vango gần như không hiện diện giữa những bức tường. Cậu đang gặp lại cái quá khứ mà cậu đã quên hết. Cậu thấy lại cảm giác tròng trành của cái đêm tháng Mười năm 1918 ấy trong ruột gan mình.

- Mấy người thủy thủ quay vào trú mưa. Họ nói chuyện với nhau trong cabin phía trước. Chính vì thế mà mọi chuyện xảy ra. Mẹ con không muốn họ ở ngoài trời mưa. Bà bảo họ vào trong cabin. Bà mang nước nóng đến cho họ.

Vango nghĩ đến đôi bàn tay cầm ấm nước của mẹ. Mẹ cậu đấy. Đối với cậu, thật ngọt ngào biết bao khi được nghe thấy cái từ đầy sự chở che ấy... Mẹ cậu tên là Nell. Một vì tinh tú.

Lúc này Vango nhắm mắt lại.

- Ta ngồi gần cửa sổ, Cô giải thích. Ta là người duy nhất nhận ra có điều gì đó bất thường. Một lúc sau, ta nói: “Có ánh sáng trên những con sóng.” Cha con ra ngoài một lát. Ông quay lại trấn an ta. Ông không nhìn thấy gì cả. Ông bảo nguy cơ một con tàu lạc trong bão đâm vào chúng ta tại nơi này trên biển là rất ít. Ông chỉ cho ta một điểm trên bản đồ. Ông nói: “Chúng ta đang ở đây.” Ta còn nhớ rất rõ điều đó.

Cô đặt ngón tay lên chiếc khăn mùi soa xanh lam đang trải trước mặt.

Vango cảm nhận được cơn bão đang đến nhưng cậu cứ mãi dõi theo những ngón tay ấy trên bản đồ, dõi theo cái nóng nực của cabin, theo tiếng hát của mẹ. “Thêm một chút nữa, cậu nghĩ. Thêm một chút êm ái nữa thôi trước ngày tận cùng của thế giới...”

- Con thiếp đi cùng lúc với mẹ. Qua cửa sổ, ta nhìn mưa đang chém lên mặt sóng và bọt trắng tung lên. Có tiếng nổ đầu tiên.

Vango mở mắt ra.

- Cha con bật dậy. Ta nghĩ cha con đã hiểu ra ngay lập tức. Không có sự rung chuyển. Chỉ là một tiếng nổ phía trước. Một tiếng nổ tiếp theo. Rồi nhiều tiếng nổ khác nữa. Mẹ con tỉnh giấc hỏi: “Núi đá à? Tàu à?” Cha con không trả lời. Ông đi về phía ngăn kéo và bắt đầu lục lọi trong đó. Mẹ con hỏi ông ấy tìm gì. Ông nói: “Vũ khí. Anh tìm vũ khí.” Không có. Con vẫn ở trên tay ta. Con đang ngủ. Mẹ con muốn bế con nhưng cánh cửa lúc đó mở tung.

Cô tả chúng mà như bọn chúng đang ở trước mặt, mười bảy năm sau.

- Bọn chúng có ba tên, cầm súng sẵn. Ba gã đàn ông điên cuồng. Chúng nói thứ tiếng pha lẫn giữa tiếng Sicile và tiếng Ý, chúng hỏi

tiền đâu. Ta dịch lại cho bố mẹ con. Một tên có vẻ điên khùng. Một tên khác cố làm hấn dụi bớt. Còn tên thứ ba thì im lặng. Cha con nói với bọn chúng là không có tiền. Rồi ông đưa ra chiếc đồng hồ, sợi dây chuyền bằng vàng trên cổ và tháo bốn chiếc nhẫn ông đang đeo ra. Tên điên khùng vợ lấy rồi ném chúng xuống đất, cười ngật nghẻo. Và rồi...

Cô bật khóc.

- Rồi? Vango hỏi...

- Hấn...

- Hấn làm gì ạ? Vango thì thào.

- Hấn bắn.

Cô vẫn khóc.

- Hấn bắn bằng khẩu súng trong tay. Hấn biết mình đang làm gì. Hấn không muốn giết cha con trước khi có những gì mình muốn. Vì ta đang bế con nên hấn cũng không bắn ta... Không... Hấn bắn.... Và mẹ con ngã ra đất.

Vango lại gần Cô, ngồi thụp xuống, áp má mình vào má cô bảo mẫu.

- Con vẫn chưa thức giấc, cô nói. Con ngủ trên tay ta. Tại ta cả. Nếu con ở trên tay mẹ, có lẽ bà ấy vẫn còn sống. Một đứa trẻ phải ở trong tay mẹ mình chứ. Tại sao bà ấy không bế con? Tại sao?

- Nhưng như vậy thì cô sẽ không còn ở đây.

Cô gấp chiếc khăn mùi soa xanh trên bàn. Cô không rời mắt khỏi nó. Cô loạng choạng.

Vango nắm lấy bàn tay Cô.

- Bọn chúng kéo cha con ra khỏi thân thể vợ. Chúng bắt cả ba người chúng ta đi...

Cô ngất xỉu.

Quần đảo Eolie, tháng Mười năm 1918

Chúng đẩy họ về phía trước con tàu.

Một cơn mưa mặt chát rơi xuống người họ từng đợt.

Ba tên hải tặc không biết chúng đang làm gì. Mới còn hôm qua, không ai trong số chúng ngờ mình sẽ rơi vào trạng thái điên loạn này. Chúng là nông dân hoặc dân chài. Một trong số chúng còn có vợ và ba con gái ở Santa Marina. Một tên có cha già đang đợi ở đất liền, phía bên kia Salina.

Ai mà tin được chúng sẽ liều mạng áp mạn một con tàu chỉ với những khẩu súng săn đen ngòm, ra tay tàn sát và thủ tiêu đoàn thủy thủ đầy bình tĩnh, lục soát mọi hành khách cơ chứ?

Chúng thậm chí còn chẳng biết liệu có đồng tiền nào trong hầm tàu hay không.

Mỗi Gio, kẻ cầm đầu, là tìm thấy bản chất thật của mình.

Mùi thuốc súng bốc lên đầu hấn. Hấn có vẻ như đang đóng phim, hấn bị kích động, vừa nói vừa bắn lung tung.

Hai tên kia không còn tự chủ được nữa. Bị Gio lôi kéo, chúng ra tay một cách tuyệt vọng, dùng bạo lực giành lại những gì chúng đã đánh đổi để thoát khỏi hòn đảo hẻo lánh ấy hòng tìm đến châu Mỹ rộng lớn, như tất cả những người khác. Châu Mỹ! Chúng đã nhận được những lá thư và những bức ảnh. Cuộc sống thực sự là ở nơi

đó. Nhưng phát súng đầu tiên lại hé mở cơn ác mộng sẽ đeo đuổi chúng suốt đời.

- Chỉ cho chúng tao biết tiền ở đâu, Gio nói.

Vừa nói, hắn vừa soi đuốc gần mặt. Nước mưa cháy lèo xèo khi gặp lửa.

Cha đứa trẻ vẫn trong bộ đồ ngủ. Chân trần, chiếc khăn lính cazắc cũ kỹ màu đỏ quấn quanh cổ, mái tóc ướt sũng, ông ôm chặt cậu con trai đang ngủ say trong tay.

Cậu bé con, dường như được mụ đỡ bảo vệ trong thành trì giấc ngủ. Cu cậu cười, tay nắm chặt trên chiếc khăn mùi soa màu xanh.

Ông nói vài từ.

Người phụ nữ dịch nghĩa:

- Ông ấy sẽ đưa các anh đi nếu các anh không chạm vào bất kỳ ai trong ba người chúng tôi. Thề đi.

Lũ hải tặc nhìn nhau.

- Thề đi, cô nhắc lại.

Gio thề đầu tiên, tay mân mê chiếc phù hiệu trên người. Mắt hắn vẫn máu đỏ.

Người đàn ông suy nghĩ một lúc. Lời thề của một tên cuồng loạn có đáng giá gì cơ chứ?

Hai tên kia làm dấu chữ thập.

Cuối cùng, người đàn ông nhẹ nhàng trao đứa trẻ cho người phụ nữ.

Ông hôn lên mái tóc con trai mình. Ông đi giật lùi để được nhìn nó lâu hơn. Tay vẫn hơi chìa về phía nó. Chiếc áo gi lê ướt sũng, thêu chỉ vàng lóe lên trong ánh sáng đèn. Trên môi ông mấp máy câu

nói được ông nhắc đi nhắc lại không ngớt “cha sẽ trở lại”. Cuối cùng, ông biến mất trong bóng tối, tận cuối khoang phía sau, theo sau là Gio và một tên đồng bọn.

Bọn chúng để người phụ nữ và đứa bé cho tên từ đầu đến giờ chưa nói một từ nào. Đó là một người đàn ông cao, to mặc áo vest bằng da lợn thuộc dối, trên đó hãy còn những dấu lông màu đen. Hắn hãy còn đeo chéo qua vai sợi dây thừng mà hắn đeo lúc áp mạn tàu.

Lúc đó, đứa trẻ thức giấc. Nó nhìn người đàn ông đang nhìn về hướng khác.

- Ngủ thêm chút nữa đi, người phụ nữ nói. Ngủ đi, thiên thần của ta.

Mấy phút trôi qua.

Hai cô cháu ngồi trên đồng mái chèo và mè bện thành bó.

Cô liếc mắt nhìn gã đàn ông to lớn, tóc dài ngang vai, đang nắm trong tay số phận của cô.

Hắn là niềm hy vọng duy nhất của hai cô cháu.

- Bạn anh sẽ giết chúng tôi mất, cô nói. Anh biết bạn anh sẽ giết chúng tôi mà.

Gã chĩa súng về phía người phụ nữ. Cô nói thứ tiếng Ý ở các thành phố miền Bắc.

- Nó thề rồi mà, hắn quát lên.

Cô trả lời:

- Hắn thề trên danh dự của Madone^[7], nhưng tay hắn đã vấy máu của một người mẹ.

Gã sững người.

- Khi có được những gì hần muốn, cô tiếp tục, hần sẽ giết cha của đứa trẻ này. Anh sẽ nghe thấy tiếng súng phía sau và mọi chuyện đã quá muộn. Rồi sau đó sẽ đến lượt chúng tôi thôi.

- Câm đi, ngay bây giờ.

- Những gì tôi nói sẽ xảy ra.

- Câm ngay!

Đứa trẻ lắng nghe những gì họ nói. Nó vươn thẳng người. Nó mím môi để người ta không nhìn thấy rằng nó lập cập.

Trước mặt nó, gã trông như một con quỷ ăn thịt người. Mồ hôi nó hòa lẫn với nước mưa. Nó dỏng tai lên.

- Anh nghe đi, cô nói.

Gió bắt đầu giảm.

Sau một lúc lâu, có tiếng súng nổ.

Gã giật nảy mình rú lên.

Hần gạt người phụ nữ và đứa trẻ ra, nhào người xuống xốc bó mè gỗ lên, hần ra tận mép boong tàu ném chiếc bè ấy xuống biển. Chiếc bè gỗ chạm phải thân tàu.

Con quỷ ròng người phụ nữ xuống bằng dây thừng. Hần ôm đứa trẻ trên tay và thả nó xuống những con sóng. Người bảo mẫu giờ tay bắt được thằng bé trước khi nó chìm ngấm trong dòng nước đen ngòm. Tay kia cô bám lấy cái bè gỗ.

Con quỷ nhìn hai cô cháu.

Một đợt sóng cuốn họ đi.

Cùng lúc đó, những tên kia xuất hiện, ánh mắt thất kinh. Gio vác một cái túi thủy thủ gần như đầy chặt. Thân hình hấn rung lên bần bật. Hấn cười. Hai tên có vẻ như đã say mềm, nhưng chúng có uống gì đâu. Chúng thậm chí chẳng nói nên lời.

Gio bám lấy quần áo của con quỷ để khỏi ngã.

- Nhìn này!

Hấn run run mở túi rồi soi đuốc vào đó.

Hấn lại rú lên:

- Nhìn này!

Cả ba tên lùi lại.

Cái túi lóng lánh vàng và đá quý. Nước mưa điểm tuyết vào đó những hạt lửa.

- Xem này! Xem này!

Một kho báu. Một kho báu như trong truyền thuyết.

Gio rống lên the thé trước cảnh tượng ấy.

Hấn thọc tay vào túi tới lúc ngập đến tận vai.

- Còn ông ta? con quỷ hỏi. Ông ta đâu?

Gio chỉ chiếc khăn kỵ binh cazác quấn quanh cổ, một chiếc khăn màu tía diềm bạc.

- Ông ta không cần thứ này nữa, hấn vừa nói vừa lắc đầu như kẻ loạn trí.

Gio phá lên cười. Hấn đi về phía chiếc thuyền, mê sảng, lão đảo, thậm chí còn chẳng hỏi hai con tin kia đâu. Chiếc túi trên vai, hấn giờ nắm đấm lên thách thức ông trời.

Giấc mơ của Gio đã vỗ sóng đi rất xa.

Hắn nói về việc xây dựng một cây cầu nạm kim cương đi từ cảng Malfa đến cảng Manhattan.

Khi đã ở trên chiếc thuyền đánh cá bé xíu, Gio, lấy lại một chút bình tĩnh, nói với con quỷ đang bắt đầu chèo thuyền cạnh hắn:

- Này, mày thậm chí chẳng có vẻ hài lòng nhỉ!

Rồi hắn ném cây đèn dầu vỡ tan trên sàn tàu đầy thùng chảo gai dầu. Hắn vút bó đuốc lên đó.

Lửa bén lấy boong tàu đằng sau.

Gio lấy tay ban phép lành. Hắn vút một nắm vàng về phía đám cháy như để tạm biệt con tàu đang bốc cháy.

- Đi may mắn nhé!

Hai tên kia, khác hẳn hẳn, kinh sợ.

Chỉ một đầu của con tàu kịp bén lửa. Nước nhanh chóng tràn qua vỏ tàu. Ngôi sao được sơn phía trước biến mất sau cùng. Biển và bão, thương tình, nuốt chửng lấy sự lung linh của ánh lửa và những ký ức trước khi quá muộn.

Gio vẫn cười. Lần cuối cùng trước khi mọi thứ tắt ngấm trên biển, giọng hắn văng vẳng kêu tên chèo thuyền:

- Ê, mày, được rồi đấy! Tại sao mày không hài lòng nhỉ? Mày sẽ đổi đời mà, mày và con lửa của mày!

26

CHUYỆN NGỒI LÊ ĐÔI MÁCH CỦA QUỖY BELZEBUTH

Arkudah, 20 tháng Chín năm 1935

Một ngày, khi đi ngang phía trên dải rừng rậm giữa biển Rio de Janeiro, Braxin, khí cầu bay rất sát ngọn cây, đến nỗi Vango có thể chộp lên một con khỉ nhỏ, có món tóc mai cong cứ nhìn cậu mà không hiểu gì.

Con khỉ, bị kéo đuôi lên tận tầng mây xám ấy, tự hỏi nó đang ở đâu. Nó trốn vào đồng xoong nồi của đầu bếp Otto. Vài giờ sau, nó đã trở thành đứa trẻ được cưng chiều của phi hành đoàn và hành khách.

Trên chặng về, khi bay qua Rio một lần nữa, Vango đã thả nó lên những cành cây nhằng nhịt dây leo trên quả núi hình nón nhô ra vịnh.

Marco, thầy dòng nấu bếp của tu viện vô hình, giống y xì đúc con khỉ đó. Anh ta bằng nhằng nhảy từ đầu này lại đầu kia bếp lò với ánh mắt sợ sệt vờ vĩnh, nhưng giấu trong đó là cả một kho trò tinh quái.

Đang là mười một giờ.

Marco nói với Vango trong bếp tu viện.

Chiếc tạp dề của thầy dòng Marco được may bằng vải dầu phủ bàn ăn trong nhà hàng bình dân của cha anh ta ở Mantoue. Anh đi một loại giày mùa màu hồng, phù hợp với điệu ba lê trong bếp. Ngón tay anh lúc nào cũng lờ lợt gia vị. Anh xắn tay áo rồi kẹp lại bằng những chiếc thìa nhỏ gấp đôi trông như cái cặp.

Cuối cùng, trên trán anh là một cặp kính đã tã, cuốn dây và băng dính, cặp kính mệt lử, rã rời, kiệt sức, vá chằng vá đụp y như chiếc xe đạp đã dám tham gia giải Vòng quanh nước Pháp với một cô bò sữa trên giá đèo hàng.

- Vậy là Zefiro không đến chỗ hẹn với cậu ở ga Austerlitz à? anh vừa hỏi vừa đảo mắt về phía Vango.

Marco không bao giờ nói mà tay không cầm thứ gì.

Lần này, mặc dù tình hình nghiêm trọng, anh vẫn quăng lên quật xuống một con cá.

- Cha Zefiro có đến, Vango nói.

- Thế ông ấy đâu? Ông ấy đâu?

Giọng anh bứt rứt. Thầy dòng Marco chịu trách nhiệm quản lý tu viện vô hình từ khi Zefiro đi. Anh nóng lòng muốn trả lại chìa khóa cho chủ nhân của nó.

- Thế ông ấy đi đâu rồi? Marco nhắc lại.

Trên tay anh, con cá tội nghiệp đã trải qua mười lăm phút tồi tệ.

Vango vừa về đến tu viện. Cậu để Cô lại ngôi nhà Pollara. Cô suy sụp trước khi kết thúc câu chuyện của đêm hôm trước. Cậu đặt cô nằm lên giường.

Rồi cô cầu xin Vango thứ lỗi và hứa với cậu sẽ kể nốt vào ngày hôm sau.

- Ta xin cháu đấy, Vango của ta. Ta sẽ nói với cháu những gì ta biết.

- Thế còn bố cháu? Chỉ trả lời cháu câu đó thôi vậy... Có phải bố cháu cũng...?

Mắt sụp xuống, đầm lệ, cô gật đầu.

Vango, gục mặt xuống gối rất lâu trước khi có thể đứng dậy. Lúc này, cậu đã biết rồi.

Cuối cùng cậu đã mở được cánh cửa vào quá khứ. Nó mở ra trong sự lẫn lộn giữa niềm an ủi và nỗi đau. Đối với cậu, mọi nỗi buồn đều tốt hơn sự hoài nghi.

Vango mừng tượng rõ hơn một chút về cái thế giới mà từ đó cậu xuất hiện.

Cậu còn phải tìm hiểu điều quan trọng nhất: những tháng năm trước đó. Câu chuyện về cha mẹ cậu trước cái đêm bão tố đó. Họ từ đâu đến? Họ đi đâu? Cô phải biết điều đó.

Cô không nói gì với cậu về ba tên cướp biển, những kẻ chắc chắn đã lớn lên trên quần đảo này. Chúng đã kiếm chác được gì từ tội ác của chúng? Có cái gì đó lấy được trên con tàu đó không? Mười bảy năm đã trôi qua. Có lẽ giờ đây chúng đã chết rồi. Có thể không.

Đừng phí thời gian vào việc trả thù.

Từ nay trở đi, đối với Vango, điều răn ấy không còn nghĩa lý gì nữa.

Vango, đã rồi, hứa với Cô sẽ trở lại vào đêm hôm sau, rồi cậu rời thôn Pollara. Cậu phải mang một tin đau buồn đến với tu viện vô hình.

- Cháu sẽ nói sự thật, thầy dòng Marco. Cháu đã nhìn thấy cha Zefiro ở ga Austerlitz, nhưng cha và cháu không đi cùng nhau.

- Tại sao? Marco vừa nói vừa mở bếp lò đun củi. Tại sao lại làm cái việc ngốc nghếch đến như vậy?

Một giỏ rau thơm tươi, to tướng đang tỏa ngát căn phòng.

Thầy dòng Marco nhắc con cá lên bằng đôi bàn tay khi macao bé nhỏ của mình.

Vango nhận thấy người đầu bếp ấy luôn nhìn vào mắt con vật trước khi bỏ lò chúng. Đó là lời vĩnh biệt thoáng qua dành cho những người anh em có vảy, có lông hoặc có cánh mà anh ta chế biến không thương tiếc.

- Đã xảy ra điều gì đó bất thường, Vango tiếp tục.

- Cho tôi xin ít muối.

Cậu đưa muối mà không nói gì. Khi bắt gặp ánh mắt cậu, Marco kêu lên:

- Có chuyện gì vậy? Tôi biết là cậu thấy tôi cho nhiều muối mà! Rồi sao nữa? Tôi không phải là thần thánh gì đâu nhé! Tôi chỉ bếp núc gia đình thôi!

Marco không giữ nổi bình tình nữa. Vango trả lời:

- Cháu có nói gì đâu, thầy dòng Marco.

- Cậu nghĩ nhiều quá đấy! Ông ấy đâu, cha đâu? Ông ấy đâu?

Rồi anh bỏ thêm hai thanh củi vào lửa để chứng tỏ sự bức tức của mình với Vango, người luôn nấu món cá kiếm bằng lửa nhỏ.

- Cháu không biết, Vango giải thích. Khi cháu nhìn thấy cha Zefiro... cha không nhận ra cháu.

Thầy dòng nấu bếp bật lên tiếng rú.

Anh ta bị bóng.

- Cậu nói gì?

- Cha Zefiro... cha Zefiro không nhận ra cháu.

Marco tái nhợt.

- Lạy Chúa tôi.

Cách đó vài trăm mét, thầy dòng Mulligan không thể tin nổi những gì ông vừa nhìn thấy.

Như mọi Chủ nhật, John Mulligan là hồng y phương Nam.

Lúc nào cũng có bốn vị hồng y trên đảo. Các tu sĩ thay nhau vào vị trí ấy. Họ lần lượt đội mũ chòm đỏ trên đầu. Người ta gọi họ như vậy bởi lẽ họ chịu trách nhiệm giám sát bốn phương trời: Đông, Tây, Nam và Bắc.

Mỗi người một ngày và họ háo hức chờ đợi đến ngày ấy, ngày mà nổi cô đơn đối diện với không gian mênh mông bát ngát. Có hồng y mơ mộng, hồng y thần bí, hồng y ngái ngủ. Nhưng Mulligan thuộc nhóm những hồng y đi câu.

Vắt vẻo trên núi đá, kinh nhật tụng để đầu gối và cần câu kẹp chân, John Mulligan vào vị trí lúc sáng tinh mơ. Ba mươi giây một lần, như điệp khúc trong bài thánh vịnh mà ông tụng, ông đảo một vòng chân trời rồi di chuyển phao câu.

Thoạt tiên, bằng mắt thường, ông nhìn thấy một vệt đen vệt xuất hiện ngoài khơi, kèm theo sau một đường bông trắng.

Chộp lấy ống nhòm, ông không thể tìm được tiếng kêu thốt ngạc nhiên.

Đó là một chiếc tàu động cơ, ba buồng lái, một động cơ gắn ngoài nhanh như những chiếc Hackercraft ông đã được nhìn thấy ở New England khi còn giao du với Al Capone và mafia đi nghỉ dưỡng trên những bãi biển ở Cape Cod hay Nantucket.

Động cơ gắn ngoài lướt trên mặt nước, tạo thành một đường hoàn hảo.

Ở châu Âu, người ta chỉ nhìn thấy những con tàu như thế trên phá Venise, hoặc trên những hồ lớn của Thụy Sĩ hoặc Lombardie. Trên đó lúc nào cũng có các quý bà, tóc bay trong gió, ngồi trên ghế băng bọc da và các quý ông, tóc xức sáp, quần tây trắng và áo nịt len không tay.

Nhưng bốn người đàn ông trên chiếc thuyền động cơ gắn ngoài ấy không có vẻ là hành khách du thuyền hạng sang. Tất cả đều đeo một khẩu tiểu liên Thompson có băng đạn tròn mà thầy dòng Mulligan biết rất rõ vì ông đã nhìn thấy không ít lần trong tủ treo quần áo của các giáo dân xứ đạo Chicago, thời kỳ bị cấm.

Bốn gã đó còn có những bộ mặt sát thủ, có thể làm cả những đệ tử kinh khủng nhất của Al Capone phải bỏ chạy.

Vì thấy con tàu lao nhanh rồi vòng qua hòn đảo dài Filicudi, hướng về Salma và miệng núi lửa Pollara, thầy dòng Mulligan không còn lo lắng về sự xuất hiện này nữa.

Ông đã từng trông thấy cá nhà táng bơi qua tháng trước và, thậm chí cách đây khá lâu, ông còn chứng kiến cả một khí cầu bay qua giữa đêm tối.

Chúa dành cho con những điều tuyệt vời...

John Mulligan trở lại với cuốn kinh nhật tụng và chiếc phao câu của mình.

Một tiếng sau, vào buổi lễ sáng, thầy dòng Marco nói chuyện với những vị tu sĩ đang tập trung trước mặt mình.

Cần giải thích rằng cha Zefiro bị giữ lại Pháp một thời gian. Marco xâu chuỗi những lập luận của một trưởng ga. Anh ta nói về sự chậm trễ ngoài ý muốn của cha, về sự cố đáng tiếc... Anh khuấy đảo mọi manh mối.

Tiếng rì rầm thất vọng đáp lại lời thông báo này.

- Ông ấy sẽ về với chúng ta sớm nhất có thể. Ông ấy đang nghĩ đến mọi người. Ông ấy ôm hôn thân ái mọi người.

Marco sờ vào mắt kính rạn của mình khi nói ra những câu ấy. Một chút hơi nước đọng lại trên đó. Anh liếc mắt nhìn Vango. Anh còn chưa muốn tiết lộ rằng vị cha của họ có lẽ không còn nhớ được bất kỳ khuôn mặt nào trong số họ, rằng ông đã bị mất trí và rằng ông đang trôi dạt đâu đó trong thế giới rộng lớn này.

Marco trốn vào phòng của Zefiro và yêu cầu mọi người không làm phiền mình. Anh dựa người vào tường, chậm chạp tháo kính ra.

Thầy dòng Marco thấy mình không đủ sức đón nhận nhiệm vụ mới này. Ánh mắt anh lướt quanh căn phòng. Ba quyển sách. Một cái đệm. Đó là những gì còn lại của Zefiro. Họ sẽ làm thế nào khi vắng ông đây?

Anh nhìn thấy, treo trên móc, quả đấm của cái chuông to ở tu viện. Cái chuông thì nằm trong hang đá bên trên nhà thờ nhưng quả đấm của nó, miếng đồng hình giọt lệ ấy lại ở trong phòng của cha trưởng tu viện. Không ai được sờ vào đó.

Hằng ngày, từ kinh mai cho đến kinh tối, người ta rung cái chuông cam để tránh sự chú ý của các đảo bên cạnh.

Anh lấy tay đẩy cái vật bằng đồng ấy, vật đã trở thành biểu tượng của tu viện câm lặng và vô hình này.

“Ba mươi tu sĩ...”, Marco nghĩ.

Anh không cảm thấy vai mình đủ rộng để gánh vác một gia đình lớn như thế.

Anh nhớ lại cái đêm bão tố khi Zefiro trao cho anh quả đấm trong vài tiếng đồng hồ. Tối đó, Marco vừa biết tin về cái chết của em gái mình, Giulia, người mà mười năm rồi anh không gặp. Anh thậm chí còn chẳng đến lễ an táng được. Phía trên kia, ở Mantoue, gia đình Marco vẫn tưởng anh đã mất tích mãi mãi.

Zefiro đến gặp thầy dòng nấu bếp trong cơn bão bùng.

Ông chìa vật đó cho Marco.

- Đi đi. Đi đánh chuông đi. Mong rằng tận trong thành phố, mọi người nghe thấy cậu.

Tất cả thầy tu đều nghe nói rằng cha Zefiro làm điều đó khi cơn giông đang nổi ầm ầm đủ lớn để có thể át đi tiếng chuông và vì một trong số những thầy dòng ấy đang đau khổ.

Đêm hôm đó, Marco đích thân treo quả đấm vào cái chuông khổng lồ. Và trong hai tiếng đồng hồ, giữa sấm chớp nhập nhằng, giữa tiếng gió gào, anh đã rung chuông vang dội. Lơ lửng trên sợi dây thừng, anh quăng mình lên hai, ba mét mỗi lần đánh chuông. Cái chuông vì anh mà kêu vang.

Đó là một kỷ niệm Marco không bao giờ quên.

Marco đeo lại kính. Anh nhớ Zefiro như nhớ cha mình, nhưng anh vẫn cứ phải làm cái việc không thể: làm người cha bất đắc dĩ

trong gia đình khi chính bản thân mình cảm thấy bị mồ côi. Anh ra khỏi phòng bước về phía nhà bếp.

Rời nhà thờ, sau thông báo của Marco, Vango theo sau Pippo Troisi về phía chuồng thỏ.

Pippo rên rỉ.

Trong lúc Zefiro vắng mặt, anh ta được cử phụ trách đám thỏ. Một nỗi đau khổ. Anh ta căm thù chúng bao nhiêu năm trời, vậy mà giờ lại phải chăm sóc cho tám mươi con thỏ hoang. Anh ta gầy đi trông thấy. Đêm đến anh ta gặp ác mộng với lũ thỏ, y như bệnh nhân hen suyễn bị thả vào chuồng gà vậy.

- Lũ gặm nhấm vô lại, anh ta vừa nói vừa mở cái chuồng đầu tiên. Còn những con mới đẻ nữa chứ. Tại sao người ta không giao cho tôi tổ ong nhỉ? Tôi có sợ ong đâu!

Vango giúp anh ta lấy những con mới sinh ra, đặt lên cỏ.

Hai chú thỏ non định chui vào ống quần của Pippo.

- Như là chúng yêu chú ấy..., Vango vừa cười vừa nói.

Pippo lẩm bẩm tiếng gì đó không thể hiểu nổi trong lúc tìm cách lôi con thỏ ra khỏi đùi.

Vango có lý... Đó là thứ tình yêu điên cuồng.

Lũ thỏ cảm nhận được từ rất xa là Pippo Troisi đang đến. Chúng nhảy bổ vào anh ta ngay khi anh ta ở đó. Có thể thấy cả những con đực to lớn xô đẩy nhau để được gần anh ta. Những trận đấu gay cấn đã diễn ra. Lũ thỏ túm năm tụm ba quanh anh ta. Những con nhỏ nhất coi anh ta như mẹ chúng và thích thú dụi dụi vào mắt cá chân anh ta.

Những cú đá của anh ta chẳng gây hề hấn gì. Chúng vẫn yêu anh ta!

Hai người đóng song sắt xuống. Họ đi xuống tìm xô nước để cạnh phiến đá.

Pippo bắt đầu cọ rửa tay.

Vango nhìn anh ta. Cậu cảm thấy thời điểm đã đến.

- Chú Pippo, chú ở đây từ hồi người ta tìm thấy cháu ở Scario, Malfa khi cháu ba tuổi đúng không?

Pippo nhòe dãi.

- Không phải là tôi ở đây, cậu bé... Mà chính tôi đã tìm thấy cậu.

Anh ta hất cằm khoe khoang và chùi ngón tay vào ống tay áo. Anh ta không nghĩ đến lũ thỏ nữa.

- Tôi, Pippo Troisi, anh ta vừa nói vừa vỗ ngực. Đầu tiên, tôi tìm thấy cô bảo mẫu của cậu. Tôi báo với những người khác. Rồi chúng tôi đã đưa cậu ra khỏi núi đá sau đó một chút.

Vango gật đầu.

Vừa về đến Arkudah, cậu đã có ý định hỏi chuyện anh ta.

Trước khi gặp lại Cô, cậu muốn tìm hiểu thêm.

- Tôi không biết cậu từ đâu rơi xuống, Pippo nhẹ nhàng nói. Nhưng, từ khi chúng ta ở đây, tôi có cảm tưởng cậu từ trên trời xuống với tôi. Trục tiếp và không ngừng. Tôi thề với cậu là tôi chẳng biết gì khác.

Vango nài nỉ:

- Trên đảo có xảy ra chuyện gì không ạ, trước đó một chút hoặc sau đó? Chú không thấy gì à?

- Không.
- Chú thử nhớ lại xem, đi mà chú.
- Thế cậu muốn điều gì xảy ra?
- Cái gì đó chẳng hạn, cháu không biết nữa...
- Nhưng cái gì mới được chứ?
- Một sự thay đổi... Một tai nạn...
- Một cuộc đột nhập của lũ thỏ? Pippo đùa.
- Cháu tự hỏi...
- Không gì cả, tôi nói với cậu rồi. Tôi không biết gì cả. Cậu hiểu chứ?

Giọng nói quá đanh để có thể là lời nói thành thực. Họ quay ra phía hàng rào tu viện.

Pippo lại bắt tay vào nhiệm vụ, đổ ào một trong mấy xô nước để cọ rửa chuồng thỏ.

- Hồi đó, theo tôi, có bao giờ xảy ra nhiều chuyện đâu nhỉ, anh ta nói để được thông cảm.

Họ đặt lũ thỏ con vào với mẹ của chúng. Pippo chửi rửa một con thỏ tội nghiệp liếm tay anh ta, con khác lại muốn được bỏ quên trong túi anh ta. Pippo chắt vào một góc đồng vỏ rau củ của nhà bếp. Lúc chuẩn bị đi, Pippo sững người lại nói, như thể nói với chính mình:

- Một chuyện, có thể. Mình cho là vào cái mùa thu khó quên ấy, khi Bartolomeo chết.
- Sao cơ ạ?
- Khi mà cậu đến...
- Ai chết ạ?

- Bartolomeo. Đó là một anh chàng có cô vợ vô cùng xinh đẹp và ba đứa con gái nhỏ ở Santa Marina. Anh ta bị bắn chết tại nhà. Vợ tôi có kể lại chuyện đó.

Anh ta buột miệng nói ra câu ấy. Anh ra dấu chữ thập như thể đang nói về quỷ Belzebuth. Anh ta làm hành động mê tín ấy khi vừa nhắc đến vợ mình.

- Cô ấy nói gì ạ?

- Cô ấy nói nhiều thứ.

Anh ta lại làm dấu chữ thập.

- Cô ấy có nhiều thứ để nói về tất cả mọi người mà.

Pippo đi về phía tu viện.

- Nhưng về Bartolomeo cơ ạ, cô ấy nói gì ạ?

- Cô ấy nói rằng anh ta đã làm điều xấu...

Pippo ngần ngại lật lại những chuyện ngồi lê đôi mách cũ kỹ của vợ mình. Điều đó có thể gây ra tai họa.

- Kể cháu nghe đi mà.

Pippo thở dài.

- Làm điều xấu cùng một băng nhóm... Có lẽ một trong những kẻ tòng phạm đã hạ anh ta để lấy đi phần của anh ta.

Vango lấy tay che trên mắt để nhìn được người bạn vì nắng rọi.

- Một băng nhóm ư?

- Đúng, một băng nhóm. Ba tên. Tôi không còn nhớ tên họ chúng lắm. Chúng muốn di cư nhưng không có gì cả. Có thể chúng đã nhả vào một cửa hàng bán đồ khô trên đất liền. Vậy mà, không có của nả gì cả...

- Chúng rời đảo chứ ạ?

- Bartolomeo chết, anh chàng tội nghiệp, nhưng vẫn có một tên bỏ đi châu Mỹ ngay lập tức. Trục tiếp và không ngừng. Hắn, tôi không biết tên... Còn tên kia ở lại, cái gã cao lớn mà cậu vẫn biết đấy.

- Ai ạ?

- Gã trông giống như con thú, cao lớn, cậu biết...

- Ai cơ?

- Gã cao lớn đã cho mượn nhà ấy.

- Ai cơ? Vango nhắc lại mà không thể tin nổi.

- Gã cao lớn có một con lừa.

- Mazzetta ư?

- Ừ, đúng vậy, Mazzetta.

Vango dừng lại. Pippo Troisi nhìn cậu chăm chú.

- Cháu cần khẩu súng của chú, Vango chỉ nói mỗi vậy.

27

TRẢ THÙ

Salina, miệng núi lửa Pollara, đêm hôm sau

Vango trốn trong bụi cây dương mai, súng áp ngực. Hang của Mazzetta cách đó năm mươi mét. Thậm chí cả con lừa cũng không nhìn thấy cậu đang lại gần. Đêm tối đen. Không mây, không gió, không trăng.

Thời gian ngừng trôi bởi cái đêm cuối cùng của mùa hè ấy.

Vango không muốn đến gặp Cô để nghe cô xác nhận những gì Pippo Troisi nói. Cậu sẽ gặp cô sau.

Cô biết tất cả ngay từ đầu. Cô chưa bao giờ hé lộ dù chỉ một cái tên. Cô không can dự đến những gì cậu sẽ làm.

Đó là chuyện của cậu. Trả thù.

Cậu thậm chí chẳng hổ thẹn vì cái từ ấy. Trả thù.

Người ta đã dạy cậu chìa má trái ra khi bị tát vào má phải. Nhưng lần này, người ta không tát cậu. Hai trái tim vô tội bị đạn găm lỗ chỗ.

Vấn đề đặt ra là sống và chết. Một quy luật cơ học thuần túy. Vango tin rằng với hành động này, cậu sẽ mang lại hơi thở cuộc sống cho cha mẹ mình.

Rồi, cậu chỉ còn phải tìm ra thủ phạm cuối cùng. Mazzetta.

Hắn hiện hữu trong những ký ức tuổi thơ xa xôi nhất của cậu.

Cũng cái hình dáng ấy trên chòm núi, cũng cái bóng ấy trong căn nhà tồi tàn, cũng cái khối dung nham lạnh lùng ấy, cách nhà hai cô cháu vài bước chân. Chưa bao giờ hỏi han suốt bao nhiêu năm trời. Nhưng Vango biết Mazzetta vẫn hằng ngày chăm lo cho cuộc sống của hai cô cháu ở Pollara.

Đồng bạc nhỏ nuôi sống hai cô cháu mỗi độ trăng mới là của hắn. Giàn nho được dựng lại một cách kỳ diệu sau cơn bão, chính là nhờ hắn. Một con bọ cạp bị giết cách mặt Vango mười xăng ti mét khi cậu lên năm và đang ngủ trưa dưới cây sung Barbarie. Những cây nho duy nhất trên đảo không đổ bệnh, cũng chính là nhờ hắn. Và thậm chí cả lớp còi trên mũ của Cô cũng được lột mới khi trở về sau một đêm cô để quên nó bên ngoài. Hành động nào cũng được tiến hành một cách âm thầm. Đồng bạc, con bọ cạp, giàn nho, chiếc mũ được sửa mới và nhiều thứ nữa... Những vị thần bản mệnh không để lại dấu vết.

Nhưng Vango luôn nhận ra bóng dáng của Mazzetta.

Vậy mà ba phút nữa thôi, cậu sẽ cầm súng xông đến trước mặt anh ta.

Vango tiến lên, lom khom, đến tận bức tường đá bít cái hang nơi Mazzetta sống từ gần hai mươi năm nay. Cậu nhìn thấy một cây đèn đang cháy. Đang mùa đông, chắc hẳn lão già đã đưa lửa về nhà rồi.

- Ra ngoài, Mazzetta.

Vango không muốn làm hắn bất ngờ.

- Là tôi, Vango đây. Ra ngoài đi, Mazzetta!

Cậu nghe thấy có gì đó đang động đậy trong bóng tối lơ mờ.

- Tôi biết ông đang ở đây. Lại đây. Tôi cũng biết hết những chuyện còn lại. Xuất hiện đi.

Nhiều phút trôi qua.

Vẫn có tiếng động nhè nhẹ trong hang. Những tiếng cạo đất và những tiếng thờ dài.

- Tôi biết những gì ông đã làm, Mazzetta.

Vango quyết định bước vào. Cậu đi đến tận lỗ cửa, cúi thấp người xuống nhìn quanh.

Thoạt tiên, cậu nhìn thấy xác con lừa trên đất. Chiếc vòng cổ to tướng bằng da thuộc của nó đen màu máu. Rồi cậu nhìn thấy Mazzetta hai tay bắt tréo, đầu gục lên mông con vật. Hắn đang hấp hối. Vango lao xuống đất cạnh hắn.

- Ma'az...

Anh ta lấp bấp gì đó.

- Cô ấy... Ma'az... cô ấy...

Vango ghé sát tai vào hắn.

- Ma'azelle^[8].

Cậu lao ra ngoài cùng khẩu súng.

Cô.

Cậu chạy về phía ngôi nhà.

Gai xé nát chân cậu. Cậu chẳng có cảm giác gì.

Cậu đến bên mặt tiền nhỏ phía Tây có hai ô cửa sổ. Cửa sổ thứ nhất mở vào phòng chính. Cậu không chần chừ, lên đạn súng, thò đầu qua cửa kính trước. Cậu lăn tròn trên sàn nhà xanh, vào bên trong, rồi bật dậy ngay, cầm súng xoay người.

Sự im lặng và trống vắng thật kinh khủng.

Chiếc đèn ngủ tắt ngóm gần bếp lò. Chiếc tách vĩnh cửu, trên bàn, bị vỡ, tan tành và chỉ còn lại một đồng trắng tinh.

Vango chạy lại buồng ngủ. Không có gì.

Cậu kêu lên:

- Cô ơi!

Cậu ra ngoài hiên, trong đêm tối.

- Cô ơi!

Tiếng vọng dội lại từ đáy miệng núi lửa. Cậu sục sạo một ngôi nhà nhỏ khác, nấp sau cây ô liu. Rồi cậu lại chạy về phía Mazzetta hãy còn đang thờ.

Cậu giở nòng súng lên trán kẻ hấp hối.

- Cô ấy đâu?

- Những... kẻ...

Mazzetta động đậy ngón tay, gập ngón cái vào gan bàn tay để chỉ số bốn.

- Bốn? Vango hỏi. Bốn gã đàn ông?

Đôi mắt Mazzetta nói ừ bằng tất cả sức lực.

- Chúng đã giết cô ấy?

- Không.

- Mang đi?

Hắn gật đầu và một cơn co giật xốc người hắn lên. Hắn phần uất. Hắn vớ tay bám vào vòng cổ của con lừa. Vango gỡ ngón tay ra khỏi chiếc xích bằng da.

- Đi đâu? Bọn chúng mang cô đi đâu?

Lần này, Mazzetta chỉ mấp máy môi. Vango thu súng lại, áp tai mình vào miệng hắn. Cậu bắt hắn nhắc lại ba lần.

Con lừa của tôi. Hắn nói: con lừa của tôi.

Người đàn ông chết ngay sau đó trên đầu gối Vango đang bật khóc.

Vài giờ trước, khi trời hãh còn sáng, thầy dòng John Mulligan cỡi mũ chòm hồng y phương Nam xuống, ông nhìn thấy chiếc thuyền động cơ gần ngoài ấy lại đi ngang qua nhưng theo hướng khác. Tuy nhiên, lần này, trong thấu kính viễn vọng của mình, ông phát hiện một người phụ nữ đứng ở phía sau không ngừng ngoái lại nhìn Salina. Quan sát khuôn mặt của người phụ nữ, ông thấy mái tóc bạc của bà ôm lấy khuôn mặt và có mấy khẩu súng đang chĩa về phía bà, ông hiểu đang xảy ra chuyện gì đó.

Trước khi đêm tàn, Vango đào hai cái hố sâu trên vách đá.

Cậu chôn Mazzetta vào cái hố đầu tiên, và con lừa của hắn vào cái hố còn lại.

Cậu không tài nào tháo được chiếc vòng cổ ra khỏi con lừa. Vì thế cậu chôn nó cùng con lừa luôn.

Cậu vẽ lên đất hai chữ thập bằng hoa thìa là dại.

Vango đứng trên vách đá rất lâu trước những đồng đất mới. Cậu biết Mazzetta chết vì bảo vệ Cô.

Lòng căm hận của Vango không vì thế mà nguôi ngoai.

Cậu chỉ tìm lại được sự tôn trọng mang tính bản năng trước thi thể của những kẻ quá cố, sự tôn trọng kỳ lạ ấy dường như được mọi

nền văn minh thể hiện đối với con người, với điều kiện người đó không còn thờ nữa.

Trước kia, ở tu viện dòng Cácmen, cha Jean từng nói với Vango rằng nếu trong lịch sử nhân loại, tồn tại một lãnh thổ, một lãnh thổ duy nhất, ở đó, người sống được tôn trọng như người đã khuất thì cuộc sống thật dễ chịu!

Sáng sớm, Vango quay trở lại nhà Cô.

Được ánh sáng bình minh giúp đỡ, cậu lục lọi tìm kiếm dấu vết bọn bắt cóc để lại. Cậu không tìm thấy gì. Lên trên một chút, tại nhà Mazzetta, cả những viên đạn giết chết con lừa và chủ nó cũng bay hơi mất tiêu. Một công việc hoàn hảo.

Vango đóng cửa nhà như thể để đi nghỉ. Ổ khóa không chắc lắm. Cô không bao giờ sử dụng nó. Cậu giấu chìa khóa vào cái hốc trên cây ô liu. Cậu luồn tay vào đám cành lá để cảm nhận được sự sum suê của ô liu.

Rồi, dưới đất, sát rễ, cậu nhìn thấy một viên tròn nhỏ bằng lụa xanh. Cậu nhặt lên. Và trên tay cậu trải ra chiếc khăn mùi soa thời thơ ấu của cậu. Chiếc khăn mùi soa xanh biết tất cả mọi chuyện nhưng chẳng nói gì, không gì khác ngoài câu chuyện về những xứ sở bí ẩn.

Vango nhìn thấy ngôi sao. Nó được thêu phía trên viền dốc lên của chữ V lớn. Ngày hôm trước nó đâu có trên đó. Tác phẩm dường như còn dở dang. Cánh thứ năm của ngôi sao chưa thêu xong. Sợi chỉ màu vàng nghệ hãy còn lòng thòng.

Cô muốn khắc ghi lên chiếc khăn lụa kỷ niệm về mẹ của Vango: Nell.

Cô phải dừng tay vì sự xuất hiện của đám người. Chiếc khăn rơi xuống đất, giữa đám rề loằng ngoằng.

Vango leo lên con đường hình chữ chi và đi từ phía bên kia lại, phía những ruộng nho lâu đời nhất của Malfa. Cậu trông thấy ở phía chân trời xuất hiện làn khói đen từ Stromboli, đảo Panarea, bóng dáng của Filicudi, và xa hơn nữa, trên đỉnh một tảng đá cuội khổng lồ, sự hiện diện vô hình của tu viện. Cậu chưa trở lại đấy ngay.

Cậu đến cảng lúc những người đánh cá trở về. Cậu lách giữa đồng lưới chằng, giữa những người đến xem và đám thủy thủ. Cậu đi thẳng về phía túp lều nhỏ bằng tôn gỉ.

Vango gõ tay lên tấm ván như thể cậu đang gõ cửa một ngôi nhà tranh.

Một người phụ nữ rách rưới đang nghiền vỏ trứng.

- Làm như thế này để tạo miếng trong món xúp đấy, cô ta nói. Thành thế này rồi đấy. Như thế tạo cảm giác cứng cứng dưới răng.

- Cô là Giuseppina?

- Bà Pippo Troisi chứ, bà ta chữa lại.

- Cháu quen chồng cô, cách đây lâu rồi. Đó là một người tốt.

- Đúng đấy.

Cô ta trả lời cực kỳ dịu dàng. Cô ta hỏi:

- Còn tôi, tôi có quen cậu không nhỉ?

- Không ạ, Vango hấp tấp nói để cô ta không hỏi han nữa. Cháu vừa đến thôi và sẽ lại đi trong chuyến tàu tới.

- Trong bốn phút nữa! Giuseppina thuộc hết giờ giấc của những chuyến tàu có khả năng trả lại tình yêu cho mình.

Vì Vango không nói gì, cô ta chữa lại:

- Trong ba phút bốn mươi lăm giây nữa.

Cô ta đeo quanh cổ một chiếc đồng hồ thật đẹp mà vị bác sĩ tặng.

- Cháu muốn nói với cô về một câu chuyện xưa lắm rồi, Vango nói.

- Cậu tìm đúng người đấy.

- Tại sao ạ?

- Tôi chỉ thích những câu chuyện xa xưa.

- Chắc hẳn cô nhớ đầu thu năm 1918.

- Đúng, người phụ nữ nói. Có vài cơn bão thật tuyệt.

- Một người đàn ông bị giết vào thời điểm đó.

- Bartolomeo Viaggi, hai mươi chín tuổi. Ba con gái. Chỉ còn lại một đứa. Vợ anh ta cũng bị chết, rất nhanh sau đó.

- Buồn nhỉ.

- Đúng. Thật buồn, mọi người đều ra đi.

- Người ta nói cô biết chuyện về Bartolomeo.

- Ai? Ai nói với cậu điều đó?

Mắt Giuseppina long lanh. Cô chỉ nói điều đó với một người duy nhất.

- Cháu muốn biết ai đã giết ông ấy, Vango nói.

- Ai nói với cậu điều đó?

- Cô trả lời cháu đi, cháu xin cô đấy.

Cô ta nhìn Vango rất chăm chú.

- Tôi sẽ trả lời cậu về Bartolomeo. Không phải Mazzetta giết anh ta, mặc dù gã cũng tham gia vào vụ đó. Kẻ khác cơ, tên thứ ba.

- Tên họ hấn...

- Ai đã nói với cậu về tôi? Tôi biết cậu, cậu...

- Nói với cháu tên kẻ thứ ba đi.

- Hấn tên là Cafarello, Giovanni Cafarello. Hấn đến châu Mỹ rồi, ở New York. Hấn bỏ lại một người cha trên kia kia, trên núi. Một người cha cô đơn chết vào mùa xuân năm ngoái, thọ một trăm tuổi.

Giovanni Cafarello. Cái tên khắc sâu mãi mãi trong tâm trí Vango.

Cậu nhìn người phụ nữ đang vươn ra phía cậu. Cậu cảm ơn cô ta.

- Đừng đi, cô ta nói. Nói với tôi xem cậu là ai. Hãy nói với tôi rằng cậu đã gặp Pippo Troisi, cách đây không lâu đi.

Vango bước đi. Con tàu đang ở kia rồi. Đám đông chen chúc dọc bến tàu. Giuseppina quỳ gối trên đất giống như một người đàn bà trên sa mạc đang quỳ gối trước túp lều của mình. Bà van xin:

- Tôi xin cậu đấy. Nói cho tôi biết điều đó đi. Pippo vẫn còn sống phải không? Tôi nhận ra cậu. Tôi biết cậu là ai. Vango!

Vango dừng bước. Cậu quay lại phía cô ta nhẹ nhàng nói:

- Chú ấy còn sống.

Rồi, cô ta khóc thực sự vì sung sướng.

Vango nhảy lên tàu.

Một người đàn ông giúp cô ta đứng dậy.

- Bám vào tôi, Pina. Bình tĩnh nào...

Ông vừa xuống từ chính con tàu ấy. Ông đến từ đảo Lipari.

Ông cười.

Hôm đó là thứ Hai. Hạnh phúc. Ngày đẹp nhất trong tuần. Ông làm đóm với chiếc cà vạt đỏ. Ông đang nhún nhảy.

Bác sĩ Basilio đến ăn trưa tại nhà Cô.

Ông hỏi:

- Nói tôi nghe... Có điều gì đó không ổn à, Pina?
- Pippo hãy còn sống, cô ta thì thào.

Bác sĩ cười. Người phụ nữ này, Pina Troisi, là người duy nhất ông hiểu hết tâm can. Cả hai người đều chọn một tình yêu không thể đạt tới. Bà yêu một người mất tích. Ông yêu một người vô danh.

- Ai nói với cô chú ấy còn sống?
- Chính Vango, cậu bé hoang dã của Pollara.
- Cậu ấy đâu? bác sĩ bật đứng dậy nói.
- Cậu ấy đi rồi.

Bác sĩ Basilio tốt bụng chạy lên bờ đê chắn sóng bằng đá đen.

Con tàu đã đi xa.

Ông nhìn thấy Vango trên boong tàu. Và Vango cũng nhìn thấy ông.

Không ai trong hai người thể hiện động thái gì.

Một lúc sau, bác sĩ thấy cửa nhà Cô khóa.

Niềm hy vọng tan biến.

28

KẺ TRỘM NGỰA

Everland, Scotland, tháng Mười năm 1935

Chiếc máy bay nhỏ lượn lại gần cái tháp lần thứ hai. Nhưng lần này, viên phi công trông thấy rõ người đàn ông đang chạy về phía chuồng ngựa. Một phụ nữ bám theo anh ta. Bà mặc chiếc váy ngủ màu trắng vén lên tận đùi để chạy dễ hơn.

- Hãy nói là mình đang mơ đi, anh thì thầm với chính mình.

Anh không mơ. Đó là Mary, người hầu phòng.

Paul lái máy bay lên cao và bắt đầu một vòng rộng hơn để tạo cho người ta cảm giác anh bay đi xa.

Máy bay là một chiếc Sirius, một động cơ loại nhỏ, cùng với một chiếc loại này Lindbergh đã phá kỷ lục trên Thái Bình Dương. Paul sở hữu một trong mười lăm bản mẫu từng tồn tại.

Anh hướng về phía hồ Loch Ness. Anh giảm tốc độ. Anh trông thấy rìa khu rừng đã vàng úa và những chuồng cừu lẻ loi trên đồi.

Paul thích thú xen lẫn bối rối.

- Mary! Mary! anh trợn tròn mắt nhắc đi nhắc lại.

Nhiều cách lý giải đang hiện lên trong đầu anh xoay quanh cảnh tượng anh bắt gặp. Anh bắt đầu tưởng tượng ra hai, ba, bốn cuộc

sống của Mary, người mà đằng sau dáng vẻ bà già độc thân đôi chút mơ mộng rồi cuộc có lẽ lại là một phụ nữ phóng túng nhất Highlands ấy chứ.

Mary đến ở nhà anh khi Paul mới chào đời, nghĩa là hai mươi sáu năm trước. Anh khó mà tưởng tượng nổi đằng sau đôi gò má ửng đỏ ngượng ngùng, sự âu yếm của một người mẹ và những đôi mắt len to sự của mình, bà lại giấu giếm những trò phóng dăng lâu đến thế.

- Không... Không thể thế được.

Anh ngoặt mạnh, chúc cánh chiếc thủy phi cơ nhỏ xuống theo chiều thẳng đứng. Anh lại bay về phía tòa lâu đài. Trong vài giây, anh bay qua những cánh đồng cỏ vuông vẫn được những bức tường đá nhỏ bao quanh, rồi men theo lối đi lớn có trồng cây hai bên.

Chỉ còn mình Mary trước chuồng ngựa. Bà dang tay hốt hoảng ra hiệu cho chiếc máy bay.

Ngay trước khi bay lên để vượt qua cái mái đen của tòa lâu đài, Paul nhìn thấy cửa chuồng ngựa bỗng dựng mở toang và một con ngựa ô phi nước đại lao ra. Gã đàn ông không kịp thắng yên. Hắn cưỡi ngựa không yên, chỉ nắm vào đai vòng cổ và thúc mạnh gót vào mông sườn con vật.

Chàng phi công và kẻ phi ngựa nhìn thấy nhau.

Quá lên vài mét, khi quay lại, Paul nhìn thấy hắn nhảy qua bức tường đầu tiên.

Gã này chắc chắn không phải người tình của Mary rồi.

Hắn vừa trộm ngựa.

Paul hướng mũi máy bay lên trên tòa lâu đài.

Anh quyết định đuổi theo hắn.

Mary, phát điên vì ngưỡng mộ, quỳ xuống giữa đám váy áo, nhìn theo chiến công của người anh hùng.

Anh bắt đầu vọt thẳng lên trời, rất cao. Người ta chỉ còn nhìn thấy một chấm đen bị làn khói bao quanh. Không nghe thấy tiếng động cơ nữa. Tiếp tục lượn đứng, Paul để máy bay lộn ngược lại, rồi lại đâm nhào xuống mặt đất, vẽ nên một vòng tròn tuyệt hảo. Chiếc máy bay chầm chậm lấy lại tư thế khi tiếp đất.

Mary nín thở. Bà giả vờ lấy tay che mắt và kêu lên sợ hãi, nhưng vẫn hé những ngón tay tự hào nhìn xem tài điêu luyện của viên phi công trẻ lái máy bay tiêm kích.

Màn nhào lộn máy bay kết thúc ngay sát đám rễ thạch thảo mà nó phạt ngang trong bóng mây màu hoa cà. Lúc này anh lao đến trước mặt kẻ cưỡi ngựa, sát mặt đất, và hắn phi như điên về phía anh. Cả hai đều lao thẳng.

Giây cuối cùng, Paul nhấn ga, con ngựa lao vào giữa hai cái phao. Viên phi công không thể nhận ra gã đàn ông đang úp mặt vào bờm ngựa.

Khi lại bay đến trước tòa lâu đài, rốt cuộc Paul nhận ra rằng những gì anh làm chẳng có ý nghĩa gì cả.

Anh không định hy sinh con ngựa mà anh yêu quý, cũng không muốn chém đầu gã đàn ông mà anh chẳng biết gì và càng không muốn đáp xuống mặt đất chiếc thủy phi cơ vốn chỉ chịu được mặt nước.

Paul phải tự thú nhận rằng mục đích của anh là làm lóa mắt người phụ nữ bảy mươi tuổi, đang ngồi trên cỏ nhiệt tình vẫy tay về phía anh và bầu trời.

Ngoài Ethel ít khi gặp vì thường xuyên vắng mặt ra, Mary là tất cả những gì còn lại để anh thể hiện. Ngay cả cái buổi tối anh trở thành trung tá trẻ nhất của Không lực Hoàng gia, anh vẫn ăn tối một mình trong tòa lâu đài rộng lớn.

Kẻ cưỡi ngựa biến mất vào rừng.

Chiếc máy bay làm một vòng cuối cùng để đón nhận sự hoan hô nhiệt liệt của công chúng.

Khi anh hạ cánh xuống hồ Loch Ness một con thuyền nhỏ đến chào đón anh. Mary ở mũi trước.

Bà ôm Paul trong vòng tay mập mạp của mình. Bà không còn mặc váy ngủ nữa. Bà đang mặc thứ mà bà gọi là bộ cánh Chủ nhật, có nghĩa là một bộ đồ đen cùng chiếc tạp dề mà bà vẫn mặc hằng ngày từ sinh nhật lần thứ mười ba của bà, nửa thế kỷ trước. Nhưng bà lại choàng thêm một thứ khăn quàng cổ màu trắng mà theo bà, khi đứng trước tấm gương nhỏ trong phòng, nó đem lại cho bà cái thần thái của ngày Chủ nhật.

- Tuyệt vời. Tôi đã quá sợ hãi đấy.

Người ta có thể nghĩ bà đang nói với diễn viên đu quay ở cửa rạp xiếc. Bà ôm hôn anh.

- Hoan hô... Hoan hô...

- Kể cho cháu nghe đi, Paul nói.

Đột nhiên bà nhớ lại phen mạo hiểm của mình.

- Ôi, thật kinh khủng, bà nói.

- Bà kể đi.

- Tôi đến tìm cậu thay Peter. Bây giờ phải cẩn thận đấy. Peter đang gác cùng con trai ông ấy.

Khó có thể tìm thấy ai đó trong lâu đài vào ngày Chủ nhật. Paul bắt mọi người nghỉ vào ngày này. Vì thế, đám gia nhân chơi trốn tìm trong lâu đài để không lộ diện. Còn Mary thì ngủ nướng.

- Rồi sao nữa? Đó là ai? Paul hỏi.

- Hắn vào qua lối cửa sổ khi tôi đang ở trong hành lang tầng ba... Giá như cậu biết tôi sợ gì... Tôi đang mặc bộ đồ mỏng tang... Rốt cuộc, tôi chỉ...

- Nhưng hắn muốn gì? Paul cắt lời bà để khỏi phải nghe một cách chi tiết những ham muốn bé nhỏ của bà.

Bà nhào người thềm thì vào tai cậu:

- Đó là một tên ăn cắp vặt.

Bà thềm thì giữa hồ như thể lũ cá chép già hoặc quái vật hồ Loch Ness có thể chộp được những thông tin bí mật của bà.

- Vậy thì nói cháu nghe hắn đã lấy được gì nào...

Bà nhìn sang trái, sang phải, và lấy đầy cảm hứng rồi nói nhỏ hơn:

- Không gì cả.

Đêm tiếp theo thật yên ắng. Buổi tối, Paul đi thám thính quanh khu rừng. Anh tìm thấy vết móng ngựa nhưng chúng lại mất hút trong những bụi cây.

Sáng hôm sau, lúc thức giấc, con ngựa ô đã đang gặm cỏ trong lâu đài.

- Nhìn kìa, Mary vừa nói vừa mở ri đô phòng Paul.

Tên ăn cắp ngựa thậm chí cũng không lấy con ngựa.

Mary đôi chút thất vọng. Bà bắt đầu gợi ý:

- Thế nếu đó là giả thì sao nhỉ?
- Tên ăn cắp á? Paul vừa hỏi vừa vươn vai trước ô cửa sổ lớn.
- Không, con ngựa cơ.
- Con ngựa á?
- Ừ. Nếu đó là giả nhỉ.

Paul gãi gãi chòm tóc.

- Một con ngựa giả?
- Có lẽ hẳn đã trao con ngựa của cậu bằng một con giả.
- Tại sao?
- Để lấy con của cậu.

Paul nhào người ra cửa sổ. Cậu cố giữ vẻ nghiêm túc.

- Dù sao, nó cũng được làm cẩn thận đấy chứ. Cái con ngựa giả ấy.

Cả ngày, Mary canh chừng con vật bị buộc dây cạnh bậc thềm. Bà cứ như vậy cả buổi tối. Cứ như bà đang đứng trước con ngựa thành Troie sắp mở bung giữa đêm tối, mở lối đi cho quân xâm lược.

Giờ phút chờ đợi thật kinh khủng. Nhưng qua một đêm, bà chỉ thấy con ngựa bị mất mỗi một hay hai xẻng phân tươi mà thôi.

Câu chuyện gần như bị lãng quên, sang tuần sau, khi Paul bắt được tên ăn cắp.

- Chính hẳn đấy, Mary nói, vô cùng kích động.

Paul bắt quả tang hẳn đang lục lọi tầng hầm tòa lâu đài. Đó là một thanh niên còn rất trẻ, nói được chút tiếng Anh. Paul đưa hẳn lên phòng ăn, ngồi lại một mình với hẳn.

Hàng chục gia nhân đi qua trước cửa, buổi sáng, tò mò muốn biết xem thái độ ngài Paul ra sao khi xử trí tên ăn cắp mà chẳng ăn cắp gì.

Mary lại cảm thấy thương xót cậu thanh niên đó.

- Tôi hy vọng Paul không quá rần. Thằng bé đó cầu bất cầu bơ. Nó đâu biết những gì nó làm. Mọi người biết thừa là Paul trở nên rất nghiêm khắc từ khi cậu ấy làm sĩ quan mà.

Nhưng rồi bà gần như ngưng ngưng khi anh bước ra một mình, rẽ đám đông đang bu lại trên thềm nghỉ để nói với Mary:

- Bác đưa cho cậu ta quần áo lao động nhé. Chúng ta sẽ giữ cậu ấy lại để chăm sóc ngựa.

- Nhưng... Paul...

- Và cho cậu ta ăn nhé, Mary. Cậu ta ngủ trong rừng suốt hai tuần nay rồi đấy.

Paul bước đi.

Mary xuất hiện rất nhanh trước mặt tên trộm. Đám đông giải tán.

- Cậu tên gì? bà hỏi dồn.

Cậu ta trả lời bằng một cái tên hai âm tiết mà bà dịch ra thành một cái tên nghe thuận tai mình hơn.

- Andrew. Tốt. Nào lại đây, Andrew, cẩn thận đấy.

Bà dừng lại nấn nấn bóp bóp vai cậu thanh niên.

- Cậu gầy quá. Mấy bộ quần áo cũ của Paul sẽ hợp với cậu đấy, nhưng ta sẽ phải khâu ống tay. Bỏ giày ra hộ ta cái. Cậu làm bẩn hết sàn nhà mất thôi.

Cậu thanh niên vội vàng vâng lời. Bà cầm đôi giày dính bùn đất trên tay, không hề ghê sợ, như những bà trông coi đồ vải vóc sống

trộn đời mình trong sự bẩn thỉu của người khác. Bà giữ sàn nhà đánh xi bóng loáng còn cẩn thận hơn cả sự sạch sẽ của ngón tay mình.

Họ đi trên hành lang sâu hun hút. Cậu thanh niên đeo tất léo đéo theo sau bà.

- Cậu từ đâu đến?

- Từ miền Đông, cậu ta trả lời.

Bà nhìn qua cửa sổ theo hướng ấy. Cậu ta chắc hẳn phải đến từ Nethy Bridge hoặc Grantown, phía đằng kia... Đối với bà, tất cả những ai lớn lên bên ngoài tòa lâu đài đều nghiêm nhiên cực kỳ đáng thương.

- À, từ miền Đông...

- Vâng, từ miền Đông, cậu thanh niên nhắc lại.

- Và ở đó người ta thích thịt bò rán đúng không?

Họ ngửi thấy mùi thơm. Mary đẩy cửa bếp.

Chẳng phải mất nhiều thời gian để lấy lòng bà khi ai đó xuất hiện trước mặt bà với đôi mắt buồn và đôi giày lấm lem bùn đất.

Ethel về đến nhà, mười lăm ngày sau, giữa đêm khuya.

Ánh đèn pha chậm chậm quét con đường dẫn đến tòa lâu đài đang chìm trong giấc ngủ. Một con chim cú bay rất thấp trước mặt cô.

Từ khi đến Paris vào giữa mùa hè, cô chỉ ở lại có mấy ngày tại Everland. Paul không muốn trách móc cô vì đã vắng mặt. Thời gian ở cùng nhau quá ngắn nên anh không muốn bỏ phí từng khoảnh khắc.

Cô cho xe vào ga ra, kê chuồng ngựa. Cô lái rất nhẹ nhàng để mọi người không nghe thấy.

Chiếc xe dừng lại.

Cuối ga ra, trong ánh sáng đèn pha, Ethel trông thấy ai đó.

Cậu thanh niên che mắt lại. Cậu ta đi xuống từ chiếc máng ăn dùng để làm giường. Cái mà người ta gọi là ga ra chính là hệ thống chuồng ngựa được sửa vào đầu thế kỷ để đỗ xe hơi.

Ethel tắt động cơ nhưng vẫn để đèn pha sáng. Cô mở cửa xe.

- Xin chào, cô nói.

- Xin chào.

- Anh làm gì ở đây vậy?

- Tôi tên là Andrew. Tôi chăm sóc đàn ngựa.

Andrew bật ra hai câu mà cậu có thể nói chuẩn.

- Anh là người Nga.

- Đúng. Từ Mátxcơva.

Giờ thì cậu lấy cánh tay che mắt. Cậu ta bị lóa mắt giống chú thỏ trên đường.

- Bỏ tay ra đi. Để tôi nhìn anh.

Cậu ta vâng lời.

- Paul bảo anh trông xe à?

- Không. Mà là ngựa.

Andrew vẫn chưa thể trông thấy khuôn mặt cô gái nhưng cậu biết đó là cô.

Ethel. Cậu đợi cô suốt một tháng nay.

- Nếu anh chăm sóc lũ ngựa, tại sao tay anh lại thế này?

Cậu nhìn những ngón tay phủ dầu mỡ của mình. Cuối cùng cô cũng tắt đèn pha.

Cậu không trả lời.

Cô bước mấy bước lên tấm đá lát rồi bật một bóng đèn điện phía trên bàn thợ.

Cuối cùng cậu cũng nhìn thấy cô.

Cô mặc bộ com lê màu xanh nước biển sọc trắng, áo vest ngắn, quần rộng và dưới cánh tay, một chiếc áo đi mưa lát da.

Tóc buộc. Cô có vẻ rất mệt mỏi.

Ethel đã lái xe mười hai tiếng đồng hồ từ Luân Đôn và ba đêm vừa rồi cô ở những nơi người ta chỉ có nhảy nhót mà không ngủ.

Cô nhìn Andrei, mắt nhắm mắt mở, bám vào cái ngắt điện.

- Thế nào? Tại sao tay anh lại thế này?

Andrei lo lắng. Cô gái này thấy hết mọi thứ.

Cô nghi ngờ điều gì đó. Cậu chắc chắn như vậy.

- Tôi rất thích máy móc, cậu nói.

- Tại sao Paul lại tuyển anh?

- Tôi đã ăn cắp một con ngựa.

Câu này cũng vậy, Mary bắt anh phải nhắc đi nhắc lại y như cô giáo bắt một đứa trẻ chép đi chép lại cái lỗi mà nó mắc phải. Tôi đã ăn cắp một con ngựa. Tôi đã ăn cắp một con ngựa. Andrei đã ăn cắp một con ngựa.

- Anh có nghĩ đó là lý do chính đáng không? Ethel hỏi.

Cậu không biết trả lời thế nào. Cô lại gần cái khối phủ vải đen. Andrei run run nhưng cậu không bị phát hiện dưới lớp quần áo rộng

thùng thình của Paul đã được Mary sửa lại.

Cô kéo tấm vải đen bằng động tác của một nhà ảo thuật.

- Tôi hy vọng anh không nghịch ngợm xe của cha tôi.

- Tôi thích máy móc mà, Andreï nhắc lại.

Xe của cha Ethel là một chiếc Rolls Royce Silver Ghost màu trắng đời 1907. Chiếc xe hơi đẹp nhất thế giới. Chiếc xe ấy mười năm trời phủ bụi. Và Andreï dành các buổi đêm của mình để tân trang lại nó. Cậu lau chùi từng linh kiện động cơ. Nó khởi động ngon lành.

- Ai bảo anh làm việc đó?

- Không ai cả.

- Nó chạy chứ?

- Vâng.

Andreï bước một bước về phía chiếc xe. Cậu muốn chỉ cho cô xem công việc của mình. Cậu đã làm tất cả với mục đích ấy. Mary nói với cậu rằng Ethel rất gắn bó với chiếc xe này. Vậy nên Andreï đã bắt tay vào làm.

Anh nhận lệnh của Boris Petrovitch theo dõi Everland, với hy vọng một ngày nào đó Vango sẽ đến đây.

Để hoàn thành nhiệm vụ, cậu cần lòng tin của Ethel. Cậu đặt tay lên ca pô.

- Dừng lại! cô ra lệnh. Bỏ tay anh ra đi.

Mắt cô gần như nhắm nghiền. Họng cô nghẹn lại.

- Tôi báo cho anh biết. Nếu anh còn chạm vào chiếc xe này một lần nữa, anh sẽ phải ra đi.

Ethel vào phòng Paul đốt thêm một mẩu gốc cây vào lò sưởi cho nó cháy to hơn. Anh đang ngủ.

Cô ngồi xuống chiếc ghế bành.

Một ngày nào đó, cô sẽ không được mở cánh cửa căn phòng này giữa đêm khuya nữa. Cô biết điều đó. Cô vội vã giống như cái ngày ấy sắp đến rồi. Paul sẽ có gia đình. Phải gõ cửa, phải thiết kế những phòng riêng tư trong tòa lâu đài, phải thay đổi luật chơi.

Cuối cùng thì cái gì đó cũng sẽ thay đổi.

Cô duỗi chân ra sát ngọn lửa.

Đối với hai anh em cô, thế giới vẫn đứng im từ cái ngày cha mẹ họ qua đời.

Con người xung quanh họ già đi nhưng họ không cho bất kỳ ai, bất kỳ thứ gì lọt vào tòa lâu đài. Một bức màn tối phủ lên thế giới của họ giống như trên chiếc Rolls Royce Silver Ghost. Không ai có quyền chạm vào đó.

Không có gì thay đổi. Chiếc máy bay của Paul là bản sao món đồ chơi bé xíu mà anh chơi hồi còn nhỏ. Và Ethel bé bỏng đã lái xe từ lâu lắm rồi, trên đầu gối cha mình.

Không có gì mới trên trái đất này.

Đối với cô, chỉ có duy nhất một ngôi sao băng vụt qua thời kỳ băng giá dài dằng dặc này. Đó chính là Vango. Cô yêu cậu. Cô yêu cậu bằng tất cả sinh lực mình.

Mỗi lần cô ở đến tận sáng trong những quán cà phê nghi ngút khói, mỗi lần cô choáng váng trước những khuôn mặt, âm nhạc, tốc độ, cô biết mình đang chạy trốn nỗi trống vắng.

Cậu đi qua quá nhanh để cô có thể tóm lấy và để thế giới quanh cô cuối cùng cũng được sưởi ấm.

Paul phát hiện ra Ethel trong chiếc ghế bành khi anh thức giấc. Anh nhẹ nhàng nâng đôi bàn chân cô đặt lên một chiếc ghế.

Cô mở choàng mắt.

Anh cười với cô. Anh bật nhạc trong phòng làm việc nhỏ bên cạnh.

- Anh có muốn đánh thức em đâu, anh nói.

- Em cũng không mà.

Cô lấy tay sờ lên trán anh.

- Em gặp những người bạn phi công của anh ở Luân Đôn, cô nói.

- Họ quá may mắn khi được gặp em thường xuyên đấy, Ethel.

- Họ tự hỏi anh đang làm gì.

- Chẳng gì cả, em thấy đấy. Anh chẳng làm gì cả. Thế còn em?

- Em đang cố sống.

- Em có vẻ buồn, Ethel. Em nghĩ đến cậu ấy à?

- Ai ạ?

Họ im lặng, rồi cô nói:

- Những người bạn lái của anh nói anh không thích tiệc tùng.

Tiếng nhạc ngưng bật. Anh nhún vai.

- Mỗi người đều có những lúc tiệc tùng riêng của mình, Paul nói.

Anh đứng dậy, sang phòng làm việc để lật đĩa.

Bay giữa đám chim trời, lượn thủy phi cơ dưới vòm vách đá gần ngọn hải đăng Duncansby, cưỡi ngựa băng qua sông sâu... Đó là

những thú vui trong mắt anh.

Anh nghe thấy giọng Ethel bên phòng:

- Anh chàng người Nga trông ngựa là ai đấy ạ?

- Một gã lang thang, anh vừa nói vừa bước từ phòng làm việc ra.

Cô nhìn Paul.

- Một gã lang thang ư?

- Một gã lang thang tìm việc làm.

- Một gã lang thang người Nga lạc lối qua đây không làm anh ngạc nhiên à?

Anh bật cười.

- Em lại bắt đầu đấy... Có thể đó là một tên gián điệp! Một tên gián điệp mười bảy tuổi đến từ xứ lạnh để theo dõi hai đứa trẻ mồ côi.

Tháng trước, Ethel cũng đã nghi ngờ kiểu thế này. Cô nói ai đó lợi dụng lúc cô vắng mặt đã lục lọi phòng khách sạn của cô, vào ban đêm, ở Edimbourg. Anh cô vặn vẹo rằng cô chỉ cần ở lại phòng vào ban đêm thôi mà.

- Em gặp những người không tồn tại, Ethel ạ, và em thậm chí chẳng thể trông thấy ai đang sống trên đời này. Cứ nhìn Tom Cameron mà xem, cậu ta đang lảng vảng quanh em đấy!

Cô cười, thì thầm:

- Anh ta nên thôi ngay cái trò lảng vảng lại, bởi vì anh ta đang bị mất trí.

Quả thật, những cuộc viếng thăm gần đây của nhà Cameron đã tạo ra những cảnh phi thực. Người cha, bà mẹ đến trong tình trạng bị kích động mạnh. Họ luôn luôn có cái vẻ giả tạo. Họ tuôn ra những

câu mập mờ, nói luyên thuyên về “những gì mà mọi người không biết” hoặc về “những gì còn phải làm ra vẻ như không biết”. Hai bậc phụ huynh càng tán hươu tán vượn bao nhiêu, cậu con trai càng tái mặt bấy nhiêu, dúm dỏ, lẩn trốn sau chiếc mũ.

Hầu hết các lần ấy, Ethel không ở đó. Paul phải xoay xở một mình. Khi họ đến mà không báo trước, John, ông quản gia, quen thông báo với Paul rằng “bệnh viện tâm thần đối diện đến” bằng giọng cực kỳ mạch lạc.

Họ bước vào.

Mỗi lần, Paul lại tìm ra một lý do chính đáng giải thích cho những chuyến đi của em gái mình. Lady Cameron thường trả lời: “À vâng, tất nhiên rồi! Cô ấy cũng chỉ còn tận hưởng chút nữa thôi!” như thể người ta nói điều đó khi trông thấy một con gà mái đang nháy nhót sắp bị vào nồi. Bà ta cầm những bức tranh trên tay để soi chữ ký, đếm những chiếc đèn chùm pha lê và nhắc xem đồ bạc nặng nhẹ bao nhiêu.

Ethel vươn người trên chiếc ghế bành trước lò sưởi.

- Thật sự, Paul cầm tay em gái năn nỉ, em chẳng có gì để nói với anh về Tom hay sao? Hai đứa không nói chuyện với nhau à?

Ethel cười.

- Không. Em thề đấy.

- Vậy thì, anh cho rằng có một sự hiểu lầm... Tom tội nghiệp...

- Anh đừng lo cho anh ta.

Ai đó gõ cửa.

Mary mang trà tới. Ethel đứng dậy ôm bà và muốn nhảy cùng bà một điệu valse bước ngắn. Paul mở rộng cửa phòng làm việc để họ nghe thấy tiếng nhạc.

John, ông quản gia đáng kính, bước vào và nhìn thấy cảnh tượng ấy, ông sửng sờ.

Mary thậm chí còn chẳng kịp đặt khay trà xuống. Bà xoay tròn trong phòng, bật ra những tiếng rú nhỏ nhỏ. Ethel không buông bà ra. Cả hai người cùng xoay. Paul tóm lấy cái tách đầu tiên, rồi cái thứ hai, rồi ấm trà, lúc họ đang bay. John nhận lấy đôi giày của Ethel.

Lọ đường kết thúc số phận trong bếp lò với mùi caramen.

Tiếng nhạc trở nên ngây ngất lòng người.

Cuối cùng Ethel cũng để Mary tách ra khỏi mình.

- Chúng điên rồi, người hầu phòng rên rỉ, mê mẩn, ngã vào vòng tay Paul.

29

QUÝ BÀ VICTORIA

*Đâu đó tại Pháp, một tháng sau,
tháng Mười một năm 1935*

Một làn hơi trắng len lỏi giữa các khe núi. Con tàu lao nhanh vun vút giữa rừng thông đen bắc qua thác ghềnh và những phiến đá lấp lánh.

Voloï Viktor nhìn qua cái khe hẹp mở ra những phong cảnh nối tiếp nhau.

Đó là con tàu năm toa bọc thép. Không thể biết được tên tù nhân đang ở toa nào.

Mấy đại đội lính ngồi hết phần còn lại của con tàu.

Những chuyến tàu tương tự rời Paris cách nhau có vài phút đồng hồ, cũng với từng ấy số lính nhưng không có tù nhân.

Tất cả đã được cảnh sát trưởng Boulard tính toán.

Tên tù nhân sẽ phải đến một trong ba trại giam lớn đã được chuẩn bị để đón tiếp hắn. Một trại nằm ở dãy Alpes, cheo leo trên đỉnh núi. Một trại giam khác nằm ở ngoài khơi đảo Ré. Trại giam cuối cùng nằm trong khu đầm lầy ở trung tâm nước Pháp. Chỉ mình Boulard biết trại giam nào được chọn vào phút chót.

Mục đích là làm thất bại mọi âm mưu vượt ngục.

Voloï Viktor hít thở không khí miền núi. Gió lạnh làm hẩn khoan khoái. Trời thật đẹp. Viktor hầu như không cảm nhận được sự tê cóng của chân tay mình.

Hai nắm tay hắn bị cột cùng nhau vào một khối gang, hai chân gắn chặt xuống đáy lồng. Cái lồng sắt dày cộp này được đặt vào một trong các toa tàu có thành chống đạn mà người ta mượn ở Ngân hàng Pháp. Con tàu được trang bị có thể chịu được sức tấn công của một chiếc xe tăng và hạm đội máy bay.

Boulard đang ở ga La Rochelle. Ông đi cùng anh chàng Avignon trung thành, hai sư đoàn lính cai tù, và một thợ rèn để tháo xiềng xích cho Viktor.

Nhà ga bị lực lượng quân đội phong tỏa.

Tất cả đều có vẻ tốt đẹp. Boulard rút tay trong túi áo măng tô. Ông đội một chiếc mũ mới hiệu Mossant.

Tàu dự định sẽ đến trong vài phút nữa. Nó nhận tín hiệu đi vào ngã đường sắt bên phía Marans.

- Ông có tin tức gì của hai chiếc kia không? Avignon lo lắng hỏi.

Boulard ra hiệu về phía trưởng ga để chuyển câu hỏi đó cho anh ta.

- Có, ông này nói. Không có gì phải lưu ý cả. Các con tàu phải đến ga chính xác trong cùng một giờ. Tốc độ đã được lên phương án với mục đích ấy mà.

Boulard nở nụ cười mãn nguyện.

Ông chuẩn bị ngày này từ lâu rồi. Ông nợ Zefiro. Ông đã hứa bỏ tù Voloï Viktor nốt quãng đời còn lại của hắn. Đó là giải pháp duy nhất để giảm bớt mối đe dọa đè nặng lên vị linh mục và những tu sĩ của ông.

Tiếng còi vang lên. Mắt Boulard sáng rực.

- Đây rồi, Avignon nói.

Đầu tàu chậm chậm vào ga. Năm toa tàu xếp hàng trước bến gần như vắng tanh. Lính bộ binh lập tức vây quanh.

- Đến lượt chúng ta hành động, Boulard nói. Toa số bốn.

Đội quân gọn nhẹ di chuyển về phía đuôi tàu. Avignon vã mồ hôi.

- Ở đây, anh ta nói.

- Mở cái này ra cho tôi! Boulard hô to.

Hai nhân viên bước ra khỏi hàng với một chùm chìa khóa. Họ mở rất nhiều ổ khóa. Boulard cung cấp cho họ mã số gồm năm chữ cái để giải phóng cái khóa cuối cùng. Rồi ông nói:

- Anh có thể vào được rồi, Avignon.

Thợ hàn chuẩn bị đèn xì.

Avignon được ba lính canh giúp đẩy cửa trượt vào. Anh ta liếc ánh mắt bồn chồn nhìn Boulard.

- Vào đi thôi, cảnh sát trưởng nói.

Avignon bước vào. Người ta nghe thấy một tiếng hét. Anh ta lại xuất hiện ở cửa.

- Không có ai cả!

Boulard gào lên:

- Tìm chỗ khác đi chứ, một lũ đàn độn.

Họ lục soát bốn toa tàu khác. Chỉ thấy mấy đại đội lính chốt trên đó.

Avignon quay lại chỗ Boulard, đầu gối bủn rủn.

- Hắn không ở đó.

Boulard quay sang phía đồng hồ nhà ga.

- Nào, tôi nghĩ hắn đã đến nơi rồi đấy.

Cảnh sát trưởng đặt tay lên vai Avignon.

- Cậu bé của tôi, thật sự cậu nghĩ tôi sẽ đợi hắn ở đây với ban bộ đón tiếp tại một nhà ga thật hay sao? Cậu coi tôi là ai mới được chứ? Gọi trung úy Rémi đi, ga Bourges.

Avignon vội vàng lao đến quầy ăn nhà ga để gọi điện.

- Xin lỗi, ngài...

Ai đó rụt rè luẩn quẩn bên cảnh sát trưởng, ông đang cố mở hộp kẹo ngậm của mình.

- Ngài cảnh sát trưởng...

- Vâng, Boulard nói.

Đó là người thợ rèn. Anh ta bỗng nhiên cảm thấy mình vô tích sự.

- Tôi có thể đi được chưa? anh ta hỏi.

- Thế anh nghĩ thế nào?

Anh ta không biết mình phải nói gì.

- Tôi... Tôi có thể chứ?

- Nếu không thì anh muốn niêm lại chì cho tôi à? Boulard lớn tiếng.

Trưởng ga kín đáo ra hiệu cho anh ta đi khỏi đây.

Trung úy Avignon lại nhanh chóng xuất hiện, vẫn đắm mồi hôi như thế.

- Không có, cảnh sát trưởng, hắn không ở đó. Không có ai trong chuyến tàu đến Bourges.

Boulard làm ra vẻ ngạc nhiên.

- Ngạc nhiên quá nhỉ! Thật á? Hắn không ở Bourges à?

Ông tạo dáng giống một diễn viên đóng bi kịch rồi nói:

- Vậy thì hết đời tôi rồi.

Sau khi giả vờ đau khổ vì một cú đau tim, ông lại liếc mắt nhìn chiếc đồng hồ lớn.

- Gọi Chambéry đi, cậu bé.

Avignon lại chạy đi, lười thè lè cả ra. Đội quân gọn nhẹ nhìn cảnh sát trưởng mà chẳng hiểu gì.

Lần này, Boulard không còn hoàn toàn tung từng nữa. Ông căng thẳng ngậm mấy viên kẹo.

Ông vẫn biết chưa có gì chắc chắn cả và đã cảm thấy tiếc cho màn kịch nhỏ của mình. Volơ Viktor không phải là chủ đề hài kịch hay bi kịch. Hắn là một loài dây leo có thể luồn lách khắp nơi giống như lũ ruồi trâu người ta tìm thấy vẫn còn sống nguyên trong những hầm mộ pharaon đóng kín suốt ba nghìn năm.

Đầu tàu đã thôi không nhả hơi nước.

Avignon không trở lại.

Nhà ga hoàn toàn yên ắng.

Để giết thời gian, Boulard thử chinh đồng hồ đeo tay theo giờ của nhà ga. Nút đồng hồ vẫn giữ nguyên trên tay ông.

- Đi tìm anh ta cho tôi! cuối cùng ông cũng gào lên.

Người ta tìm thấy Avignon ngất xỉu trong quầy ăn nhà ga.

Ai đó cố làm anh ta tỉnh lại bằng cách lấy bảng chỉ dẫn đường sắt quẹt cho anh ta.

- Xê ra nào, Boulard nói.

Cảnh sát trưởng ngồi lên Avignon và tát cho anh ta hai phát.

- Trung úy!

- Đường, phải cho anh ta uống đường, bà chủ quán cà phê đề nghị và mang đến một chai si rô.

- Cảm ơn bà, Boulard lịch sự nói.

- Ngài cần ống hút không?

- Không, cảm ơn.

Boulard giơ cái chai lên rất cao rồi đổ cả lên mặt Avignon.

Cuối cùng anh ta cũng mở được mắt.

- Tàu không đến Chambéry à? cảnh sát trưởng hỏi.

- Có chứ, tất nhiên rồi. Tàu đến rất đúng giờ.

- Rồi sao?

- Viktor không có trên tàu Chambéry.

Voloï Viktor lắng nghe mọi tiếng động. Hắn không biết chính xác mình đang ở đâu. Tàu dừng. Ô cửa sổ bé xíu trông ra một bức tường vàng. Người ta nghe thấy một chút huyền não, vài giọng nói oang oang quanh toa tàu. Một con chó đang sủa.

Hắn nghĩ đến Zefiro.

Hắn đã luôn nghi ngờ về cái chết của người đàn ông ấy.

Cái chết tự nhiên... Người ta nói với hắn như vậy. Hắn không thích những cái chết tự nhiên. Hắn không tin vào điều đó.

Đó là sự lập dị của kẻ buôn bán vũ khí, hắn không bao giờ bị lừa vì những cái chết tự nhiên. Để cảm thấy dễ chịu, hắn cần được nghe thấy tiếng súng nổ và chiêm ngưỡng những cái xác bất động trước mặt mình.

Con chó lại sủa, gần hơn một chút.

- Tôi yêu cầu anh nói cho tôi biết hắn lên tàu nào!

Boulard mỗi lúc một sôi máu. Ông đang nổi máu với Paris.

- Tôi không biết, giọng nói bên kia điện thoại trả lời. Tôi không biết gì cả. Máy chuyển tàu của ngài giống nhau quá.

- Ra vậy! ông nói. Hắn có lên tàu đầu tiên không? Chuyển đến Bourges ấy?

- Trên chuyến tàu đầu tiên ư? người đàn ông nói. Để tôi hỏi đã... Không. Không phải chuyến đầu tiên.

- Vậy chuyến thứ hai? Chuyến La Rochelle?

- Chờ đã.

Anh ta còn đang nói chuyện với ai đó. Qua đường dây điện thoại, giọng người đàn ông bị bóp méo như tiếng ve sầu.

- Sao rồi? Boulard gào to sau nhiều giây chờ đợi. Hắn có trên chuyến thứ hai không?

- Chuyến thứ hai ư?

- Đúng, đồ cặn bã súc vật ngu xuẩn! cảnh sát trưởng tuôn ra. Trên chuyến thứ hai! Tôi hỏi chuyến thứ hai còn gì. Hai! Hai! Hai!

- À, không, chắc chắn không có trên chuyến thứ hai.

- Vậy hắn ở trên chuyến thứ ba rồi! Boulard gào thét. Nói với tôi là hắn đã lên tàu Chambéry đi chứ!

- Sao cơ?

- Trên chuyến thứ ba! Ba! Ba! Hai cộng một!

- Không, Chambéry, chuyến thứ ba đến Chambéry.

- Ừ, Boulard rên rỉ. Chuyến thứ ba Chambéry!

- Trên chuyến thứ ba ư? Tôi hỏi đã nhé...

- Chuyển máy cho anh ta nói chuyện với tôi, đồng nghiệp của anh ấy, đồ giẻ rách! Chuyển máy cho anh ta nói chuyện với tôi hay là tôi cho anh về Cayenne chấm dứt cuộc đời nhé!

- Alô?

- Alô? Anh là đồng nghiệp của tên giẻ rách à?

- Không, vẫn là tôi đây.

Boulard suýt nữa treo cổ tự vẫn bằng dây điện thoại.

Avignon nhẹ nhàng gỡ dây và điện thoại ra khỏi tay ông.

- Chúng tôi chỉ muốn biết liệu hắn có được đưa lên chuyến thứ ba không, trung úy Avignon hỏi với vẻ bình tĩnh nhất có thể.

Boulard nhìn anh ta, sẵn sàng cắn xé.

- Anh đùa đấy à? Avignon nói sau khi một lúc lắng nghe. Anh... Anh chắc không? Được rồi. Chúng tôi sẽ gọi lại cho anh.

Anh ta dập máy, quay về phía Boulard.

- Họ nói Viktor ở trên chuyến tàu thứ tư.

Mắt cảnh sát trưởng lơ đãng. Lưỡi lè cả ra, ông nói với giọng một đứa trẻ lên năm:

- Chuyển... thứ tư. Được rồi, trung úy. Cảm ơn. Anh có thể đi. Đó là tất cả những gì tôi muốn biết.

Ông dựa vào quầy, gọi đồ giải khát.

- Ông có đồ uống yêu thích không? bà chủ hỏi.

- Có. Cái này...

Bằng động tác tay dứt khoát, ông chỉ, từ đầu này đến đầu kia, hàng đầu tiên toàn chai rượu khai vị.

Không bao giờ có chuyến tàu thứ tư.

Qua ô cửa sổ nhỏ hẹp, Voloi Viktor thoáng nhìn thấy một thác nước lấp lóa chảy từ vách đá xuống. Tàu lại chạy tiếp từ lâu rồi.

Dãy Pyrenees. Gần đến nơi rồi.

Chuyến tàu thứ tư vừa đi qua biên giới giữa Cerbère và Port-Bou, trông ra Địa Trung Hải.

Chuyến tàu không dừng lại ở bất kỳ ga nào và không bị bất kỳ thanh barie nào chặn lại. Nó chỉ cần tiếp than và nước ở đâu đó trong vùng bình địa. Nhưng rồi nó lại khởi hành ngay lập tức vì chó sủa. Chắc hẳn ai đó đang theo sau tàu.

Rồi, Viktor cảm thấy đoàn tàu phanh lại trên một cây cầu rất cao, nhô ra phía trên thung lũng hoang dã. Lúc này, nó im lặng trượt trên đường ray, đi vào đường hầm. Giữa đường hầm ấy, nó chuyển đường ray đi vào một đường hầm khác. Cuối cùng, nó đi vào một khoảng không lớn đào trong núi và được đèn công suất lớn chiếu sáng.

Tàu dừng lại trên bến nơi có khoảng chục người đàn ông đang đứng đợi.

Cửa mở.

Hai người xuất hiện. Họ đeo mặt nạ thợ hàn. Họ không nói lời nào với Voloï Viktor. Trong vài phút, dưới ánh lửa xanh, họ đã giải thoát cho hắn. Viktor đứng dậy bước về phía ánh sáng.

- Đây rồi, hắn nói.

Hắn xuống bến, bị lóa mắt, rồi vờn người.

- Tất cả ổn chứ? một gã hỏi hắn.

- Chúng mày tóm được tên thầy dòng chứ?

- Không.

Viktor ném cho gã đó một cái nhìn chết chóc. Bọn chúng vừa đỡ hắn ngồi xuống một chiếc ghế bành, ngay giữa bến và ba tên khác ân cần vây quanh hắn.

- Vậy là tất cả mọi việc đều rất tồi, Dorgelès. Mày làm thế nào mà lại để hắn thoát vậy?

- Chúng tôi đã theo hắn ở cửa ra sở cảnh sát, đến tận ga Austerlitz.

- Đáng ngưỡng mộ đấy. Mười lăm phút đi tàu điện ngầm! Chúng mày là lũ thiên tài mật thám tầm thường. Rồi sao nữa?

- Chúng tôi thấy hắn vào Vườn Bách thảo.

Viktor bắt đầu vỗ tay.

- Chúc mừng, Dorgelès. Theo dõi một gã đàn ông trong công viên... Mày coi chừng đấy!

Đám đàn ông, đàn bà vây quanh Voloï Viktor cười với hắn khi họ phải cười. Chúng giống như lũ nịnh thần của con quỷ dữ. Chúng cầm trên tay một đồng bút chì và tóc giả. Chúng đang hóa trang cho hắn. Người ta đã không còn nhận ra hắn nữa.

- Chúng tôi mất dấu Zefiro trong Bảo tàng Lịch sử tự nhiên, Dorgelès giải thích.

- Thật đáng tiếc...

Không còn vẻ mỉa mai trong giọng nói của Viktor.

- Hắn thông thạo địa bàn, thừa ngài Viktor. Hắn cực kỳ thông thạo địa bàn. Hắn đã bỏ rơi được chúng tôi.

- Người ta chỉ bỏ rơi được những gì họ nắm trong tay, Dorgelès ạ. Mà nắm trong tay hắn! Tại sao hắn biết mà theo dõi hắn, hả? Tại sao chứ, ngài Dorgelès?

- Zefiro cảnh giác.

- Còn mà thì không cảnh giác mấy đâu.

Dorgelès đã lên toàn bộ kế hoạch trốn thoát cho Viktor. Hắn đã chuẩn bị chuyển tàu thứ tư, ngụy trang và trang bị vũ khí cho cả một trung đoàn, mua chuộc nhân viên bê ghi, hối lộ mười tên khác, nhưng Viktor không một chút biết ơn hắn.

- Mà không còn gì để nói với tao nữa à? Voloï Viktor hỏi.

Đám thợ hóa trang làm việc miệt mài trên khuôn mặt hắn. Ngay cả giọng nói của hắn cũng thay đổi.

- Mà không còn gì để nói với tao nữa à, Dorgelès?

- Tôi có một manh mối quan trọng. Một bức ảnh chụp ở Austerlitz.

Viktor giằng lấy tấm ảnh từ tay hắn rồi nói:

- Tao hỏi là liệu mà không quên gì đấy chứ, Dorgelès!

Voloï Viktor gạt đám người đang vây quanh hắn ra. Hắn không còn như trước nữa. Ngay cả giọng nói cũng thay đổi.

Dorgelès lùi một bước.

Trước mặt hắn bây giờ là một người phụ nữ bốn mươi lăm tuổi, tóc vàng, như vừa mới trang điểm.

- Tao đã yêu cầu mày việc gì đó, Dorgelès.

Cuối cùng Dorgelès cũng hiểu Viktor chờ đợi gì.

- Vâng. Xin lỗi. Tôi thành thực xin lỗi..., thưa quý bà.

Viktor không trả lời.

Dorgelès bỏ đi. Hắn biết đời mình đang được tính bằng phút.

- Thế còn bức ảnh này? Viktor hỏi.

- Đó là kẻ tìm cách nói chuyện với hắn, ở ga Austerlitz. Hắn đẩy người đó ra, nhưng tôi chắc chắn hắn quen tên đó.

- Thế mày tóm được hắn không, cái tên kia ấy?

- Chúng tôi vừa tìm thấy manh mối của hắn ở Luân Đôn. Hắn đã biến mất trong nhiều tuần. Chúng tôi sẽ không để mất hắn.

- Ai vậy?

- Một tên tội phạm bị ông bạn già Boulard của ngài truy lùng vì tội ám sát một linh mục. Hắn tự cho mình là vô tội và bị những kẻ sát nhân săn đuổi.

- Tóm lấy hắn trước những đứa khác, và bắt hắn khai về Zefiro. Đừng có làm tao thất vọng đấy. Đây là cơ hội chuộc tội duy nhất của mày đấy, Dorgelès.

- Tôi có sẵn mười người đây rồi.

Volơ Viktor còn lại một mình trên bến. Bây giờ hắn tên là Quý bà Victoria. Đây từng là một nhân vật thành công của hắn. Hắn chưa bao giờ bị nhận ra dưới danh tính này.

Không khí lạnh căm ở cái nơi sâu thẳm trong lòng đất. Quý bà Victoria khoác một chiếc áo măng tô bằng vải xa tanh trên vai. Bà xách đôi giày cao gót bằng một tay, tay kia cầm bức ảnh gí sát vào đôi mắt có hàng mi dài.

Bức ảnh được chụp trong làn khói nhà ga.

Trên tấm ảnh, một bên là cha Zefiro đang nhìn chăm chăm vào máy ảnh. Bên kia là chàng thanh niên đang cười tươi bước về phía Zefiro.

30

QUỶ ĐẠO CỦA NHỮNG BÔNG TUYẾT

Luân Đôn, đêm hôm sau

Trời mưa. Vango chạy trên cầu. Ba gã đàn ông vẫn bám sau cậu. Cậu lại nhìn thấy chúng nhờ ánh sáng của con tàu đang đi ngược chiều. Chúng không buông tha cậu từ khi màn đêm bắt đầu buông xuống.

Hàng chục đường ray chằng chịt phủ kín chiều rộng cây cầu. Vango bước xuống bậc, ngay trước ga Cannon Street. Những kẻ bám theo cậu cũng nhảy xuống rất nhanh phía sau.

Lúc này cậu đang chạy giữa những đường ray trên cây cầu đường sắt bắc qua sông Thames. Cậu nhìn thấy phía xa xa quầng sáng của những bến tàu.

Ba lần, Vango ngỡ đã thoát được chúng.

Thoạt tiên, cậu thấy chúng đi vào quán ăn nơi cậu vừa mới bắt đầu làm việc.

Cậu vừa đi xuyên châu Âu, từ Nam tới Bắc, lang thang, chỉ biết có ban đêm. Cậu không còn xu nào từ lâu rồi, cậu ăn nhờ ở đậu trong sân sau của các tòa nhà. Chính ở một nơi như thế, ngoại ô

Luân Đôn, trong khi cậu đang sục sạo đóng rau quả thừa thì ông chủ nhà hàng Blue Fisherman đề nghị tuyển cậu vào để rửa bát.

- Cậu biết làm không?
- Có ạ.
- Vậy thì ngày mai cậu đến ngay nhé.

Vango nhận lời. Với vài xu mỗi ngày, rốt cuộc cậu cũng sẽ có thể mua được vé tàu mà cậu đang cần để tiếp tục đi về phương Bắc.

Mới đến tối thứ ba, chúng đã vào nhà hàng. Chắc chắn chúng đã theo dõi Vango trên phố và xác định được nơi cậu làm việc. Có năm hay sáu khách hàng đang ngồi bên bàn ăn trong phòng. Những vị khách đi thẳng vào bếp.

Đến cửa, ông chủ muốn ngăn chúng lại.

- Các ngài làm ơn, không được vào đây đâu ạ.

Ông nhận một cú đấm vào thái dương và ngã lăn ra đất.

Khi chúng vào đến nơi, anh đầu bếp giơ tay lên trời, mỗi tay cầm một củ cà rốt.

- Tôi đầu hàng! Tôi đầu hàng!
- Câmmờm.
- Chính tôi là người các anh muốn đúng không?
- Không. Tên khác.
- Vậy tóm hẩn đi! Tôi không biết hẩn!

Bọn chúng nhét một củ cải to tướng vào miệng anh đầu bếp để anh ta im miệng.

“Lần này là mình rồi”, Vango tự nhủ.

Cậu bị mắc kẹt trong góc bếp, một căn phòng dài không lối thoát. Bọn chúng có bốn tên. Cậu ném từng cái đĩa bẩn và mâm gang đang chòng chát bên cạnh cậu về phía chúng. Anh đầu bếp chui xuống dưới chạn bát.

Vì thiếu vũ khí để ngăn chúng đến gần, Vango đổ nước rửa bát đang nóng bỏng và đầy mỡ ra sàn.

Cậu trốn vào kho và đẩy một cái bàn ra chặn cửa. Trong khi vẫn nghe thấy chúng trượt băng trên nền bếp lát gạch vuông, Vango trèo lên tủ, dùng khuỷu tay đập vỡ một ô cửa sổ nhỏ rồi leo ra sân giếng trời.

Bằng vài động tác, cậu leo lên mặt tiền ngôi nhà, về phía cửa sổ của tầng cao hơn. Cánh cửa chớp bị đóng kín. Cậu trèo thêm một tầng nữa, rồi tầng nữa. Dường như mọi cửa sổ đều bị bít lại. Tòa nhà bị bỏ hoang.

Lấy cánh tay quệt mặt, cậu cảm thấy một thứ chất lỏng âm ẩm đang chảy trên cổ mình. Khuỷu tay đập vỡ cửa kính đang chảy rất nhiều máu. Cậu bắt đầu không thể cử động bàn tay phải được nữa. Cậu đút nó sâu trong túi và để nó ở yên trong đó.

Tiếng động phát ra từ bếp.

Vango trèo nốt như một con nhện què, nhưng với tốc độ nhanh đến kỳ lạ.

Ở tầng trên cùng, cậu bám vào một trong những ô cửa chớp lớn của cửa sổ. Cậu muốn lên đến mái nhà.

Cậu bất động. Hai giọng nói vang lên phía dưới:

- Hẳn chắc chắn đang ở đây. Hẳn không thể ra khỏi sân được.
- Thế còn những người Anh của chúng ta đâu?

Không giống những kẻ đột nhập vào bếp, hai người đàn ông ấy nói tiếng Pháp.

- Họ đang tìm kiếm trên tầng, người kia trả lời. Họ sẽ tìm thấy hắc thủ, anh cứ để mà xem.

Rồi Vango cảm thấy cánh cửa chớp mà cậu đang đứng bỗng nhiên xoay tròn.

- *Hey!* một giọng nói vang lên rất gần cậu.

Hai người đàn ông ngược mắt lên nhìn kẻ vừa mở hai cánh cửa chớp của ô cửa sổ cao nhất.

- Chúng ta lại xuống thôi. Không có ai ở đây.

- Thằng nhãi bẩn thỉu! Hắc thủ sẽ phải trả giá cho việc ấy.

Vango dính chặt sau cánh cửa chớp bên trái, không thể bị phát hiện.

Bốn tiếng sau, khi chẳng còn tiếng động nào từ lâu rồi, cậu mới dám từ từ leo xuống sân.

Cậu nghe thấy tiếng cảnh sát đổ bộ giữa đêm khuya để ghi nhận vụ tấn công nhà hàng.

Ông chủ đã được đưa vào bệnh viện.

Vango thậm chí còn có thể chứng kiến, đằng sau cánh cửa chớp, câu chuyện anh hùng của chàng đầu bếp. Anh ta kể đã dùng que xiên và dao thái thịt bảo vệ anh nhân viên mới như thế nào:

- Tôi không chịu nhường bước cho đến khi chúng quỳ gối xin xá tội và kéo nhau đi!

Trước khi bình minh lên một chút, Vango chuồn ra phố. Mọi thứ dường như yên bình. Mưa lạnh thấu xương. Không có lấy một chút

ánh sáng. Chỉ nghe thấy vài đồng bạc đang sột soạt trong túi cậu và tiếng đôi giày tội nghiệp bì bõm trong nước.

Nhưng khi cậu sắp rẽ vào góc tòa nhà tiếp theo, một chiếc xe hơi khởi động lao theo cậu.

Cuộc săn lùng có lẽ sẽ không bao giờ dừng lại.

Lấy hết sức lực, cậu cứ chạy trong đêm khuya trên mặt phố đất nện. Mưa ngập cống thoát nước đổ về phía trung tâm thành phố.

Cậu ướt như chuột lột. Tiếng động cơ vẫn gầm rú sau lưng.

Một tiếng ầm ầm át đi tiếng động cơ. Vango cứ ngỡ đang nổ ra một cuộc đọ súng. Ngoái đầu lại, cậu hiểu âm thanh đó từ đâu ra. Một con đường sắt chạy sau hàng rào, phía bên phải.

Một con tàu đang đến.

Vango đột nhiên dừng chạy, làm lốp chiếc xe hơi đằng sau cậu rít lên. Cậu lấy đà, như một con sư tử, quăng mình một cách thần kỳ leo lên những bức chắn cao.

- Dừng bắn, một kẻ trong đám truy bắt kêu lên. Dừng bắn!

Vango đã nhảy lên tàu.

Đó là chuyến tàu sáng đầu tiên. Nó đi về phía trung tâm Luân Đôn. Có mấy người đang gà gât trên ghế băng gỗ. Họ thậm chí chẳng nhận ra là cậu bé xuất hiện khi tàu vẫn chạy.

Chỉ có một bà già cười với cậu như thể bà ta biết cậu. Vango không đáp lại. Tất cả đều khiến cậu sợ.

Cậu tiến lại gần cửa.

Cậu không còn tin bất cứ ai và bất cứ điều gì nữa.

Cậu thậm chí còn nghi ngờ cả một đứa trẻ sơ sinh.

Vango quy xuống một góc, dựa vào cửa kính. Cánh tay làm cậu đau.

Không còn mưa rơi nữa, mà là tuyết. Tuyết màu ghi xám, bất chợt thoáng rơi.

Cậu đã để lại trên đường hay trên cát nơi cậu đi qua dấu vết gì mà sao bọn chúng vẫn tìm thấy cậu?

Sao chúng lại phát hiện ra tung tích cậu trong khi chẳng còn gì làm cậu trở nên có giá trị trên trái đất này nữa?

Chẳng còn gì. Cha mẹ cậu, cha Jean, Cô, Zefiro... Tất cả đều đã biến mất. Vango cứ trôi nổi trên tất cả mọi thứ.

Ethel, có thể. Ethel còn giữ cậu lại bằng một sợi dây lụa.

Cậu chăm chú nhìn tuyết rơi.

Mí mắt cậu bắt đầu nặng trĩu.

Những nhà máy cao lớn đang nhả khói phía cuối vùng đất hoang. Lúc này, rất nhiều người đi lại dọc đường ray. Cậu trông thấy họ đi qua rất nhanh.

Cậu cũng nhìn thấy cả sự trượt dài của cuộc đời mình.

Khi ta quan sát những nụ tuyết rơi xuống như một dấu chấm, sự nhàm chán sẽ nhấn chìm chúng ta. Nhưng khi ta dõi theo một nụ tuyết, chỉ một mà thôi, từ tí trên cao, khi ta chứng kiến màn nhào lộn của nó, thì đó là một cuộc phiêu lưu, một niềm đam mê.

Vango tỉnh dậy khi tàu đến ga đầu tiên. Cậu mới chỉ ngủ vài phút. Lúc mở mắt ra, con tàu lại chuyển động và cậu nhìn thấy bọn chúng chạy trên bến rồi nhảy lên tàu.

- Không...

Cậu bật dậy. Chiếc xe hơi chở những kẻ truy đuổi đi còn nhanh hơn cậu.

Bà già vẫn ngồi đó.

Cậu hạ kính thấp xuống rồi thò đầu ra ngoài. Tuyết ẩm ướt, âm ẩm. Cậu đưa cánh tay trái ra tìm chỗ bám trên mái và đu lên bằng cánh tay duy nhất.

Bà già trông thấy cậu biến mất, như thể bị hút ra ngoài, đúng lúc đám người vào đến nơi. Bà không nói một lời. Bọn chúng thở hồng hộc, cúi xuống nhòm dưới ghế băng.

Một tên trong số đó lao đến bên cửa sổ để mở nhìn ra ngoài.

- Cửa đấy bị kẹt rồi, thưa ông. Nếu ông đóng được nó vào thì tốt cho mọi người quá, bà già nói.

Gã đàn ông lấy một ngón tay đẩy cửa, nó đóng lại hẳn.

- Cảm ơn, bà nói.

Bà hơi gật đầu rồi nhắm mắt một lúc.

- Tại sao bà lại nói cái cửa sổ này bị kẹt?

Bà lại mở mắt. Gã đàn ông giơ sát vào mặt bà, vẻ đe dọa.

- Thế nào? Tôi hy vọng bà không giấu diếm chúng tôi điều gì...

Những hành khách khác giả vờ ngủ.

Một phút sau, nằm bẹp trên mái con tàu đang lao nhanh về phía cầu Cannon Street, Vango trông thấy một người đàn ông xuất hiện trong gió. Hắn cũng leo lên bằng chính cửa sổ ấy.

- Lại đây!

- Anh là ai?

- Lại đây, nhóc con. Cứ nhẹ nhàng lại đây.

Hắn giơ súng đe dọa cậu.

Vango bắt đầu di chuyển về phía hắn. Con tàu lao vun vút giữa những cột tháp.

Hắn theo sát từng chuyển động của cậu. Cậu chỉ còn cách hắn một mét. Cậu ngoan ngoãn trườn lại. Hắn sắp chạm được vào bàn tay cậu. Đúng lúc đoàn tàu chui qua một cây cầu nhỏ, Vango bỗng bật dậy nhảy treo mình lên nhịp cầu bằng kim loại. Cậu nhanh chóng lẩn vào đêm tối.

Hắn bắn một phát súng chỉ thiên. Đó là ám hiệu ra lệnh những tên kia nhảy ra khỏi tàu.

Rồi Vango chạy phía trên sông Thames, trên những đường ray của cầu Cannon Street. Những kẻ truy đuổi thoát tiên đi dưới nhịp cầu mà không phát hiện thấy gì cả. Nhưng rồi một đoàn tàu khác đã rúc lên những hồi còi khẩn thiết khi trông thấy cậu xuất hiện trên đường ray. Bọn chúng quay trở lại tiếp tục cuộc săn đuổi.

Vango muốn đến ga Cannon Street, luôn đông nghịt người ngay từ buổi sáng. Cậu có thể trà trộn vào đám đông.

Cậu đang thắng thế. Cậu có một cơ may để thoát khỏi chúng.

Lúc này, mưa đã thay thế tuyết.

Vango đột nhiên dừng lại. Cậu vừa nhìn thấy trước mặt mình mấy cái bóng đang động đậy. Bọn chúng tấn công cậu từ sau lưng.

Cậu nhận ra tay người Pháp và hai tên vô lại khác phải xuống ở ga tiếp theo.

Vango bị mắc vào thế gọng kìm.

Trong cậu, vang lên tiếng than vãn của Kinh thánh:

Người lại tiếp tục tấn công

Đội quân mới của người cứ thay nhau tấn công ta

Chúng tiến lại gần cậu. Chúng đang ở đó.

Chúng thậm chí còn có thể nói chuyện với nhau.

- Chúng tao sẽ không làm mày đau đâu, gã người Pháp nói.

Con tàu cứ thế chạy qua, thờ ơ trước tấm thảm kịch. Người ta nhìn thấy những khuôn mặt được chiếu sáng bên cửa sổ.

Những người anh em làm ta thất vọng như dòng thác

Như dòng thác đổ thoáng qua

Vango cứ từ từ để mặc bị vây dồn, cậu dựa vào thành lan can.

Cậu rút bàn tay đau đớn ra khỏi túi áo rồi nhẹ nhàng đặt nó vào bàn tay kia.

Cậu đang rất tập trung.

- Không được nhúc nhích, gã người Pháp nhắc lại.

Kẻ thù chỉ còn cách cậu hai bước chân.

Rồi, cậu vung hai bàn tay đan vào nhau lên trời, uốn người ra đằng sau và cuối cùng cậu nhảy, bay qua lan can, lao thẳng xuống dòng sông.

Friedrichshafen, hồ Constance, cũng tối hôm đó

Đội trưởng Lehmann bước vào phòng bản đồ của Khí cầu Graf. Eckener đang làm việc trong đó, kính trễ xuống mũi.

Khí cầu đang nằm trong nhà chờ.

- Anh bạn tốt Paolo Marini của ông vừa đến.

- Sao cơ?

- Một ông Paolo Marini nào đó. Ông ta nói mình là bạn tốt nhất của ông.

Eckener gập kính lại. Ông chỉ mất một giây phân vân rồi kêu toáng lên.

- Paolo! Ông già hướng đạo sinh! Bảo ông ấy là tôi ra ngay đây.

- Ông ấy không có vé, thưa chỉ huy. Ông ấy đang giải thích với nhân viên của SS.

- Thế còn tôi? Eckener nổi giận đứng bật dậy sau bàn. Thế tôi có vé à? Paolo, chính là tôi, là bạn tôi, là người anh em của tôi, Paolo Murini...

- Marini. Ông ấy nói là Marini.

- Marini, đúng rồi, tôi vừa nói thế mà. Ông bạn già trong đội hải ly của tôi... Tuyệt rồi à, đội trưởng?

- Không. Chưa.

Đội trưởng Lehmann bỏ đi. Ông bắt đầu phải quen với những người bạn bỗng nhiên đông đúc mà chỉ huy không từ chối bao giờ này.

Eckener ngồi lại vào bàn làm việc và đảo mắt nhìn tấm bản đồ.

Ông chẳng biết ai có thể là cái ông Paolo ấy.

Ông chỉ biết rằng gần đây, những người bạn không quen biết đến với ông từ khắp mọi miền đất nước. Người đàn ông này là chỗ nương tựa, là nơi đón nhận tất cả những ai bị bọn quốc xã truy lùng. Có những người là cựu chiến binh, nghệ sĩ và ngày càng có nhiều

dân Do Thái. Những đạo luật phản đối họ gia tăng. Họ bị cấm làm rất nhiều nghề. Họ không thể làm luật sư hay công chức... Và hai tháng trở lại đây, các lễ cưới hoặc bất kỳ mối quan hệ nào giữa người Do Thái và không Do Thái cũng bị cấm.

Eckener đang nỗ lực tận dụng ảnh hưởng của mình. Ông làm tất cả những gì có thể.

Dáng người sừng sững, hiên ngang của Hugo Eckener hãy còn có thể che chở cho rất nhiều người đang cần ông.

Eckener đi dọc khí cầu.

Màn đêm buông xuống. Trong hai giờ nữa, họ sẽ cất cánh.

Đó có thể là thời khắc vinh quang cuối cùng của Graf. Nó sẽ bay một chuyến ngắn đến New York, rồi trở về nghỉ đông bên bờ hồ Constance.

Mùa xuân tới, thế giới sẽ chỉ biết đến Hindenburg, quả khí cầu lớn nhất từng được chế tạo.

Con quái vật đã rậm rịch trong nhà chờ, ngay bên cạnh. Hai trăm năm mươi mét, hai mươi lăm cabin, năm mươi hành khách. Niềm vinh quang đẹp nhất của Hugo Eckener.

Nhưng khi bước ra và quay lại nhìn cái dáng vẻ lịch lãm của Graf, chỉ huy cảm thấy tim nhói đau. Ông thở dài.

Dự báo sẽ có tuyết rơi. Ông muốn điều đó trở thành hiện thực. Một ngày, đã lâu rồi, từ một trong những ô cửa sổ này, chính cái ô đó, ông đã chỉ cho Vango cách ngắm tuyết rơi.

Nếu đội trưởng Lehmann nghi ngờ về mối liên hệ gắn kết thực sự giữa Hugo Eckener và Paolo Marini thì mối nghi ấy tan biến ngay lập tức khi ông chứng kiến hai người hội ngộ nhau.

Những tiếng reo mừng và những dòng nước mắt thật chân thành. Họ ôm lấy nhau thật lâu.

Eckener, bên cửa nhà chờ, run lên vì sung sướng khi nhận ra người bạn lớn của mình.

- Ông thế nào rồi..., Paolo? Ông thế nào rồi, lão hải ly già?
- Tôi đến bay bổng một chút trong tay ông đây, chỉ huy của tôi!

Một nhóm nhỏ tập trung quanh họ. Đặc biệt, có mấy tên lính, vài hành khách người Đức, và viên sĩ quan SS chịu trách nhiệm kiểm soát hành khách.

Eckener thì thầm vào tai ông bạn:

- Ông điên rồi. Cần phải có hàng chục giấy phép cơ. Đi đi, Zefiro.

Zefiro, bởi vì đó chính là ông, đứng lùi xa ra, và lấy những người đang vây quanh mình làm nhân chứng:

- Mọi người thấy những gì ông bạn Hugo Eckener vừa nói với tôi không?

Eckener bắt động.

- Ông ấy coi tôi là một thằng điên! Mọi người nghe thấy không? Ông ấy nói tôi không thể lên khí cầu.

Tên sĩ quan mặc đồng phục toét miệng cười ngớ ngẩn.

Trước vẻ hãi hùng của chỉ huy, Zefiro đặt tay lên vai ông.

- Tôi đùa đấy... Đó là lỗi của tôi. Tôi chẳng bao giờ báo tin tức gì cho ông cả mà có lẽ ông cũng chẳng đọc báo.

Ông ra hiệu cho tên sĩ quan.

- Anh cho ông ấy xem bức thư.

Eckener cầm lá thư trong tay rồi đọc nó.

Nó được viết bằng tiếng Đức và tiếng Ý. Bức thư đến từ đoàn chủ tịch Hội đồng, ở Rome. Đoàn chủ tịch trao cho ngài Paolo Marini, “huân chương chiến tranh Fusillini và huân chương Minestrone”, một nhiệm vụ đặc biệt vì tình hữu nghị giữa Đế chế và nước Ý phát xít vĩ đại, nhờ chuyến đi trên Khí cầu Graf, biểu tượng sức mạnh của chủ nghĩa quốc xã. Người ta còn có thể đọc được những cụm từ “liên minh vẻ vang của hai nước”, “niềm hy vọng bất tận” và “sự thuần khiết mãi mãi cho thế hệ trẻ” khiến ai cũng sẽ phải bật cười vì chúng bắt chước nguyên xi những bài diễn văn theo mốt.

Lá thư được ký bằng nét bút lông cầu kỳ, trên đó người ta có thể nhận ra từ “Bibi”. Nhưng những chữ in sẵn ngay bên trên chỉ rõ tên của Benito Mussolini.

Eckener gập lá thư lại.

Ông siết tay Zefiro.

- Vậy thì chào mừng ông, Paolo Marini. Có đúng một cabin trống cho ông. Chúng ta sẽ khởi hành trong một tiếng nữa.

Họ cùng nhau đi về phía văn phòng chỉ huy. Khi họ đi ngang qua, có thể nghe thấy giọng nói rộn ràng của Marini trầm trồ kinh ngạc trước vẻ đẹp của quả bóng.

Khi Eckener đóng cửa phòng lại, khi họ chỉ còn lại hai người, Zefiro mới xin lỗi Eckener. Ông đặt chiếc vali nhỏ xuống rồi dấm cho Eckener một quả vào mặt.

Eckener hơi loạng choạng trước khi tống sâu nắm đấm của mình vào bụng Zefiro. Zefiro gập người rồi đáp trả. Họ bắt đầu vật lộn như đang trong sân chơi.

Eckener là người đầu tiên ngã ra đất, quần quaoi, ho rũ rượi. Zefiro nhìn ông, sùi bọt mép, đứt hơi.

- Tôi đã làm gì ông cơ chứ? Eckener nói.
- Ông biết điều đó quá rõ.
- Không.
- Ông đã tiết lộ với cảnh sát vị trí của tu viện.
- Tôi nói cho Esquirol và Joseph biết để ông đi nhận diện Viktor mà.
- Viktor đã vượt ngục hôm qua rồi.

Eckener câm lặng.

- Tôi phải rời khỏi châu Âu, Zefiro nói. Cái tu viện ấy là cả cuộc đời tôi. Tôi không thể để nó gặp nguy hiểm.
- Tôi cũng thế, thưa cha, tôi chẳng có nhà ở đâu cả. Tôi không thừa nhận đất nước mình nữa rồi.

Zefiro cúi xuống đỡ Eckener dậy.

- Tôi đang làm tất cả những gì có thể, Eckener tiếp tục. Đối với tôi, nước Đức đang tuyên chiến với chính mình. Sáng hôm qua, cảnh sát đã đến xóa tên bạn chúng ta là Werner Mann trên đài tưởng niệm làng anh ấy, gần Munich. Cái họ Mann, ông nghe thấy chứ? Hitler đã ra cái lệnh đó cách đây ba ngày. Không một tên họ Do Thái nào được khắc trên đài tưởng niệm 1918.

Werner Mann, vị anh hùng hy sinh trong chiến đấu, người đã ký giao ước Violette với Zefiro và những người bạn của ông, vừa bị xóa

tên khỏi lịch sử.

Hai ông bạn già giúp nhau phủi quần áo.

Zefiro lấy khăn mùi soa thấm chút máu trên môi Eckener.

- Tôi không làm phiền ông lâu đâu, Eckener. Tôi sẽ ở lại New York cả mùa đông. Không thể quay về tu viện vào lúc này. Tôi đang có những dự định.

- Phải khởi hành nhanh, Eckener nói. Lá thư giả của ông đúng là một tác phẩm tồi. Tôi không biết sao SS lại có thể chấp nhận chứ. Điều này có lẽ không kéo dài lâu đâu.

Cuối cùng Zefiro cũng nở một nụ cười.

- Dù sao thì tôi cũng khéo đấy chứ. Ông có nhìn thấy ở dòng thứ bảy không, tôi tự trao cho mình loại huân chương giảm bông mà tôi vẫn thích đấy!

Họ phá lên cười rồi lại nắm lấy tay nhau.

- Thế còn Vango? một lúc sau Eckener hỏi.

Zefiro im lặng.

- Có chuyện gì xảy ra với cậu bé à? Eckener gặng hỏi.

- Tôi sợ đã đẩy cậu ấy vào một câu chuyện bẩn thỉu.

Zefiro đang cố nấn lại chiếc mũ. Ông kể:

- Tôi đến nơi hẹn với Vango thì phát hiện ra mình bị theo dõi. Trong một nhà ga tại Paris. Tôi nhận ra một tên thợ ảnh trong đám đông, một gã tay chân của Viktor. Hắn giấu một khẩu súng dưới miếng vải che máy ảnh.

- Ông bỏ đi à?

- Quá muộn rồi. Tôi nhìn thấy Vango đi lại phía mình. Tôi đã phải làm như không quen biết cậu ấy.

- Không ai có thể biết được cậu ấy quen ông.

- Có chứ. Cậu ấy muốn nói chuyện với tôi. Cậu ấy tiến lại gần. Cậu ấy phấn khởi khi thấy tôi.

- Chúng sẽ không tìm ra cậu ấy đâu, Eckener hăng hái nhắc lại.

- Tôi nhìn thấy ánh sáng từ máy ảnh. Bọn chúng có bức ảnh rồi.

Nửa tiếng sau, khí cầu cất cánh. Tên sĩ quan SS gọi cho đại sứ quán Ý thông báo Paolo Marini nổi tiếng đã để quên chiếc măng tô trong nhà ga hàng không Friedrichshafen.

Tại đại sứ quán, cái tên ấy không có vẻ nổi tiếng chút nào. Không ai biết đến cái tên ấy. Nhưng khi tên sĩ quan thông báo tỉ mỉ danh sách huân huy chương của Paolo Marini, hẳn nghe thấy đầu dây bên kia cười ré lên. Trong đồng huân huy chương của Paolo có thứ dùng để làm hẳn một bữa tối ở Ý, từ món xúc xích cho đến món *pannacotta* tráng miệng.

31

CON ĐƯỜNG MÁU

*Mátxcova, một tháng sau,
tháng Mười hai năm 1935*

Cậu bé cuộn tròn trong tuyết. Cậu chừng bảy tuổi.

- Kostia, Kostia!

Người phụ nữ gọi cậu bé ngồi trên chiếc ghế băng phía bên kia lối đi, trên đầu gối bà là một bé gái, có lẽ là chị cậu bé ấy.

- Tioten'ka, cô nghĩ họ có đến không?

- Đừng lo. Họ luôn đến mà, người phụ nữ trả lời.

Tioten'ka rất dịu dàng. Cô bé rất yêu người phụ nữ này, người phụ nữ mới đến nhà chúng cách đây chừng năm hay sáu tuần gì đó.

Cô ấy từ đâu đến? Một người đàn ông đã mang cô ấy đến cho hai đứa trẻ vào một ngày tháng Mười. Cô ấy có cái giọng ngồ ngộ khi nói tiếng Nga. Người ta nói với cha mẹ chúng rằng từ nay trở đi cô sẽ sống ở nhà họ, rằng phải gọi cô là *tioten'ka*, cái tên có nghĩa là dì, để hàng xóm khỏi thắc mắc.

Bố mẹ chúng nhường cô chiếc giường lớn, chiếc giường ở phòng khách, nhưng cô từ chối và ở trong tủ tường nằm ở ngay lối vào, nơi cậu anh cả ngủ, cái hồi cậu còn ở nhà.

Cả nhà thôi không đối xử với cô như khách mời danh dự nữa. Cô tham gia nhiều hơn vào công việc nhà. Mọi người khó mà ngăn cô lại được. Ngoài căn phòng bé tẹo, *tioten'ka* còn thừa hưởng hai chiếc áo măng tô mùa đông của cậu con trai cả. Cả nhà vẫn luôn thật xúc động khi nhìn thấy chúng mắc trên móc cửa như trước kia.

Kostia run rẩy trở lại bên chiếc ghế băng.

- Cháu lạnh, cậu bé nói.

- Cháu cũng thế, cô chị Zoia tiếp nối.

Người phụ nữ mở chiếc áo măng tô của mình ra và bọn trẻ chui tọt vào trong đó.

- Cô sẽ làm tiếp bánh ga tô trắng cho chúng cháu tối nay chứ? Kostia hỏi.

Thằng bé đã mơ tưởng tới bông hoa nhỏ bằng đường màu hoa cà, đặt trên lớp kem tươi.

Bởi lẽ Tioten'ka là một đầu bếp cừ khôi dường như bước ra từ chuyện cổ tích.

Khi đến công viên Sokolniki, hai lần mỗi tuần, Cô lại mặc hai chiếc áo măng tô quá khổ. Lớp da lông thú giữ ấm cho cô trong gió buốt. Một lớp trong chạm vào chiếc áo lót bằng vải bông, lớp kia, hướng ra ngoài, bạc trắng dưới màn sương giá. Cô dạo chơi cùng hai đứa trẻ Konstantin và Zoia.

Cô biết mình bị theo dõi mỗi bước chân khi đi ra ngoài. Cô luôn tự hỏi kẻ qua đường nào trong số những người kia đang giám sát cô.

Khi bị bắt cóc ở Salina, cô sợ bị đẩy ra một cái trại phía bên kia vòng cực. Vậy mà cô lại ở giữa lòng Mátxcova. Cô bị quản thúc trong

một gia đình tại căn hộ bé tí tẹo, giữa lò sưởi than và những bức tường phủ hình các thánh.

- Họ đây rồi! Zoia vừa kêu lên vừa chui ra khỏi cái tổ bằng da lông thú của mình.

Nó chạy đến gặp một cô bé khác vừa thả tay người phụ nữ đi cùng.

Lũ trẻ và những cô bảo mẫu ôm chầm lấy nhau rồi ngồi sát bên nhau trên chiếc ghế băng.

Cảnh tượng này diễn ra hai lần một tuần từ cả tháng nay rồi. Đó là tình bạn ngày thứ Tư và Chủ nhật giữa hai bé gái và hai người phụ nữ qua ánh mắt trìu mến của Kostia.

Cô bé kia tên là Svetlana, nhưng mọi người gọi cô bé bằng biệt danh Setanka.

Người bảo mẫu không nói gì về gia đình Setanka. Bà muốn nói về những thời xa xăm, khi bà còn thuộc về những dòng họ quý tộc ở Saint-Pétersbourg, trước cách mạng. Bà đã phục vụ những công nương, những diễn viên nhà hát... Thậm chí suýt nữa bà còn được đến Paris!

Cô hầu như không nói gì. Cô lắng nghe. Đôi khi cô rơi nước mắt. Cô thích những câu chuyện ngày xưa ấy.

Về phần mình, Zoia và Setanka đang thì thầm. Một đứa nói về người anh đang đi vắng, còn đứa kia nói về một chàng trai mà nó gọi là Chim và chưa bao giờ gặp.

- Bọn chúng kể gì cho nhau nghe không biết? thỉnh thoảng bảo mẫu của Setanka lại liếc mắt, thì thào.

Hai cô bé thậm chí chẳng nghe thấy gì. Chúng say sưa nghe nhau nói. Cứ thế, các ngày thứ Tư và Chủ nhật, dần dần, những bí mật của chúng được đem ra trao đổi. Setanka hơi cảm mến người anh của Zoïa, và Zoïa thì thích Chim của Setanka.

Trời bắt đầu tối.

Họ chia tay nhau ở cổng công viên. Một chiếc xe hơi màu đen luôn đợi Setanka và bảo mẫu trước hàng rào công viên.

Những người kia xuống tàu điện ngầm, bến Sokolniki. Họ rất thích tàu điện ngầm. Chuyến đầu tiên mở cửa vào mùa xuân vừa rồi.

- Nhìn kìa, Tioten'ka. Nhìn kìa!

Kostia chạy trong nhà ga, trông như một tòa lâu đài cẩm thạch màu xám.

Tối hôm đó, khi bước vào căn hộ tỏa mùi sáp ong chảy và nhựa hương, hai đứa trẻ thấy mẹ chúng đang rất xúc động.

- Có thư của anh các con đấy, bà nói với giọng vô hồn. Anh ấy gửi cho các con những nụ hôn.

- Con có thể đọc lá thư đó được không? Zoïa hỏi.

- Bữa tối đã sẵn sàng rồi.

Sau đó, bà không cho hai đứa con của mình đọc lá thư ấy nữa.

Đó là bức thư đầu tiên. Nó được chuyển qua những người hàng xóm để tránh bị cảnh sát mật tịch thu mất. Gia đình họ đang bị quản thúc.

Lạ thay, bức thư có dán tem của nước Anh.

Nửa đêm, khi người cha trở về sau một ngày làm việc, Cô, đã ngủ, nghe thấy đằng sau cánh cửa tủ mình nằm tiếng người mẹ chạy ào ra cửa.

- Có thư của con trai chúng ta, anh yêu. Thư của Andreï.

Một sự im lặng chất chứa như tiếng nước nở nghẹn ngào.

- Nó gặp chuyện chẳng lành, Andreï của chúng ta...

Cô nhìn ba chiếc đàn violon bé nhỏ treo trên tường, phía trên giường mình.

Paris, đêm hôm đó

Trong một quán cà phê dưới chân đồi Montmartre, ít phút trước khi bình minh hé rạng. Khách uống quá nhiều. Cá Nhám là người duy nhất thích xi rô lựu.

Bên cạnh cô, Boris Petrovitch Antonov gỡ cặp kính gọng sắt mỏng xuống. Hắn lấy tay vuốt bộ mặt màu sáp của mình và dụi đôi mắt vàng ti hí. Bàn tay kia của hắn trù mển đặt trên tay Cá Nhám.

Hắn không muốn thả nó ra.

Mọi việc bắt đầu cách đó hai giờ.

Cá Nhám đang đợi trong cái máng hứng nước phía trên quán rượu Nga phố Liège. Hai chú mèo kiên nhẫn chờ cùng cô dưới tuyết. Tấm biển “Sherazade” sáng trưng vừa tắt. Bốn giờ sáng. Người đàn ông của cô vẫn chưa ra khỏi quán.

Cá Nhám theo dõi Boris Petrovitch Antonov với hy vọng hắn sẽ đưa cô đến với Andreï hoặc Vango.

Từ mấy tuần nay, cô bị mất dấu vết của Andreï chỉ vì một cuộc thăm viếng đột xuất. Cha mẹ Cá Nhám tạt qua thăm cô vài tiếng đồng hồ, điều này đã làm gián đoạn quá trình theo dõi của cô.

Cá Nhám thấy cha thay đổi, vẻ lo âu. Ông ngồi trước mặt cô. Ông thậm chí còn cởi cả áo măng tô và mũ ra nữa. Ông nói về việc buôn bán của mình, về dự định đi Mỹ. Ông nói vừa từ Francfort, Đức trở về. Người ta đã xóa tên ông trên những bức tường gạch nhà máy của ông và viết lên đó một cái tên khác hợp lý hơn.

Ông đã mất hết mọi thứ trên đất nước này.

- Anh vẫn còn nước Pháp mà, luôn luôn là thế! Và những nhà máy ở Bỉ nữa, vợ ông nói vọng ra từ phòng tắm.

Ông nhăn mặt. Ở Pháp, có dễ dàng đến thế đâu.

Rồi, ông đặc biệt dành nhiều phút nói chuyện với cô con gái. Ông ngạc nhiên nhìn cô như thể mới phát hiện ra cô vậy.

- Còn con, Emilie? Ổn chứ?

Cá Nhám không trả lời. Một cái tên, ba cái nháy mắt và hai câu hỏi không đủ để lấy lòng cô.

- Nếu họ lấy đi của ta tất cả, người cha nói, cả ba chúng ta sẽ ra đi.

Vợ ông cười rất to trước gương và cho ông là kẻ nhát gan. Bà bước ra với mùi hương hoa hồng phảng phất lẫn hoa nhài. Bà thậm chí còn chưa bỏ mũ len xuống, bà nói rằng có người đang đợi họ tới ăn tối trong thành phố.

Bà chỉ vuốt má con gái bằng chiếc găng tay hầy còn phần.

- Gặp lại con sau nhé, thiên thần của ta.

Một tiếng sau, Cá Nhám nhận ra rằng Andreï không về căn phòng trọ trên phố Val-de-Grâce.

Một trong hai con mèo kêu meo meo bên cạnh Cá Nhám.

Không còn ai đi ra từ quán rượu Sherazade nữa. Vậy tên Boris Petrovitch Antonov nhỏ thó, đáng sợ đi đường nào nhỉ? Rõ ràng quá nửa đêm một chút, cô còn nhìn thấy hần bước vào cơ mà.

Cá Nhám nhớ lại quãng thời gian khi cô thậm chí chẳng biết từ cô đơn có nghĩa là gì. Quãng thời gian cô sống lơ lửng trên cao, dưới là thành phố và con người, quãng thời gian cô chẳng hề đau khổ. Quãng thời gian ấy giờ đã ở rất xa phía sau cô.

Với sự biến mất của Vango, sự trở về Scotland của Ethel, và nhất là sự vắng mặt của anh chàng Andreï đẹp trai, Cá Nhám trở thành chuyên gia trong lĩnh vực cô đơn, một nhà vô địch thế giới. Nỗi trống trải cứ đeo đẳng cô.

Nhưng cô hồi sinh. Mặc dù những mối quan hệ dở dang hãy còn đó. Cô vẫn còn cảm nhận được chúng trên mắt cá chân và cổ tay mình. Tất cả những mối quan hệ ấy làm cô hạnh phúc. Cô có cảm giác như vừa thức dậy sau một giấc ngủ triền miên.

Cô quý Ethel, Vango. Giờ đây, cô yêu quý Andreï hơn tất cả mọi thứ, ngay cả khi anh không hề biết đến sự tồn tại của cô.

Cá Nhám chúc hai con mèo ngủ ngon rồi lần xuống dọc cái ống kềm.

Phải lại gần xem sao.

Phố vắng vẻ. Cô chạm mặt đất, tiến lên vài bước trên tuyết lại gần quán rượu. Cửa quán đột ngột bật mở khi cô đang ở giữa phố.

Họ chạm trán nhau.

Boris Petrovitch Antonov đi cùng một gã nữa.

Chúng ngừng nói khi trông thấy cô.

Thật khó đoán tuổi Cá Nhám, khi mà một nửa đàn ông cô gặp đều hỏi “Em bị lạc cha mẹ hả cô bé?” và một nửa còn lại sẽ hỏi “Tôi mời em một ly nhé, cưng?”. Cô chỉ cần thay đổi một chút tư thế hoặc nụ cười trên môi mà thôi.

Tay chống nạnh, cô tạo dáng sao cho hai gã đàn ông biến thành típ người thứ hai.

Boris Petrovitch Antonov chao đảo nhìn cô gái.

Mặt đường lấm tấm những vết chân đen trên tuyết.

Cái lạnh hay nỗi sợ. Boris không còn biết điều gì đang khiến vai hắn run lên nữa. Gã đàn ông đứng sau hắn giữ chặt khẩu súng đã lên đạn trong túi. Hắn tên là Vlad. Boris biết rõ hắn. Trong mối quan hệ giữa con người với nhau, hắn tử tế và văn minh như một con chim kền kền đang xẻ thịt.

Hắn được cử đến để kết liễu cuộc đời Boris.

Từ mấy tháng nay, Boris Petrovitch Antonov không gặt hái được kết quả gì trong cuộc truy tìm Vango. Vlad kền kền chắc chắn sẽ trừ khử hắn ở một góc phố nào đó và tiếp quản nhiệm vụ ấy.

Trong hai tiếng đồng hồ, ở một góc khuất quán Sherazade, Vlad cố gắng tóm lược các chi tiết trong tập hồ sơ. Hắn muốn nắm mọi đầu mối trước khi loại Boris. Nhưng Boris không nói nhiều. Hắn biết điều gì chờ đợi hắn sau cuộc nói chuyện.

Khi trong căn phòng đã tắt đèn, mấy cô vũ nữ cuối cùng choàng áo măng tô lên những chiếc váy ngắn đỏ nạm ngọc của mình, người ta yêu cầu những vị khách ở lại sau rớt rời khỏi quán rượu.

Lúc này cả ba đang đứng dưới cây đèn trên vỉa hè. Cô gái này là ai nhỉ?

- Cô không đến uống cùng chúng tôi ly cuối cùng à, Quý cô?

Đây là cơ hội sống sót cuối cùng của Boris. Vlad kèn kèn sẽ không giết hắn trước mặt một nhân chứng. Chắc chắn hắn đã được khuyến cáo phải hoàn toàn kín đáo. Nếu cô gái này chấp thuận, cô sẽ là vệ sĩ của hắn cho đến khi trời sáng mà không hay biết gì.

- Mặc kệ cô ta đi, kèn kèn nói.

Hắn chỉ nói tiếng Nga.

- Chúng ta đang ở Paris, Boris trả lời. Chúng ta không thể để mặc một cô gái xinh đẹp một mình được...

- Câm ngay. Nói cô ta đi đi!

Cô gái có vẻ hờn hờ.

- Chỉ một ly thôi nhé. Tôi mệt, nhưng tôi không thích dạo chơi một mình vào ban đêm.

Vlad không kịp can thiệp. Cô chìa cánh tay mình cho Boris và hắn níu lấy nó với sức mạnh của nỗi tuyệt vọng.

- Cô có lý, hắn nói, đường phố không an toàn thật.

Rồi họ tìm kiếm hồi lâu một quán rượu còn mở cửa. Cuối cùng, họ tìm thấy một quán trên dốc Thánh Tâm.

Khi ngồi xuống, Cá Nhám cảm thấy hơi chóng mặt. Căn phòng bé tẹo và ám khói. Khách khứa nói chuyện ồn ào. Cô cảm thấy chứng sợ chỗ kín của mình đang dâng lên.

- Tôi phải ra ngoài, cô vừa nói vừa đứng dậy.

- Gì cơ?

Cô nhìn hai gã đàn ông và chỉ bằng một cái liếc mắt, cô phát hiện nỗi sợ hãi của Boris và sự mãn nguyện của Vlad. Hai mắt lim dim, cô từ từ thở ra giữa hai bờ môi.

- Một xi rô lựu đúp, cô nói.

Cá Nhám mạnh dạn ngồi phịch xuống ghế.

Chỉ vì vẻ mặt khoái chí của kền kền mà cô thay đổi ý định.

Vlad, điên tiết, cố gắng thu thập những thông tin cuối cùng mà hắn còn thiếu. Tiếp theo hắn phải tìm ra Andreï. Thằng oắt đó chẳng được trò trống gì mà lại còn biết quá nhiều chuyện.

Vlad nhận được lệnh loại bỏ cả hai nhân vật này.

- Thằng bé mà mày tuyển đi đâu rồi? Cái thằng nghệ sĩ violon ấy... Tao sẽ phải nói chuyện với nó nữa.

- Andreï hả?

Hai gã đàn ông nói chuyện bằng tiếng Nga nhưng Cá Nhám nhận ra cái tên Andreï. Cô ngừng uống xi rô lựu. Cô quên bém chứng sợ chỗ kín của mình. Ký ức về đôi mắt màu xám của Andreï đang hiện lên như mảnh kính ghép màu phía trên cô.

Boris đáp vài từ, trong đó cô nghe thấy “cuộc hẹn”.

Chắc chắn hắn vừa bảo Vlad phải tìm chàng trai chơi violon ở đâu và khi nào. Chính vì để biết điều đó mà cô đã đi theo chúng. Cá Nhám đoán biết được mối nguy hiểm đang rình rập Andreï.

Kền kền hiểu rằng hắn không còn khai thác được gì nữa từ Boris. Hắn đứng dậy ra hiệu hỏi chỗ để điện thoại. Người ta chỉ cho hắn chiếc cầu thang nhỏ đi xuống tầng hầm.

Một lúc sau, Cá Nhám nhận thấy lớp da màu sáp của Boris Petrovitch ướt đầm mồ hôi.

- Tôi sẽ quay lại.

Cô thấy hắn cũng bỏ đi. Hắn đi lên cầu thang xoắn ốc nhỏ. Hắn chop lấy con dao chặt thịt khi đi ngang qua bếp.

Cá Nhám nín thờ.

Đám người đang cười nói bên quầy. Họ đến từ những tụ điểm chơi đêm của khu phố. Từ quán rượu Bông Đen hay từ Thiên thần Đỏ, sàn nhảy kèn túi vừa mở trên phố Fontaine. Cá Nhám chỉ biết những nơi này từ trên mái nhà, cô theo dõi những vụ ẩu đả giữa các băng nhóm ở mấy phố xung quanh. Hai năm trước đó, cô còn chứng kiến cuộc chiến giữa những người đảo Corse và người Parigots.

Mùi cà phê đang dần dần lan tỏa cả căn phòng. Trong góc phòng, một anh thợ cạo ống khói, lúc này hãy còn hoàn toàn sạch sẽ, đang nói chuyện với chị bán ga trái giường. Tất cả giống như bất kỳ buổi sáng tinh mơ nào ở Paris.

Cô mơ chẳng? Cô đã thiếp đi hay sao?

Đột nhiên, kèn kèn xuất hiện trên bậc thang, nhẵn nhó. Hấn ôm bụng như thể bị thương. Hấn thậm chí chẳng thèm liếc mắt đến Cá Nhám mà lao vội ra phố.

Đám khách hò hét.

Một người đàn ông bị chết được tìm thấy dưới tầng hầm.

Nỗi sợ hãi xâm chiếm cả gian phòng.

Bên ngoài, Cá Nhám chạy trên tuyết, được con đường nhỏ nhuộm máu kèn kèn dẫn lối.

32 CUỘC ĐI SĂN Ở SCOTLAND

*Highlands, Scotland,
hôm trước Giáng sinh năm 1935*

Những khu rừng nối tiếp cao nguyên trụi cây lá, nhưng mưa, bùn đất, sương mù làm xáo trộn tất cả mọi thứ. Lũ chó rống cất lực. Tù và vang lên từ bên này, rồi lại bên kia, đưa ra những mệnh lệnh trái ngược nhau.

Cuộc đi săn bắt đầu từ bảy tiếng trước. Và, trong bảy tiếng đồng hồ, lũ chó săn chỉ bám theo một con vật duy nhất. Con vật quý quái, không thể tóm nổi, đang làm cho ba mươi kỵ sĩ và năm mươi con chó gần như phát điên.

Ethel lọt vào giữa cuộc săn đuổi ấy khi đang đi tìm con cừu mẹ bị lạc để chú cừu non tội nghiệp khóc suốt suốt ba ngày nay.

Mary, sáng hôm đó, vừa lẩm bẩm vừa ôm đến phòng cô một chú cừu non bụ bẫm ba tháng tuổi và cầu xin cô chủ tìm lại mẹ cho nó.

Ethel cưỡi ngựa dưới sương mù, trong địa phận Everland. Không tay thợ săn nào mảy may chú ý đến cô.

Thỉnh thoảng cô trông thấy giữa những lùm cây xuất hiện một nữ kỵ sĩ cưỡi ngựa hai chân bắt treo một bên, mấy con chim hốt hoảng,

một lũ chó phun nước phì phì. Dường như không ai nghe thấy hay trông thấy cô.

Một chốc, cô phi ngựa đến cạnh một gã đàn ông không thể ngồi xuống được nữa... Hắn bật kêu mỗi khi móng chạm vào cái gì đó.

- Ông có nhìn thấy một con cừu không? Ethel hỏi.

Gã nhìn cô như một kẻ thiếu năng. Cuối cùng gã cũng trả lời:

- Không cừu kiếc gì ở đây cả, cô gái! Hắn gầm gừ. Tôi đảm bảo với cô điều đó đấy... Trừ khi đó là một con cừu biết bay, leo cây..., chơi ghi ta bằng bộ não của chúng ta, và chơi kèn túi với... ôi... ôi cái móng của tôi!

Ethel để mặc gã lại trong cơn đau đớn. Cô dong ngựa bỏ đi, băng qua một khu rừng nhỏ. Tiếng chó sủa gần hơn phía bên phải. Hai thợ săn lao ra từ phía bên trái nhưng không nhìn thấy cô. Con ngựa của cô hốt hoảng nhảy lên một loạt cây mục. Nó không quen với sự náo động của lũ chó và tiếng tù và.

Con ngựa và chủ nó cùng cảm thấy tim đập thành thịch như thể họ chính là con mồi của cuộc săn ấy. Nhưng Ethel không còn muốn rời khỏi hiện trường nữa.

Ethel phóng ngựa nước đại băng qua dải đầm lầy theo hướng bày chó săn đang sủa nhặng xị. Con vật ấy đâu nhỉ? Ethel bị mê hoặc bởi con vật hoang dã dám đương đầu với cả một toán quân từ lúc trời tờ mờ sáng.

Tiếng chó sủa làm cô giảm tốc độ. Đó là một khối đá giữa rừng cây. Người ta gọi khối đá đó là Thờ Hồn Mang. Ethel vẫn nghe nói rằng ở đó thường diễn ra những hiện tượng kỳ lạ vào ban đêm.

Một con chó đang ở đó, đơn độc. Nó ngậm trong mõm một mẩu ga giường màu đen. Nó dường như đang bồn chồn, sùng sục đánh

hơi mặt đất, rồi rống lên về phía bầu trời. Cô xuống ngựa.

- Lại đây nào. Đưa cái đó cho ta, cô vừa nói vừa bước về phía con chó.

Ethel giữ bộ cương ngựa. Cô cầm lấy mảnh vải trong mồm con vật.

Khi nhìn thấy nó ướt sũng, hỗn hển, sùi bọt mép, cô cầu mong con nai cái Lilly không bỏ đi đâu xa khỏi những khóm cây vô hại trong tòa lâu đài.

Con chó nghếch mũi lên.

Một tiếng còi từ xa gọi nó quay trở lại với đàn chó săn.

Nó biến mất tăm.

Ethel nhét mảnh vải rách vào túi. Một đàn chim bay trên đầu cô. Cô trèo lên ngựa rời khỏi Thời Hỗn Mang.

Cuộc đi săn bắt đầu rối như tơ vò. Mọi dấu vết đều không đúng. Đàn chó săn mỗi con một ngả. Một chốc, Ethel đã đến sát một tay thợ săn đang trèo lên con ngựa ô cái. Họ đi dọc hàng rào cây gai.

- Tôi không hiểu, ông ta tâm sự với cô. Tôi chưa bao giờ chứng kiến điều này. Tôi đi săn đã bốn mươi lăm năm nay rồi. Chưa bao giờ chứng kiến một cuộc đi săn nào như thế này.

- Đôi khi con hươu cũng phải thắng chứ, Ethel thì thào.

Tay kỵ sĩ đeo tù và chéo qua vai. Ông ta leo lên như tay đua thứ thiệt.

- Đó không phải là một con hươu, ông nói.

- Vậy là cái gì ạ?

- Tôi cũng muốn biết lắm chứ.

Ông ta quất roi vào con ngựa cái, băng qua đám cây gai và bỏ lại Ethel.

Cô quyết định làm một vòng cuối cùng trước khi về nhà. Trí tò mò của cô hãy còn lớn lắm nhưng con ngựa thì bắt đầu mệt. Nó không còn thói quen phi nước đại lâu như thế. Không ai còn thường xuyên cưỡi lũ ngựa Everland từ khi Andrew ra đi, vào ngày Thánh Nicolas.

Cậu nói sẽ trở lại vào tháng Tư. Paul chấp nhận sự ra đi này một cách vô lý trong khi Ethel nhắc đi nhắc lại với anh trai mình rằng chỉ cần người coi ngựa vào mùa đông mà thôi. Ngay khi mùa xuân đến, lũ ngựa ra sống ngoài trời. Ethel nghi ngờ anh chàng lang thang người Nga này, quá hiền lành, quá đẹp trai, mỗi năm vắng mặt năm tháng và chơi violon trong ga ra như một thần đồng.

Bỗng nhiên, khi nhảy qua một cái hố, cô chạm lên lớp cát của con đường mòn tạo thành do việc đốn cây. Tiếng còi inh ỏi rúc lên. Con ngựa chồm lên rất cao. Một chiếc xe hơi suýt nữa tông vào cô và con ngựa. Nó phanh ngay đằng sau. Tay lái xe buông ra những tiếng chửi thề.

Mưa rào đổ xuống. Chiếc xe hơi không mái che.

Ethel trấn an con ngựa. Cô vuốt ve cổ nó. Con đường đâu phải để xe cộ đi lại. Không có lý do gì để muốn phóng xe ở nơi này cả.

Một phụ nữ cũng mắng nhiếc cô từ hàng ghế sau.

Ethel cho ngựa đi chậm đến bên chiếc xe hơi đã dừng lại.

Tay lái xe cầm cái ô mở rộng và xăm xoi tỉ mỉ một vết xước trên thùng xe.

- Đúng là đồ...

- Đồ phá hoại! người phụ nữ gào lên. Đồ phá hoại!
- Con ngựa của cô làm xước xe của tôi rồi còn gì.
- Lạy Chúa tôi, Chúa ơi, người phụ nữ nói. Nhìn kìa, Ronald, chính là Ethel kìa.

Ethel vừa nhận ra cả gia đình Cameron. Có lẽ đó là một cái ổ luộm thuộm. Búi tóc của Lady Cameron lấn dưới mảnh khăn trùm bằng vải kép. Đôi giày cao cổ của ông bố thì phát ra những tiếng ồ ồ đáng ngờ sau mỗi bước đi.

Tom, ở phía sau, đang trở nên tái nhợt giống màu ghế trong xe. Đó là bộ đồ nguy trang mà anh ta thích.

- Xin chào, Ethel nói. Mọi người đang đi chơi ạ?
- Không, con gái yêu quý, Ronald Cameron chữa lại. Chúng ta đi săn.
- Các bác đi săn à? cô ngạc nhiên, nhìn hai giỏ đồ pic nic đang chất đầy phía sau rồi mỉm cười.
- Đúng, chúng ta là khách mời của bá tước Galich'h. Đó là một người bạn. Ta thậm chí còn cho bá tước mượn một cánh đồng cho lũ ngựa của ông ấy đua tối nay nữa.
- Đó là một người bạn thân thiết, Lady Cameron nói rõ.
- Chúng tôi đi săn bằng xe hơi. Như thế thể thao hơn, Cameron nói.

Bà mẹ tiếp lời:

- Ta rất vui được gặp cháu, Ethel. Ta chỉ muốn nói với cháu về những dự định của cháu thôi. Câu chuyện này đã kéo dài khá lâu rồi còn gì.
- Không phải tại đây, ông bố nói.

- Im đi, đừng nhát gan, bà mẹ rống lên.

Cho đến lúc đó, cậu con trai không nói gì. Nhưng anh đứng dậy.

- Mà cũng thế, bà mẹ kêu lên trước khi anh ta mở mồm.

Tom mãi mới đáp ứng:

- Kìa! Nhìn kìa.

Anh ta chỉ ngón tay về phía chân trời.

Khi Ethel quay lại nhìn về phía sau, cuối con đường, một đám mây bùn đang tung lên. Ba mươi kỵ sĩ và năm mươi con chó đang phi nước đại về phía họ.

- Lạy Chúa tôi, bà mẹ nhà Cameron nói.

- Tôi... Tôi sẽ dẹp sang bên cạnh, có lẽ vậy.

- Có lẽ vậy, đúng đấy, bà vợ nhắc lại.

Tiếng vó ngựa ầm ầm như sấm trên con đường lầy lội.

Ronald Cameron khởi động máy, ngồi vào vô lăng. Ông nhấn vào bộ tăng tốc. Bánh xe quay tròn trong không khí, trượt trên những mảng cát.

- Lạy Chúa tôi, Lady Cameron lại nói.

Đoàn quân chó, ngựa ngày một gần hơn.

Cameron lại nhấn bàn đạp. Bà vợ ông nảy tung tung trên hàng ghế sau.

- Ronald, ông đừng làm tôi như vậy chứ... Ông đừng làm tôi như vậy chứ!

- Nếu được phép, Ethel liếc, cháu khuyên mọi người để xe lại và tránh sang một bên. Cháu sẽ giúp.

- Không bao giờ! ông chồng rống lên. Tôi không đầu hàng đâu!

- Không bao giờ! bà vợ nhắc lại, ướt sũng, run rẩy như bò chết cóng.

- Tom, Ethel nói, làm ơn đi. Tránh sang bên cạnh với tôi.

Tom liếc mắt nhìn bố mẹ.

- Tom, nếu con bỏ cuộc, mẹ sẽ không nói chuyện với con nữa, bà mẹ nói.

- Thừa bác, Ethel kêu lên, họ đến nơi rồi, họ đến kia rồi kìa!

- Nhà Cameron chúng tôi không như vậy.

- Kiểu gì thì nó cũng sẽ khởi động mà. Chiếc xe này mới mà.

Tom không nhúc nhích.

Phút cuối cùng, Ethel phóng ngựa lên trước.

Năm mươi con chó và ba mươi kỵ sĩ xéo lên gia đình nhà Cameron cùng chiếc xe hơi mới toanh của họ.

Sự việc không kéo dài lâu. Tuy nhiên, rất ít phụ tùng trong chiếc xe thoát khỏi cuộc giày xéo đó.

Tuy vậy, gia đình Cameron lại thoát hiểm khá thành công nên vẫn ương bướng tiếp tục cuộc đi săn bộ của mình.

Một tiếng sau, khi đoàn người từ bỏ cuộc đi săn, người ta đồn rằng con vật rớt cuộc cũng được tìm thấy.

Đám thợ săn và lũ chó tụ tập quanh một nhánh sông cạn, trong đó có một hình thù màu ghi xám đang quẫy đạp. Tom và mẹ anh ta đang đứng trên bờ trong một tình cảnh thảm thương.

- Ông ấy giữ nó kìa! Ông ấy tóm được nó rồi kìa! Lady Cameron kêu lên khi đến gặp một người đàn ông vừa xuống ngựa.

Ethel nhận ra giữa tiếng kêu ăng ẳng của lũ chó săn người đã nói chuyện với cô gần đám cây gai. Người đàn ông cưới con ngựa ô cái.

- Thừa bá tước, bá tước thân mến! Lady Cameron rú lên.

- Bà là ai? ông hỏi.

- Tôi là Lady Cameron.

- Tôi không nghĩ mình có quen bà, bá tước Galich'h nói với đôi chút tiếc nuối.

Ông chắc chắn là chưa bao giờ gặp thể loại gì toàn bùn đất thế.

- Tôi cho ngài mượn cánh đồng cho lũ ngựa còn gì?

- Cánh đồng... À, chắc chắn rồi. Người ta đã nói với tôi điều đó. Cảm ơn bà nhiều.

- Nhìn kia! Thổi kèn báo hiệu đi thôi. Chồng tôi đấy. Ông ấy tay không bắt được con hươu kia kia.

Và bà ta lại chỉ cái hình thù đang giãy giụa trong nhánh sông cụt.

Một lúc sau, cái hình thù ấy đứng dậy, hoan hỉ và, dưới trận mưa rào, Ethel nhận ra ông Cameron quả thật đang giữ trong tay một con vật còn sống.

- Một con cừu, vị bá tước nheo mắt nhẹ nhàng nói.

- Lạy Chúa tôi! Lady Cameron hét toáng lên. Đó là một con cừu.

“Con cừu của mình!” Ethel nghĩ bụng.

Con cừu cái bị gãy một chân. Nó bị sa vào đầm lầy từ hai ngày trước. Khốn khổ thay nó không phải con vật đã làm đám thợ săn đuổi theo.

- Một ngày kỳ lạ, bá tước nói.

Galich'h quay lưng lại với gia đình Cameron. Thậm chí cả lũ chó cũng đôi chút mùi lòng trước cảnh tượng ấy. Chúng ngừng sủa.

Họ trối chân con vật đang run lẩy bẩy lại. Ethel đặt nó trên lưng ngựa phía trước mình rồi bỏ đi.

Đoàn người giải tán ngay trong sương mù.

Tom Cameron chưa bao giờ xấu hổ đến thế.

Đây là lần đầu tiên Paul không ở nhà vào Giáng sinh. Đại đội của anh đóng quân ở Ấn Độ đến tận mùa mưa.

Buổi tối, Ethel đi nhà thờ làng, Mary lẽo đẽo theo sau. Cô đến đó cũng để chiều lòng vị linh mục mà cô rất quý mến kể từ khi cô bắt gặp anh đang nhặt nấm trong rừng nhà Cameron. Anh cất nấm trong túi dệt dưới tấm áo thầy tu của mình.

Nhà thờ chật ních người. Bên trong nóng nực. Những bài thánh ca Giáng sinh vang đến tận cuối làng.

Linh mục nhận ra sự hiện diện của Ethel trên ghế băng cuối phòng. Trên bục, anh dành một lời cho những con chiên lạc lối.

Thỉnh thoảng, Ethel đưa linh mục đi chơi trên chiếc Railton của cô. Cô đặt cho anh những câu hỏi trừu tượng, khi đang lướt với vận tốc một trăm ba mươi ki lô mét một giờ lúc xuống dốc.

- Cha chưa bao giờ muốn mặc quần à?

Linh mục phá lên cười. Ethel cũng cười. Cô không thể xúi bẩy nổi anh.

- Thế sao cha không tự hỏi xem cha sẽ nói gì nếu rốt cuộc tất cả những thứ đó đều không tồn tại?

- Những thứ nào? vị linh mục trẻ kêu lên, tay khum khum hình chiếc kèn đưa lên gần tai.

- Tất cả những thứ đó! Tất cả những câu chuyện của cha? Tất cả những gì cha tin! Trời và những thứ còn lại... Nếu tất cả chúng không tồn tại!

Vị linh mục lại bật cười, nhún vai.

- Đừng hỏi lại điều đó với ai đấy, nhưng điều đó cũng chẳng quan trọng với ta!

- Nhưng tại sao ạ? Ethel gào lên, thiếu chút nữa thì đẩy anh xuống vệ đường.

- Ta sẽ tự hỏi: có phải thật sự ta muốn mình không tin vào những điều đó không?

Cô đưa mắt hỏi anh.

- Điều quan trọng, anh kêu lên giữa những cú xóc nảy, điều quan trọng là ta có thể trả lời được câu hỏi đó. Liệu ta có hạnh phúc hơn nếu ta không tin những điều đó?

Ethel cau mày. Cô im lặng lái xe một lúc để suy nghĩ về tất cả những điều ấy. Rồi, phẫn nộ, cô hét át cả tiếng xe.

- Thế còn cha mẹ con thì sao? Còn cha mẹ con?

Linh mục im bật. Ethel nhấn mạnh.

- Cha trả lời đi! Trả lời con đi!

Anh quay về phía gương chiếu hậu. Cô dựng cặp kính lái lên gài mái tóc. Anh nhìn những giọt nước mắt bị gió và vận tốc thổi bật trên má Ethel. Anh không trông thấy gì ngoài cơn gió đang gạt nước mắt đi ấy.

Ở lối ra, trong khi các giáo dân xứ đạo đang chào hỏi nhau trong cái lạnh se sắt, Mary trao đổi vài lời với mẹ một cô gái đã được bà tác động giúp cô được nhận làm thợ giặt đồ thứ ba ở Everland.

Bà lại chỗ Ethel báo với cô rằng bà sẽ ăn tối tại gia đình cô gái được bà đỡ đầu.

- Cô ở một mình không sao chứ? Mary cực kỳ phấn khích nói.

Ethel lắc đầu cười.

- Cô được Justin mời đúng không? Mary nói. Ông ấy đón Noel cùng gia đình đấy.

- Bác đừng lo lắng cho cháu.

- Cô chắc không? Thật sự chắc không? Mary hỏi, bà đã hưng phấn lắm rồi.

- Giáng sinh vui vẻ, Ethel nói với bà.

Cô đi bộ về lâu đài. Bước chân cô nện vang trên con đường.

Cô trông thấy bếp sáng đèn. Có tiếng ồn ào và những bài hát.

Gia đình Justin Scott, ông đầu bếp, đến đầy đủ từ Glasgow, họ xin được đón giao thừa trong gian bếp phụ. Họ có bốn mươi hai người.

Ethel không lộ diện. Cô leo lên phòng, cởi quần áo, và đi ngủ. Mưa tạt vào cửa kính. Tiếng cười vang lên ở dãy bên kia tòa lâu đài.

Cô nhìn thật lâu cái đình màn bằng vải của mình.

Cô đang cô đơn. Cô chưa bao giờ cô đơn đến thế. Cô trở mình vùi đầu vào gối. Vải lạnh trắng tinh kêu sào sạo dưới trán cô.

Ethel ước ao một câu chuyện cổ tích Giáng sinh cho đêm nay. Cô đã im lặng, ngưng ngừng cầu xin điều đó trước hàng nến trong nhà thờ. Một câu chuyện cổ tích đêm Giáng sinh. Không gì khác.

Điều đó thật buồn cười, cô biết thế. Một nửa trong cô bật cười vì nụ cười đẹp vỡ mộng của cô. Nửa kia phủ lên đôi bàn tay đan chéo và tấm ga trải giường.

Thậm chí cả con cừu cái bị lạc cũng tìm thấy người thân của nó trong chuồng. Còn Ethel thì đang cô đơn.

Cuối cùng, khi giấc ngủ ập đến, cô cảm thấy như bị một cơn ác mộng khủng khiếp tấn công. Tiếng tim đập thành thịch của con thú bị săn cứ trở lại với cô từng cơn. Cô nghe thấy cả những tiếng kêu. Cô có cảm giác mình đang giãy giụa trong bụi rậm. Cô ngỡ mình nghe thấy con ngựa đang hí vang đạp móng sắt vào chuồng. Bỗng nhiên, một con chó bốc khói nghi ngút kéo đến bên cô cái xác của một người đàn ông.

Ethel mở mắt, hơi thở đứt quãng.

Cô bật dậy đi về phía chiếc áo vest treo ở góc phòng.

Cô lôi từ túi áo ra mẫu vải đen bị con chó cắn rách. Cô nhìn nó hồi lâu rồi đưa lên ngửi. Rồi cô mở tủ lấy ra một khẩu súng săn.

Năm phút sau, cô đã ở trên lưng ngựa. Cô mặc thêm quần áo bên ngoài chiếc váy ngủ. Cô không còn biết mình đang làm gì. Con ngựa phi nước đại. Trời đã tạnh mưa.

Cô băng qua những cánh rừng, lạch suối, đồi núi và tới gần khối đá Thờ Hồn Mang. Trời gần như tối đen. Một vài khe hở giữa những ngọn cây để lọt chút ánh sáng yếu ớt của bầu trời. Cô xuống ngựa, buộc nó vào một cành cây. Lũ chim bay theo mạch đập của đêm.

Cô bắt đầu bước đi giữa đám cây cối.

Bàn tay cô lần hết thân cây này đến thân cây khác. Khẩu súng treo trên lưng cô. Cô lại gần khối đá. Đám cành cây đung đưa nhẹ

nhẹ trên đầu cô như thể có cơn gió nhẹ, nhưng cô không cảm nhận được bất kỳ cơn gió nào trên khuôn mặt mình.

Cô chắc chắn điều đó. Có ánh lửa hắt ra từ khe đá.

Cô đưa tay lên vai chộp lấy khẩu súng. Lúc này cô đang ôm nó trước ngực tiến lên từng bước một.

Đám cành cây tiếp tục đung đưa trên đầu cô.

Cô tiến đến gần cái hang. Không có ai.

Chắc hẳn người đó không ở xa. Hẳn trông thấy cô.

Ethel không nhầm. Con vật mà toán đi săn vây đồn suốt cả ngày là một người đàn ông. Cô đã nhìn thấy người đó trong cơn ác mộng.

Cô đi vòng quanh khối đá nằm giữa đám cây cối. Cô cảm thấy đôi mắt ngập sâu trong bùn. Cô dừng lại, lùi bước. Ethel rùng mình. Chân cô nặng trĩu.

Rồi cô nghe thấy một tiếng rắc mạnh trong đám cành cây.

Cô ngược mắt lên. Một bóng đen di chuyển rất nhanh trong đám cành lá phía trên cô.

Ethel bỏ chạy. Bóng đen cũng di chuyển theo.

Rừng trở nên dày đặc hơn. Ethel không nhìn thấy chỗ nào để đặt chân xuống. Cô đâm phải thân cây.

Cuối cùng cô ngã sòng soài ra đất.

Bàn tay cô run rẩy đặt lên khẩu súng. Cô chĩa nòng lên trời, nổ phát đầu tiên. Bóng đen dừng lại, nhảy lên khoảng không ngay trên người cô.

- Không! Ethel hét lên.

Cô vô thức bắn phát súng thứ hai.

Bóng đen bật lên tiếng kêu rồi đổ gục nửa người lên cô.

Hồn hển, rên rỉ, Ethel cố gắng xốc cái thân hình quá nặng ấy đang đè lên ngực cô. Cánh tay cô đỡ ra. Cô nghe thấy giọng nói kiệt sức thì thảo vào tai cô:

- Ethel.

Cô ngỡ mình đã chết, đang bay đến một thế giới khác bởi vì giọng nói đó chính là của Vango.

- Ethel, bọn chúng còn đó không?

- Vango?

- Bọn chúng còn ở đó không?

- Chỉ có em thôi, Vango.

Cô choàng tay ôm lấy cậu, hôn lên trán và mắt cậu.

- Ai bắn vậy? cậu hỏi.

- Là em. Chỉ là em thôi.

Ethel vừa nức nở vừa cười. Cô ôm cậu thật chặt.

- Anh từ đâu rơi xuống vậy, Vango của em? Đêm nay trăng cũng chẳng có mà.

- Bọn chúng sẽ trở lại, cậu nói.

- Không. Em sẽ giữ anh ở bên em.

- Bọn chúng tìm anh. Chúng không ngừng tìm anh.

- Bọn chúng sẽ không tìm được anh ở đây đâu.

- Chúng còn có cả chó mà. Anh mệt quá.

- Đừng sợ.

- Em làm anh bị thương rồi, Vango nói.

- Chính anh mới làm em bị tổn thương. Em đã chờ đợi anh suốt sáu năm nay.

- Anh đến với em đây, Ethel. Anh đi bộ từ Luân Đôn đến đây đây. Và từ những nơi còn xa hơn thế nhiều...

- Đến đây.

- Bọn chúng không buông tha anh. Bọn chúng đông lắm. Bọn chúng có chó.

- Hãy ở lại với em.

- Không phải anh bị điên đâu, Ethel. Bọn chúng ở khắp nơi, sau lưng anh.

- Em biết anh không điên mà. Em biết bọn chúng muốn anh.

- Ethel...

- Anh đã hứa với em, Vango. Trong khi cầu, anh đã hứa với em...

- Em làm anh bị thương rồi, Ethel.

- Chính em mới đau khổ này. Em yêu anh. Em đây. Em yêu anh.

- Em bắn xuyên cánh tay anh rồi đây này, cậu thì thảo.

Cô bật kêu lên. Cô cảm nhận được máu trên tay mình.

- Vango!

Viên đạn thứ nhất bắn trúng cánh tay, ngay phía trên vết thương của cậu ở Luân Đôn. Viên thứ hai, cậu cảm thấy như sượt qua tóc mình.

Khi phải đặt cậu xuống đất để đi tìm con ngựa, cô như cái cây bị bật rễ.

Không gì có thể chia cắt họ nữa, thậm chí cả màn đêm dày đặc và rừng rậm. Sau khi nhẹ nhàng giúp cậu trèo lên, cô cứ ngỡ như

mình đang mơ khi thúc gót giày và cảm thấy Vango đang ở sau mình, trên lưng ngựa, tay ôm quanh eo cô.

33

THẾ GIỚI BỊ NHẤN CHÌM

Ba giờ sáng, con ngựa đi vào bếp.

Bữa tất niên của gia đình Scott đang diễn ra sôi nổi.

Justin vừa đặt lên bàn que xiên bốn con gà quay, lớp da đường vẫn còn cháy xèo xèo dưới mỡ sôi ùng ục.

Khi con ngựa xuất hiện, cả gia đình đứng dậy ồ lên ngạc nhiên.

- Quần áo và một bác sĩ! Ethel kêu toáng lên, chân vẫn chưa chạm đất. Bác Justin, mang hộ chiếu nước và cồng trong phòng cháu lại đây.

Vango đã ngất trên lưng cô. Ethel cho ngựa đi về phía hành lang. Rồi cô dìu cậu leo cầu thang dành cho khách lên đến tận phòng.

Một lúc sau Mary đến. Đám gia nhân mỗi người một ngả. Hàng chục cửa sổ của tòa lâu đài lần lượt sáng đèn.

- Tôi có phải tháo con ngựa ra khỏi chiếc đàn piano ở tầng một không? Peter hoàn hảo hỏi bà.

Bà hiểu đã xảy ra chuyện gì đó.

Vừa vào phòng, Mary đi thẳng đến chỗ phẫu thuật mà thậm chí chẳng hỏi xem chàng thanh niên đang nằm trên giường Ethel là ai. Bà trợ giúp cho bác sĩ.

Vị bác sĩ lái xe hơi đến cùng một chú chó nhỏ màu hung. Ông nhìn mặt khi phát hiện ra tình trạng cánh tay của Vango.

Thoạt tiên, ông gỡ lớp băng Vango quấn quanh vết thương. Vết thương đã bị nhiễm trùng. Cậu đã bơi qua sông Thames, đi hết chiều dài đất nước, ngủ trong kho hoặc các toa chứa súc vật. Hãy còn những mẫu thủy tinh mắc trong thịt. Và phát súng đã không cải thiện được tình hình.

Ethel vút băng vào một cái chậu. Khi máu hòa lẫn với nước nóng, cô nhận ra chiếc khăn mùi soa xanh. Những đường thêu từ từ hiện ra. Một ngôi sao lấp lánh bên trên chữ V của Vango.

Có biết bao xứ sở không biết đến chúng ta.

Trước khi bắt tay vào việc, vị bác sĩ đẩy Ethel đến tận cửa và bảo con chó của mình đứng canh. Cô không được vào nữa.

Ethel nằm dài trên thảm. Cô vẫn không ngủ. Cô đang chan chứa cảm xúc. Cứ như hiệu ứng của một cơn mưa trên dòng thác. Thoạt tiên, người ta thậm chí không nhìn thấy mưa rơi trên dòng nước xoáy. Nhưng rồi nó từ từ làm dòng thác ấy dâng lên và một ngày đẹp trời, nó trào lên nhấn chìm tất cả.

Đến sáng, vị bác sĩ từ phòng bước ra với một vẻ mặt kỳ cục. Tóc tai ông rối bù, vầng trán xanh xao, mắt quầng đen như nguyệt thực.

Ethel chạy bổ về phía ông.

- Nếu cô muốn giữ cậu ấy sống..., ông nói một cách nghiêm trọng.

Bác sĩ đang cởi cúc áo dính máu trên thềm nghỉ. Ethel nhìn ông cởi trần bước đi trước mặt mình.

- Nếu cô thật sự muốn giữ cậu ấy sống, thưa cô...

Ông lấy ra từ chiếc túi xà cọt của mình một chiếc áo sơ mi sạch rồi mặc nó vào.

- ...thì, trước tiên cô phải thôi không bắt cậu ấy nữa.

Ethel mỉm cười.

- Anh ấy tốt hơn rồi ạ?

Bác sĩ vừa gật đầu vừa thắt cà vạt. Ethel, rạng rỡ, đặt tay lên nắm đấm cửa. Con chó gừ gừ.

- Không, bác sĩ nói. Cô nên để cậu ấy ngủ hai mươi tư tiếng. Tôi nghi ngờ cô đấy, cô Ethel ạ. Đừng vào trước khi cậu ấy có thể tự vệ.

Lúc đó Mary xuất hiện.

- Tôi sẽ trông cậu ấy, bà nói.

- Chính cô bé này bà mới phải trông này, thưa bà.

Ông huýt sáo gọi con chó của mình và đi xuống cầu thang.

- Tôi sẽ trở lại vào ngày mai.

Vango không ngủ hai mươi tư tiếng đồng hồ. Cậu ngủ hai mươi tư ngày và hai mươi tư đêm. Có lẽ cậu sẽ ngủ thậm chí đến cả trăm năm, như trong những câu chuyện cổ tích, nếu mỗi lần cậu hé một mắt mà không phát hiện ra Ethel đang ngồi cạnh mình hoặc đứng trước ô cửa sổ.

Cậu cũng ngủ trong giấc ngủ, cậu cảm nhận được một hơi thở trên khuôn mặt mình.

Đêm đến, khi bắc ngọn đèn ngủ yếu dần, cậu không nhìn thấy ngay cô gái đang quỳ gối gần giường. Cậu tưởng chỉ có một mình,

nhưng dần dần cậu phân biệt được màu trắng ngà của đôi mắt cô đang hướng về phía cậu trong bóng tối.

Vango ăn được một chút, cố gắng đi vài bước, cánh tay quấn trong một chiếc ga giường. Cậu lại nằm xuống.

Rồi cậu bình phục vào năm sau, vào tuần thứ ba của tháng Giêng năm 1936.

Và kể từ ngày hôm đó, họ bắt đầu nói chuyện với nhau.

Điều đó đến từ từ, có chút thẹn thùng, với những khoảng lặng dài. Rồi khi họ có thể bước đến cửa sổ, rồi đến bậc thềm, đến những cái cây, lời nói tăng cùng số bước chân.

Tuần nối tiếp tuần, họ lấp đầy những năm tháng im lặng bằng lời nói.

Ethel kể bảy năm trước, sau chuyến du lịch vòng quanh thế giới dài ngày, trên khí cầu, cô đã ra sao khi chứng kiến cậu bỗng nhiên xuất hiện rồi mất tích. Cô kể bằng một giọng lạnh lùng về những năm tiếp theo đó sống cùng anh trai ở Everland. Rồi quãng thời gian ở Edimbourg hay Luân Đôn, kể từ năm mười lăm tuổi, cô chỉ nháy nhót, quay cuồng và cố tỉnh táo để quên cậu đi. Rồi nỗi tuyệt vọng của cô, cái ngày cô nhận được một lá thư mà cô coi là giấy báo hỉ ở nhà thờ Đức Bà, về sự ngạc nhiên của cô khi đến Paris dự lễ đính hôn và phát hiện ra Vango đang nằm rạp trên sân trước nhà thờ. Cô kể đã phát hiện ra tên bắn tỉa bị phục kích, về cuộc điều tra, những chuyến đi đi lại lại nhà Eckener hay Boulard, về cuộc gặp với Cá Nhám...

Về phần mình, Vango kể về cuộc trốn chạy trí mạng của mình, về tất cả những người đã ngã xuống hoặc mất tích xung quanh cậu, cha Jean, Cô, cha Zefiro và thậm chí cả Mazzetta và con lừa hấn. Cậu kể

về thời thơ ấu của mình, về những vách đá, tu viện, về bí mật mong manh mà cuối cùng cậu cũng khám phá được: con tàu lớn có đánh dấu hình ngôi sao, tiếng hát của mẹ cậu, những tên cướp biển, cái chết, vụ đắm tàu. Về những câu hỏi hầy còn bỏ ngỏ... Cậu kể về tội lỗi của Mazzetta, về cái chết của tên cướp biển thứ hai, về chuyến đi sang châu Mỹ của tên thứ ba. Và có thể cả chiến lợi phẩm hăn mang theo nữa...

- Một kho báu! Ethel thốt lên.

- Tại sao Cafarello lại giết bạn mình? Chính câu hỏi này làm anh nghĩ có thể có cái gì đó để chia chác giữa chúng.

Vango cũng kể thông điệp ký tên Ethel với những từ “Người là ai?” đã nhấn tâm làm cậu thức tỉnh. Và vẫn những bóng đen ấy theo sau cậu, lúc nào cũng tìm ra dấu vết của cậu, khiến cậu phải trốn lên khí cầu, những chuyến tàu hỏa, nhảy xuống sông...

Rồi, họ cùng nhau tìm lời giải thích cho chuỗi những điều bí ẩn ấy.

Vào khoảng trung tuần tháng Ba, khi Paul vừa thông báo sắp từ Ấn Độ trở về, một chút im lặng len lỏi giữa hai người. Sự im lặng ấy còn nói lên nhiều điều hơn. Đôi khi họ im lặng như thế cho đến tận bờ bên kia hồ Loch Ness.

Còn bây giờ? Đó là những gì sự im lặng muốn nói. Còn bây giờ?

Họ nhìn nhau rồi lại nhìn đi nơi khác. Ethel trở nên ngoan ngoãn như một bức tranh. Cô không còn nói “Em yêu anh” kể từ sau cái đêm Giáng sinh ấy.

Họ chờ đợi.

Một buổi sáng, ngồi trên phiến đá phẳng nằm dọc hồ, Ethel nói với Vango:

- Nhắc lại cho em tên con lừa.

- Lừa nào?

- Con lừa của Mazzetta.

Cậu không cần trả lời. Cậu siết chặt nắm đấm.

Vango vừa hiểu ra.

Ngày mai họ sẽ đi.

*Salina, quần đảo Eolie,
ngày đầu tiên của mùa xuân năm 1936*

Bác sĩ Basilio trông thấy chiếc máy bay nhỏ đỗ trên biển trước bãi đá cuội. Một cô gái và một chàng trai từ đó bước xuống. Họ đến bến cảng trơ trọi, khoét sâu vào trong vách đá, rồi họ leo lên tận miệng núi lửa Pollara. Chiếc máy bay lại bay đi. Chàng trai và cô gái vẫy tay tạm biệt nó.

Họ đến trước ngôi nhà có cây ô liu với những ô cửa chặn kín mít.

Bác sĩ không nhận ra khuôn mặt họ dưới ánh nắng sắp bóng của buổi hoàng hôn.

Ông chỉ nhìn thấy họ đi, giữa đám cây đậu kim và thìa là dại. Rồi họ mất dạng.

Bác sĩ Basilio ngồi trên chiếc ghế bành nhỏ làm bằng gỗ thả bè. Ông đến đây tĩnh tâm vào các buổi sáng và tối. Ông đợi Cô.

Paris, ngày đầu tiên của mùa xuân năm 1936

Tám giờ tối ngân vang trên tháp chuông nhà thờ Saint-Germain. Cảnh sát trưởng Boulard thối lên lớp bột trong bồn tắm để tạo thành những hòn đảo nhỏ.

Hai con chim bồ câu nhìn ông qua ô cửa sổ.

Có người gõ cửa phòng tắm.

- Có chuyện gì đấy mẹ?

Từ năm 1878 cho đến lúc có tuổi, cảnh sát trưởng Boulard không thể được yên tĩnh mà tắm. Ở tuổi bảy mươi, ông bắt đầu cảm thấy chán nản.

- Có người muốn nói chuyện với con đấy.

- Con đang tắm mà mẹ.

- Khá khẩn cấp đấy. Ông ta vào phòng khách rồi. Ông ta có vẻ không hài lòng.

- Ai đấy ạ?

Bình thản, bà Boulard hỏi:

- Ngài có thể nhắc lại tên ngài được không?

Boulard nghe thấy bốn chữ cái được phát ra từ giọng nói đến từ đất nước thảo nguyên:

- VLAD.

Đằng sau cánh cửa, một cái gậy kim loại trên tay, là Vlad kền kền.

New York, đêm đầu tiên mùa xuân năm 1936

Zefiro ngược mắt lên.

Ông đang ở dưới chân Empire State Building.

Tòa nhà chọc trời lớn nhất thế giới cao ba trăm tám mươi mét.

Nóc tòa nhà được hoàn thành năm 1931 với ý tưởng có thể buộc khí cầu trên đó. Cuộc khủng hoảng xảy ra và dự án này vẫn chưa thể được thực hiện. Mặc dù vậy, vẫn có một phòng đăng ký hành khách lên tàu ở tầng một trăm linh hai, bên dưới, cửa hải quan và cảng hàng không bị bỏ trống.

Phần còn lại của tòa tháp đã kín văn phòng làm việc và một khách sạn hạng sang.

Zefiro cầm vali bước vào sảnh của Sky Plaza. Ông từ chối trao vali cho người vác hành lý. Ông hướng đến quầy lễ tân hỏi phòng Quý bà Victoria. Nhân viên lễ tân nở một nụ cười đồng cảm với ông.

- Tôi phải báo là ai đây ạ?

- Tôi là ngài Dorgelès, Zefiro trả lời.

- Tôi cho rằng đang có người ở phòng Quý bà Victoria rồi.

Nhân viên lễ tân nhắc điện thoại, nói vài lời và chờ đợi.

Phía trên quầy, năm chiếc đồng hồ chỉ giờ của những thành phố lớn trên thế giới. Los Angeles, Rome, Luân Đôn, Paris, Tokyo. Sự chờ đợi dường như quá lâu đối với Zefiro. Một cậu bé ăn mỳ dừng lại trên phố, sau cửa kính. Cậu ta nhìn vị linh mục chăm chăm và áp đôi bàn tay vào kính. Từ tay này sang tay kia, ba từ tiếng Anh được viết lên đó *God bless you*. Cầu Chúa phù hộ cho người.

Một gã nhân viên phụ trách đỗ xe trong chiếc áo dài hẹp tà màu tím đuổi cậu bé ăn mỳ đi ngay tức thì.

- Thằng bản thủ, nhân viên lễ tân nói khi theo dõi cảnh tượng ấy, điện thoại vẫn trên tai.

Anh ta có vẻ thích nhận được sự hưởng ứng của Zefiro.

Zefiro không đáp lại gì cả. Sự chờ đợi trở nên đáng lo ngại. Ông nghĩ đến Dorgelès thật bị ông trối và nhét trong cốp xe cách Central Park hai con phố.

Đột nhiên, người đàn ông gác máy. Anh ta nhìn Zefiro.

- Bà ấy đang đợi ngài, ngài Dorgelès ạ. Tầng tám mươi lăm.

Cha Zefiro lọt vào cầu thang máy. Ông bấm số tầng trước khi một trong những nhân viên coi thang máy nhìn thấy ông. Cửa đóng lại. Ông còn lại một mình.

Cabin bắt đầu đi lên. Ông mở vali, lấy ra một cái móc, luồn qua song sắt. Thang máy khựng lại. Ông bỏ hai thứ đồ được bọc vải ra. Đó là những khẩu súng ngắn tự động. Ông đút phần còn lại của chiếc vali dưới chiếc ghế dài bọc nhung. Ông kiểm tra vũ khí, lắp thêm một băng đạn rồi đút thêm hai băng vào túi. Ông giữ đồng hồ trong tay chờ đợi.

Ông bình tĩnh hít thở, nghĩ đến khu rừng thưa Falbas, gần Verdun, chiếc máy bay của Werner Mann rơi trên cây, những cây sồi xanh của tu viện Trắng, những người anh em tu sĩ của mình, Vango, những nàng ong của tu viện... Và rồi Voloï Viktor, đang ở trên kia cách ông vài chục mét. Đoạn kết đang ở rất gần. Khi kim đồng hồ của ông nằm thẳng hàng, ông rút cái móc kim loại. Thang máy lại chuyển động.

Trong bốn mươi giây nữa, những cánh cửa sẽ mở toang ngay giữa phòng khách của Voloï Viktor.

*Salina, quần đảo Eolie,
ngày đầu tiên của mùa xuân năm 1936*

Lũ chim nhận vẽ nên những đường lượn vòng quanh Vango. Chúng di chuyển sát cơ thể cậu. Cậu lấy tay che mắt.

Ethel ngồi thẳng bằng phía trên vách đá. Mặt trời đang lặn sau quần đảo. Vango bắt đầu đào đất.

Lũ nhận đến đảo cùng lúc với Vango và Ethel. Chúng đến từ Sahara và đang ngây ngất với sự ấm áp của ngày hội ngộ.

Ethel, Vango và Paul nhanh chóng bay đến đây, họ tiếp đầy nhiên liệu ba lần liền, tại Orleans, Salon-de-Provence và Cagliari ở Sardaigne. Đường đi ngược chiều của lũ chim nhận. Ngày hôm sau, chúng sẽ ở nhà thờ Đức Bà.

Lúc này, chiếc máy bay đã mất tích phía chân trời. Paul không thể ở lại với họ. Anh đến Tây Ban Nha, nơi những người bạn theo đảng Cộng hòa mới đặc cử đang lo ngại về một cuộc đảo chính.

Một miền phủ đầy hoa. Ethel đang hít thở mùi hương đã bao bọc tuổi thơ Vango. Cô nghĩ đến Salina, Everland, đến vô số thiên đường trong cảnh héo hắt này, nơi con người được sinh ra.

Vango không có phương tiện để đào. Những ngón tay cậu vừa bị gãy khi chạm phải một vật rất cứng. Ngay lập tức, cậu nhìn thấy những cái đinh bằng thép của chiếc vòng cổ con lừa. Con vật đã bị phân hủy và để lại một bộ xương gần như sạch sẽ. Vango tháo được chiếc vòng cổ lớn.

Những lời cuối cùng của Mazzetta là để nói tới con lừa.

Vango kéo chiếc vòng cổ đến tận một phiến đá nhỏ.

Vòng tròn chim nhận siết chặt. Cao hơn nữa, lũ chim ưng cũng vậy, chúng nhận ra Vango. Chúng cứ ào xuống như mưa đá và lại bay lên phủ dọc vách đá.

Lấy hết sức mình, Vango nâng cái vòng cổ lên trên đầu. Cậu ném nó vào phiến đá. Lớp vỏ bảo vệ bằng da bọc ra, một bó vàng và kim cương rơi ra giữa đám cỏ cây hoa lá.

- Ethel... Lại đây mà xem này.

Cô chạy bổ tới.

Mazzetta vẫn gọi con lừa của mình là Kho Báu mà.

Họ cùng nhìn mặt đất lấp lánh đá quý.

Giá trị của kho báu này là vô giá.

Trên con tàu lung linh ánh sáng của họ, một người đàn ông và một người đàn bà bị chết. Và thủ phạm vụ ám sát ấy đang nắm giữ gấp đôi số kho báu đang ở đâu đó.

Nhiều gấp đôi ngọn núi vàng ấy đối với một kẻ sát nhân.

Vango quay lại phía không gian rộng lớn. Gã đó đang ở đâu?

Ông bố bà mẹ đó là ai mà lại dạo chơi trên biển với đồng tài sản ấy?

Ai muốn Vango phải chết?

Lần đầu tiên, cậu có cảm giác cuộc chạy đua điên loạn của mình bắt nguồn từ những điều sâu kín của thế kỷ và lịch sử.

Vango không phải là cậu bé mồ côi như những đứa trẻ khác. Cậu là người thừa kế của một thế giới đã bị nhấn chìm.

Cậu lại gần Ethel.

Một chú chim nhận sà xuống gần họ rồi lại bay lên.

Nếu chú chim ấy muốn chui qua giữa họ thì giữa hai cơ thể ấy, dường như không còn chỗ cho nó nữa rồi.

[1] Tỉnh lỵ tỉnh Pyrénées-Orientales, miền Nam nước Pháp, gần biên giới Tây Ban Nha.

[2] Tiếng Đức, tên viết tắt của Cơ quan mật thám quốc gia Đức thời quốc xã.

[3] Một công ty điện ảnh của Pháp. (Mọi chú thích đều là của người dịch).

[4] Một chợ chuyên về quần áo, đồ may mặc ở quận 3, Paris.

[5] Tên của Ethel được phát âm gần giống như Est-elle? (Cô ấy đấy ư?)

[6] Thổi từ sa mạc Sahara vào Địa Trung Hải có tốc độ cực mạnh.

[7] Có nghĩa là mẹ của Chúa Jesus.

[8] Tiếng Pháp đầy đủ là Mademoiselle, có nghĩa là cô, chị (phụ nữ chưa chồng).

Table of Contents

PHẦN MỘT

- 1 CON ĐƯỜNG CỦA NHỮNG THIÊN THẦN
- 2 LỢN-RỪNG-HÚT-THUỐC
- 3 CHỨNG CUỒNG ÁM
- 4 BUỔI SÁNG ĐẦU TIÊN CỦA THẾ GIỚI
- 5 PHÍA BÊN KIA SƯƠNG MÙ
- 6 HÒN ĐẢO HUYỀN BÍ
- 7 ZEFIRO
- 8 SỨC CẢN CỦA KHÔNG KHÍ
- 9 TRONG BỤNG CÁ VOI
- 10 NHỮNG QUÝ ÔNG GESTAPO
- 11 KẼ ẨN NÁU
- 12 NHỮNG ANH HÙNG GIÀ NUA

PHẦN HAI

- 13 CÔ GÁI VÀ CẢNH SÁT TRƯỞNG
- 14 HAI LÒNG ĐỎ TRONG MỘT QUẢ TRỨNG
- 15 CHÚ NGỰA NHỎ BẤT KHAM
- 16 CÔ
- 17 HẸN HÒ
- 18 BA KẼ TẮM HỒ
- 19 KẼ PHẢN BỘI TỔ ONG
- 20 PHỐ THIÊN ĐƯỜNG

21 ROMEO VÀ JULIET

22 CÁI BÃY

23 NGÀY TẬN THẾ CỦA LŨ CHUỘT

PHẦN BA

24 KẼ SỐNG SỐT

25 TIA SÁNG TRÊN NHỮNG NGỌN SÓNG

26 CHUYỆN NGỒI LÊ ĐÔI MÁCH CỦA QUỶ BELZEBUTH

27 TRẢ THÙ

28 KẼ TRỘM NGỰA

29 QUỶ BÀ VICTORIA

30 QUỶ ĐẠO CỦA NHỮNG BÔNG TUYẾT

31 CON ĐƯỜNG MÁU

32 CUỘC ĐI SĂN Ở SCOTLAND

33 THẾ GIỚI BỊ NHẤN CHÌM